NĂM THỨ MƯỜI TÁM • # 212 • DECEMBER 2006

THẾ KỶ 21

14775 MORAN STREET WESTMINSTER CA 92683 - USA
EMAIL: theky21@tapchitheky21.com
Đ.T. TRỊ SỰ: (714) 892-9414 EXT. 141
TOÀ SOẠN: (714) 839-8746

NHỮNG NGÀY Ở BA LAN ▪ **NGÔ NHÂN DỤNG**

GIA VỊ TUỔI GIÀ ▪ **TÚY HỒNG**

CHỮ HẠNH ▪ **NGÔ NGUYÊN DŨNG**

THẾ GIỚI TRONG TẦM TAY

RADIOVNCR.COM with VIDEO

Quảng cáo trên RADIOVNCR.COM sẽ đưa những dịch vụ và sản phẩm của quý vị đi khắp thế giới nhanh chóng và hữu hiệu.

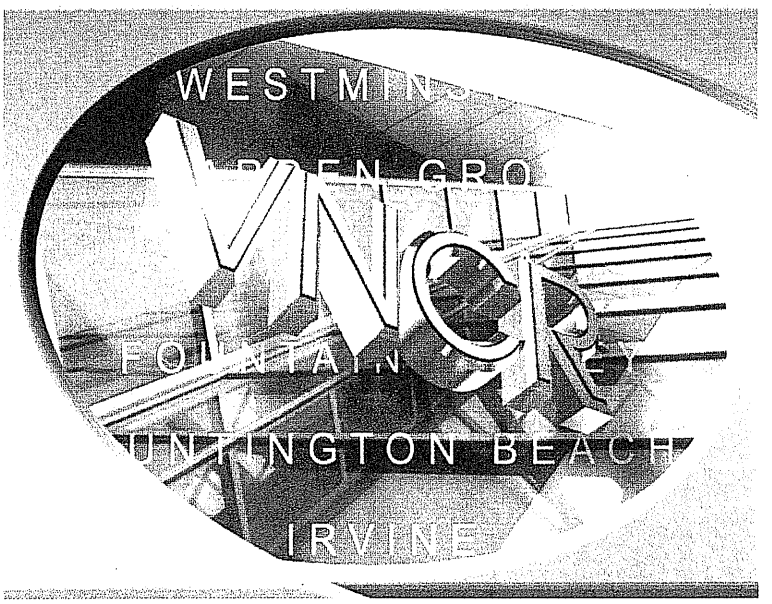

***RADIOVNCR.COM** đặc biệt thông tin qua VIDEO*
phóng sự và phỏng vấn hấp dẫn, linh động.
Nội dung website phong phú, hình thức lôi cuốn,
thu hút người xem trên khắp thế giới.

ĐẸP MẮT! NHANH CHÓNG! HỮU HIỆU!
QUẢNG CÁO NGAY TRÊN
WWW.RADIOVNCR.COM

RADIOVNCR.COM chú trọng đến những dịch vụ về âm nhạc, giải trí, thương mại toàn cầu, thông báo cá nhân/gia đình liên quan đến quan, hôn, tang, tế.

Nhận làm và bảo trì websites cho các cơ sở thương mại.

Liên lạc VNCR (714) 891-8142 để biết thêm chi tiết.

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

LỊCH SỬ KHÁNG CHIẾN VIỆT NAM
NGUYỄN PHÚC LIÊN
& NGUYỄN QUANG HIỆP

Theo các tác giả, lý do thúc đẩy để các ông viết cuốn sách này có tính cách tình cảm. Sống xa đất nước lâu ngày, cảm thấy đất nước, nòi giống trở thành quý hóa thực sự, chứ không phải những quan niệm trong sách vở. Chính tình cảm này đã khiến các tác giả sưu tầm tài liệu để ôn lại các trang sử đấu tranh giữ nước của dân tộc Việt Nam từ thuở xa xưa cho đến cận đại, và cống hiến độc giả tác phẩm này. Giá 20 Mỹ kim.

GIẢM THIỂU NỖI ĐAU
PHAN BÁ KỲ

Tác giả, Tiến sĩ khoa Tâm Lý, đã quan sát người Việt Nam và thấy rằng chúng ta là một tập thể có quá nhiều đau khổ. Ông dùng khả năng chuyên môn tâm lý của mình để phanh phui những nỗi đau đến từ những cuộc xâm lăng của ngoại nhân trên đất nước Việt Nam, những nỗi đau đến từ chế độ dã man cộng sản, và gần đây, những cảnh rùng rợn kinh người của những cuộc vượt biên... Ông đề nghị những phương pháp của khoa tâm lý học để chiến đấu làm vơi đi nỗi khổ của mỗi người. Giá 15 Mỹ kim.

TÌNH YÊU SAU CHIẾN TRANH
Chủ biên: WAYNE KARLIN
và HỒ ANH THÁI

Nguyên thủy, đây là một tuyển tập truyện ngắn của một số nhà văn tại Việt Nam sáng tác sau chiến tranh được dịch sang tiếng Anh, có tên Love after War, và được nhà Curbstone xuất bản ở Mỹ. Có một số dư luận ở Mỹ chú ý, ví dụ St. Petersburg Times: "... là một tuyển tập văn xuôi sinh động của những tác giả mà tác phẩm sánh với những gì hay nhất của văn chương thế giới." Nay cũng tuyển tập ấy lại được xuất bản trong nguyên tác tiếng Việt. Giá 20 Mỹ kim.

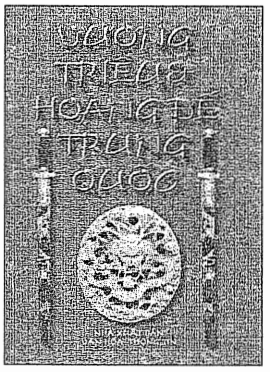

VƯƠNG TRIỀU VÀ HOÀNG ĐẾ TRUNG QUỐC
TRƯƠNG TỰ VĂN biên soạn. Các người dịch: Nguyễn Thanh Hà, Luyện Xuân Thu, Nguyễn Thị Dương, Trần Trọng Vân.

Cuốn sách này ghi lại quá trình hưng vong của các vương triều và các đời vua trong các vương triều (bao gồm cả việc xây dựng và di chuyển kinh thành) ở Trung Quốc. Tuy không có phần phân tích bàn luận về việc cai trị của các đời vua, chỉ nội một việc mô tả sự hưng thịnh và suy tàn của mỗi vương triều thì đã cả một sự hấp dẫn của cuốn sách. "Vương triều và Hoàng đế Trung Quốc" là một vấn đề vô cùng rộng lớn, nhưng quá trình hưng vong có thể cho người đọc hình ảnh một vương triều đã tồn tại như thế nào. Giá 15 Mỹ kim.

NHỮNG ỨNG XỬ TRONG XÃ HỘI TRUNG HOA CỔ XƯA
HƯƠNG GIANG biên soạn

Trung Hoa là một đất nước có lịch sử phát triển lâu đời với rất nhiều những biến đổi thăng trầm. Chính sự phát triển đó đã tạo nên một nền văn hóa đậm đà bản sắc, mà rõ nét là cách ứng xử văn hóa của người Trung Hoa đối với tự nhiên, xã hội và con người. Lâu đời, những ứng xử văn hóa đó được hoàn thiện và thành phong cách tiêu biểu đặc trưng cho dân tộc Trung Hoa mà cuốn sách này có tham vọng giới thiệu phần nào. Giá 11.50 Mỹ kim

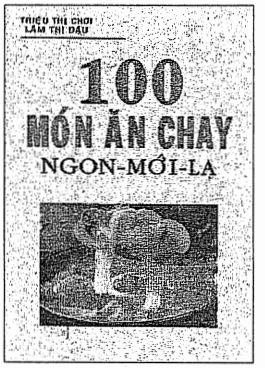

100 MÓN ĂN CHAY NGON MỚI LẠ
TRIỆU THỊ CHƠI, LÂM THỊ DẬU

Phong trào ăn chay ngày càng bành trướng, vừa vì lý do tôn giáo, vừa vì lý do sức khỏe. Các hiệu ăn chay phát triển nhiều, và trong mỗi gia đình việc nấu món chay cũng được thực hiện thường xuyên. Nhưng nấu món chay thì ít người biết cách làm ra những món lạ và ngon, vì chỉ quanh quẩn với đậu hủ và rau cải mà không biết cách biến chế. Cuốn sách này sẽ giúp cho việc nấu món chay phong phú và ngon miệng. Giá 10 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 – USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí **THẾ KỶ 21**
14775 Moran Street, Westminster, CA 92683 - USA
Tel: (714) 892-9414 Ext. 141
Email:Theky21@tapchitheky21.com

PHIẾU ĐẶT MUA / GIA HẠN / TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận / Full name: _____

Địa chỉ / Address: _____

_____

Phone / Fax / E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: _____

Số tiền / Amount: _____

Thời hạn mua: Từ số _____ đến số _____

	1 năm / 1 year	2 năm / 2 years	Ghi chú / Notes
Hạng nhất / First Class	**US $76.00**	**US $145.00**	
Canada	**US $80.00**	**US $155.00**	
Châu Âu / Europe (Air Mail)	**US $109.00**	**US $210.00**	
Châu Á, Châu Úc / Asia, Australia (Air Mail)	**US $115.00**	**US $225.00**	

Ghi chú: ***Giá mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2006 (Effective April 1, 2006)***

Đã phát hành:

Dòng Sử Việt

Chuyên sưu tầm, nghiên cứu, và quảng bá lịch sử Việt Nam

Chủ biên: Trần Anh Tuấn

. Tiếp nối truyền thống *Tập San Sử Địa* tại quê nhà trước năm 1975.
. Chủ nhiệm & chủ bút: Trần Anh Tuấn, cựu giáo sư Ban Sử ĐHVK Sài gòn, cựu thư-viện-trưởng Thư Viện Hội Société des Études Indochinoises Saigon, giáo sư đại học cộng đồng College of Alameda, California.
. Ban Biên Tập: Lâm Văn Bé, Phạm Cao Dương, Bùi Minh Đức, Nguyễn Khắc Kham, Huỳnh Văn Lang, Mai Liệu, Đặng Phương Nghi, Nguyễn Kỳ Phong, Hà Mai Phương, Lâm Vĩnh Thế, Trương Toại, Tạ Chí Đại Trường, Trần Anh Tuấn, Nguyễn Thượng Vũ...
. Số Ra Mắt (tháng 9-11 năm 2006) với các bài: *Đời sống thường nhật xứ Đàng Trong thế kỷ XVII* (Cristoforo Borri), *Năm 1724 Chúa Trịnh Cương ra đề thi...* (Hà Mai Phương), *Một nét đặc thù của người Việt thế kỷ XV qua gốm cổ* (Trần Anh Tuấn), *Sáu mươi năm nhìn lại...* (Phạm Cao Dương), *Đã hơn 30 năm rồi!* (Huỳnh văn Lang), *Bệnh trạng và cái chết của Nguyễn Văn Tường* (Bùi Minh Đức), *Tổng lược 25 năm Hướng Đạo Việt Nam tại hải ngoại* (Mai Liệu), ...
. *Dòng Sử Việt* xuất bản mỗi ba tháng, khổ 18cm x 27cm. Giá mỗi số $10.00 (kể cả cước phí hạng nhất trong nội địa Hoa Kỳ)
. *Dòng Sử Việt* sẽ chỉ phát hành qua Bưu Điện, và bầy bán ở hai nhà sách tại California (nhà sách *Tự Do*, San Jose và nhà sách *Văn Khoa*, Westminster)
. Liên lạc bài vở: Trần Anh Tuấn
. Ngân chi phiếu xin đề: Nhu N. Tran

P. O. Box 1413, Alameda, CA 94501 USA
Điện thoại: (510) 865-9276 h. (nhắn lại)
(510) 220-1535 c.
Điện thư: att411@comcast.net

SÁCH MỚI

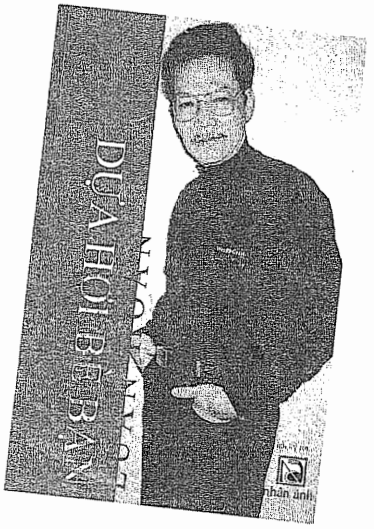

DỰA HƠI BÈ BẠN
LUÂN HOÁN
Hồi ký về bạn bè văn nghệ
Nhân Ảnh xuất bản
11351 Armand Lavergne
Montreal North H1H 5W3, Canada
Tel: (514) 325-6409
E-mail: lebao_hoang@yahoo.com

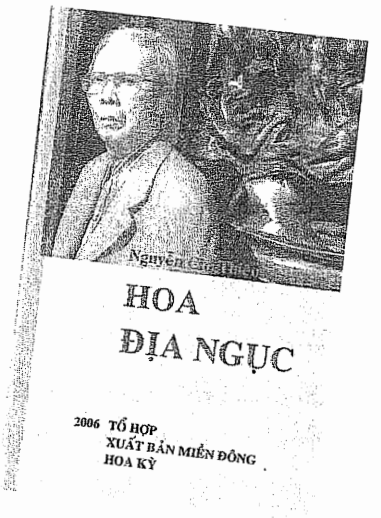

HOA ĐỊA NGỤC
NGUYỄN CHÍ THIỆN
Toàn bộ 30 năm thơ tù của Nguyễn Chí Thiện
Tổ hợp Xuất bản Miền Đông Hoa Kỳ
2607 Military Road, Arlington, VA 22207 USA
Tel: (703) 525-4538
E-mail: canhnam@dc.net

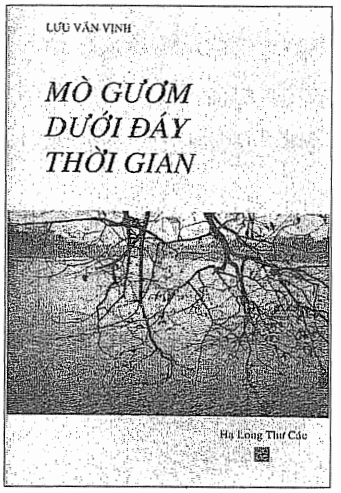

MÒ GƯƠM
DƯỚI ĐÁY THỜI GIAN
Tùy bút LƯU VĂN VỊNH
Hạ Long Thư Các xuất bản
E-mail: luuvanvinh@yahoo.com

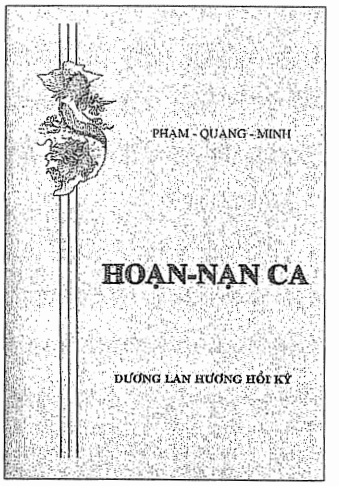

HOẠN NẠN CA
PHẠM QUANG MINH
hay "Dương Lan Hương hồi ký"
gồm 6300 câu theo thể lục bát,
ghi lại những bi thương hãi hùng
của dân tộc trong suốt
giai đoạn chiến tranh vừa qua.

TÌM ĐỌC HAI TÁC PHẨM MỚI CỦA **SONG THAO**

NHÂN ẢNH xuất bản

CHỐN CŨ
Tập Truyện

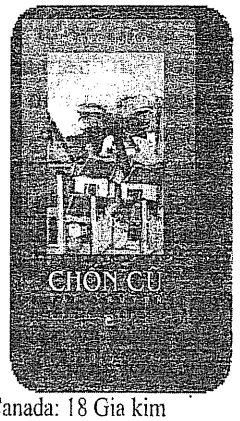

Canada: 18 Gia kim
Hoa Kỳ: 17 Mỹ kim
Các nước khác: 22 Mỹ kim

Sách có chữ ký của tác giả, xin liên lạc về:

Tạ Trung Sơn

7805 Claire Fauteux, #1

Montréal, P.Q., H1K 5B6

Điện thoại: **(514) 354-5338**

Email: **tatrungson@hotmail.com**

Ấn phí (bao gồm luôn cước phí):

Canada và Hoa Kỳ: chi phiếu hoặc money order

Các nước khác: money order hoặc Pay Pal

Chi phiếu hoặc money order xin đề tên: TẠ TRUNG SƠN

Phiếm 3

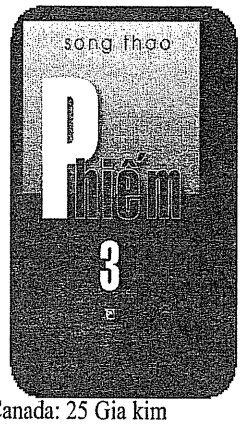

Canada: 25 Gia kim
Hoa Kỳ: 22 Mỹ kim
Các nước khác: 30 Mỹ kim

TRẦN MỘNG TÚ - TÁC PHẨM MỚI NHẤT

Đã đọc thơ Trần Mộng Tú, xin mời đọc văn Trần Mộng Tú trong tác phẩm mới nhất xuất bản mùa Thu 2006:

MƯA SÀI GÒN MƯA SEATTLE

Mưa Sài Gòn Mưa Seattle gồm 27 *đoản văn, kývà tản mạn* ghi lại những xúc động bất chợt đời thường; những ý nghĩ giữa một đêm khó ngủ; những ngày mưa, ngày nắng đứng ngơ ngác giữa phố người; những bất ngờ phải ứng xử ở nơi làm việc; những giao tình giữa mình với người cùng quê; với người khác xứ; những chuyến trở về tắm lại trong dòng sông cũ, những giọt lệ giấu kín và những tiếng cười phô ra.

MƯA SÀI GÒN MƯA SEATTLE,
Trần Mộng Tú
nhà xuất bản Văn Mới,
California, Hoa Kỳ 2006
Đã có bán tại các hiệu sách.
Muốn có sách với chữ ký của tác giả,
xin liên lạc
email: tran_mong_tu@hotmail.com

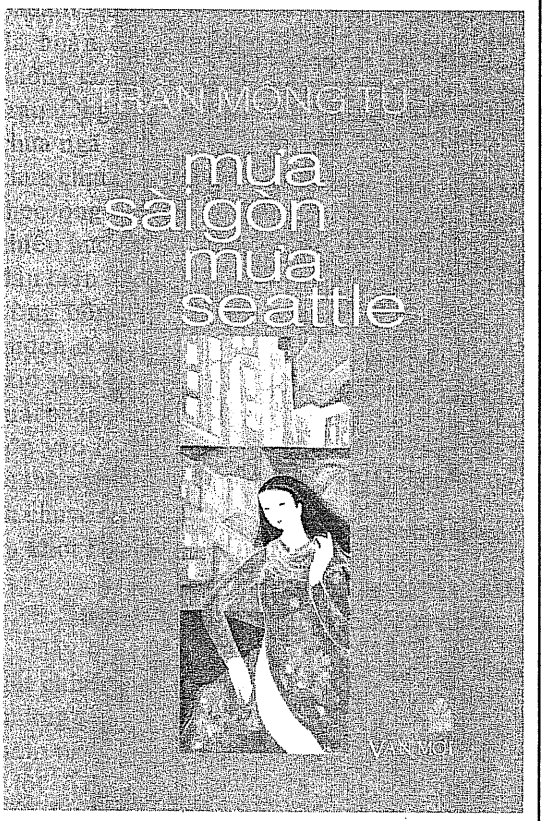

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: Tòa Soạn: (714) 839-8746
Trị sự: (714) 892-9414 Ext. 141
E-mail: **theky21@tapchitheky21.com**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-2004)
Đỗ Việt Anh (2005-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
(714) 891-8142
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 462-8235

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: *Cellist*, sơn dầu, 24 x 30", 2003 của họa sĩ **Đinh Cường**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Đinh Cường, Nguyễn Thị Hợp**
Hí họa: **Babui**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: tư liệu

MỤC LỤC

Số 212 – Tháng Mười Hai 2006

KINH TẾ – CHÍNH TRỊ – THỜI SỰ
9. Những ngày ở Ba Lan – **Ngô Nhân Dụng**
16. Robert Gates, Tân Tổng trưởng Quốc phòng – **Mai Loan**
25. Bầu cử giữa nhiệm kỳ: Ngọn triều mới? – **Cổ Lũy**
35. Sửa sai – **Hoàng Văn Chí**
41. Qua những sai lầm trong CCRĐ – Xây dựng quan điểm lãnh đạo – **Nguyễn Mạnh Tường**

TIỂU LUẬN
47. Tính uy-mua và nghệ thuật trong thơ Cao Tần – **Đặng Tiến**
52. Giương cao cờ đỏ – **Lê Lô**
74. Hiện tượng chống Mỹ – **Trần Hữu Thục**

VĂN
66. Chữ hạnh – **Ngô Nguyên Dũng**
85. Gia vị tuổi già – **Túy Hồng**
97. Khoảng tối – **Hà Đạo Hàm**
106. Tìm con – **Phạm Thành Châu**
109. Salut, Vietnam – **Nguyễn Đức Tường**

THƠ
49. Tùy bút mùa thu – **Đỗ Thì Kênh G.** 69. Khung trời mùa đông – **Lý Thừa Nghiệp.** 88. Tôi vẫn đợi – **Tuệ Sĩ.** 100. Ngàn thu quanh em – **Thái Anh Duy.** 115. Lá rơi – **Hoàng Huy Khánh.**

MỤC THƯỜNG LỆ
7. Bạn đọc viết
8. Tòa soạn và Bạn đọc
Thư Trị Sự
59. Trang chuyện phiếm – **Song Thao**

Những vụ án chưa xử

Tạp chí *Thế Kỷ 21*, số tháng 11 năm 2006, với chủ đề về Cải Cách Ruộng Đất đã mang đến cho độc giả nhiều bài viết giá trị, của những tác giả khả tín. Trước đây không lâu, vào tháng 5 năm 2006, đài RFA (Á châu Tự do) cũng cho phát thanh một loạt bài biên soạn rất công phu của phóng viên Nguyễn An về vấn đề này. Theo thiển ý, cùng với đài Á châu Tự do, quý báo đã khởi sự một việc làm cần thiết.

Họa Cộng sản sẽ qua và sắp qua, ở Việt Nam. Mai hậu, khi đất nước ở vào tình trạng ổn định, và khi điều kiện cho phép, tôi tin rằng chúng ta cần có nhiều tiểu ban để tiếp tục thu thập tài liệu về vụ Cải Cách Ruộng Đất, vụ Nhân Văn Giai Phẩm, vụ Xét Lại, vụ Mậu Thân, vụ Cải Tạo Công Thương Nghiệp, vụ Học Tập Mười Ngày, vụ Bán Bãi Thu Vàng Cho người Vượt Biên, vụ Tịch Thu Tài Sản Của Thành Phần Tư Bản v.v... Đây là những vụ án chưa xử, và bắt buộc phải xử, của cả dân tộc Việt.

Việc truy thù, báo oán thì hoàn toàn không cần (và cũng không nên), nhưng chuyện quá khứ cần phải được thanh thỏa để chúng ta đều có thể cảm thấy nhẹ lòng, và an tâm hơn, khi hướng đến tương lai.

Tưởng Năng Tiến
(San Jose CA)

Gia đình tôi trong Cải cách ruộng đất

Làng Bích Tràng thuộc xã Tiền Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên là một ngôi làng nhỏ bé, hiền hòa cũng phải hứng chịu tai họa cải cách ruộng đất. Gia đình tôi là nạn nhân đầu tiên. Tuy nhiên, việc đấu tố diễn ra trong giai đoạn đầu tiên và vào thời gian đó tỉnh lỵ hưng Yên vẫn còn nằm trong vòng quản trị cuả chính quyền quốc gia (trong Liên Hiệp Pháp), nhất là nhờ tình nghĩa của dân làng tôi mà gia đình tôi gặp may.

Đêm trước ngày đấu tố, ông Duyên, Chủ tịch Xã, người đã được Bà Nội tôi cứu giúp và nhận làm con nuôi, lén đến gặp Bà tôi và nói: "Ngày mai họ sẽ đem cụ ra đấu. Xin cụ cứ im lặng và nhận hết những gì họ buộc và xin khoan hồng vì tuổi già, cũng như đổ hết tội cho hai cô." Ông Duyên cũng còn bảo hai Cô của tôi (Cô Kích và cô Chánh Tự) trốn đi bằng không sẽ bị đấu chết!

Hôm sau Bà tôi bị đấu trước đình làng. Không bị trói, nhưng phải quỳ và ăn mấy cái tát để nghe đấu. Toà án nhân dân xét rằng bà tôi đã già và mọi tội đều do các cô của tôi nên tạm tha và giam lỏng ở nhà. Ông Duyên đã cấp giấy cho Bà tôi để lên Hà Nội gọi Bố tôi về. Sau đó Mẹ tôi cũng lén cõng ông tôi (đang ốm nặng nên không bị đấu), cùng đưa tôi trốn về Thị xã Hưng Yên. Ông tôi, Cụ Nguyễn Đăng Nghệ đã chết ở đây trước khi gia đình tôi ra được Hải Phòng để di cư vào Nam. Chỉ còn các chú và cô con bà hai và bà ba của ông tôi là còn ở lại. Ngày 30-4-1975, bà tôi, khi ấy đã lòa, nghe radio và lo sợ hỏi tôi: "Quân ông Hồ vào rồi à? Thế thì chết!!" Bà tôi héo hắt dần và qua đời vào đầu năm 1976 hưởng thọ 98 tuổi. Khi đó tôi đang ở tù tại Long Thành!

Sau này ông Duyên bị xử bắn vì bị quy là Quốc Dân Đảng và còn có thể do đã giúp gia đình tôi. Ngoài ra một người bác họ tôi, ông Vũ Văn Cột, một đảng Viên CS cùng thời với ông Hoàng Quốc Việt cũng bị đày đi Lý Bá Sơ vì liên quan địa chủ. Đến đợt sửa sai Bá tôi được tha về sống cuộc đời nghèo nàn cho đến khi qua đời vào năm 1956.

Còn ông Duyên được phục hồi danh dự. Người con độc nhất được cử làm bí thư xã. Và được chia phần rộng nhất căn nhà của ông bà tôi.

Năm 1992, trước khi di cư sang Hoa Kỳ theo diện HO, tôi về thăm làng. Tôi rất ngạc nhiên và cảm động khi thấy Bà Duyên (mẹ của Bí Thư Xã) vẫn thờ Ông Bà tôi. Bà ôm tôi khóc và hỏi tôi ngày mất của Bà tôi để giỗ chạp!

Đây là câu truyện có thật mà Bà tôi khi còn sống thường kể cho tôi để nhắc nhở tôi nhớ ơn ông Duyên. Tôi xin kể lại với tên thật của các nhân vật.

Nguyễn Thế Viên
(Seattle, WA)

Số đặc biệt về Cải Cách Ruộng Đất

Tạp Chí *Thế Kỷ 21* số tháng 11/2006 với chủ đề Cải Cách Ruộng Đất là một kỳ báo rất hay và rất đáng làm. Trước hết, *đáng làm* là vì những tội ác diễn ra trong cái giai đoạn đảng cộng sản Việt Nam thực hiện sự khủng bố có tổ chức - mà họ gọi là Cải Cách Ruộng Đất - để dễ bề cai trị độc đoán một nửa đất nước về phía Bắc cần được kể lại trong một số đặc biệt dành riêng cho chủ đề này, chứ một bài viết lẻ loi, xuất hiện tình cờ trên một tạp chí, một đặc san đăng tải hằng bao nhiêu đề tài hỗn tạp thì khó gây chú ý của người đọc và không thể đề cập các sự việc một cách rốt ráo được. *Thế Kỷ 21* đã làm công việc thiết thực này. Lịch sử là những gì cũ, xưa,

nhưng có những cái cũ xưa cần phục hồi lại, hay cần nhắc lại, vì lợi ích của nhân loại. Tội ác của người Cộng sản Việt Nam trong vụ Cải Cách Ruộng Đất ở miền Bắc năm 1956 không phải là tội giết người ở mức phạm pháp hình sự, mà là tội ác đối với con người, với nhân loại. Các thế hệ hôm nay và mai sau của nhân loại phải hành động sao cho "lịch sử không nhất thiết là một sự tái diễn!" Kế đến, *một kỳ báo rất hay* vì nội dung phong phú, sống động. Từ những bài tường trình, nhận định, phân tích, những chứng tích, đến những hồi ức, sáng tác văn học, tất cả đều xoay quanh chủ đề Cải Cách Ruộng Đất một cách nhịp nhàng, và toát ra một sức truyền cảm hiếm có.

Ha Dinh Nguyen
(Philadelphia, PA)

Thư gửi tác giả bài "XYZ, ông là ai?"

Maisons Laffitte, ngày 7 tháng 11 năm 2006

Thân gửi anh Trần Tử Thanh,

Xin phép dùng lời lẽ thân mật nói với Anh, tuy mình chưa có dịp gặp nhau bao giờ. Bài "XYZ, ông là ai?" trong báo *Thế Kỷ 21* số vừa qua, nhắc lại chuyện Bác cộng tác với tờ Thời Luận của Ông Cụ tôi (ông Nghiêm Xuân Thiện), làm tôi cảm động nhớ lại thời xưa. Bao nhiêu năm rồi đó, mà tưởng vẫn như mới ngày hôm qua, hay hôm kia... Nhìn ảnh Bác trẻ hơn mình bây giờ mới thấy thời gian đã đi quá nhanh. Ông Cụ tôi cũng đã từ trần, mới được ba năm, thọ ngoài chín mươi, sau hơn hai mươi năm trú ngụ tại Berlin.

Bác với Ông Cụ chính là người đồng chí. Tuy không vào đảng nhưng Ông Cụ luôn luôn nói đến "anh em Quốc Dân Đảng." Những năm tranh đấu chống thực dân Cụ dựa nhiều vào Việt Nam Quốc Dân Đảng. Năm 1948-1949 làm Tổng Trấn Bắc Phần, các đồn xung quanh Hà Nội đều cho nghĩa quân Việt Nam Quốc Dân Đảng đóng giữ. Sau người Pháp phải tước khí giới các đồn đó rồi mới dám cho Nguyễn Hữu Trí về làm Thủ Hiến. Nhưng đặc biệt hồi đó có ông Nhượng Tống, gần như hôm nào cũng ăn cơm trưa làm việc với Ông Cụ trong phủ Tổng Trấn, sau bị tay sai của thực dân ám sát. Tôi muốn anh em mình luôn luôn nhớ đến ông.

Hồi cùng Bác chống độc tài Ngô Đình Diệm, vào tù ra khám mấy lần, nhìn lại, có lẽ lại là thời Ông Cụ sung sướng nhất. Hồi bấy giờ có kẻ địch để chống, có nguy hiểm để coi thường. Ở bên này, tôi có gặp các giới ngoại quốc, họ bảo sao có một nhóm đối lập mà cứ thản nhiên công kích chính phủ như vậy trong khi mọi người đều run sợ. Sau khi ông Diệm đổ, Ông Cụ sang Ấn Độ, có ông nhà báo Mỹ không nhớ gặp ở đâu nữa, bỗng dưng chạy lại ôm chầm lấy, nói rằng "Mừng quá, tôi không ngờ ông còn sống!"

Sau đó cuộc đời tẻ nhạt. Chống Cộng, người dân chẳng có phương tiện để làm gì. Chẳng bao lâu sau Việt Cộng vào, bị kẹt ở Sài Gòn mấy năm, rồi được chính phủ Đức bảo lãnh sang Berlin. Bác không có cái may đó. Đó cũng là điều làm những người yêu chuộng công bằng phải phẫn nộ.

Thân chúc Anh cùng gia quyến được bình yên vui mạnh.

Nghiêm Phong Tuấn
(Pháp Quốc)

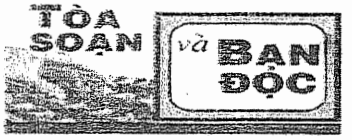

Thưa quý độc giả và văn hữu,

Số báo này, tháng 12 năm 2006, là số báo Tất niên của năm tây lẫn năm ta.. Sau số này là số Xuân, sẽ phát hành vào trung tuần tháng Giêng năm 2007. Bài vở cho số Xuân được tiếp tục nhận cho đến cuối tháng 12.2006.

Theo lệ thường, những nợ nần của năm cũ nên thanh toán hết trước khi bước sang năm mới. "Nợ nần" của Thế Kỷ 21 chỉ có nghĩa là các bài vở còn dây dưa chưa được đăng hết, vì thế trong số báo cuối năm này xin mời quý vị thưởng thức nốt những gì quý vị đã xem mà chưa hoàn tất từ các số trước.

Thân chúc quý độc giả và văn hữu những ngày lễ lạc cuối và đầu năm tây tưng bừng vui vẻ. Còn về phần Tết ta đón mừng Xuân Mới sắp tới, chúng ta sẽ gặp nhau vào số Xuân Đinh Hợi 2007.

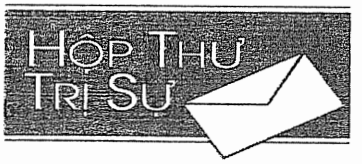

Độc Giả Mới

Dương Hồng Huân – Sweden; Vinh-De Nguyen – Canada; Hung Cao Nguyen – VA; Nguyễn Văn Cường – VA.

Độc Giả Gia Hạn

Hoang Phuong - MI, Salt Lake City Pub Lib - UT; Library South - CA; Salem Public Lib - OR; Los Angeles Pub Lib - CA; Chinatown Branch Lib - CA; Canoga Park Br Lib - CA; Lincoln Hgts Pub Lib - CA; Pomona Pub Lib - CA; Columbia Library - WA; INTL District Lib - WA; Biblio Interculturelle De - Canada; Biblio Ville Montreal - Canada; Australian National University Library - Australia; Wyoming Br Lib - MI; San Jose Public Lib - CA; Milpitas Comm Lib - CA; Nguyen Khanh Tho - CA; Đinh Cường - VA; Duy Nguyễn - NV; Tru Van Nguyen - AZ; Nguyen Thi Chinh - CA; Dao Hoa - CA; Du Tran - TX; Pham Nguyen Hong - CA; Huyen Dinh - NM; Loerenskog Bibliotek – Norway.

Độc Giả Thay Đổi Địa Chỉ

Đỗ Văn Nhân – IL; Nguyen Khanh Tho – CA; Hoang Tan – CA.

NHỮNG NGÀY Ở BA LAN

NGÔ NHÂN DUNG

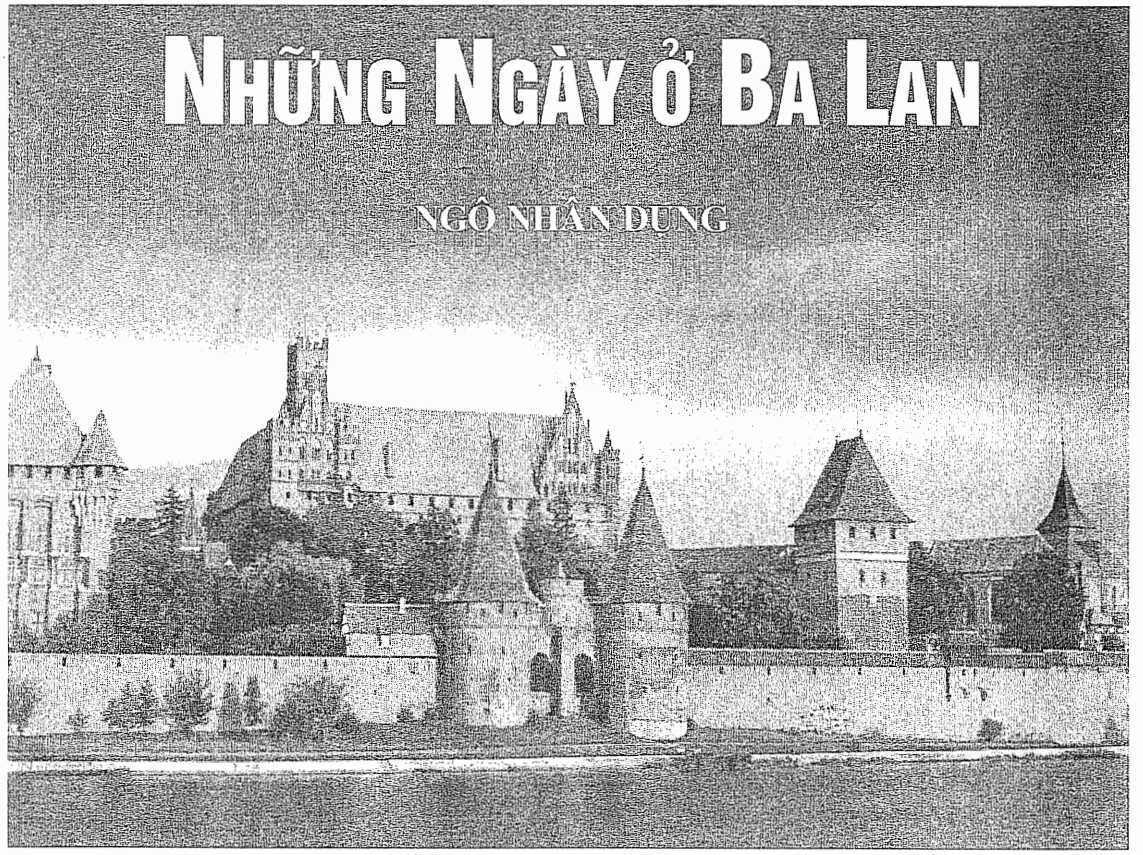

Những giòng sông của những quê hương

Đối với nhiều con sông, chúng ta rất dễ phải lòng dù chưa gặp mặt, giống như, "Tai nghe tuy mắt chưa nhìn" mà đã yêu mất rồi. Nghe bài thơ giao hưởng *Ma Vlast* của Smetana chẳng hạn. Đoạn đầu ông viết về giòng sông Vltava chẩy qua nước Tiệp, tức Cộng Hòa Séc. Nghe đi nghe lại, những tiếng thì thầm khi giòng sông chỉ là những con suối nhỏ róc rách tuôn qua những vùng núi non, tới khi nhạc điệu oà lên dào dạt mênh mông, ôi chao, không cách nào mà lòng không cảm động rưng rưng. Đến đoạn cuối của chương đầu, con sông trào ra cuồn cuộn như nối tiếp theo những điệu vũ của đám dân quê yêu đời, phải tự hỏi một đất nước, một dân tộc phải như thế nào mới sinh ra được những con người yêu nước như vậy. Yêu nước cũng là yêu sông. Có lần tôi đi Xiêng Khoảng, bên Lào, trên đường gặp một cặp người Tiệp trẻ tuổi cũng đi du lịch bằng xe đò, tôi huýt sáo bắt chước điệu nhạc chính của giòng sông Vltava như Smetana kể, mặt người thanh niên rạng rỡ, anh khoe với cô bạn: "Coi này! Ở đây cũng có đứa nó biết Smetana!" Tôi đã đến thủ đô Praha bốn lần, nhưng thế nào cũng sẽ phải thăm nước Tiệp nhiều lần nữa, lâu ngày hơn, được đi thăm con sông từ nguồn cội chan hòa, để nghe nhạc Smetana thấm thía hơn.

Tôi phải kể tiếp chuyện tình của tôi với con sông chẩy qua thành phố Warszawa. Người Ba Lan gọi thủ đô của họ là Vác Xa Va, đọc chữ W như người mình đọc chữ V; người Pháp viết thành Varsovie, người Anh viết là Varsaw. Tôi được biết tên con sông qua tiểu thuyết của Isaac Bashevie Singer, dịch sang tiếng Anh. Nhân vật của ông thường sống gần con sông viết là Vistula. Những cặp tình nhân đi dạo trên bờ sông Vistula. Người đồ tể chán ghét nghề sát sinh giết gà giết ngỗng, buổi sáng anh bỏ nhà ra đi, bước ra ngoài cánh đồng, trước mặt anh, bên kia con sông Vistula mặt trời đang mọc, dòng sông đỏ như toàn những máu. Có những cuộc tàn sát polgrom khiến nhiều người Do Thái chạy qua sông Vistula tìm nơi trú ẩn. Tên con sông Vistula nằm mãi trong đầu, một bữa, đang ở Canada, tôi hỏi một người Ba Lan cái con sông Vistula nó thế nào. Anh ta không hiểu gì hết. Viết tên trên giấy cho anh đọc, vẫn không biết. Nước anh không có con sông nào viết tên như vậy cả.

Vậy con sông lớn nhất chảy qua Warszawa tên là gì? Là Uýt Xua, viết là Wisla. Nếu vậy chắc là nó đấy, người Anh đã viết theo lối tưởng tượng của họ, viết sai mà đọc lên cũng không cách nào đúng được!

Lần đầu tới Ba Lan, tôi được Cao Ngọc Quỳnh có lòng tốt dẫn đi coi những thắng cảnh, tới tận ngôi nhà Chopin ở miền quê; nhưng sau cùng tôi phải nói: Làm ơn cho tôi gặp con sông Vistula. Giống như đứa cháu tôi về Việt Nam lần đầu, nói với ông bác họ ở Hà Nội: Bác làm ơn cho cháu gặp "con châu!" Tội nghiệp, con bé cứ nghe bố nó kể hồi nhỏ đi chăn trâu, mà bố nó gọi là "châu," nên cháu tò mò muốn biết "con châu" mặt mũi ra sao. Cao Ngọc Quỳnh bảo: Hôm qua lúc đi thăm khu thành phố cổ, lúc đứng trên cao mình thấy con sông Wisla rồi. Thế có chán không?

Nếu có người về Việt Nam đòi đi Cà Mau coi giòng sông Trẹm, chỉ vì đã đọc tiểu thuyết Bên Giòng Sông Trẹm của Dương Hà, chắc cũng giống như tôi. Tới Huế thì phải tìm sông Hương, đến Wien chắc phải nhớ tới sông Danube (người bản xứ gọi là Donau nhưng cứ đọc tên Danube, theo lối tiếng Anh hay tiếng Pháp, ai cũng hiểu). Nhiều người đến Paris đòi đi thăm cầu Mirabeau, ngạc nhiên: Ông Apollinaire ông ấy viết những câu thơ diễm lệ về cây cầu này đấy à?

Nhưng một giòng sông thường dài lắm, cái tiểu sử của nó thường cũng là lịch sử một sắc dân, một quốc gia. Năm nay tôi tới Ba Lan được Ngô Văn Tưởng đưa vượt qua sông Wisla mấy lần, rồi sau lại có dịp đi về tận thành phố Krakow, thuộc vùng phát xuất của con sông này. Sông Wisla chẩy từ miền Nam lên miền bắc nước Ba Lan, sau cùng đổ ra Vịnh Gdanska, nơi có thành phố Gdansk, nơi phát khởi Công đoàn Đoàn kết, Solidarnos. Trên chuyến xe lửa đi Krakow, tôi gặp một cậu trai 18 tuổi mới đi du lịch cả tháng đảo Cyprus về. Tôi khen ngợi cảnh vật hai bên đường rày, nhưng đồi núi thoai thoải lượng sóng với những thôn làng rải rác nhoi lên các nóc nhà thờ giữa vùng cây cỏ. Cậu cho tôi biết con sông Wisla (nhớ, đọc như là Uýt Xua) uốn khúc chẩy quanh lúc đầu theo hướng Nam, qua Krakow thì vòng lên phía Bắc. Cậu tâm sự: Chưa thấy nơi nào đẹp như quê tôi. Tôi đã đi xa nhà cả tháng trời, nhớ nhà quá. Mẹ tôi đang chờ tôi về. Về tới Krakow, cậu còn phải đi một chuyến xe lửa ba chục cây số nữa mới tới làng. Cậu đang chờ tối hôm nay sẽ được má nấu cho ăn một bữa cơm đặc biệt. Cậu cho tôi biết ở Krakow năm nay mới tổ chức một chuyến đi thăm những địa danh được kể trong tiểu thuyết của Singer, vào mùa Hè, chắc họ sẽ tổ chức hàng năm. Ước chi được đi một chuyến như vậy. Bây giờ có ai ở Việt Nam tổ chức thăm Ba Mươi Sáu Phố Phường theo bước chân của Thạch Lam hay không? Đi một chuyến theo những bước chân phiêu dạt của cô Thúy Kiều, khi Vô Tích, khi Lâm Truy, thì lại phải sang Triết Giang, tới Hàng Châu, tốn tiền quá!

Krakow là một thành phố cổ kính, không bị chiến tranh tàn phá hết như Warszawa. Ngày xưa người Do Thái ở đây rất đông, bây giờ chỉ còn một giáo đường, khu phố Do Thái cũ chẳng còn dấu tích họ. Trong một quán cà phê nằm dưới một tòa nhà cổ ba trăm năm, tôi hỏi mấy cô chú bán hàng tại sao trên tường, chỗ cửa giữa hai phòng, lại có hình ngôi sao David sáu cánh giữa các hình trang trí khác. Họ không biết tại sao. Nhưng chủ nhà cũ, trước khi biến thành quán, là một người thợ đóng giầy. Biết đâu, đó chẳng là một người Do Thái thoát nạn Quốc xã nhờ được những người Ba Lan chung quanh hào hiệp giúp đỡ, che chở. Một nhân vật của Singer còn sống sót? Bây giờ ông ta còn sống không, đang ở đây hay di cư đi Israel rồi?

Bước vào ngôi nhà thờ chính ở Krakow, nơi đức giáo hoàng Gioan Phao Lồ đệ nhị đã từng làm tổng giám mục, thấy ngay một biển đề: Đây là nơi thờ phượng. Xin bước vào đây chỉ để cầu nguyện, đừng vào để viếng thăm. Ngày thứ nhì, tôi đi thăm trại tập trung của Đức Quốc xã ở Oswiecim, thường được biết dưới tên Auschwitz. Rồi đi tới làng Wadowice, thăm ngôi nhà nơi Giáo hoàng John Paul đã ra đời và sống suốt thời niên thiếu. Người lái xe cho chúng tôi suốt ngày thì không nói tiếng Anh hay tiếng Đức; mà tôi không biết tiếng Ba Lan. Nhưng anh bạn trẻ này chỉ chỏ, vẫy tay, ra dấu, đi chung với tôi một cuộc hành trình đầy cảm xúc. Đi qua những hình ảnh, dấu vết của cái ác, tới một nơi chan hòa tính thánh thiện. Tôi nhìn anh bằng tấm lòng biết ơn, thấy khuôn mặt chú bé này giống hệt hình Đức Giáo hoàng thời trai trẻ, chưa đi tu, một nét mặt Ba Lan tiêu biểu. Những chuyện đó chắc phải chờ khi khác kể. Vì chuyến đi Ba Lan của tôi lần này là để theo dõi một cuộc hội nghị về quyền lao động ở Việt Nam.

Công đoàn Độc lập Việt Nam ra đời

Một Công đoàn Độc lập Việt Nam đã tuyên

bố thành lập tại Hà Nội vào cuối tháng Mười, năm 2006. Công đoàn nêu mục đích "Bảo vệ các quyền lợi vật chất và tinh thần của giai cấp công nhân và người lao động Việt Nam." Ba người đứng tên đại diện của Công đoàn, các ông Nguyễn Khắc Toàn, Lê Trí Tuệ và Cao Văn Nhâm đã kêu gọi giới lao động Việt Nam tham gia, và yêu cầu các tổ chức lao động quốc tế công nhận và yểm trợ. Một cuộc hành trình mới bắt đầu cho người lao động ở nước ta.

Ba người trong Ban Đại Diện và 12 uỷ viên lâm thời đã trình diện trước công luận, từ nay guồng máy công an bảo vệ chế độ sẽ dùng phương cách đối phó quen thuộc đối với các tổ chức độc lập nằm ngoài quyền kiểm soát của đảng, là đàn áp thô bạo. Như họ đã tìm cách chèn ép Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất từ 30 năm qua. Chỉ vì quý vị tăng ni không chịu để cho quyền lực chính trị chen vào tôn giáo.

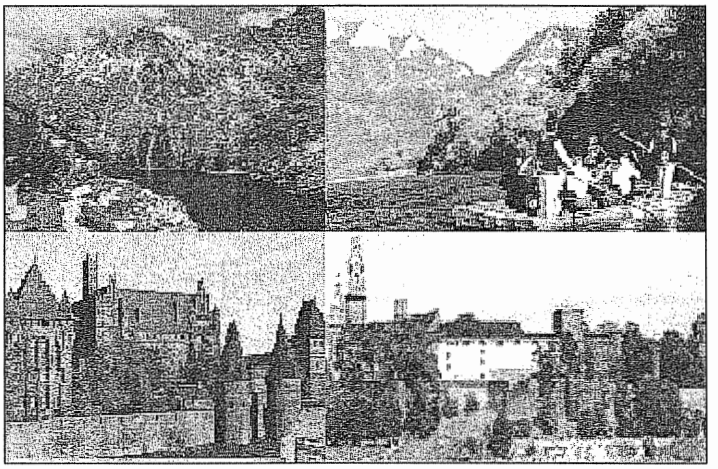

Cho tới nay, Giáo hội Phật giáo Thống nhất sở dĩ vẫn kiên cường, tiếp tục đòi phục hồi quyền sinh hoạt tự do, đó là nhờ chung quanh có các Phật tử. Cũng vậy, sức tranh đấu của Công đoàn Độc lập Việt Nam sẽ mạnh mẽ và bền bỉ hay không, điều này tuỳ thuộc vào khả năng thuyết phục và thu hút giới lao động trong nước của những người lãnh đạo công đoàn, những người đang can đảm xung phong đứng đầu sóng ngọn gió. Công đoàn Solidarnos phát sinh từ những cuộc đình công trong xưởng đóng tầu ở Gdansk, rồi dần dần lớn lên. Họ được các công nhân bảo vệ, được giới trí thức hỗ trợ, và giáo hội Công giáo Ba Lan bước theo từng bước. Ở Việt Nam, Công đoàn Độc lập còn phải phải bắt đầu trong tình thế khó hơn nhiều. Khi nào chúng ta thấy những nhóm công nhân ở một nhà máy, một công trường, hay một nông trại, tự động đứng lên đòi hỏi các quyền lợi cụ thể cho người lao động; khi nào thấy những nhóm công nhân tự tập họp trong một phong trào bột phát tìm đến liên kết với nhau, lúc đó chúng ta biết gió sắp chuyển thành bão.

Nếu ngay bây giờ đảng Cộng Sản muốn tỏ ra họ đủ tự tin và đủ can đảm thì họ nên tôn trọng quyền hoạt động tự do của Công đoàn Độc lập. Hãy để cho các công đoàn độc lập có dịp thi thố, tranh đua với Tổng Công đoàn Lao động của đảng, xem ai thực sự đem lại lợi ích cho các người lao động.

Kinh tế tư nhân đã thay đổi xã hội Việt Nam

Các chế độ cộng sản đều dựa trên một sự đồng thuận, là tất cả mọi người cùng sống giả dối để được yên thân. Đó là nguyên nhân gây nên cảnh suy đồi đạo lý. Trên báo Tiền Phong điện tử tháng trước, một nhà văn, ông Văn Chính đã gợi lại hình ảnh tiêu biểu của một xã hội cộng sản: "Ai cũng có việc làm nhưng không ai làm việc. Không ai làm việc nhưng ai cũng lãnh lương. Ai cũng có lương nhưng không ai đủ sống. Không ai đủ sống nhưng ai cũng vẫn sống được."

Làm sao vẫn sống được? Tất cả mọi người nhắm mắt chấp nhận ăn cắp là một hành vi bình thường. Đối với các quan chức cán bộ thì ăn cắp là một quyền lợi đương nhiên được hưởng, vì đảng đã tạo nên một "nền văn hoá phong bì," như ông Văn Chính gọi tên. Khi mọi người đồng thuận sống giả dối với nhau, chế độ sẽ vững bền mãi mãi. Đảng vừa làm chủ các xí nghiệp quốc doanh, lại vừa đóng vai đại biểu công đoàn, đó là một tấn tuồng giả dối tiêu biểu nhất.

Nhưng hoàn cảnh nước Việt Nam bây giờ đã thay đổi. Vì các nhà tư bản ngoại quốc đã được mời tới khai thác "sức lao động rẻ mạt" của công nhân Việt Nam. Các quan chức cộng sản và họ hàng, con cháu, bạn bè của họ thì tự biến mình thành các nhà tư bản nội địa. Vì tham gia việc "bóc lột giá trị thặng dư" có lời hơn ăn

cấp thuần tuý gấp bội.

Trong nước ta bây giờ có hai hệ thống xí nghiệp. Trong hệ thống quốc doanh thì đảng Cộng Sản vẫn nắm toàn quyền, vừa đóng vai chủ nhân vừa lãnh đạo công đoàn. Nhưng hầu hết các doanh nghiệp đó đều oặt oẹo, không đủ sức cạnh tranh sau khi Việt Nam được vào Tổ chức Thương Mại Thế giới WTO. Các xí nghiệp tư làm việc theo lối tư bản đã phát triển nhanh chóng, vì phong cách làm việc có hiệu quả kinh tế cao hơn lối làm ăn kiểu quốc doanh. Họ đóng góp hơn phân nửa sức sản xuất trong nước và nay mai sẵn sàng cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Nhưng sự có mặt của nền kinh tế tư bản còn gây ra những hậu quả khác, bất lợi cho giới công nhân.

Như lá thư ra mắt của Công đoàn Độc lập Việt Nam viết, chính sự có mặt của lực lượng tư bản ngoại quốc và tư bản nội địa này đã thay đổi hoàn toàn tương quan giữa giới lao động với giới chủ nhân và đảng Cộng Sản ở nước ta. Khi còn dùng hệ thống quốc doanh độc quyền, đảng Cộng Sản đóng vai chủ nhân cất cử các quản đốc xí nghiệp; và toàn quyền sai khiến các lãnh tụ công đoàn. Không ai dám đặt câu hỏi nào về cảnh mâu thuẫn và giả dối đó.

Sự có mặt của giới tư bản tư nhân đã khiến hệ thống cũ mất thế cân bằng. Tỷ trọng của "kinh tế tư bản" trong nền kinh tế Việt Nam ngày càng lên cao, kinh tế quốc doanh xuống dốc. Giới chủ nhân trong phần kinh tế tư bản cư xử theo đúng cung cách của các nhà tư bản khắp thế giới. Mục tiêu của họ là tối đa hoá doanh lợi.

Trong các nước tư bản tiến bộ nhờ chế độ dân chủ tự do thì mục tiêu tối đa hoá doanh lợi là đương nhiên, không ai coi là phi lý. Vì pháp luật trong các xã hội dân chủ tự do bảo đảm tất cả mọi người có quyền lo cho quyền lợi riêng của chính mình. Nhưng pháp luật dân chủ cũng hạn chế quyền của giới tư bản, để bảo vệ đức công bằng, không cho người mạnh dùng lợi thế bắt nạt kẻ yếu. Một trong các biện pháp bảo vệ đức công bằng trong xã hội tư bản là luật pháp công nhận mọi người lao động có quyền thành lập công đoàn của chính họ, cho chính họ, đối lập với quyền lợi giới chủ nhân, độc lập với quyền lực chính trị. Mọi người lao động có quyền tranh đấu, quyền đình công của họ được luật pháp bảo đảm.

Ở Việt Nam hiện nay không có, chưa có những luật lệ tiến bộ đó. Đảng Cộng Sản đã thực hiện 20 năm đổi mới, đã thay đổi hệ thống kinh tế, công nhận quyền sở hữu xí nghiệp tư, tôn trọng quyền kinh doanh của các chủ nhân. Trái lại, họ chưa hề thay đổi hệ thống pháp luật để bảo đảm quyền lợi của người lao động. Khi thay đổi luật thì việc thi hành cũng giả dối. Các nhà tư bản quốc tế có thể bắt buộc đảng Cộng Sản bãi bỏ các độc quyền kinh doanh nếu các chủ nhân thấy họ bị thiệt thòi vì các công ty quốc doanh cạnh tranh không công bằng. Nhưng đảng Cộng Sản vẫn giữ tất cả những thứ độc quyền khác, nếu giới tư bản nước ngoài chấp thuận. Trong đó, có độc quyền lập công đoàn của đảng. Ở đây, quyền lợi của đảng Cộng Sản và của các nhà tư bản phù hợp với nhau.

Đối với các vị chủ nhân tư bản thì quyền tự do lập công đoàn của giới lao động càng bị hạn chế càng có lợi cho các người bỏ vốn. Tổ chức duy nhất được đảng Cộng Sản công nhận vẫn chỉ là Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, hoàn toàn do đảng kiểm soát. Công nhân các xí nghiệp không có một tiếng nói độc lập nào cả.

Các quan chức cộng sản được giới tư bản chiều đãi và mua chuộc, hoặc chính họ đóng vai tư bản bỏ vốn đầu tư, làm sao họ đại diện cho người lao động Việt Nam được? Trong cảnh trống vắng, thiếu tiếng nói đích thực đại diện cho quyền lợi giới công nhân, các nhà tư bản nội địa và ngoại quốc càng thêm cơ hội "tối đa hoá doanh lợi." Nhưng giới công nhân thì không có vũ khí nào để tự bảo vệ.

Tình trạng mất cân bằng này đã tạo cơ hội cho giới tư bản làm giầu. Như bản tuyên bố của Công đoàn Độc lập Việt Nam nêu lên, người lao động Việt Nam "thường xuyên bị chủ ức hiếp, doạ sa thải, thậm chí đánh đập, làm nhục mà không có ai bênh vực, bảo vệ." Mặt khác, tiền lương của công nhân thì thấp mà những lúc đau ốm không được săn sóc, có khi vẫn phải làm việc vì sợ bị chủ đuổi việc. Tổng liên đoàn Lao động của đảng Cộng Sản hoàn toàn bất lực trong việc bênh vực công nhân các xí nghiệp tư. Vì công đoàn của đảng phải làm theo chính sách của đảng. Mà đảng thì đang tìm mọi cách chiều đãi tư bản ngoại quốc để kiếm đô la; đồng thời giúp các đảng viên cao cấp "tích luỹ tư bản" để chuẩn bị cho ngày đảng bị mất quyền hành.

Công đoàn Độc lập Việt Nam ra đời vạch rõ tình trạng đảng Cộng Sản đeo hai mặt nạ, bên ngoài mạo danh đại biểu công nhân, bên trong phục vụ giới chủ nhân. Tình trạng man trá, giả dối đó phải chấm dứt. Đồng thời, đây là một dịp

để đồng bào ta trong nước thấy rằng quyền tự do hội họp và tự do lập hội là một quyền căn bản không thể thiếu được. Cả Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất lẫn Công đoàn Độc lập Việt Nam đều nhắm vào một mục tiêu: Đòi thực hiện quyền tự do hội họp, tự do lập hội. Đó là những quyền được ghi rõ trong các bản hiến pháp nước ta, ở miền Nam cũng như miền Bắc, kể từ năm 1946 đến nay. Nhưng quyền đó không bao được đảng Cộng Sản Việt Nam tôn trọng. Đây là lúc phải chấm dứt thái độ giả trá đó.

Ba Lan mùa "tuyết tan"

Ông lái taxi tìm một con đường tắt để tránh kẹt xe trong giờ đi làm trong thành phố Warszawa, nên ông đưa tôi đi qua một khu biệt thự ven đồi. Trong lúc giới thiệu những ngôi nhà sang trọng phần lớn cho nhân viên ngoại giao đoàn thuê, ông bất chợt chỉ tay qua phía bên phải: Đây là nhà ông "Ye ru den xky." Nghe tên đọc theo tiếng Ba Lan, tôi cũng đoán được, đó là vị tướng làm tổng bí thư sau cùng của đảng Cộng Sản Ba Lan. Tôi thắc mắc: Ông tướng ấy bây giờ được dân Ba Lan kính trọng không? Ông tài xế trả lời: Yes.

Tướng Wojciech Jaruzelski là người đã mời một luật sư thuộc Công đoàn Đoàn kết Solidarnos đứng ra lập chính phủ vào cùng khoảng thời gian tôi đang ở Warszawa, cuối năm 1989. Đó là chính phủ Ba Lan đầu tiên không thuộc đảng Cộng Sản sau 40 năm nước Ba Lan bị cộng sản cai trị, núp dưới bóng Hồng quân Nga. Dân chúng Ba Lan, giới công nhân và những người trí thức xứ này, cùng với Giáo hội Công giáo Ba Lan trong gần mười năm đã làm một cuộc cách mạng không đổ máu lật đổ chế độ cộng sản. Nhưng chính ông Jaruzelski đã chứng tỏ có lòng yêu nước, biết đặt đất nước lên trên quyền lợi cá nhân. Ông chấm dứt chế độ cộng sản một cách gọn và nhẹ được, vì chính ông lúc đó đang cầm đầu guồng máy đảng. Ông xứng đáng được người Ba Lan kính trọng.

Bây giờ mới là mùa Thu, tuyết chưa rơi trên đất Ba Lan. Nhưng trong những ngày như bây giờ, 17 năm trước, ở xứ Ba Lan là cảnh tuyết tan giá rã, khi đảng Cộng Sản tự rời bỏ quyền hành. Trong mấy ngày hội nghị về Quyền Lao động ở Việt Nam, chúng tôi cũng cảm thấy một không khí "Tuyết tan Giá rã" sắp diễn ra ở trong nước Việt. Vì những người lao động ở nước ta đang đứng lên tranh đấu. Ở Warszawa, giới truyền thông và người lãnh đạo xứ Ba Lan đã hỗ trợ việc đòi quyền tự do lập công đoàn của người lao động Việt Nam, hỗ trợ tận tình. Tuyết tan là một hình ảnh đã sử dụng ở Nga từ thế kỷ trước, để mô tả sự thay đổi, giảm bớt ách độc tài khắc nghiệt của chế độ cộng sản Nga.

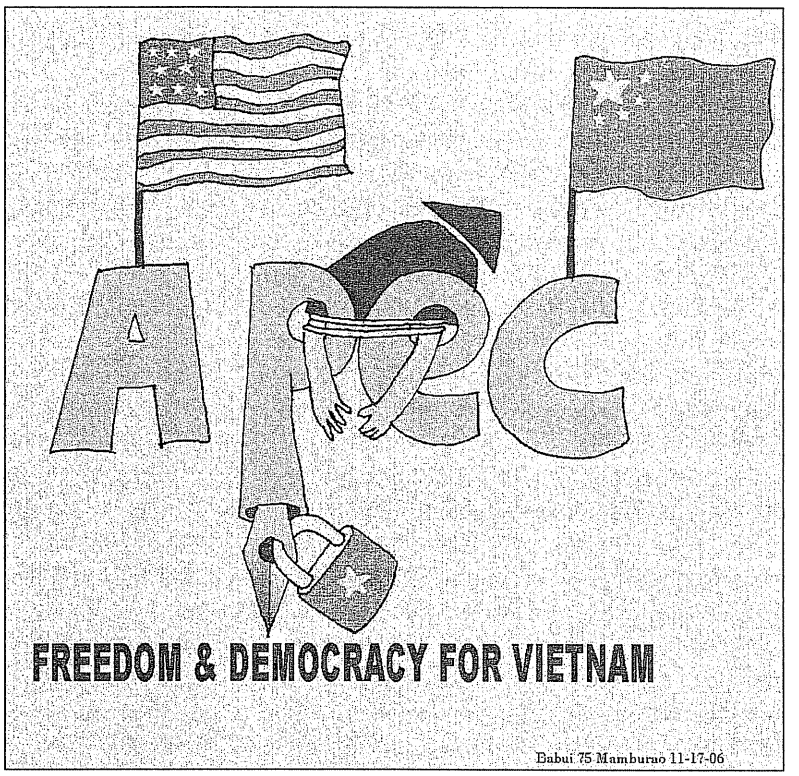

Tới Warszawa theo dõi cuộc hội thảo về quyền lao động, tôi biết trước sẽ có nhiều người Việt từ Âu châu, Úc châu và Mỹ châu đến đây họp nhau trong mấy ngày bàn cách hỗ trợ Công đoàn Độc lập Việt Nam trong việc tranh đấu cho người lao động. Nhưng tôi không ngờ hội nghị này đã chiếm được cảm tình và đạt được sự ủng hộ của giới trí thức, truyền thông, và giới lãnh đạo nước Ba Lan, đối với việc tranh đấu cho tự do dân chủ ở nước ta, đến mức cao đến như vậy.

Phải nói rằng cả khối người Việt sống ở Ba Lan, nói chung, đã tạo nên những cảm tình này. Tôi đã gặp những đồng bào sống ở đây qua hai lần thăm viếng, và thấy rõ tư cách đàng hoàng đáng quý của đồng bào. Mấy chục ngàn người xuất thân là du học sinh, nghiên cứu sinh, công nhân xuất khẩu lao động, sau vài chục năm buôn bán làm ăn, nhiều khi không có đủ giấy tờ hợp lệ, nhưng họ đã khiến cho người Ba Lan phải kính trọng người Việt. Nhiều vị trí thức người Việt ở Ba Lan đã bỏ tất cả những bằng cấp, học vị, các nghề chuyên môn của mình, nhiều người xông vào làm thương mại, đã thành công. Nhiều người Việt đã thắng cả người gốc Hoa trong việc kinh doanh. Nhưng họ cũng nhìn thấy nước Ba Lan tiến bộ, phồn thịnh và đời sống tự do sau khi xoá bỏ chế độ cộng sản. Cho nên họ vẫn không quên tranh đấu cho đồng bào trong nước được hưởng những quyền tự do như họ đang hưởng ở Ba Lan. Một vị tiến sĩ đang thành công trong thương trường tâm sự: Mình phải giúp các anh em đang tranh đấu cho dân chủ trong nước. Mình không làm gì thay thế họ được, chỉ có hỗ trợ được thôi. Nếu anh chị em trong nước có thành công thì chưa chắc mình đã về nước làm việc, nhưng ngày nào còn giúp được cho công cuộc tranh đấu trong nước thì mình phải giúp.

Ít có cuộc vận động tranh đấu nào phối hợp được những người Việt ở trong nước, ở nước ngoài, cùng vận động giới lãnh đạo một quốc gia nơi có người Việt cư ngụ lại đạt được thành công tốt đẹp như cuộc hội nghị vừa qua.

Hội nghị đã kết thúc khi thành lập một Uỷ ban Bảo vệ Người Lao động Việt Nam, với thành phần lãnh đạo gồm nhiều vị ở Âu châu, Mỹ châu và Úc châu. Nhưng ngay trước khi uỷ ban này ra đời thì ban tổ chức đã tạo được hai thành quả lớn. Một là chuyển được giấy mời nhiều nhà tranh đấu cho quyền lao động ở trong nước tham gia, mặc dù một người là bà Lê Thị Công Nhân đã bị giữ lại không cho đi, sau đó bà chỉ thuyết trình qua điện thoại. Thứ hai là được người Ba Lan ủng hộ hết mình.

Solidarnos đoàn kết với công nhân Việt Nam

Hầu hết những người lãnh đạo Ba Lan, phe chính phủ hoặc phe đối lập, đều liên hệ đến Công đoàn Đoàn kết, Solidarnos. Trước ngày hội nghị khai mạc, ông bộ trưởng phủ thủ tướng Adam Lipinski đã tiếp đón phái đoàn những người từ xa tới tham dự. Ông Lipinski nói rằng chính phủ Ba Lan biết rõ có hàng trăm cuộc đình công của công nhân Việt Nam vào trước Tết năm ngoái, và họ hiểu nhu cầu tranh đấu của người lao động Việt Nam. Trong cuộc gặp gỡ này ông cũng báo tin cho mọi người biết chính phủ cộng sản Việt Nam đã can thiệp, yêu cầu chính phủ Ba Lan ngăn cản không cho hội nghị này họp.

Ông đại sứ Việt Nam ở Warszawa đã làm một việc trái phép lịch sự ngoại giao, khi ông viết thư thẳng cho tổng thống Ba Lan đưa ra đòi hỏi cấm họp. Chính vì thái độ khiếm nhã này nên giới lãnh đạo Ba Lan đã có phản ứng ngược lại: Họ tích cực ủng hộ những người tranh đấu cho dân chủ tự do ở Việt Nam, mạnh mẽ hơn.

Vì nước Ba Lan đã trải qua những năm sống nhục nhã dưới chế độ cộng sản rồi, và những người lãnh đạo hiện nay đều đã từng tranh đấu đòi dân chủ tự do trong thập niên 1980, cho nên họ biết các quyền tự do là cần thiết cho việc phát triển đất nước, và đáng tôn quý như thế nào. Nhiều người trong ban tổ chức là công dân Ba Lan gốc Việt Nam, giới lãnh đạo nước Ba Lan tôn trọng các quyền tự do của họ trong đó có quyền tự do hội họp, mặc dù chính quyền cộng sản Việt Nam muốn đàn áp họ.

Ông Marek Junek, chủ tịch quốc hội Ba Lan đã ký cho phép hội nghị quyền lao động của Việt Nam được họp ngay trong phòng họp của Thượng Viện trong hai ngày cuối tuần. Đây là một gian phòng dài mang vẻ đẹp quý phái, với những cột trụ tròn song song theo hai hàng dọc, người Ba Lan thường gọi là "Phòng các cột trụ." Gian phòng này là nơi các nghị sĩ họp, với những hàng ghế quanh hai dãy bàn dài xếp theo chiều dọc, theo lối ngồi trong nghị viện Anh quốc, không xếp hàng ngang như trong rạp hát nhìn lên bàn chủ toạ, theo lối quốc hội Mỹ. Không khí tôn nghiêm cuả phòng họp Thượng viện Ba Lan càng làm cho những người tham dự cảm thấy có trách nhiệm lớn đối với những người đang tranh đấu cho dân chủ tự do ở trong nước Việt Nam. Căn phòng cũng nổi tiếng gần đây vì là nơi các nghị sĩ, dân biểu Ba Lan đã chất vấn những viên chức chính phủ bị tố cáo là tham nhũng. Những cuộc chất vấn được các đài vô tuyến truyền hình ở Ba Lan chiếu cho dân chúng coi, cho nên khi các đài truyền hình Ba Lan chiếu cảnh hội nghị Việt Nam, dân chúng thấy tăng thêm uy tín.

Những du học sinh Việt Nam ở Ba Lan trước đây không ai không thuộc những câu thơ của Tố Hữu, "Em ơi Ba Lan mùa tuyết tan – Đường bạch dương sương trắng nắng tràn ..." ca ngợi tình hữu nghị giữa hai dân tộc và ca tụng đảng cộng sản ... Liên xô. Một điều sai lầm mà những người học thơ ông Tố Hữu đã khám phá ra sau khi ở Ba Lan lâu ngày, là những lời ông Tố Hữu ca ngợi Hồng quân bảo vệ dân Ba Lan, điều đó không đúng sự thật, mà chắc chính ông Tố Hữu cũng bị lừa. Năm 1945 khi dân Ba Lan nổi lên chống Đức Quốc xã đang chiếm đóng Warszawa, theo lời kêu gọi của Stalin, thì quân Nga đã để mặc cho quân quốc xã tàn sát người Ba Lan cho đến khi hai bên kiệt sức. Trong khi đó Hồng quân Nga án binh bên ngoài thành phố, bên kia sông Wisla (đọc là Uýt xoa). Khi quân Đức đã kiệt quệ thì Hồng quân mới tiến vào, mang theo những người cộng sản Ba Lan được Nga bảo trợ để lập chính phủ. Những người Ba Lan cộng sản nhưng không theo Nga cũng bị tiêu diệt.

Hội nghị Quyền Lao động Việt Nam là một dịp biểu lộ tình hữu nghị có thật bột phát giữa hai dân tộc. Ông Tomasz Wojcik, phó chủ tịch Công đoàn Đoàn Kết đã tới thuyết trình với hội nghị, ông kể các kinh nghiệm tranh đấu của công đoàn Solidarnos trong thời chế độ cộng sản Ba Lan còn mạnh, cho đến khi chế độ lung lay. Ông Niroslaw Chojecki, chủ tịch Hội Tự Do Ngôn Luận (SWS) đã kể chuyện những hoạt động của Uỷ ban Bảo vệ Công nhân (KOR) mà ông là một trong số những người sáng lập, trước khi Công đoàn Đoàn kết ra đời. Những câu trả lời của ông làm nức lòng người tham dự. Ông Michal Drozdek đại diện cho Viện Pederewski, là cố vấn bộ trưởng Bộ Lao động và Xã hội Ba Lan cũng đến góp ý kiến về phương lược đấu tranh cho quyền lợi của người lao động. Chưa có một hội nghị nào của người Việt Nam ở hải ngoại được chính quyền quốc gia sở tại ủng hộ hết mình như vậy!

Nhưng điều đáng quý hơn nữa là phản ứng của báo chí, truyền thông Ba Lan. Ngay buổi tối hôm khai mạc hội nghị, ba đài vô tuyến truyền hình lớn nhất, công và tư, đều chiếu hình và loan tin về hội nghị, lần lượt vào những lúc 6 giờ 30, 7 giờ và 7 giờ 30 là những lúc đông khán giả coi nhất. Đài số 2 còn chiếu thêm phóng sự hình ảnh về Việt Nam và phỏng vấn nhiều người. Đài số 3 chiếu cảnh phòng họp mông mênh của Thượng viện trong đó chỉ có ba bốn chục người họp trông rất vắng, một phóng viên đã giải thích rằng nhiều người ở Việt Nam đáng lẽ được mời tham dự hội nghị nhưng bị chính quyền Hà Nội ngăn cản vào phút chót không được lên máy bay! Điều này có thật, đó là trường hợp Luật sư Lê Thị Công Nhân, đã bị ngăn giữ 15 phút trước khi chuyến bay của bà cất cánh, sau khi bà đã làm mọi thủ tục lên máy bay xong rồi. Một câu nói đã cho khán giả truyền hình thấy cả tình trạng người Việt Nam bị trước đoạt tự do như thế nào.

Sáng ngày Thứ Hai sau hội nghị, các tờ nhật báo đầu tuần cũng loan tin về hội nghị này. Tuy tin viết vắn tắt nhưng báo Nasz Dziennik (Nhật báo của chúng ta) cũng cho độc giả biết lá thư can thiệp bất nhã của sứ quán Việt Nam ở Warszawa khiến cho ông chủ tịch quốc hội Ba Lan bất bình. Vì người Ba Lan biết các quyền tự do quan trọng, chính họ tôn trọng quyền tự do của những người Việt sống ở Ba Lan đang tổ chức hội nghị về quyền lao động. Phần lớn giới lãnh đạo Ba Lan đều xuất phát từ một công đoàn độc lập giữa thời cộng sản còn đang thịnh. Cho nên họ càng nồng nhiệt ủng hộ những người lao động ở Việt Nam, đang bị một đảng Cộng Sản còn tệ hơn cộng sản Ba Lan ngày xưa. Ngày xưa những người lãnh đạo đảng Cộng Sản Ba Lan cũng sống trong nhà tập thể như các công nhân khác. Có lẽ vì vậy nên bây giờ người dân vẫn còn kính trọng ông Jaruzelski được. Ngày nay thì giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam đều là những tỷ phú và bọn tham nhũng thì có hàng trăm triệu mỹ kim, trong lúc công nhân vẫn phải tranh đấu đòi quyền đi dùng nhà vệ sinh theo nhu cầu, những người tổ chức đình công thì bị đàn áp!

Ông Trần Ngọc Thành, trưởng ban tổ chức hội nghị, trước đây cũng là một đảng viên cộng sản, ông đã từ bỏ đảng khi nhìn chung quanh thấy hệ thống tham nhũng không có cách nào chữa được vì bản chất độc tài của đảng không cho phép họ tự dân chủ hoá.

Nếu không có các anh chị em trong ban tổ chức vận động cùng những người lãnh đạo trong các đảng phái, chính quyền cũng như trong ngành truyền thông Ba Lan, thì hội nghị không đạt được thành công như đã thấy. Nhưng nếu không nhờ tiếng tốt của cả khối gần trăm ngàn người Việt đang sống ở Ba Lan, thì các anh chị em trong ban tổ chức hội nghị cũng khó chinh phục được nhiệt tâm ủng hộ của người Ba Lan trong việc hỗ trợ anh chị em công nhân, lao động ở nước nhà. Sau khi hội nghị đã kết thúc, lại nghe tin ở Việt Nam đã ra đời một Hiệp hội Đoàn kết Công nông Việt Nam! Đã đến lúc tuyết tan, giá rã, để người Việt Nam được thấy một mùa Xuân trở về!

Những thay đổi sâu đậm sau kết quả bầu cử...

Robert Gates, tân Tổng trưởng Quốc Phòng và ảnh hưởng của Bộ Tham mưu Bush Bố

MAI LOAN

Khi cuộc chiến tại Iraq đang từ giai đoạn bết bát chuyển sang tồi tệ (*from bad to worse*), bộ máy tuyên truyền của Toà Bạch Ốc đã cố nhấn mạnh cho giới truyền thông biết rằng Tổng Thống Bush đã vứt bỏ khẩu hiệu "kiên định lập trường" (*stay the course*) để thay vào bằng một luận điệu mới là "thích nghi cần thiết" (*necessary adjustments*) nhằm muốn chứng tỏ cho mọi người thấy rằng ông Bush không phải là một vị lãnh tụ quốc gia lúc nào cũng cứng đầu, ngoan cố đeo đuổi một chính sách điều hành thất bại.

Trong thời gian dài trước đó, trước những lời chỉ trích của phe đối lập về những khiếm khuyết và sai trái của chính sách cũng như các viên chức cầm quyền liên quan đến cuộc chiến tại Iraq, TT Bush vẫn thường luôn miệng chụp mũ những tiếng nói chống đối, nhất là từ phe Dân Chủ, là những thành phần mềm yếu, không cương nghị, chỉ mới gặp ít khó khăn là đã nghĩ đến chuyện rút lui. Ông chê trách những người này là chỉ biết lo nghĩ đến chuyện "bỏ của chạy lấy người" (*cut and run*).

Trong bối cảnh lo sợ vì nạn khủng bố của dân Hồi-giáo quá khích, nhất là sau thời điểm của vụ 9/11, luận điệu tuyên truyền này đã giúp cho TT Bush và phe Cộng Hoà tiếp tục giành được thắng lợi, tuy khít khao, trong cuộc bầu cử vào cuối năm 2004. Tuy nhiên, từ đó đến nay, cái giá mà Hoa Kỳ phải trả cho cuộc tham chiến này càng ngày càng lên cao, từ con số có vài trăm quân nhân tử nạn mà nay đã lên gần 2900 lính Mỹ phải hi sinh tại chiến trường này với hàng chục ngàn binh sĩ thương vong khác. Và ngân sách quốc gia đã tốn hao một cách uổng phí khoảng 500 tỉ Mỹ-kim cho những giấc mộng hoang tưởng của những chính trị gia hiếu chiến theo trường phái tân-bảo-thủ. Nhưng điều đáng lo hơn hết, và đó cũng là nỗi quan tâm của đa số người dân tại Hoa Kỳ chứ không phải chỉ riêng cho các chính trị gia cũng như những chuyên viên am tường thời sự, là tình hình tại Iraq càng ngày càng bất ổn và thảm hại hơn, có thể dẫn đến một tình trạng tồi tệ khác là sẽ kéo dài tình thế chiến tranh nổ lớn trên toàn vùng Trung Đông chứ không chỉ giới hạn trong nước Iraq.

Vì thế cho nên cái đức tính mà phe ủng hộ ông Bush thích đề cao là sự cương quyết không chùn bước trước khó khăn đã dần dần biến thành cái tính xấu là sự ngoan cố, tựa như kiểu cứ cương quyết húc đầu vào tường thay vì đi tìm một hướng đi vòng quanh khác để đạt được mục đích. Và khi những cuộc thăm dò dân ý trước ngày bầu cử 7 tháng 11 diễn ra đều cho thấy là đa số dân chúng Hoa Kỳ đã không còn tin vào cái chính nghĩa của cuộc chiến cũng như không thể nào tin vào cái lời hứa đầy ảo tưởng của TT Bush về một chiến thắng trong tương lai, ông Bush và bộ máy tuyên truyền ở Bạch Cung bắt buộc phải thay đổi để thích ứng theo, với hi vọng là giảm bớt sự bực tức của dân chúng có thể đi bỏ phiếu loại bỏ các chính trị gia dân cử phe Cộng Hoà.

Trong nhiều tuần lễ trước ngày bầu cử, các cuộc thăm dò dân ý cũng như chiêu bài vận động tranh cử của cả hai đảng Cộng Hoà và Dân Chủ đều cho thấy rằng đây là một cuộc trưng cầu dân ý về cuộc chiến tại Iraq, và kết quả được dự đoán trước là người dân sẽ bỏ phiếu chống lại ông Bush, mặc dù tên của ông không có trên lá phiếu để cho cử tri gạch bỏ.

Và kết quả lần này đã diễn ra đúng như lời dự đoán của hầu hết các chuyên gia, cho dù là vào giờ chót một số ít vẫn còn đánh giá khá cao về vai trò của ông Karl Rove, phụ tá chính trị cao cấp của ông Bush, với khả năng và phương tiện dồi dào trong kế hoạch vận động và kêu gọi cử tri trung kiên của đảng đi bầu, có thể giúp cho phe Cộng Hoà có thể giành được

chiến thắng vào giờ chót như đã xảy ra vào hai năm 2002 và 2004. Kỳ này, phe Dân Chủ đã toàn thắng trong cuộc bầu cử, giành được lại quyền đa số tại cả hai viện của ngành lập pháp liên bang, và quan trọng hơn nữa là chiếm đa số các chức vụ thống đốc tiểu bang cũng như nhiều tiểu bang khác, hứa hẹn một tương lai không còn sáng sủa cho đảng Cộng Hoà.

Phải chăng vì thế mà TT Bush cũng đã phải có những hành động "thích nghi cần thiết" bằng việc cách chức ông Donald Rumsfeld, tổng trưởng quốc phòng, và đề nghị người thay thế là ông Robert Gates, một cựu viên chức cao cấp từng phục vụ dưới nội các của TT Bush Bố trong chức vụ tổng giám đốc tình báo trung ương CIA. Mặc dù rằng trước đó chỉ có vài ngày ông Bush đã nói với một số các ký giả rằng ông Rumsfeld đã "làm việc một cách tuyệt vời" (*fantastic job*) để khiến ông sẽ tiếp tục tín nhiệm và lưu lại cho hết nhiệm kỳ đến đầu năm 2009. Lối khen tặng kiểu "thay lòng đổi dạ" của ông Bush lần này càng khiến cho nhiều người nhớ đến lời khen "làm việc hay hết xẩy" (*doing a heck of a job*) mà ông đã giành cho ông Michael Brown, tổng giám đốc cơ quan cứu khẩn FEMA trong vụ cứu cấp nạn nhân bão Katrina, trước khi ông phải cách chức vài ngày sau vì thành tích bết bát và thiếu trách nhiệm của ông Brown được giới truyền thông tường trình cho cả nước biết.

Chi tiết về cụ cách chức này, mà Bạch Cung muốn che đậy để xoa dịu tự ái cá nhân bằng cách gọi đó là sự từ chức của ông Rumsfeld, cũng cho thấy sự vụng về khiến đâm ra trở thành kẻ nói dối, cũng như thiếu khôn ngoan, sâu sắc của TT Bush. Thật vậy, trong cuộc họp báo ngày 8 tháng 11 sau khi kết quả bầu cử cho thấy sự thất bại nặng nề của phe Cộng Hoà, khi được báo giới hỏi chi tiết về hai lời nhận định khác nhau về thành tích của ông Rumsfeld — mới vừa khen xuất sắc xong thì cách chức — (các ký giả Mỹ vẫn còn truyền thống kính nể các tổng thống nên tránh dùng từ ngữ "nói dối") TT Bush đã biện minh rằng ông phải nói dối (tuyên bố giữ ông Rumsfeld lại trong khi đã quyết định tìm người thay đổi) là vì ông không muốn làm giao động việc điều hành đất nước vì những toan tính chính trị. Ý ông muốn nói rằng nếu như tuyên bố cách chức ông Rumsfeld trước ngày đi bầu thì có thể bị nhiều người chỉ trích rằng đó là do động lực chính trị muốn xoa dịu sự công phẫn của cử tri mà sẵn sàng hy sinh đến sự ổn định trong việc điều hành bộ máy công quyền và chính sách của nhà nước trong cuộc chiến Iraq. Thật ra, nếu muốn vậy, ông có thể tránh trả lời câu hỏi này và ít ai có thể suy diễn thêm để tiên đoán về những đổi thay có thể dẫn đến cho nhân vật đứng đầu ở Ngũ Giác Đài. Hơn thế nữa, việc TT Bush cách chức ông Rumsfeld có thể được coi là một "hành động quá ít và quá trễ", nói theo ngôn ngữ thời này là "*too little, too late*" để cứu vớt cho con thuyền sự nghiệp của ông trong hai năm dài chịu đựng sắp tới.

Việc cách chức ông Rumsfeld lần này, tuyên bố vội vã chỉ vài giờ sau khi bà dân biểu Nancy Pelosi, thủ lãnh của phe Dân Chủ ở Hạ Viện và sẽ lên nắm quyền Chủ tịch Hạ viện vào đầu tháng Giêng sắp tới, cũng khó cho thấy đây là thực tâm của ông Bush muốn hợp tác với phe đối lập để giải quyết các vấn nạn lớn trong một tinh thần hoà hợp và đoàn kết cho quyền lợi của quốc gia. Giá như ông chịu cách chức ông Rumsfeld khi vụ xì-căng-đan lính Mỹ hành hạ tra tấn tù nhân Iraq tại Abu Ghraib vào tháng 5-2004, nó có thể cho thấy thiện tâm của Hoa Kỳ và sẽ khiến cho dư luận trên thế giới bớt công phẫn. Việc ông lưu giữ lại ông Rumsfeld và còn khen tặng là một vị tổng trưởng quốc phòng xuất sắc nhất trong lịch sử Hoa Kỳ khiến cho nhiều người chán ngán về trình độ hiểu biết và suy xét của vị nguyên thủ quốc gia của đệ nhất siêu cường, và đáng ngại hơn nữa, là nó đã khiến cho chính nghĩa của Hoa Kỳ trong cuộc chiến tấn công Iraq, vốn đã rất mong manh, giờ lại còn mau chóng tan thành mây khói. Nhà báo Bob Woodward trong cuốn sách *bestseller* State of Denial đã kể lại rằng đến ngay như Đệ nhất Phu nhân Laura Bush và ông Andy Card, tổng trưởng Toà Bạch Ốc, cũng đã mong muốn TT Bush thay thế ông Rumsfeld khi bước vào nhiệm kỳ 2 để mong chứng tỏ thiện ý của chính quyền muốn có sự hợp tác của phe đối lập. Việc TT Bush tiếp tục tín nhiệm ông Rumsfeld không nói lên đức tính trung hậu của ông đối với các phụ tá trung kiên mà nó cho thấy tính ngoan cố, bướng bỉnh và tự kiêu vì không muốn nhìn nhận lỗi lầm một cách công khai. Bởi vì bộ tham mưu ở Bạch Cung đã luôn luôn đánh bóng hình ảnh cương quyết của TT Bush với một niềm tin tất thắng và lý tưởng cao đẹp, nên ông không bao giờ chịu nhún nhường để nhận lỗi vì nghĩ lầm rằng điều đó sẽ phá tan cái huyền thoại sáng giá của ông. Mà thay thế ông Rumsfeld

tức là mặc nhiên công nhận những chính sách trong quá khứ đã thất bại, một điều mà TT Bush không thể nào và không bao giờ muốn làm. Cho dù là kinh nghiệm cho thấy nhiều khi, một thất bại nhỏ có thể đem lại nhiều thắng lợi to trong đường dài. Việc này cũng cho thấy là ông Bush đã không thực sự lắng nghe tiếng nói khuyên can của nhiều người từ lâu, và bắt buộc hay miễn cưỡng phải thay đổi nhân viên hay chính sách chỉ khi nào tình hình đã trở nên quá tồi tệ vô phương cứu chữa, một hành động "*khẩu phục nhưng tâm chưa phục.*"

Hơn nữa, việc lựa chọn đề cử ông Robert Gates, một cựu cận thần của TT Bush Bố, cùng với vai trò càng ngày càng lớn mạnh của Nhóm Nghiên cứu Iraq (Iraq Study Group, ISG) do hai ông James Baker III và Lee Hamilton đồng chủ toạ, trong việc đề ra những thay đổi mới trong chính sách để cứu vãn tình trạng tồi tệ hiện nay tại Iraq, cho thấy là chính cá nhân của đương kim TT Bush và bộ tham mưu riêng của ông, dưới ảnh hưởng nặng nề của cặp bài trùng Cheney-Rumsfeld, đã không tự mình thức tỉnh trước những sai lầm sa lầy tại Iraq, để rồi cuối cùng phải ngồi chờ cho bộ tham mưu của bố mình ra tay cứu giúp để thoát khỏi những khó khăn tự tạo trong thời gian qua vì tự ái cá nhân ngông cuồng.

NHỮNG XUNG ĐỘT TIỀM ẨN TRONG GIA ĐÌNH

Từ nhiều năm qua, làng báo tại Hoa Kỳ đã nói nhiều lần về những mâu thuẫn hay xung khắc trong tương quan đặc biệt giữa hai cha con ông Bush, tuy cùng theo đảng Cộng Hoà, nhưng lại có những xu hướng, tính tình và thành tích nhiều khi gần như đối nghịch. Sự xung khắc giữa hai cha con có lẽ cũng là điều thường tình, một loại xung khắc giữa hai thế hệ có thể nhìn thấy khắp nơi và ở bất cứ thời đại nào, từ Âu sang Á, chứ không riêng gì ở xã hội Hoa Kỳ này. Tuy nhiên, vì hai cha con ông Bush đều nắm giữ những chức vụ và quyền hành tối cao của đệ nhất siêu cường, nên những thay đổi hay khác biệt trong chính sách có thể dẫn đến những hậu quả khác nhau cho tiến trình của đất nước cũng như cho cả lịch sử của thế giới. Vì thế cho nên nó mới được để ý đến cũng như lôi cuốn sự chú ý của nhiều người trong giới truyền thông.

Tuy có những mâu thuẫn hay xung khắc, cả hai đều thương yêu và nể trọng lẫn nhau, ít ra là ở mặt nổi trước công chúng. TT Bush Bố lúc nào cũng dùng từ ngữ "Ông Tổng Thống" mỗi khi nói đến con mình thay vì những từ ngữ bình thường khác như "con tôi, anh ta, nó v.v." Tuy vậy tình cảm và sự tương giao giữa hai cha con cũng có những phức tạp đặc biệt xen lẫn sự tranh đua ngấm ngầm. Ngay cả trong nội bộ giòng họ nhà Bush, cậu con cả George W. cũng không được coi là một khuôn mặt xuất sắc, được mọi người yêu mến và thán phục. Nhân vật sáng giá đó chính là cậu em Jeb, thống đốc tiểu bang Florida. Tuy nhiên, vận may đưa đẩy khiến cho người anh chộp lấy thời cơ trước tiên khi giành được chiếc ghế thống đốc tiểu bang Texas vào năm 1994, phần lớn nhờ vào uy tín khá cao của bố mình là cựu TT Bush Bố. Nhà báo Maureen Dowd, cựu ký giả hàng đầu của tờ New York Times đặc trách công tác tại Toà Bạch Ốc trước đây, đã kể khá nhiều chi tiết lý thú trong một cuốn sách dài hơn 540 trang có tựa đề là Bushworld (Thế giới của Bush). Tuy là một bỉnh bút gia khuynh tả chỉ trích nặng nề chính quyền Bush, bà Dowd lại là người có nhiều móc nối với các cựu viên chức cao cấp cũng như thường xuyên liên lạc bằng *email* với TT Bush Bố. Trong một dịp có lẽ hiếm hoi nhất để lộ ra tình cảm cá nhân của mình liên quan đến mối tương giao giữa hai cha con, TT Bush đã từng thố lộ với nhà báo Bob Woodward, tác giả cuốn sách Plan of Attack thuật lại kế hoạch tấn công Iraq, vào năm 2004 khi nói về người cha của mình rằng "*đây không phải là người cha tôi cần cầu cứu để có thêm sức mạnh. Tôi có một người Cha to lớn hơn thế để khẩn cầu đến.*" Ngụ ý của câu này muốn nói rằng TT Bush là một chính trị gia ngoan đạo, lúc nào cũng sẵn sàng để cầu nguyện với Đức Cha Toàn Năng để có thêm nghị lực và được soi sáng trong sứ mạng điều hành đất nước.

Tuy cả hai cha con đều có mức ủng hộ của dân chúng rất thấp, cựu TT Bush Bố chỉ được có tỉ lệ 37% dân Mỹ ủng hộ trong năm 1992 khi thất cử trước một chính trị gia vô danh tiểu tốt như ông Bill Clinton, nhưng TT Bush 41 (tổng thống thứ 41 trong lịch sử nước Mỹ) được đánh giá là một chính trị gia lão luyện, già dặn, khôn ngoan và chừng mực cũng như cẩn trọng hơn nhiều so với cậu con là tổng thống thứ 43. Mặc dù là người theo phe Cộng Hoà, ông Bush 41 đã can đảm ký sắc luật tăng thuế (khiến cho giới bảo thủ cực hữu chống đối), cũng như dám cắt giảm nhiều ngân khoản chi tiêu công cộng

khác trong năm 1990, giúp cho tình trạng thâm thủng ngân sách quốc gia bớt tệ hại hơn và mở đường cho Bill Clinton sau này không những quân bằng được ngân sách (sau nhiều năm tháng thâm thủng suốt 8 năm dài thời Ronald Reagan) mà còn để dành được một ngân khoản dư (*surplus*). Về mặt đối ngoại, TT Bush Bố cũng chỉ tuân lệnh của Nghị quyết Liên Hiệp Quốc trong chiến dịch đẩy lui quân đội của Saddam Hussein ra khỏi tiểu vương quốc Kuwait nhưng không say men chiến thắng để tiến thẳng vào thủ đô Baghdad. Ông cũng là người tạo được ổn định trên thế giới sau khi Chiến tranh Lạnh chấm dứt với sự thống nhất của hai miền nam và bắc của Đức Quốc diễn ra một cách êm thấm và tốt đẹp. Cũng là người hùng chủ động trong chiến dịch tấn công quân đội Iraq của nhà độc tài Saddam, ông Bush Bố được nể trọng là người khôn ngoan vì ông đạt được sự đồng thuận của cả thế giới, kể cả các cựu thù nguy hiểm như Nga và Trung Cộng, cũng như hầu hết các nước Ả Rập và Hồi-giáo, và quan trọng hơn nữa là không tốn hao gì nhiều cho chiến dịch này. Nhờ sự vận động ráo riết của Ngoại trưởng James Baker thời đó, tất cả các nước khác trong liên minh đã đóng góp khoảng 90% cho ngân khoản của cuộc chiến, có nghĩa là Hoa Kỳ đã vác súng đi làm nhiệm vụ "sen đầm" quốc tế bằng tiền thuế của bá tánh trên thế giới chịu hoan hỉ đóng góp. Trong khi đó thì cậu con George W. Bush khi quyết định tấn công Iraq hơn một thập niên sau, không những đã không được đồng minh hỗ trợ vì xem thường sự khuyên can của đa số các quốc gia khác ở LHQ mà còn bị chống đối gay gắt bởi những đồng minh lâu đời như Pháp và Đức. Và vì không được ai hỗ trợ, nên Hoa Kỳ phải tự mình gồng gánh hết tất cả chi phí tốn kém cho cuộc chiến này, đó là chưa kể còn phải tìm cách hối lộ hay thúc ép một số nước nghèo khác tham gia vào cái gọi là "liên minh các nước sẵn lòng" để có bộ mặt là một liên minh quốc tế nhưng cũng chẳng đánh lừa được lâu.

Xuyên qua kết quả bầu cử vừa rồi phản ảnh sự bất mãn của dân chúng Mỹ trước thái độ xem thường dư luận cũng như thái độ thiếu trách nhiệm, cẩu thả của bộ tham mưu ông Bush trong kế hoạch bình định Iraq, rõ ràng là giờ đây người dân tại Hoa Kỳ đang hoài niệm và có cảm tình nhiều hơn về những đức tính cẩn trọng, chừng mực ở vị nguyên thủ quốc gia thay vì lòng nhiệt huyết, ngoan đạo đến gần như cuồng tín.

Xét về mặt đối ngoại, không ai chối cãi là TT Bush 41 thuộc trường phái thực tiễn thay vì lý thuyết hoang tưởng hay cao vời của ý thức hệ. Nếu như TT Ronald Reagan được nhiều người ca ngợi là một lãnh tụ can đảm, dám ăn dám nói, một chính trị gia dám thách thức giới lãnh đạo ở Điện Cẩm Linh là hãy "*đập phá bức tường Bá Linh đi!*" để đem lại tự do cho người dân Đông Đức thì người kế nhiệm là TT Bush Bố được coi là một nguyên thủ quốc gia có đầu óc thực tế, sẵn sàng gửi phụ tá của mình là Brent Scowcroft sang nói chuyện với Đặng Tiểu Bình để xác định sự hợp tác giữa hai nước Mỹ - Hoa ngay sau cuộc nổi loạn của sinh viên ở Bắc Kinh vào năm 1989 mặc dù biết rằng sẽ bị chỉ trích là đã bắt tay với bọn đồ tể ở Thiên An Môn. Cũng như đã không hỗ trợ cho ba quốc gia vùng Baltic đứng lên đòi độc lập khỏi vòng kiểm soát của Liên Sô vào thời đó vì không muốn có sự bất ổn nếu như chính quyền Nga phải ra tay để dẹp loạn. Bởi vì những sự bất ổn đó có thể dẫn đến những hậu quả xấu khác cho Hoa Kỳ sau đó, nếu như chính phủ tại hai nước lớn này không được ổn định, có thể đưa đến những bất trắc không ai có thể ngờ trước.

Cũng không ai chối cãi là con của ông ta không thích cũng như không muốn mọi người và lịch sử nhắc đến như là một Bush thứ hai mà nên là một Reagan thứ hai. Thần tượng của ông Bush 43 là một vị tổng thống tài ba và can đảm, có tinh thần cách mạng từ trong ra ngoài, chủ trương cắt thuế tối đa về mặt đối nội và ở mặt đối ngoại, sẵn sàng đối đầu với những mối hiểm nguy cho quốc gia bằng những lời lẽ đao to búa lớn để cho đối phương phải nể sợ. Chẳng thế mà phe bảo thủ cực hữu hoan nghênh ông Reagan hết mình, và sau đó cũng đã giành sự ủng hộ to lớn cho Bush 43. Trớ trêu của lịch sử đã đưa biến cố khủng bố 9/11 xảy ra vào thời điểm này, cộng với sự hiện diện và ảnh hưởng của nhiều chính trị gia theo trường phái tân-bảo-thủ đầy lý tưởng và tham vọng, dưới sự lèo lái chủ động của hai lãnh tụ kỳ cựu là PTT Dick Cheney và Donald Rumsfeld, TT Bush 43 đã thấy việc tấn công Iraq là một cơ hội hiếm hoi để ông có thể thực hiện một chính sách táo bạo nhưng đầy lý tưởng hoa mỹ là biến đổi bộ mặt của toàn vùng Trung Đông qua việc thổi vào một luồn sóng dân chủ.

Và cậu con cả cũng đã nhiều lần tỏ ra, bằng hành động và lời nói, là mình muốn theo đuổi chính sách của ông Reagan thay vì của cha

mình. Những chính sách đề ra cũng như những nhân viên phụ tá mà TT Bush chọn lựa cũng phản ảnh điều này, trong nhiều trường hợp thường đi ngược lại với quan điểm của chính quyền TT Bush Bố. Nếu như người cha được coi như là chính trị gia trưởng tràng của trường phái thực tiễn trong chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ trong việc điều hành một trật tự thế giới với nhiều căng thẳng xung đột khắp nơi thì cậu con lại thích nghe theo lời a dua tâng bốc của các chính trị gia phe tân-bảo-thủ đầy lý tưởng và tham vọng, muốn dùng sức mạnh quân sự của Hoa Kỳ để thay đổi bộ mặt và trật tự thế giới qua chiêu bài đẩy mạnh phong trào tự do dân chủ. Chính TT Bush đã đọc trong nhiều bài diễn văn ca ngợi về chính sách phát triển tự do dân chủ lên nhiều vùng đất trên địa cầu này. Và qua đó ông cũng đã chỉ trích luôn lập trường và chính sách ngoại giao của các chính quyền tiền nhiệm trong suốt 60 năm qua, cho rằng chính sách ngoại giao thực tiễn trong quá khứ đã dung dưỡng nhiều chế độ độc tài tại vùng Trung Đông vì lầm tưởng rằng một tình trạng ổn định tại đây đồng nghĩa với sự ổn định và an ninh cho nội địa nước Mỹ. Theo lập luận của ông Bush con, giá trị của chính sách thực tiễn này đã vỡ tan sau ngày 11 tháng 9 năm 2001 khi quân khủng bố Hồi-giáo quá khích đã tấn công ngay trên nước Mỹ. Cũng theo ông Bush con, vì các chính sách độc tài tại nhiều nước ở Trung Đông đã tạo nên sự chống đối và thù hận trong nhiều tầng lớp dân chúng và từ đó bọn này quay sang tìm cách tấn công Hoa Kỳ để trả đũa.

Kể từ thời gian vận động tranh cử tổng thống từ năm 1999, ông George W. Bush đã được nhiều người coi như là một nhân vật được nhiều may mắn, nhất là nhờ ở uy tín và ảnh hưởng của cựu TT Bush Bố đối với hầu hết các khuôn mặt kỳ cựu trong đảng Cộng Hoà. Điều này thể hiện rõ nhất qua hình ảnh của nhiều khuôn mặt trong bộ tham mưu từ các ông Cheney, Colin Powell, Andy Card, bà Condoleezza Rice, vốn là những cựu viên chức cao cấp trước đó, nhằm mục đích trấn an dư luận lúc bấy giờ có thể còn chưa tin tưởng lắm vào sự hiểu biết và kinh nghiệm còn non nớt của cậu công tử nhà giầu mang họ Bush. Thậm chí đến kỳ tranh cãi đếm phiếu gay cấn tại tiểu bang Florida, ảnh hưởng và uy tín của ông bố cũng được mang ra với sự ra tay của ông James Baker, phụ tá đắc lực và là bạn thân của cựu TT Bush 41, để giành lấy thắng lợi cho cậu con Bush.

Có lẽ vì mang cái mặc cảm tự ti xen lẫn với mặc cảm Oedipe (ganh tức với cha ruột), nắm quyền vì may mắn và nhờ vào ảnh hưởng cũng như các bạn bè cũ của cha mình nên TT Bush muốn thoát ra khỏi cái vòng ảnh hưởng đó để tự tạo nên uy tín cho riêng mình. Để chứng minh điều đó, ông quyết định áp dụng những chính sách gần như đi ngược lại đường lối của cha mình. Nếu như ông Bush 41 sẵn sàng thoả hiệp với phe đối lập Dân Chủ để chấp nhận việc tăng thuế hầu giúp cho ngân sách được quân bình thì cậu Bush 43 luôn luôn chủ trương việc cắt thuế. Nếu như người bố sẵn sàng lên án những thành phần bảo thủ cực hữu và luôn chọn lựa con đường trung dung trong các chính sách và kế hoạch điều hành đất nước thì cậu con luôn chủ trương làm hài lòng phe cực hữu (bổ nhiệm các thẩm phán bảo thủ khuynh hữu và đẩy mạnh các chính sách cấm phá thai) để khích động thành phần này siêng đến thùng phiếu và giúp đem lại chiến thắng trong hai kỳ bầu cử năm 2002 và 2004. Nếu như TT Bush 41 để cho Ngoại trưởng James Baker đi chu du khắp nơi để vận động cho đa số các quốc gia trên thế giới, kể cả các nước cựu thù Nga và Tàu cũng như các quốc gia Hồi-giáo khác, tham gia và đóng góp mạnh mẽ trong liên minh của mình để tấn công quân đội của Saddam vào năm 1991 thì TT Bush 43 đã không nghe theo lời khuyên của Ngoại trưởng Colin Powell mà để cho cặp bài trùng Cheney và Rumsfeld thao túng trong hậu trường để đi đến quyết định xem thường Hội Đồng Bảo An của LHQ và ngang nhiên tấn công Iraq vào năm 2003.

VAI TRÒ CỦA ÔNG ROBERT GATES?

Phải chăng cựu TT Bush 41 đã cố gắng đưa ông Robert Gates trở lại chính trường để có thể cứu vãn được tình hình tệ hại hiện nay? Toà Bạch Ốc dĩ nhiên phủ nhận việc này, nhưng một người bạn thân của gia đình Bush đã tiết lộ với tuần báo Newsweek, với yêu cầu được giấu tên, rằng rõ ràng là "có nhiều dấu vết (*fingerprints*) của cựu TT Bush trong vụ này." Đó cũng là nhận định của Đại tá hồi hưu Bill Smullen, một cựu phụ tá thân cận của ông Powell và hiện làm giám đốc một viện nghiên cứu về an ninh quốc phòng ở trường Đại học Syracuse.

Nếu như lần này ông Bush 43 không cầu cứu đến cha mình thì ít ra người ta cũng thấy rằng

ông đang cầu cứu đến bộ tham mưu của ông bố. Ông Gates cũng từng là một thành viên trong Nhóm ISG do ông Baker làm đồng chủ tịch, đang sửa soạn đưa ra những đề nghị thay đổi quan trọng trong chính sách liên quan đến cuộc chiến Iraq. Nhiều phần là ông Gates, trong cương vị tân tổng trưởng quốc phòng, sẽ chấp nhận những đề nghị thay đổi trong chính sách điều hành theo yêu cầu hay đề nghị của ISG.

Khách quan mà nói, trong tình trạng tồi tệ hiện nay, một phần do sự cẩu thả thiếu phòng bị và nghiên cứu kỹ lưỡng của những đầu óc hiếu chiến và tự cao, ngạo mạn như Rumsfeld, hay hoang tưởng như Cheney, Wolfowitz, phần khác vì những tranh chấp tiềm ẩn giữa các thành phần Shiite, Sunni và Kurd của quốc gia Iraq được nổ bùng lớn ra sau ngày lãnh tụ độc tài Saddam bị hạ bệ, những đầu óc thông minh nhất của Hoa Kỳ có lẽ cũng chẳng đem lại thành tích khả quan nào, nhất là trong tương lai gần. Bởi vì nói theo lời nhận xét của các vị tướng lãnh ở chiến trường, kẻ thù của Hoa Kỳ (là những thành phần gây bạo động ở Iraq) cũng có tiếng nói và lá phiếu trong việc định đoạt tương lai cho Iraq.

Tuy nhiên, một phần vì những ân huệ cá nhân giành cho TT Bush 41 cần được đền đáp, phần khác vì sự ưu tư đến quyền lợi của Hoa Kỳ trong lâu dài trước viễn cảnh bộ máy chính quyền Bush trong thời gian qua vẫn chưa chịu thức tỉnh trước tình trạng tệ hại tại Iraq — một tình trạng được nhà báo Bob Woodward mô tả rõ ràng trong cuốn sách State of Denial phát hành trong tháng trước — nên một số các cựu viên chức cao cấp trong chính quyền đã tình nguyện tham gia vào nhóm ISG cũng như góp mặt tích cực hơn trong việc thay đổi chính sách điều hành trong thời gian tới.

Tuy được thành lập vào tháng Ba năm nay, do sự thúc đẩy của nhiều cựu viên chức cao cấp trong ngành ngoại giao ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn, nhiều người vẫn nghĩ rằng những kết luận mà nhóm ISG đưa ra có lẽ cũng sẽ được nhắc tới trong một vài ngày để rồi sau đó sẽ được xếp xó nằm đóng bụi trên một ngăn kệ nào đó. Đến ngay như cả những kết luận quan trọng của các Uỷ Ban Lưỡng Đảng về vụ 9/11 và Tình báo Quốc gia đã đưa ra những nhận xét và đề nghị cải tổ mà cũng còn bị bộ tham mưu của TT Bush lơ là không thèm thực sự quan tâm đến vì nội dung có phần nào chỉ trích những sai sót và khiếm khuyết của chính quyền, huống chi là những kết luận của nhóm ISG chắc chắn sẽ đưa ra những nhận định không mấy thuận lợi cho hình ảnh của ông Bush và các phụ tá của ông. Chính cá nhân ông Baker cũng không nói gì nhiều đến vụ Iraq. Mặc dù nhiều người hiểu rằng các phụ tá cao cấp của ông Bush 41 đều không "hăng máu" gì cho lắm trong kế hoạch tấn công Iraq ngay từ lúc ban đầu, nhân vật chống đối được chú ý nhiều nhất là ông Brent Scowcroft, cố vấn an ninh quốc gia thời TT Bush Bố, người đã chỉ trích thẳng thừng chính sách tấn công Iraq cũng như lên án một đồng nghiệp cũ là PTT Cheney, khi tiết lộ với tờ báo New Yorker: "*Dick Cheney, tôi không còn nhận ra ông ta nữa.*" Ông Baker chỉ nhận lời tham dự vào nhóm nghiên cứu ISG sau khi được TT Bush 43 bảo đảm là mong muốn ông nhận lãnh vai trò này, cũng như được hứa hẹn sau đó là sẽ được toàn quyền phỏng vấn mọi tướng lãnh và viên chức ngoại giao mà không gặp sự cản trở từ phía ông Rumsfeld. Tuy lúc đầu không đặt nhiều kỳ vọng vào việc làm của nhóm nghiên cứu này, ông Baker sau đó cũng thu hút được sự đóng góp tham dự của nhiều nhân vật có uy tín khác như cựu thẩm phán Tối Cao Pháp Viện Sandra O'Connor, cựu thị trưởng New York Rudolph Giuliani, ông Leon Panetta, cựu tổng trưởng phủ tổng thống thời Bill Clinton. Nhân vật đồng chủ tịch nhóm là Lee Hamilton, một vị dân cử kỳ cựu thuộc đảng Dân Chủ, từng nắm chức Chủ tịch Uỷ ban Ngoại giao ở Hạ Viện. Ông Hamilton nổi tiếng là một chính trị gia có kiến thức sâu rộng, có uy tín cao vì không nặng tính bè phái, nên đã khiến cho việc làm của ISG có thể được cả hai phe Cộng Hoà và Dân Chủ ở Quốc Hội sẵn sàng đón nhận. Ông Baker biết rằng các vị dân cử phe Dân Chủ, đang chỉ trích mạnh mẽ chính sách của chính quyền Bush dựa theo lòng dân hiện nay, sẽ không sẵn sàng cộng tác theo các đề nghị của nhóm ISG nếu như thấy rằng nhóm này chỉ là công cụ của chính quyền muốn tuyên truyền hay biện hộ cho các khiếm khuyết hiện nay. Mà nếu như phe Dân Chủ tẩy chay thì các đề nghị thay đổi của ISG sẽ không thể nào thành tựu được.

Phong cách làm việc của ông Baker thường là tìm cách dàn xếp kín đáo và nhẫn nại trong hậu trường, và chỉ khi nào đạt được đầy đủ yếu tố cần thiết thì mới chịu công bố chính thức ra ngoài. Trong số các chính trị gia và lãnh tụ đương thời, ông được coi như là người có thành

tích đặc biệt kết hợp hay thuyết phục được nhiều người có ý tưởng hay quan điểm đối lập chịu ngồi lại cùng nhau để thảo luận. Trong công tác hiện nay của nhóm ISG, ông đã tiếp xúc với các nhà ngoại giao của nhiều quốc gia Ả Rập như Ba Tư (Iran), Syria và Saudi Arabia; ông cũng đã đến Iraq để gặp gỡ các lãnh tụ dân sự và quân sự tại nước này. Và ông sẽ phải cực nhọc thuyết phục các thành viên nổi tiếng khác trong nhóm cùng nhau thảo luận để có thể đi đến những thoả hiệp chung vì quyền lợi của đất nước.

Hiện nay nhóm ISG chỉ mới đưa ra bản phác thảo những đề nghị sửa đổi, và các uỷ viên sẽ ráo riết thảo luận sau khi đã họp với Toà Bạch Ốc cũng như nhiều viên chức liên hệ trong vài tuần lễ sắp tới trước khi đúc kết các đề nghị trong một bản báo cáo chính thức. Nội dung của những đề nghị trong bản phác thảo này hiện nay còn được giữ kín, nhiều người chỉ có thể tiên đoán rằng một trong những đề nghị sẽ là một giải pháp ngoại giao mới nói chuyện thẳng với các lân bang của Iraq là Syria và Iran, tức là đi ngược lại với chủ trương trước đây của chính quyền Bush, lúc nào cũng khăng khăng không thèm nói chuyện với các chính quyền hung đồ. Trước nhiều câu hỏi dồn dập của báo giới, ông Baker chỉ có thể hé mở một cách cẩn trọng rằng "*sẽ có những đề nghị trong bản báo cáo này khiến cho chính quyền hiện nay sẽ không lấy làm gì hăng hái cho lắm.*"

Một phụ tá cũ đã tiết lộ là đối với ông Baker, yếu tố "thời gian đúng lúc" (*timing*) là điều quan trọng nhất, và thời điểm thích hợp nhất để trình bày những đề nghị sửa sai này chỉ xảy ra khi nào TT Bush thấy được ý kiến bất mãn của cử tri qua lá phiếu. Nói một cách khác, những lời khuyên thành thật hay chí lý đối với TT Bush cũng chỉ như "nước đổ lá môn," và chỉ khi nào ông nhận rõ phản ứng giận dữ của đa số dân chúng qua cái kết quả thảm bại vừa rồi của đa số dân cử phe Cộng Hoà thì ông mới chịu khó lắng nghe những lời khuyên hữu ích để sửa sai và thay đổi hầu có thể cải thiện tình hình. Ông Baker cũng có thú tiêu khiển là thích đi săn chim rừng nên có đức tính kiên nhẫn ngồi chờ thời cơ đến lúc chín mùi thì mới ra tay. Viên phụ tá này kể tiếp: "*Khi đi săn kiểu này, anh có thể ngồi chờ lâu suốt ngày và chỉ có cơ hội bắn một phát thôi. Tuy nhiên khi thời cơ đến, chỉ trong tích tắc thôi, ông ta sẽ sẵn sàng nổ cò ngay.*" Đức tính kiên nhẫn của ông Baker có thể khiến nhiều người nhớ đến một đức tính khác của các chính trị gia qua câu nói của cựu TT Nguyễn Văn Thiệu năm xưa: "*Làm chính trị là phải lì.*"

Riêng ông Robert Gates cũng là một cựu thành viên của nhóm ISG trước khi rút lui để nhận lời nắm giữ Bộ Quốc Phòng. Việc ông miễn cưỡng nhận trách nhiệm này cũng là một cách để đền đáp những ân huệ cá nhân trong quá khứ, khi cựu TT Bush 41 đã bổ nhiệm ông làm tổng giám đốc Cơ quan Tình báo Trung ương CIA mặc dù trước đó không lâu ông bị tai tiếng nhiều trong vụ xì-căng-đan Iran-Contra. Ray McGovern, một cựu viên chức kỳ cựu của CIA từ năm 1963 đến 1990 và cũng từng là sếp của ông Gates trong quá khứ, mới đây đã thuật lại nhiều chi tiết khá lý thú về thành tích của ông Gates trong việc nhào nặn các tin tức tình báo để đưa ra những nhận định kết luận theo ý hướng của chính quyền đương thời. Trong một bài báo đăng trên TomPaine.com đề ngày 09 tháng 11, ông McGovern đã kể rằng vào năm 1985, ông Gates đã đúc kết một bản Thẩm Định Tình Báo Quốc Gia (*National Intelligence Estimate, NIE*) cho rằng ảnh hưởng của Liên Sô có thể gia tăng tại Iran (sau này được biết là không đúng sự thật), để từ đó có thể biện minh cho chính sách bí mật bán vũ khí cho Iran. Nghiêm trọng hơn nữa là ông Gates đã phủ nhận không biết gì hết về các hành động phi pháp trong hồ sơ Iran-Contra. Với cương vị là phụ tá cao cấp cho trùm CIA lúc bấy giờ là William Casey, ông Gates đã làm ngơ để cho một nhân viên trung cấp trong Hội đồng An ninh Quốc gia là Oliver North cạo sửa hồ sơ phi pháp trong vụ buôn vũ khí cho Iran để lấy tiền cho tổ chức chống Cộng tại Nicaragua. Sau này khi bị điều tra bởi công tố viên độc lập Lawrence Walsh, ông Gates đã liên tiếp nói rằng ông "*không nhớ gì về những chi tiết trong nội vụ.*" Ông Walsh sau này đã kể lại nỗi bực mình của ông khi viết rằng ông Gates đã phủ nhận đến 33 lần và câu nói "Tôi không nhớ gì về những chi tiết trong vụ này" (*I don't have any recollection of facts*) trở thành câu châm ngôn tiêu biểu của các chính trị gia thời TT Reagan mỗi khi cần phải tìm cách chối tội.

Hồi đầu năm 2005, khi TT Bush muốn mời ông Gates ra chính trường trở lại trong chức vụ tổng giám đốc an ninh quốc gia, một chức vụ mới được thành lập nhằm kết hợp và thống nhất hoạt động của 16 cơ quan trong hệ thống tình

báo của Hoa Kỳ, ông Gates đã ngần ngừ trước khi từ chối. Lần thứ hai ông cũng từ chối trở lại làm việc trong chính quyền khi TT Bush đề nghị ông nắm chức phó ngoại trưởng. Lúc bấy giờ, ông đang giữ chức vụ Viện trưởng của trường Đại học uy tín ở gần Houston là Texas A&M. Tuy là một viên chức kỳ cựu trong ngành tình báo và an ninh quốc phòng, khởi sự từ một sĩ quan trẻ ngành quân báo trong Không quân, biệt phái sang CIA ở cấp thấp và rồi leo dần lên đến nấc thang cao nhất là tổng giám đốc CIA, ông Gates về sau này đã nhận định khá chua chát về công việc trong chính quyền xuyên qua phần tự thuật trong cuốn hồi ký khá chính xác về thế giới đầy bon chen tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn: "*Không có gì có thể so sánh với công việc tại Toà Bạch Ốc. Lúc nào cũng phải làm việc tất bật, và bất kể giờ giấc. Mưu mô. Ám hại. Tham vọng. Xung khắc triền miên. Nội gian. Những kẻ tìm cách tiết lộ tin tức bí mật ra ngoài. Tự ái của nhiều cá nhân cũng to như các đền đài chung quanh thủ đô. Những nhân vật chóp bu luôn tìm cách tranh giành đấu đá. Những ông tổng trưởng nhiều khi hành xử như trẻ nít. Lên cơn nổi giận đùng đùng và vô cớ.*" Sau khi từ chối chức vụ tổng giám đốc tình báo quốc gia, ông Gates đã tâm sự với các sinh viên ở trường Texas A&M rằng "*Thủ đô Hoa Thịnh Đốn đã thuộc về quá khứ của tôi. Hiện tại và tương lai của tôi là Texas A&M. Không có một chức vụ hay một cơ hội nào có ý nghĩa nhất đối với tôi cho bằng được làm viện trưởng của trường Đại học Texas A&M. Và tôi sẽ không thèm đổi nó cho một chức vụ nào khác.*"

Thế nhưng cuối cùng thì ông cũng đã đổi ý. Có lẽ giống như các tay cựu lực sĩ vô địch, đến khi về hưu nhưng đôi lúc vẫn còn nhớ nhung đến thời kỳ vàng son đấu tranh thuở xưa, nên lại muốn lao mình trở lại chính trường, cho dù không biết trước tương lai có còn sáng sủa nữa không.

Cuộc xuất hiện trở lại của ông lần này cũng khá ly kỳ. Vào đầu tháng 10, ông có xuất hiện cùng với ông Baker, cựu TT Bush Bố và TT Bush trong lễ hạ thuỷ chiếc hàng không mẫu hạm George H. W. Bush. Trong tuần trước, chỉ vài ngày trước khi gặp lại TT Bush, ông Gates đã ngồi cùng với vợ chồng TT Bush Bố trong một bữa ăn tối khao mừng cho trận banh football của trường Texas A&M, nơi ông làm viện trưởng. Tuy nhiên, theo lời thuật lại của nhà báo Evan Thomas đăng trong tờ Newsweek số mới nhất đề ngày 20-11, thì cuộc gặp gỡ để bàn thảo về chức vụ mới này diễn ra vào ngày Chủ Nhật 5 tháng 11 trước ngày bầu cử diễn ra. Điểm hẹn bí mật được căn dặn trước là bãi đậu xe của một siêu thị ở thị xã McGregor. Ông Gates lái xe riêng trong hai tiếng đồng hồ để đi từ College Station đến điểm hẹn. Tại đây, ông leo lên chiếc xe đợi sẵn trong đó có ông Josh Bolten, tổng trưởng Toà Bạch Ốc để lặng lẽ tiến vào trang trại ở Crawford. Sự có mặt của ông Gates rất kín đáo đến nỗi nhiều người khách được mời đến dự sinh nhật thứ 60 của Đệ nhất Phu nhân Laura Bush cũng như ngày kỷ niệm đám cưới lần thứ 29 của vợ chồng TT Bush cũng không nhận thấy hay để ý đến. Tại đây và trong ngày hôm đó, hai ông Bolten và Gates đã nói chuyện khá lâu để đi đến quyết định là có thể thuyết phục TT Bush chọn ông Gates để thay thế cho ông Rumsfeld.

Hiện nay chưa ai biết được là ông Gates sẽ đưa ra một kế hoạch mới mẻ nào cho chính sách điều hành tại Ngũ Giác Đài. Trong những cuộc thảo luận trong nhóm, ông Gates đã nghe nhiều hơn nói. Một số những chi tiết đáng chú ý đã được hai nhà báo Dan Ephron và Mark Hosenball của tờ Newsweek tường thuật theo lời kể của một người thân cận với ông. Đó là trong chuyến công tác mới nhất khi đi thăm Iraq về, trên chuyến bay dài hơn 13 tiếng đồng hồ, ông Gates cũng đã tiết lộ nhiều điều lý thú, nhất là sau khi đã uống vài ly rượu cho thư giãn tinh thần. Ông nói rằng quả thật bộ tham mưu của TT Bush đã làm hỏng việc (*screwed up*) tại Iraq và giờ đây ông cũng không hiểu tại sao nó lại xảy ra như thế. Điều tệ hại nhất, theo ông Gates, là những quyết định như đòi chiếm đóng quốc gia với một lực lượng quân đội khá nhỏ bé, cũng như đã giải tán toàn bộ những công chức Iraq vốn có chân trong đảng Baath cầm quyền của nhà độc tài Saddam. Theo lời của nhân vật thân cận này kể lại thì "*ông ta không thể nào tin rằng có sự bất tài to lớn như vậy trong kế hoạch điều hành cuộc chiến ở Iraq.*"

Thật ra thì không phải đợi đến khi đi đến Iraq và chứng kiến những hậu quả tệ hại do chính sách cẩu thả và thiếu trách nhiệm của ông Rumsfeld thì ông Gates mới bắt đầu chỉ trích các chính sách của TT Bush. Ông là đồng tác giả với ông Zbigniew Brzezinski, Cố vấn An ninh Quốc gia dưới thời TT Jimmy Carter, trong một bản báo cáo vào năm 2004 có nội dung khuyến khích đưa ra các điều kiện dễ dãi

với Ba Tư, như việc đình chỉ các biện pháp trừng phạt hay phong toả kinh tế, để có thể thuyết phục chính quyền ở Teheran hãy từ bỏ tham vọng theo đuổi chương trình hạch tâm. Ông Gates, đã từng tỏ ý hoài nghi về chính sách tấn công Iraq, còn nói rằng ước vọng của Hoa Thịnh Đốn muốn nhìn thấy sự thay đổi chế độ tại Iran là hoàn toàn không thực tế, và việc chính quyền Bush cương quyết không chịu đàm phán trực tiếp với Teheran đã "làm hại đến quyền lợi của Hoa Kỳ." Ông cũng nói thêm rằng những cố gắng đi tìm một giải pháp cho cuộc xung đột giữa Palestine và Do Thái phải là trọng tâm của chính sách ngoại giao Hoa Kỳ.

Vậy thì liệu ông Gates, cũng như ông Baker, có thuyết phục được TT Bush và PTT Cheney chấp nhận những sửa sai như ông đã từng nêu trước đây? Nhất là khi mà cả hai nhân vật này luôn luôn khước từ những lời góp ý hay khuyên can của người khác, đôi khi còn thích chụp mũ cho những người can gián là những thành phần hèn kém, không biết nhận chân ra những kẻ thù nguy hiểm lâu dài của Hoa Kỳ.

James Carafano, một chuyên viên của Viện nghiên cứu Heritage Foundation, cho rằng sự xuất hiện của các ông Gates và Baker là một hình thức giúp cho TT Bush có thể bắt tay với phe đối lập bên Dân Chủ để mong tìm đến một sự đồng thuận hầu có thể giải quyết được vấn nạn Iraq.

Dennis Ross, một cựu đại sứ tại vùng Trung Đông dưới thời TT Bush Bố, nói rằng ông Gates sẽ mang lại những thay đổi quan trọng: "*Bob Gates là một người theo trường phái thực tiễn trong chính sách ngoại giao trên trường quốc tế. Điều này có nghĩa là ước muốn của phe tân-bảo-thủ muốn thay đổi các chế độ và đẩy mạnh tinh thần dân chủ chắc chắn sẽ phải tạm đình lại để nhường ưu tiên cho việc ổn định tình hình.*"

David Frum, tác giả của bài diễn văn đặc biệt mà TT Bush đã thốt lên từ ngữ "trục ác quỉ" để chỉ đích danh ba nước Bắc Hàn, Ba Tư và Iraq, đã kể với tờ báo The London Times rằng việc bổ nhiệm ông Gates cho thấy một hướng đi mới trong chính sách ngoại giao trong đó việc thương thuyết và điều đình, tức là củ cà-rốt thay vì cây gậy, sẽ được đặt nặng. Cũng theo ông Frum, thì giờ đây ông Baker đang thực sự đảm nhiệm vai trò của một ngoại trưởng Hoa Kỳ cho dù ông không có chức vụ chính danh.

Tuy nhiên, một cựu viên chức cao cấp khác thì đưa ra một nhận xét không mấy lạc quan: "*Cheney vẫn còn ngồi ở đó. Và mặc dù TT Bush có vẻ như tỏ ra hối tiếc về những chuyện đã qua, trong thực tế vẫn chưa có những thay đổi đáng kể gì. Vấn đề nhiều khi không tuỳ thuộc vào các ông Gates hay Baker, hay Toà Bạch Ốc, mà cái chiến lược sắp tới có thể được định đoạt bởi những người Iraq.*" Đó cũng là nhận định bi quan của dân biểu Tom Lantos, đại diện cho một đơn vị tại California và có lẽ sẽ nắm chức Chủ tịch Uỷ ban Ngoại giao ở Hạ Viện vào đầu năm tới: "*Anh không thể quậy lại được cái trứng khi nó đã được chiên cứng xong rồi, cũng như không thể sửa sai lại nhiều lỗi lầm tai hại to lớn đã xảy ra sau khi cuộc chiến bùng nổ to lớn. Tôi không thể nào hình dung ra được những giải pháp ma thuật nào có thể cứu vãn tình thế.*"

Daniel Goure, một chuyên viên của Viện nghiên cứu Lexington Institute, thì cho rằng ông Gates đã rời khỏi chính quyền trong một thời gian khá dài và do đó sẽ phải mất một thời gian ngắn để có thể làm quen lại với cơ cấu điều hành cũng như sinh hoạt tại Ngũ Giác Đài trước khi nói đến chuyện đưa ra những giải pháp thay đổi hay sửa sai. Trong giới hạn chừng mực đó, ông Goure cho rằng ông Gates có lẽ sẽ đảm nhiệm công việc như là một người xử lý thường vụ, tiếp tục có mặt để cho việc điều hành guồng máy to lớn của quân đội được tiếp tục.

Liệu hai ông Baker và Gates và những bộ óc tham mưu của TT Bush Bố có thể ra tay để cứu vớt cho sự nghiệp của cậu con Bush 43 hay không? Phải chờ đợi những diễn tiến trong tương lai mới biết được câu trả lời chính xác. Một lãnh tụ nổi tiếng của Pháp là George Clemenceau đã từng nói rằng "*Chiến tranh là một chuỗi dài những cơn thất bại để rồi cuối cùng dẫn đến sự thành công.*" Rõ ràng là cuộc chiến tại Iraq khởi sự từ năm 2003 đến nay đã chỉ mang lại toàn những cơn thất bại. Việc học hỏi để rút tỉa kinh nghiệm từ những thất bại để từ đó đồng lòng đoàn kết lại hầu tìm ra những giải pháp khả quan có lẽ chỉ là con đường duy nhất đi tới để mong tìm thấy một tương lai sáng sủa hơn.

Ước mong và cũng cầu nguyện cho TT Bush và bộ tham mưu của ông cũng chịu nhìn ra như vậy. Có thế thì tương lai của Hoa Kỳ mới mong khá được. Và cũng là tương lai của toàn thế giới.

Houston, Texas

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU

Bầu-cử Giữa Nhiệm-kỳ: Ngọn Triều Mới?

CỔ-LŨY

Hai ngày sau bầu-cử giữa nhiệm-kỳ hai của tổng-thống George W. Bush (ngày Bẩy tháng Mười-một, năm 2006) mức-độ căng-thẳng hồi-hộp về cuộc bầu cử mới chấm dứt: tình-trạng ngang-ngửa giữa hai đảng chính Cộng-hòa và Dân-chủ (với mỗi bên chiếm 49 ghế trong Thượng-viện về khuya trong ngày bầu-cử) đã ngả phần thắng đa-số về phe Dân-chủ với hai ghế mới ở tiểu-bang Virginia và Montana. Cũng về khuya ngày bầu-cử, phe Dân-chủ đã chiếm đa-số trong Hạ-viện, hơn phe Cộng-hòa từ ba-mươi đến trên bốn-mươi ghế.

Bầu-cử giữa nhiệm-kỳ năm 2006 không chỉ là một trưng-cầu dân-ý (referendum) thông-thường. Kết-quả cuộc bầu-cử cho thấy đa-số người đi bầu bác-bỏ hoặc phản-đối mạnh-mẽ (repudiation) chính-sách đối-ngoại của chính-quyền (nhấn mạnh về an-ninh quốc-gia, nhất là ở Iraq— một đề-tài giúp chính-quyền và phe Cộng-hòa nói chung thành-công qua hai đợt bầu-cử 2002 và 2004) cùng những hối-mại quyền-thế quá-quắt của đảng Cộng-hòa với đa-số ở hai viện Quốc-hội (một sự-kiện được báo-chí, truyền-thông nhắc-nhở đều-đặn).

Cũng hai ngày sau bầu-cử, tổng-thống Bush đã làm hành-động gần như tượng-trưng "đưa cũ, đón mới" với bữa ăn sáng tại tòa Nhà Trắng cùng hai lãnh-tụ Cộng-hòa, chủ-tịch Hạ-viện Dennis Hastert (tuy được tái đắc-cử nhưng sẽ mất chức chủ-tịch, và cũng sẽ nhường chức lãnh-tụ thiểu-số cho người khác) và chủ-tịch Thượng-viện, bác-sĩ Bill Frist (từ-chức để sửa-soạn tranh-cử tổng-thống năm 2008). Buổi ăn trưa cùng ngày, ông Bush mời chủ-tịch Hạ-viện sắp tới, dân-biểu Dân-chủ California Nancy Pelosi (đầu năm 2007 bà sẽ là phụ-nữ đầu tiên trong lịch-sử Hoa-Kỳ làm chủ-tịch Hạ-viện, và theo hiến-pháp sẽ là người thứ nhì, sau phó tổng-thống sẵn-sàng lên thay tổng thống trong trường-hợp tổng-thống không thể tiếp-tục tại chức) và dân-biểu Steny Hoyer (Dân-chủ, Maryland), sẽ là người thứ nhì trong Hạ-viện. Được báo-chí, truyền-hình hỏi thực-đơn ăn trưa có món gì, cố-vấn pháp-lý của tòa Nhà Trắng Dean Bartlett nửa đùa nửa thật trả lời ông Bush ăn "thịt quạ," một thành-ngữ trong tiếng Anh với ý tổng-thống phải cay-đắng nhận lỗi-lầm.

Cũng cùng ngày, tòa Nhà Trắng công-bố việc từ-chức của tổng-trưởng quốc-phòng Donald Rumsfeld, người cùng với phó tổng-thống Dick Cheney được xem như đầu-não và trụ-cột còn lại của cuộc chiến sa-lầy ở Iraq —một biến-chuyển lớn nhiều người biết trước sau sẽ xảy ra, dù tổng-thống (vẫn khăng-khăng) tuyên bố giữ lại ông Rumsfeld cho đến khi "chiến-thắng" (rất mơ-hồ) ở Iraq. Ba ngày sau bầu-cử, tổng-thống cũng gặp-gỡ nghị-sĩ Dân-chủ Harry Reid (Nevada, và sẽ là chủ-tịch Thượng-viện đầu năm tới) và nghị-sĩ Richard Durbin (Dân-chủ, Illinois) người thứ nhì trong Thượng-viện. Trong những gặp-gỡ xã-giao tổng-thống Cộng-hòa (hành-pháp) và giới lãnh-đạo đa-số Dân-chủ (lập-pháp) đều hứa-hẹn hợp-tác để làm việc trong tương-lai.

Kết-quả bầu-cử đáng mừng cho phe Dân-chủ và bất-lợi cho phe Cộng-hòa như xác-nhận sự-kiện đưa ra trước bầu-cử bởi báo-chí, truyền-thông và những nhà quan-sát chính-trị thẩm-quyền: thay-đổi lớn đã xẩy ra trong cuộc bầu-cử, với cử-tri đi bầu ở mức kỷ-lục để bầy-tỏ bất-mãn với cuộc chiến ở Iraq mà tổng-thống vẫn xem là có lý-do, chính-nghĩa và thành-công, cùng những hối-mại quyền-thế rộng-lớn, trâng-tráo trong Quốc-hội. Kết-quả bầu-cử cũng mở-màn một giai-đoạn chia rẽ mới giữa hành-pháp nằm trong tay phe Cộng-hòa và lập-pháp nằm trong tay phe Dân-chủ, với những tiền-lệ gay-gắt như lịch-sử cho thấy.

Phe Dân-chủ đã lấy lại đa-số trong lập-pháp bị mất từ năm 1994, sau khi đã trải qua mười hai năm mất quyền và nhất là sáu năm đầy "ân-oán" với chính-sách "chia để trị" gay-gắt của hai cố-vấn uy-quyền và thân-tín nhất của tổng-thống, ông Karl Rove và Dick Cheney. Với quyền-lực đa số mới phe Dân-chủ sẽ cư-xử, hoặc sẽ "trả đũa" ra sao, và những xung-đột, qua lại

giữa hai đảng sẽ diễn ra như thế nào trong hai năm đi đến tổng tuyển-cử năm 2008 với một tổng-thống mới?

CỔ-LŨY

Hai năm sau khi bầu cho tổng thống Bush vào nhiệm kỳ thứ nhì và khẳng định quyền khống chế của đảng Cộng-hòa trong cả hai nhánh hành pháp và lập pháp ở Hoa-Thịnh-Đốn, cử tri Mỹ vừa mới bỏ phiếu bác bỏ tổng thống và đảng của ông. Cử tri cũng cho đảng Dân-chủ cơ hội giành lại nhánh lập pháp (sau mười-hai năm dài) trong hai năm chót của chính quyền Bush với hy vọng nắm thế chủ động trong kỳ bầu cử tổng thống năm 2008. Cuộc vận động tranh cử và bầu cử gay gắt giữa hai đảng cũng đã xoay quanh "trưng cầu dân ý" về cuộc chiến Iraq, mỗi lúc một thành cái "tai họa" cho chính quyền và di sản chính trị tiêu cực cho cá nhân tổng thống Bush.

Phe Dân-chủ đã chiếm hơn số phiếu cần thiết để lấy lại đa số một cách khá dễ dàng ở Hạ-viện. Tranh cử ở cấp Thượng-viện không dễ dàng như vậy: hai ngày sau bầu cử, phe Dân-chủ mới rõ ràng chiếm được đa số 51 phần trăm trong Thượng-viện —một tỉ số tuy nhỏ nhưng trước bầu cử ít người nghĩ rằng phe này có thể lấy được.

Phe Dân-chủ lấy ghế trong quốc hội từ các dân biểu và nghị sĩ Cộng-hòa tái cử hoặc những ghế bỏ trống ở khắp nước, từ những tiểu bang Đỏ (thiên Cộng-hòa) như Indiana cho tới những tiểu bang Xanh (thiên Dân-chủ) như Connecticutt, từ những vùng thôn quê (thiên Cộng-hòa) như Bắc Carolina cho đến khu vực thành thị lớn như Philadelphia (thiên Dân-chủ).

Khác với những suy nghĩ tính toán của phe Cộng-hòa, đảng viên Cộng-hòa bị thua hoặc mất chức vì những vấn đề có tính cách toàn quốc—Iraq, và hối mại quyền thế trong hai nhánh lập pháp và hành pháp Cộng-hòa ở Hoa-Thịnh-Đốn—hơn là những âu lo có tính cách địa phương.

Sau kết quả bầu cử, từ dân biểu và nghị sĩ kỳ cựu như bà Nancy Pelosi và ông Harry Reid cho tới những nhân vật dân cử trẻ hơn hoặc mới đắc cử lần đầu đều lập đi lập lại điệp khúc: dân chúng Mỹ đã bầu để thay đổi; dân chúng bầu cho phe Dân-chủ để hướng đất nước về một chiều hướng mới, và phe Dân-chủ sẽ làm theo ý nguyện dân chúng.

Dân-biểu Pelosi và nghị sĩ Reid cũng nói thêm: cần phải có giải pháp mới cho Iraq, những hối mại quyền thế cùng những vấn đề ngoại giao và nội trị khác. Tổng thống Bush liền thay đổi thái độ và chính sách bị xem là độc đảng, độc đoán của chính quyền, vội vàng bắt tay ngay đối thủ mới mạnh hơn với đề nghị hai phe cộng tác làm việc trong tinh thần "lưỡng-đảng hợp-tác"(bi-partisanship) mà suốt sáu năm qua ông không hề đếm xỉa đến. Ông nhận ngay đơn "từ chức" của tổng trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld, người dính liền với Iraq và được xem là nạn nhân đầu tiên sau khi phe Cộng-hòa thất cử. Tuy ngoài mặt hai lãnh tụ đa số mới ở nhánh lập pháp dân cử hứa hẹn hợp tác, phe Dân-chủ không dễ gì quên chuyện cũ, hoặc cũng không dễ gì cưỡng lại ý muốn trả đũa của nhiều người cùng đảng sau sáu năm bị gạt qua một bên hoàn toàn.

Vấn đề lớn cho phe Dân-chủ là, sau khi tranh cử gay go và chiến thắng họ có giữ được đoàn kết và kỷ luật cần thiết để đi đến thành công trong kỳ tổng tuyển cử 2008 và xa hơn nữa hay không.

I. PHE DÂN-CHỦ NẮM LẠI ĐA-SỐ TRONG QUỐC-HỘI

Ngay buổi tối ngày bầu cử mùng Bẩy tháng Mười-một vừa qua, giới báo chí truyền thông, nhất là truyền hình và phát thanh đều ồn ào lên vì kết quả, tuy chưa hoàn toàn nhưng đã cho thấy phe Dân-chủ chiếm phần thắng khoảng gấp đôi số ghế cần thiết (mười-lăm ghế) để chiếm đa số ở Hạ-viện. Mức độ thắng phiếu này như vượt quá mức tiên đoán của hầu hết giới báo chí, truyền thông.

Cùng đêm, mọi người như căng thẳng hoàn toàn vì phe Dân-chủ đã chiếm được bốn ghế (trên dự phóng sáu ghế để chiếm lại đa số) trong Thượng-viện, nâng số nghị sĩ hai phe lên 49 hòa 49. Nếu phe Dân-chủ chỉ chiếm được thêm một ghế, để đi lên năm-mươi, họ sẽ thua vì phó tổng thống Dick Cheney theo hiến pháp có quyền bỏ một phiếu để giải quyết trường hợp mỗi phe có năm-mươi phiếu (như ông đã làm nhiều lần, để chiếm đa số nhỏ bé và thông qua các quyết định tại Thượng-viện có lợi cho chính quyền). Qua ngày thứ hai sau bầu cử, hai nghị sĩ Conrad Burns (Cộng-hòa, Montana) và George Allen (Cộng-hòa, Virginia) chấp nhận thua phiếu, đưa hai ông Jon Tester và Jim Webb thuộc đảng Dân-chủ vào Thượng-viện để nâng đa số Dân-chủ lên năm-mươi-mốt —một tỉ số

rất nhỏ, đúng như một thiểu số quan sát viên chính trị dự đoán. Rất ít người nghĩ rằng phe Dân-chủ có thể chiếm được đa số ở Thượng-viện.

Như thế phe Dân-chủ đã nắm lại được đa số trong hai viện Quốc-hội, sau khi đã phải chịu lép vế đứng ngoài vòng quyền lực lập pháp — nhất là sáu năm vừa qua với chính quyền Bush— từ năm 1994 dưới thời tổng thống Dân-chủ Bill Clinton.

Chiến lược cũ không còn hiệu nghiệm

Trong lời mở đầu những bài về bầu cử giữa nhiệm kỳ trên *Thế-Kỷ 21*, tháng Mười-một và trước đây nữa, người viết đã nhắc nhở tới chiến lược bầu cử, tranh cử của cố vấn tòa Nhà Trắng Carl Rove, người được xem là kiến trúc sư sự nghiệp chính trị của tổng thống Bush từ thời ông tranh cử thống đốc tiểu bang Texas. Ông Rove cũng thành công trong vai trò "kiến trúc sư "(lời của tổng thống Bush) ở kỳ bầu cử tổng thống hai năm 2000, 2004 và bầu cử giữa nhiệm kỳ năm 2002.

CHỦ-TỊCH HẠ-VIỆN MỚI: Dân-biểu Nancy Pelosi (Dân-chủ, California), phụ-nữ đầu-tiên trong chức này cũng là người thứ nhì (sau phó tổng-thống) lên thay-thế tổng-thống George W. Bush nếu có mệnh-hệ gì.

Chiến lược của ông Rove được xem là rất "độc" nhưng tương đối khá giản dị. Qua sáu năm cầm quyền sôi động tổng thống Bush đã tạo ra không biết bao nhiêu những bất mãn nếu không nói là căm phẫn trong đảng Dân-chủ cũng như các giới đối lập với ông và đảng Cộng-hòa; đồng thời ông cũng sách động được sự ủng hộ nhiệt thành cho các chính sách, đường lối cực kỳ bảo thủ của chính quyền từ giới Cộng-hòa và bảo thủ. Nói một cách khác, đây là một đường lối "chia để trị" với "bạn, thù / phe ta, phe địch" rõ rệt và khá hiệu nghiệm (với kết quả khả quan cho phe Cộng-hòa sáu năm qua), nhưng cũng đầy nguy hiểm. Phe Cộng-hòa như luôn luôn thắng với một tỉ số tối thiểu vì đảng viên hồ hởi đi bầu, nhưng mức ủng hộ chính quyền nói chung mỗi lúc một nhỏ bé hơn, ngược hẳn với mức bất mãn lên cao trong giới Dân-chủ và cử tri độc lập.

Trong bi kịch bầu cử giữa nhiệm kỳ vừa qua, ông Rove, Cheney và Bush theo đuổi tới cùng chiến lược này. Và chiến lược nguy hiểm dựa hoàn toàn vào phe nhà không cần đếm xỉa tới địch và những người ở giữa đó đã gẫy đổ, với kết quả đảng Cộng-hòa mất thế đa số trong Quốc-hội với tỉ số khá rõ rệt. Chính quyền nay đã mất sự ủng hộ hầu như tuyệt đối từ phía lập pháp Cộng-hòa đa số trước đây, đúng vào thời điểm hai năm chót cầm quyền của ông Bush, đi vào tổng tuyển cử 2008. Phe đa số Dân-chủ trong Quốc-hội sẽ nhiệt thành đi ngược lại hành pháp và phe lập pháp thiểu số trong các ưu tiên của họ như tăng lương tối thiểu cho công nhân, điều tra toàn diện chiến tranh Iraq, bảo vệ môi sinh cùng những vấn đề nội trị và ngoại giao khác.

Ông Rove, Cheney và Bush từng chú tâm vào việc đoàn kết và sách động giới Cộng-hòa và bảo thủ nói chung, cũng như giới cử tri độc lập (không thuộc hai đảng chính) nhưng thiên hữu, với những chính sách và quyết định cực đoan nhằm xiển dương và đạt được những mục tiêu bảo thủ; ba ông cũng xem đây là chiến lược lớn có thể tập trung quyền lực vào đảng

Cộng-hòa trong thế hệ tới. Cuộc bầu cử vừa qua cho thấy chiến lược này đã thất bại hoàn toàn: ở nhiều đơn vị bầu cử, phe Cộng-hòa đã bị tràn ngập bởi ngọn triều bao gồm giới Dân-chủ nòng cốt cùng giới cử tri ôn hòa không hài lòng với chính quyền.

Nhà đầu phiếu Dân-chủ Al Quinlan giải thích: "Đầu đuôi là phe Dân-chủ nắm được sự ủng hộ của cử tri ở giữa [không tả cũng không hữu]." Mặt khác, nhà đầu phiếu Cộng-hòa Bill McInturff giải thích: "Iraq là vấn đề chính, và dân chúng đi bầu để thay đổi. Giới chủ lực Cộng-hòa có đi bầu vững vàng như thường lệ —nhưng tỉ số người độc lập và ôn hòa [bầu cho phe Dân-chủ] quá lớn không thể nào chống đỡ được."

Nhìn về những con số thống kê, hai tổ chức nghiên cứu bầu cử Edison Media Research và Mitofsky International cho thấy tám mươi phần trăm người chống chiến tranh Iraq bầu cho phe Dân-chủ, tỉ số tương tự ủng hộ chiến tranh Iraq bầu cho phe Cộng-hòa. Nhưng theo hệ thống truyền hình CNN (Cable News Network) khoảng hai trong năm cử tri ủng hộ chiến tranh Iraq, trong khi khoảng ba phần năm phản đối chiến tranh này.

Chiến thắng của phe Dân-chủ chấm dứt mười hai năm đa số Cộng-hòa trong Quốc-hội —bắt đầu với chiến thắng lớn và rõ rệt của phe Cộng-hòa cùng với khối cử tri độc lập năm 1994, khi tổng thống Dân-chủ Bill Clinton bắt đầu ngả về phía tả sau khi hứa hẹn là sẽ cai trị từ phía trung dung ở giữa. Bầu cử giữa nhiệm kỳ 2006 như đi ngược lại, với phe Dân-chủ cùng với khối cử tri độc lập nổi dậy chống mức thiên hữu quá quắt của tổng thống Cộng-hòa George Bush. Phe Dân-chủ củng cố thế lực ở những tiểu bang họ đã nắm vững như Maryland, New York, New Jerseyvà Rhode Island (ghế Thượng-viện), Pennsylvania, Connecticutt và New York (ghế Hạ-viện). Đồng thời họ xâm chiếm thành trì Cộng-hòa ở những nơi như Ohio (ghế Thượng-viện) và Indiana (ba ghế Hạ-viện) cũng như vùng Trung-Tây (Mid- West) và cả miền Nam bảo thủ. Phe Dân-chủ cho thấy họ cũng xâm lấn vào những vùng trước đây chọn ông Bush làm tổng thống —thường cũng chọn người cùng đảng với tổng thống vào hai viện Quốc-hội. Phe Cộng-hòa tiếp tục giữ được mức ủng hộ của giới đảng viên trung kiên và cử tri bảo thủ, nhưng ở nhiều nơi đây không đủ để ngăn ngọn triều Dân-chủ với sự ủng hộ của cử tri độc lập.

Kết quả bầu cử cũng cho thấy cử tri có thái độ ôn hòa về những vấn đề xã hội, giới có lợi tức cao cũng dồn phiếu cho phe Dân-chủ. Ở Pennsylvania, nghị sĩ Cộng-hòa đang tại chức Rick Santorum (một nhân vật rất bảo thủ, ngấp nghé ứng cử tổng thống năm 2008) từng chiếm cả trăm ngàn phiếu ở vùng ngoại ô da trắng khá giả, đã mất cả trăm ngàn phiếu về tay nghị sĩ Dân-chủ mới đắc cử. Ở Virginia, ứng viên Dân-chủ Jim Webb (có phu nhân là người Việt) đánh gục nghị sĩ Cộng-hòa đương nhiệm George Allen (cũng vô cùng bảo thủ và ngấp nghé ứng cử tổng thống) ở vùng ngoại ô da trắng khá giả. Phe Dân-chủ cũng chiếm được phiếu từ những giới độc lập nhưng bảo thủ về mặt xã hội và có lợi tức thấp (giới dồn phiếu đều đặn cho phe Cộng-hòa trước đây) ở Indinana và Pennsylvania.

Giáo sư chính trị học John Green thuộc viện đại học Ohio ở Akron giải thích, sự kiện phe Cộng-hòa mất ủng hộ từ hai giới cử tri khá giả và lao động đứng giữa cho thấy những nguy hiểm đe dọa chiến lược đẩy mạnh chương trình bảo thủ cực đoan của bộ ba Rove, Cheney, Bush —thường bị phản đối của gần phân nửa dân chúng toàn quốc, ngay cả ở những giờ phút lừng lẫy nhất của tổng thống. Ông nói, "[Với những chính sách và quyết định của mình, ông] Bush và những cố vấn của ông chấp nhận mức độ xung đột cao. Họ không hề muốn xây đắp một thỏa nhượng lớn [với phe Dân-chủ và cử tri độc lập]."

Tổng thống Bush không ra tranh cử trong kỳ bầu cử qua, nhưng ông chính là yếu tố quyết định kết quả bầu cử. Thái độ của người đi bầu đối với ông đưa đến kết quả khá rõ rệt. Ở Missouri, chín mươi phần trăm người ủng hộ ông Bush bỏ phiếu cho nghị sĩ Cộng-hòa đương nhiệm Jim Talent; tám-mươi-lăm phần trăm người phản đối ông Bush dồn phiếu cho ứng viên Dân-chủ bà Claire McCaskill. Đây là lý do bà McCaskill thắng cử: đa số cử tri ở Missouri không bằng lòng với chính sách và thành tích của ông Bush. Ở những nơi phe Dân-chủ thắng cử khác như Ohio, Rhode Island, New Jersey và Maryland, tỉ số người không bằng lòng với ông Bush còn cao hơn nữa. Tất cả như cho thấy khuynh hướng bất lợi cho các ứng viên Cộng-hòa, trong ít nhất là tương lai gần như tổng tuyển cử năm 2008 sắp tới.

Một điểm đáng lo ngại hơn nữa cho phe Cộng-hòa là khác biệt trong chọn lựa giữa cử

TÒA NHÀ TRẮNG BUỒN-BÃ: Sau ngày bầu-cử giữa nhiệm-kỳ tổng-thống Bush phải đối-phó với đa-số Dân-chủ thuộc nhánh lập-pháp trong hai năm chót của ông ở Hoa-Thịnh-Đốn.

tri phái nam và nữ lại xuất hiện. Trong kỳ tổng tuyển cử 2004 và bầu cử trước đó, ông Bush đã nhấn mạnh những vấn đề liên quan đến an ninh quốc gia, và đã lấy được phiếu cử tri nữ giới —theo chiều hướng lịch sử vẫn từng dồn phiếu cho phe Dân-chủ. Trong kỳ bầu cử vừa qua, với thăm dò dư luận cho thấy phụ nữ rất bất bình với cuộc chiến Iraq phe Dân-chủ đã lấy lại phiếu của cử tri phụ nữ với mức độ cao ở Missouri cũng như những nơi khác. Đồng thời phe Dân-chủ cũng gia tăng tỉ số ủng hộ của cử tri phái nam (thường nghiêng về phía Cộng-hòa hơn phái nữ trong mọi bầu cử) lên mức tám phần trăm ở nhiều nơi.

Về phía Dân-chủ, chiến lược đưa đến chiến thắng ớn ở Hạ-viện đã được chọn lựa bởi lãnh tụ Nancy Pelosi. Từng bị tiếng oan là người tự do tiến bộ (liberal) quá lố từ đơn vị San Francisco, bà Pelosi đã rất thực tiễn trong việc nghiên cứu tìm tòi cách lấy lại đa số Dân-chủ trong quốc hội từ sau thất bại lớn năm 1994. Bà đã để tâm nghe lời giới kỹ thương tư nhân, nhất là ông Jack Trout, một chiến lược gia về khuyến mãi từng cố vấn cho những đại công ty như IBM và Merck: phe Dân-chủ cần phải cho cử tri thấy sự khác biệt giữa họ với phe Cộng-hòa một cách rõ rệt. Sự khác biệt đó đi ngược hẳn lại chiến lược tập trung sách động mỗi giới chủ lực Cộng-hòa, bảo thủ mà thôi của ông Rove: "[Phe Dân-chủ] phải nói 'Chúng tôi muốn mang lại một chính quyền tốt cho *tất cả mọi người*, không chỉ riêng cho một thiểu số ưu quyến nào...' Cho cử tri thấy [phe Dân-chủ] muốn bao gồm tất cả mọi người," theo lời ông Trout.

Bà Pelosi đã theo sát chiến lược này và thuyết phục những nhân vật chủ chốt trong đảng đi cùng với bà. Những ngày chót trước bầu cử, trong khi ba ông Bush, Cheney và Rove gia tăng sách động giới chủ lực của phe mình bằng những xuyên tạc, mạt sát phe địch như trong các bầu cử trước đây, bà Pelosi nắm chắc kỷ luật đảng đồng lòng nhấn mạnh tư cách giới dân cử, tôn trọng ngay thẳng cũng như trách nhiệm sử dụng ngân sách quốc gia cho đúng chỗ. Một phụ tá của bà cho biết, "Bà không muốn chỉ làm chủ tịch quốc hội hai năm mà thôi."

II. ĐA-SỐ DÂN-CHỦ VÀ TƯƠNG-LAI: BẦU-CỬ SẮP TỚI

Trong không khí hào hứng, hồ hởi với chiến thắng sau mười hai năm chịu đựng và nhất là sáu năm lép vế dưới chính quyền Bush, dĩ nhiên phe Dân-chủ có đầy những ý muốn cũng như tham vọng và chương trình cần thực hiện và muốn thực hiện. Đây chưa kể đến những "ân oán" trong sáu năm qua chịu đựng thái độ coi thường lẫn thù nghịch của hành pháp cũng như phe đa số Cộng-hòa trong quốc hội.

A. Quyền hành trong tay

Sau chiến thắng phe Dân-chủ phải đương đầu với nhiều vấn đề gai góc: thay đổi thái độ kèn cựa, chống đối gay gắt giữa hai đảng bắt nguồn từ chiến lược cực đoan của bộ tứ đầu não (Rove-Cheney-Bush-Rumsfeld), thâm thủng ngân sách quốc gia, Iraq, lương tối thiểu cho công nhân, tiền giúp sinh viên đại học và ngoại thương, vân vân. Giới lãnh đạo đảng Dân-chủ, một đảng bao gồm nhiều nhóm quyền lợi không đồng nhất

và dễ chia rẽ, từng nhấn mạnh kỷ luật và trật tự tối đa. Giới lãnh đạo khối đa số mới đã đánh tiếng rằng đảng viên sẽ phải trả một giá đắt nếu họ có khuynh hướng đe dọa nỗ lực của đảng cho cử tri thấy đây là một đảng ôn hòa, chung chung.

Điều này có lẽ sẽ khó thực hiện với giới lãnh đạo Dân-chủ thâm niên sẽ lên nắm những chức vụ quan trong trong quốc hội đầu năm tới. Đã mười-hai năm dài không quyền lực trong tay, bây giờ giới lãnh đạo thâm niên muốn làm những gì để bù vào thời gian đã mất, và họ cũng muốn một số hành động khiến cho chính quyền đối lập cũng như giới đại kỹ thương đi lại chặt chẽ với chính quyền phải mất ăn mất ngủ.

Dân biểu Ike Shelton (Missouri) chẳng hạn, sẽ cầm đầu Ủy-ban Quân-lực hạ-viện, và việc đầu tiên ông định làm là dựng lại tiểu ban về giám sát và điều tra (trước đây bị phe đa số Cộng-hòa dẹp bỏ) những chi tiêu bừa bãi và phương thức điều hành cuộc chiến ở Iraq của chính quyền.

Với quyền lãnh đạo các ủy ban trong Quốc-hội đầu năm tới, khối đa số mới sẽ nắm quyền gọi nhiều người ra điều trần trước Quốc-hội, và quyền điều tra theo đúng vai trò dân cử như một trong ba nhánh lãnh đạo quốc gia. Đây có nghĩa là sẽ có rất nhiều nhân vật nòng cốt trong chính quyền và ngoài chính quyền sẽ được mời ra trước Quốc-hội để điều trần, trả lời vô số những câu hỏi gay gắt về rất nhiều vấn đề người dân có quyền biết. Một số vấn đề gây nhột nhạt cho chính quyền và giới tư nhân liên hệ có thể gồm phần lớn là chiến tranh Iraq, nhưng cũng không thể bỏ qua chuyện nghiêm trọng như vi phạm hiến pháp hay luật lệ trong các hoạt động được chính quyền bao gồm trong chiêu bài an ninh quốc gia, chính sách môi sinh, chương trình mua thuốc cho người già hưởng trợ cấp y tế, chính sách cũng như liên hệ giữa chính quyền với giới nhiên liệu, dầu khí. Dân biểu John Conyers (Michigan, sẽ nắm Ủy-ban Tư-pháp hạ-viện) nói, "Dân chúng cho thấy họ không muốn một quốc hội [lập pháp] làm mọi thứ hành pháp [tổng thống] muốn ["rubber stamp"]. Thay vào đó dân chúng đã lên tiếng đòi hỏi một đường hướng mới cho đất nước với quốc hội thực sự làm công việc độc lập và quân bằng quyền lực hành pháp ["checks and balances"]." Ông Conyers cũng từng muốn Quốc-hội họp để quyết định xem có căn bản pháp lý nào có thể giải nhiệm tổng thống Bush (bà Pelosi cũng đã công khai gạt ý kiến này đi).

Phát ngôn nhân của đương kim lãnh-tụ đa số Cộng-hòa hạ-viện John Boehner (Ohio) tuyên bố, "Chúng ta phải thận trong và dân chúng cũng phải thận trọng về một loạt những trát đòi ra trước Quốc-hội, và lối cai trị bằng điều tra của phe Dân-chủ." Nhưng ngay cả giới học giả như giáo sư luật viện đại học Baltimore ông Charles Tiefer (nguyên là luật sư hạ viện) phải công nhận rằng sáu năm qua "là một giai đoạn độc nhất trong lịch sử trong đó chính quyền [Cộng-hòa] được Quốc-hội [với đa số Cộng-hòa] để mặc cho vi phạm những lỗi lầm ." Một số lãnh tụ Dân-chủ thâm niên than phiền chính quyền đã coi thường, không đếm xỉa gì đến những chất vấn của họ trước đây. Dân biểu Dân-chủ Bart Stupak (Michigan) sắp thành chủ tịch tiểu ban giám sát và điều tra về Nhiên-liệu và Thương-mại nói ông sẽ nhìn vào "an ninh ở các phòng thí nghiệm nguyên tử năng, và những dễ dãi tại Cơ-quan Quản-trị Thực-phẩm và Thuốc-men [FDA]." Dân-biểu Dân-chủ James Oberstar (Minnesota), sẽ nắm Ủy-ban Giao-thông Vận-tải, từng bị hạn chế không được chất vấn bộ An-Ninh Quốc-gia (Homeland Security) về cách đối phó với thiên tai bão lụt Katrina, nay muốn "có những buổi điều trần thật dài."

Dân-biểu Dân-chủ Henry Waxman (Los Angeles, California), từng là cái gai nhức nhối cho chính quyền trong vai trò thiểu số, với những đòi hỏi gay gắt nhằm bênh vực người đóng thuế và tiêu thụ chống lại giới kỹ thương, canh nông, kỹ nghệ thuốc lá, kỹ nghệ dầu khí, kỹ nghệ quốc phòng, vân vân. Ông sẽ nắm chức chủ tịch Ủy-ban Cải-tổ Chính-quyền, và ở chức vụ mới chắc chắn sẽ điều tra một loạt những lãng phí, gian lận, đầu cơ và "chính quyền có làm những bổn phận phải làm hay không"—hiện ở trong vị trí thiểu số ông đã có đến tám-mươi điều tra viên trẻ tuổi nhiệt thành. Dân biểu Dân-chủ thâm niên nhất, ông John Dingell (Michigan), sẽ là chủ tịch Ủy-ban Nhiên-liệu và Thương-mại và có một số những câu hỏi về chương trình mua thuốc Medicare và chính sách nhiên liệu. Nói chung ở cấp Hạ-viện, giới lãnh đạo Dân-chủ thâm niên như đồng ý với tuyên bố của ông Waxman, "Khi ông Clinton [Dân-chủ] làm tổng thống, dù chuyện nhỏ mọn đến đâu phe Cộng-hòa cũng điều tra và gửi trát đòi điều trần. Khi ông Bush [Cộng-hòa] làm tổng

thống, không có một xì-căng-đan lớn nào mà họ không lờ đi."

Ở mặt Thượng-viện, giới lãnh đạo Dân-chủ thâm niên cũng không mềm dẻo ôn hòa với chính quyền và phe Cộng-hòa từng coi thường họ sáu năm qua. Giống như giới dân cử Dân-chủ ở hạ viện, ở thượng viện các nghị sĩ Dân-chủ thâm niên nắm quyền chủ tịch các ủy ban tương tự sẽ khẳng định quyền giám sát chính quyền mạnh mẽ hơn, nhất là những vấn đề liên quan đến Iraq. Ngay nghị sĩ Harry Reid (Nevada), chủ tịch Thượng-viện năm tới, cũng cảnh cáo phe Cộng-hòa ngay sau bầu cử cần sửa soạn trả lời những điều tra mới và những chểnh mảng về nhiệm vụ giám sát chính quyền cùng đảng. Ông tuyên bố rất rõ rệt và ngắn gọn, "Chưa hề có chuyện giám sát quân bằng quyền lực [giữa lập pháp và hành pháp, trong mấy năm qua]. Từ nay chúng tôi sẽ làm chuyện này." Ông cũng không dấu giếm gì về việc phe Dân-chủ sẽ sử dụng vị thế mới để chú mục vào chính quyền và những chính sách đề ra. Ông nhận rằng phe Dân-chủ sẽ không sử dụng quyền lực đa số một cách bừa bãi để mất sự ủng hộ của giới cử tri ôn hòa, nhưng cũng xác nhận sẽ "[T]ìm hiểu rõ ràng về cuộc chiến Iraq và những cơ quan chính quyền quá rộng lớn hiện nay."

Nghị sĩ Dân-chủ Dianne Feinstein (California) công bố chương trình rộng lớn về môi sinh, ngân sách quốc gia và những chính sách khác. Cũng từ California nghị sĩ Dân-chủ Barbara Boxer, sẽ cầm đầu Ủy-ban Môi-sinh và Công-chánh, tuyên bố, "Tôi đã sửa soạn những giám sát chặt chẽ và những dự luật cho thấy Thượng-viện sẽ lại đi tiên phong trong việc bảo vệ sức khỏe của mọi gia đình và con trẻ, cùng những biện pháp cho các vấn đề cấp thiết như trái đất mỗi ngày một gia tăng nhiệt độ ["global warming"] đầy nguy hiểm." Hai nghị sĩ Dân-chủ từng là cái gai nhức nhối cho chính quyền, ông Ted Kennedy (Massachusetts) sẽ cầm đầu Ủy-ban Y-tế, Lao-động và Hưu-bổng, và ông Joseph Biden (Delaware) sẽ cầm đầu Ủy-ban Ngoại-giao; cả hai chắc chắn sẽ ráo riết tấn công chính quyền trong những ngày tháng tới. Đây chưa kể đến chủ tịch Ủy-ban Tình-báo Jay Rockefeller (West Virginia; có thể sẽ được thay thế vì lý do sức khỏe) với bao nhiêu câu hỏi có thể làm rung chuyển chính quyền về tình báo và phản gián quốc ngoại cũng như quốc nội, trước và sau khi chiến tranh Iraq xẩy ra.

Giới lãnh đạo đa số thượng viện mới nói chung sẽ đẩy mạnh việc thi hành luật lệ chống những tội ác liên quan đến kỳ thị dân thiểu số, bãi bỏ luật cho giới kỹ thương dầu khí được miễn thuế, gia tăng tài trợ nghiên cứu nhiên liệu mới, và viết lại chương trình giúp người thấp lợi tức mua thuốc men. Đa số Dân-chủ cũng sẽ ngăn chặn tổng thống Bush bổ nhiệm quan tòa liên bang bảo thủ, một vấn đề gây nhiều tương tranh gay gắt giữa hai đảng chính.

Nhiều giới Dân-chủ nói đảng nên chú tâm vào việc áp lực tòa Nhà Trắng thay đổi đường lối về ngoại giao hơn là nêu ra lại những nghi vấn về việc chính quyền lừa giối dân chúng để đi vào chiến tranh Iraq. Nhưng nghị sĩ Dân-chủ Carl Levin (Michigan), người sẽ nắm chức chủ tịch Ủy-ban Quân-lực nói ông sẽ đòi chi tiết về khoảng 58 văn thư trong bộ quốc phòng về tin tức tình báo và kế hoạch quân sự trước chiến tranh. Những văn thư này có liên hệ chặt chẽ với Phòng Kế-hoạch Đặc-biệt và Phòng Thẩm-định Chính-sách Phản-gián (dưới quyền ông Steve Cambone, nhân vật thứ ba trong bộ và một kiến trúc sư chiến tranh Iraq cao cấp còn sót lại), hai văn phòng cực kỳ bí mật thuộc bộ quốc phòng từng bị kết tội bóp méo tin tức tình báo về vũ khí WMD ở Iraq và liên hệ giữa Sađam Hussein với khủng bố (hai lý do chính đã hoàn toàn bị chứng minh là sai lầm hay không có thực) để chính quyền lấy cớ đi vào Iraq. Ông Levin tuyên bố, "Vẫn còn những gì chưa ngã ngũ về các tài liệu mật chính quyền chưa chịu cung cấp cho quốc hội." Và dĩ nhiên, theo ông việc đầu tiên cần làm là "thay đổi chiều hướng chính sách ở Iraq;" ông muốn bắt đầu tuần tự rút quân lính Mỹ ra khỏi Iraq trong vòng bốn đến sáu tháng tới. Nghị sĩ Joseph Biden đồng ý với ông Levin, và kêu gọi phải bao gồm Ba-Tư (Iran) và Syria vào việc tìm giải pháp cho Iraq—hai nước có ảnh hưởng rộng lớn vào Iraq, nhưng bị chính quyền Bush xem là thù nghịch. Chủ tịch Reid cũng xác nhận phải di chuyển quân lính Mỹ đến nơi khácvà rút lui ra khỏi Iraq "trong vòng vài tháng tới."

B. Thế đa số khó khăn: tứ bề thọ ơn

Đây cũng phản ánh thái độ chống đối gay gắt chính quyền Bush và phe Cộng-hòa trong những giới ủng hộ phe Dân-chủ trong bao nhiêu năm nay và nhất là trong kỳ bầu cử vừa qua. Một số những nhân vật và tổ chức có công đưa phe Dân-chủ lên hàng đa số trong Quốc-hội đang nêu ra những đóng góp và đòi hỏi đền bù

tương xứng: họ muốn đương đầu với một loạt những vấn đề dễ gây mâu thuẫn và chia rẽ khó hàn gắn như kiểm soát mua bán súng đạn, phá thai, an ninh quốc gia, và Iraq. Giới lãnh đạo đảng Dân-chủ lo sợ đường lối cứng rắn nhằm giải quyết những vấn đề này có thể làm cử tri ôn hòa xa lánh phe Dân-chủ, và cho phe Cộng-hòa cơ hội tấn công phe Dân-chủ với những buộc tội phe này quá tiến bộ về mặt xã hội, hay lãng phí công quĩ và yếu đuối về an ninh quốc gia.

Sau cuộc vận động tranh cử lấy được phiếu của giới cử tri cực kỳ bất mãn về Iraq và tham nhũng trong giới dân cử Cộng-hòa—kể cả những cử tri bảo thủ và độc lập—hai lãnh tụ dân cử Dân-chủ Nancy Pelosi và Harry Reid từng lên tiếng xác nhận phe đa số sẽ "hành động theo vị trí chung chung [không cực đoan]." Nếu sau khi lấy lại đa số, phe Dân-chủ có những hành động hay chính sách gay gắt họ có thể mất phiếu của giới cử tri nói trên và hy vọng củng cố thế lực đa số để lấy lại tòa Nhà Trắng năm 2008.

Nhưng đối với giới lãnh đạo những khối quyền lợi từng trung kiên với đảng Dân-chủ—những người đã bị gạt qua một bên dưới thời đa số Cộng-hòa —quốc hội mới năm 2007 là cơ hội để thực hiện những gì họ từng ấp ủ, chứ không phải là lúc để thỏa nhượng với hành pháp và giới thiểu số Cộng-hòa. Họ xem kết quả bầu cử như bằng chứng cử tri ủng hộ những gì họ tranh đấu đòi hỏi, và cũng là lý do phe Dân-chủ đa số phải ủng hộ thực hiện chứ không được tránh né.

Liên-đoàn Dân-quyền Mỹ (ACLU, American Civil Liberties Union) đang trông đợi phe Dân-chủ bãi bỏ một số điều khoản mà nhiều người xem là phản hiến pháp trong Luật Ái-quốc (Patriot Act) sau vụ Mười-một tháng Chín, cũng như chấm dứt ngay những theo dõi lén lút với lý do an ninh của chính quyền trên nội địa Mỹ. Ông Eli Pariser, một giám đốc thuộc tổ chức tranh đấu tự do tiến bộ MoveOn.org từng gây quĩ tranh cử mạnh mẽ cho đảng Dân-chủ, tuyên bố, "Có một số đông người [đã tham gia hỗ trợ phe Dân-chủ lên vị thế đa số] sẵn sàng và tích cực ủng hộ bà Pelosi và nhóm của bà khi họ can đảm tiến tới —và cũng tích cực qui trách nhiệm khi họ không làm đúng như thế."

Ông Paul Helmke, chủ tịch tổ chức hạn chế buôn bán súng đạn bừa bãi, hy vọng sẽ có những luật lệ chặt chẽ chống vũ khí tấn công (assault weapon, khác với vũ khí tự vệ hoặc có mục đích thể thao), và ông có thể liệt kê danh sách các ứng viên tổ chức của ông ủng hộ đã đánh bại ứng viên do Hội Súng-đạn (National Rifle Association, NRA, một tổ chức đông đảo và dư thừa tiền bạc mà giới dân cử đều phải nể sợ; giới Dân-chủ sợ hạn chế súng đạn có thể làm mất ủng hộ từ cử tri thôn quê và độc lập). Cựu dân biểu Tom Andrews và cũng là giám đốc phong trào phản chiến Win Without War nói, "Đây là lúc rút quân đội Mỹ ra khỏi Iraq. Chúng tôi sẽ để mắt theo sát Quốc-hội mới." Bà Cecile Richards, chủ tịch tổ chức Planned Parenthood toàn quốc, nói phe Dân-chủ phải xem việc giúp đỡ phòng ngừa sinh đẻ như một vấn đề đa số người Mỹ ủng hộ (chứ không phải chỉ một số người tự do tiến bộ thôi) và phải chuẩn chi tiền bạc cho những biện pháp ngăn ngừa sinh đẻ, từng bị chính quyền và giới bảo thủ hạn chế.

Quan trọng hơn hết là Liên-đoàn Lao-động AFL-CIO, liên đoàn của nhiều nghiệp đoàn và thành trì trung kiên của phe Dân-chủ với tài lực và nhân lực hùng hậu đổ vào tranh cử, không chỉ muốn gia tăng lương tối thiểu cho người lao động, hạ giá thuốc men mà còn thay đổi hẳn những chính sách bênh vực giới chủ nhân và có hại cho lao động chính quyền Bush đưa ra mấy năm vừa qua, cũng như bảo hiểm y tế "cho mọi người." Ông Bill Samuel, giám đốc vận động lập pháp của Liên-đoàn nói, "Mười-hai năm qua như một mùa nắng hạn, chúng tôi đã chịu đựng chờ đợi cơn mưa lớn quá lâu rồi."

Với tư cách chủ tịch Hạ-viện, tuy với thâm niên được hai-mươi năm chắc chắn bà Nancy Pelosi sẽ phải chật vật đối phó với áp lực từ phía những nhóm quyền lợi và cả một số dân biểu mới không những chỉ có khuynh hướng chung chung mà còn ngả về bảo thủ (có hỗn danh là "Blue Dogs;" chủ tịch tranh cử Hạ-viện, dân biểu tiểu bang Illinois Rham Emanuel được xem như đã thành công trong việc chọn lựa những ứng viên Dân-chủ mà giới độc lập và Cộng-hòa chịu dồn phiếu vào —đi ngược lại chiến lược của Karl Rove). Bà đã tỏ ra là người lãnh đạo giỏi, duy trì được kỷ luật phe Dân-chủ (với nhiều hệ phái và quyền lợi khác nhau) trong Hạ-viện ở vị thế đối lập cũng như trong đợt tranh cử thành công vừa qua. Chủ tịch Thượng-viện Harry Reid từng tỏ ra là một lãnh tụ đối lập cứng cỏi và hiệu nghiệm; ông cũng chọn đường lối chung chung ôn hòa. Chủ tịch tranh cử Thượng-viện, nghị sĩ tiểu bang New

CHIẾN-LƯỢC CỦA CỐ-VẤN KARL ROVE KHÔNG CÒN HIỆU-NGHIỆM: Hai nhà chiến-lược Dân chủ, nghị-sĩ Charles Schumer (New York) và dân-biểu Rham Emanuel (Illinois), mừng chiến-thắng vẻ-vang.

York Charles Schumer cũng thành công không kém trong việc chọn lựa các ứng viên thắng cử ở những vùng nông thôn và miền Nam bảo thủ như Jon Tester, Jim Webb và Claire McCaskill (ba nghị sĩ mới đem đa số cho phe Dân-chủ thượng-viện; cũng đi ngược lại chiến lược Karl Rove).

Ông Schumer sắp ra mắt tập sách đề xướng đường lối nhằm duy trì quyền lực phe Dân-chủ lâu dài, một đường lối được xem là dung hòa chung chung, bao gồm các yếu tố căn bản Dân-chủ từ thời tổng thống Franklin D. Roosevelt (chính quyền đóng vai trò quan trọng trong an sinh của dân chúng, một phần của xã hội chủ nghĩa thuần túy) và chủ trương Cộng-hòa đề cao nỗ lực và trách nhiệm cá nhân, gạt bỏ vai trò của chính quyền (một phần của bảo thủ và tư bản thuần túy). Ông Schumer, một đối thủ từng nhiều lần làm rung chuyển chính quyền Bush với những nhận xét chính xác và phát ngôn hùng hồn, kêu gọi đảng mình phải "đặt qua một bên những quyền lợi phe nhóm và luôn luôn chú tâm đến quyền lợi của gia đình người Mỹ trung bình."

C. Phe đa số dân chủ sẽ đi hướng nào?

Sau khi phe Dân-chủ chiếm lại được đa số ở nhánh lập pháp, chuyên gia kinh tế Lawrence Summers, nguyên tổng trưởng ngân khố thời tổng thống Dân-chủ Bill Clinton, đã đưa ra một số nhận xét đáng chú ý. Theo ông, chiến thắng của phe Dân-chủ rất vẻ vang nhưng không phải không có nhiều tiền lệ: từ sau Thế-chiến 2 (1939-1945) đã có mười-sáu kỳ bầu cử giữa nhiệm kỳ; gần một nửa những bầu cử này là bầu cử bác bỏ hay phản đối chính quyền đang cầm quyền (một hình thức cử tri biểu lộ bất mãn với những chính sách của chính quyền và đảng đương quyền). Dựa trên những bầu cử bác bỏ hay phản đối đi trước khó mà đoán chắc những gì sẽ xẩy ra sau chiến thắng của phe Dân-chủ lần này, nhưng đây cũng có thể hé lộ một số nét tổng quát.

Trong quá khứ, từ thời tổng thống Harry Truman qua tổng thống Dwight Eisenhower, John Kennedy, Lyndon Johnson , Gerald Ford, Ronald Reagan tới George W. H. Bush (bố) và Bill Clinton người thì hợp tác, người thì bất hợp tác với nhánh lập pháp đối lập sau bầu cử bác bỏ hay phản đối giữa nhiệm kỳ. Nói chung hai nhánh hành pháp và lập pháp đối lập tương khắc nhau nếu làm được chuyện hợp tác và thỏa nhượng với nhau sẽ đưa đến kết quả tích cực cho đôi bên. Như thế, cái thử thách cho nhánh hành pháp và lập pháp Cộng-hòa kém thế hơn là làm sao đạt được những thành quả bằng hợp tác với phe lập pháp Dân-chủ đa số, đồng thời nhử cho phe đa số đi đến chỗ gay gắt quá mức đến độ vô lý và đi xa khối cử tri chung chung. Đối với phe Dân-chủ đa số, cái thử thách lớn là đoàn kết và kỷ luật để lấy được tín nhiệm của dân chúng xem đảng này có đủ khả năng lãnh đạo quốc gia.

Đề tài chính trong kỳ tranh cử qua là sự thiếu khả năng và sạch sẽ của phe Cộng-hòa —không phải là một trưng cầu dân ý về các chủ trương và biện pháp của phe Dân-chủ. Ông Summers viết, "Thành công trong [cuộc tổng tuyển cử] hai năm tới đòi hỏi phe Dân-chủ phải hùng hồn cho dân chúng thấy chiều hướng đảng đi tới

cũng như một kế hoạch lập pháp toàn diện để đi tới những mục tiêu đề ra." Nguyên tổng thống Bill Clinton cũng nói một cách thận trọng, với lá phiếu dân chúng không nhất thiết đã cho phe Dân-chủ một ủy nhiệm; đúng ra sự thành công của phe Dân-chủ chỉ là một cơ hội để lấy lại tín nhiệm của dân chúng mà thôi.

Về mặt nội trị, hai phe đều có lý do (phe Dân-chủ có ý muốn và sự ủng hộ; phe Cộng-hòa sợ phản đối thêm của cử tri) để hợp tác gia tăng lương tối thiểu, cải tổ chính sách về dầu khí và thuốc men hiện đang quá thiên về giới kỹ thương cũng như đặt người tiêu thụ vào thế "nạn nhân." Những chi tiêu lãng phí công quĩ với mỗi mục đích mua chuộc dân chúng dồn phiếu của giới dân cử hai bên trong sáu năm qua sẽ phải bị hạn chế. Những cắt giảm thuế má lớn lao và hủ lậu cho giới đại kỹ thương của chính quyền Bush không thể tiếp tục, nhưng cũng không thể bãi bỏ hoàn toàn như phe Dân-chủ mong muốn. Chính sách ngoại thương cũng phải bỏ khuynh hướng hạn chế cũng như biện pháp nhằm bảo vệ giới kỹ thương trong nước đồng thời gây thiệt hại cho người tiêu thụ trung lưu.

Về mặt ngoại giao, những khó khăn đến từ chính sách vô trách nhiệm của chính quyền gây nhiều trở ngại lớn. Cử tri đã bác bỏ hoặc phản đối chính sách ngoại giao nguy hiểm, vừa hung hăng vừa vô hiệu quả. Việc ra đi của tổng trưởng quốc phòng Rumsfeld là một dấu hiệu cho thấy tổng thống đã biết nghe dân chúng. Áp lực quốc tế và quốc nội sẽ buộc chính quyền phải bỏ chủ trương "cứ thế mà làm" ("stay the course") và chấp nhận từ từ rút binh lính Mỹ ra khỏi sa lầy Iraq, mở tai và mắt để nghe và thấy những quan điểm khác về Ba-Tư, Syria, Bắc-Hàn và Nga. Nhưng cũng cần phải cho mọi người thấy là Hoa-Kỳ có thể tin cậy được, và như một quốc gia Hoa-Kỳ có thể đặt ra những mục tiêu cũng như đạt được mục tiêu đề ra —Hoa-Kỳ đã học những bài học đáng giá nhưng cũng không bị chùn bước vì sáu năm đầy sai lầm vừa qua.

Đi đến một chiến lược hữu hiệu về Iraq và một thế giới đầy bấp bênh đòi hỏi phải có hợp tác lưỡng đảng. Kinh nghiệm những bầu cử giữa nhiệm kỳ gay gắt trước cho thấy một ít lạc quan về hợp tác: việc lưỡng đảng thông qua Kế-hoạch Marshall tái thiết kinh tế Tây-Âu năm 1948 sau thế chiến (với mục tiêu chính giúp Tây-Âu tan nát kiệt quệ khỏi rơi vào quyến rũ của xã hội chủ nghĩa), cuộc đối thoại giữa tổng thống Ronald Reagan với thủ tướng Nga Mikhail Gorbachev trong hai năm chót nhiệm kỳ (sau xì-căng-đan Iran-Contra làm rung chuyển chính quyền), và hợp tác giữa tổng thống Bill Clinton với lập pháp đối lập đa số (sau bầu cử 1994) gia hạn củng cố tài chánh Mễ-Tây-Cơ —tất cả cho thấy cái nhìn lâu dài có thể thắng át những lợi thế thiển cận.

Nhìn lại cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ vừa qua, từ tổng thống Bush cho tới giới trí thức tả, hữu lẫn chung chung đều ghi nhận là người dân muốn thay đổi. Nhưng nhìn những hành động và quyết định của hai đảng đối lập ngay sau kết quả bầu cử, người ta không thấy ý muốn của dân chúng được bên nào tôn trọng cả. Giữa tháng Mười-một giới Cộng-hòa thượng viện đi giật lùi trở lại và chọn nghị sĩ Trent Lott (Mississippi, một tiểu bang bảo thủ, kỳ thị nhất miền Nam Hoa-Kỳ)) làm nhân vật thứ nhì sau lãnh tụ phe thiểu số Mitch McConnell (Kentucky). Ông Lott chính là người đã phải từ chức lãnh tụ đa số bốn năm trước sau khi buột miệng phát ngôn với giọng điệu kỳ thị người da đen rõ rệt. Việc này xảy ra ngay sau cuộc bầu cử trong đó nghị sĩ Cộng-hòa thất cử George Allen (Virginia) đã mang tiếng nhiều vì buột miệng gọi một nhân viên tranh cử đối lập gốc da mầu là "con khỉ" ("macaca").

Phe Dân-chủ không giấu nổi nỗi vui mừng vì phe đối lập bị "hố." Nhưng nhìn lại phía Dân-chủ người ta cũng thấy bà tân chủ tịch hạ viện Nancy Pelosi triệt để ủng hộ (và rồi thất bại) việc đưa dân biểu John Murtha (Pennsylvania) lên chức vụ thứ nhì phe đa số. Ông Murtha gần đây nổi tiếng vì kêu gọi phải rút ngay binh sĩ Mỹ ra khỏi Iraq, nhưng ông cũng là người bị tai tiếng rất nhiều vì ủng hộ những nhóm quyền lợi lộ liễu và có tai tiếng trong xì-căng-đan hối mại quyền thế Abscam trong thập niên 1980. Điều này như đi ngược hẳn tuyên bố trước đây của bà Pelosi khi bà kêu gọi xây dựng một quốc hội "thành thực nhất, cởi mở nhất và đạo đức nhất trong lịch sử." Phe Cộng-hòa cũng lại chọn những nhân vật cũ và "không đạo đức nhất" như hai ông John Boehner (Ohio) và Roy Blunt (Missouri) vào hai chức vụ cao nhất của phe thiểu số hạ viện.

Dựa vào những sự kiện trên cùng những chia rẽ gay gắt sáu năm qua, nhiều nhà quan sát chính trị tỏ ra khá bi quan về những thay đổi cần thiết cũng như triển vọng lưỡng đảng hợp tác trong tương lai gần.

Sửa Sai

HOÀNG VĂN CHÍ

LTS. *Để bổ túc cho nội dung của số báo đặc biệt về Cải Cách Ruộng Đất vừa rồi, chúng tôi trích đăng lại trong số này một chương của cuốn sách Từ Thực Dân Đến Cộng Sản của Hoàng Văn Chí. Nguyên văn của cuốn sách được tác giả viết bằng tiếng Anh,* From Colonialism to Communism *xuất bản đồng thời năm 1964 tại London (Anh quốc), New York (Hoa Kỳ) và New Delhi (Ấn Độ), sau đó đã được dịch sang tiếng Pháp, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha; bản tiếng Việt do Mạc Định thực hiện và xuất bản tại Miền Nam giữa thập niên 1960, đã được chính tác giả Hoàng Văn Chí duyệt lại và sửa chữa. Chương Sửa Sai đăng lại dưới đây trích từ bản dịch này.*

*

Chương trình Cải cách Ruộng đất vừa thực hiện xong (năm 1956) và ngay sau khi thiết lập chế độ vô sản chuyên chính ở nông thôn thì đột nhiên Đảng Lao Động tuyên bố là đã phạm nhiều sai lầm nghiêm trọng trong hai chiến dịch vừa qua. Đảng cũng hứa hẹn sẽ sửa chữa những sai lầm mà, theo lời Đảng đã làm cho "uy tín của Đảng và đời sống của nhân dân bị tổn thương rất nặng nề." Vì vậy nên Đảng phát động ngay một chiến dịch "Sửa Sai," bắt đầu bằng việc "tự ý rút lui" của ông Trường Chinh, tổng bí thư Đảng và ông Hồ Viết Thắng, thứ trưởng phụ trách Cải cách Ruộng đất.

Tạm thời làm phát ngôn viên cho Đảng, ông Võ Nguyên Giáp đọc trước Hội nghị thứ 10 của Trung Ương Đảng một bản kê khai những "sai lầm." Ông Võ Nguyên Giáp thú nhận bảy sai lầm chính như sau: (nguyên văn).

1.- Coi nhẹ yêu cầu toàn diện của nhiệm vụ cách mạng, coi nhẹ yêu cầu mở rộng mặt trận chống phong kiến và mặt trận dân tộc thống nhất. Vì vậy mà trong khi thực hiện nhiệm vụ phản phong đã coi nhẹ, thậm chí có nơi cán bộ đã phủ nhận những thành tích của cuộc đấu tranh phản đế, tách rời Cải cách Ruộng đất với kháng chiến và cách mạng, thậm chí có nơi làm cho đối lập nhau. (1)

2.- Coi nhẹ đoàn kết với trung nông, không thực hiện chính sách liên hiệp phú nông, thậm chí đả kích phú nông, coi phú nông như địa chủ.

3.- Đả kích tràn lan, không thi hành sách lược phân hóa, không chiếu cố gia đình địa chủ có công với cách mạng, gia đình địa chủ có con em đi bộ đội hoặc làm cán bộ, không chiếu cố địa chủ kháng chiến và phân biệt đối đãi con cái địa chủ.

4.- Không chú trọng đề phòng lệch lạc, không nhấn mạnh phải thận trọng, tránh xử trí oan những người ngay, do đó mà đi đến mở rộng diện đả kích, đánh địch tràn lan, dùng những biện pháp trấn áp một cách phổ biến.

5.- Trong khi thực hiện Cải cách Ruộng đất ở nơi có nhiều đồng bào tôn giáo thì làm sai chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng, tự do thờ cúng của nhân dân.

6.- Trong khi thực hiện chính sách Cải cách Ruộng đất ở vùng thiểu số thì đả kích quá rộng vào từng lớp trên: không coi trọng thậm chí xâm phạm đến phong tục tập quán của địa phương.

7.- Trong công tác chỉnh đốn tổ chức (Đảng) thì không nắm vững tiêu chuẩn chính trị, mà lại phạm vào chủ nghĩa thành phần. Không chú trọng phương châm lấy giáo dục làm chính mà đơn thuần dùng biện pháp tổ chức: kỷ luật, xử trí, giải tán các tổ chức, thậm chí dùng phương pháp truy bức (tra tấn) để làm công tác chỉnh đốn...

(Nhân Dân số 970, xuất bản ở Hà Nội ngày 31/10/1956).

Khi thấy bản thú nhận sai lầm kể trên và được tin Trường Chinh và Hồ Viết Thắng bị "hạ bệ," nhiều quan sát viên ngoại quốc tin rằng quả có "sai lầm" và thế tất chính quyền Hà Nội sẽ thực tình sửa chữa. Có người quan niệm phong trào Cải cách Ruộng đất của Cộng sản đã hoàn toàn thất bại. Sự thực thì khác hẳn vì chiến dịch Sửa Sai chỉ là một tấn tuồng diễn tiếp sau những tấn tuồng khác.

Sửa Sai là một chiến dịch, một bộ phận của chương trình Cải cách Ruộng đất. Như vậy có nghĩa là định tâm Sửa Sai đã có từ trước khi phát

động phong trào Cải cách Ruộng đất. Các độc giả chắc còn nhớ, ngay từ đầu, năm 1953, Cộng sản đã phát động một chiến dịch gọi là "Đấu tranh Chính trị" (trình bày ở Chương VII) để dọn đường cho chiến dịch Cải cách Ruộng đất, nghĩa là để chuyển dần từ một trạng thái bình thường đến một trạng thái khủng bố. Bây giờ là lúc cộng sản làm ngược lại. Sau ba năm khủng khiếp, Cộng sản muốn bình thường hóa tình hình trở lại. Vì vậy nên mới có chiến dịch Sửa Sai. Tất nhiên là Đảng sẽ mất ít nhiều uy tín, nhưng Đảng cho rằng đấy là một việc không thể nào tránh khỏi.

Hồi ông Mao và các lý thuyết gia Trung Cộng vạch ra chiến thuật Cải cách Ruộng đất, họ đã cố tình khủng bố quá mức vì họ cho rằng có khủng bố quá mức mới chắc chắn thành công. Họ dự tính sẽ làm cho quần chúng quên sự quá mức đó bằng một phong trào Sửa Sai. Bằng cớ là ngay từ năm 1926, Mao Trạch Đông đã viết: "Muốn chữa một tình trạng bất công thì phải vượt quá mức của sự công bằng" (2). Chấp nhận ý kiến của ông Mao, ông Hồ giải thích về chính sách căn bản của Cải cách Ruộng đất, trong một khóa chỉnh huấn, như sau: Nếu muốn uốn thẳng một cái que cong thì phải bẻ nó quá về phía bên kia và giữ như vậy một lúc lâu. Khi buông tay, cái que sẽ từ từ thẳng trở lại."

Cả ông Hồ lẫn ông Mao đều đoán thế nào dân chúng cũng phản đối Cải cách Ruộng đất theo kiểu của hai ông, vì muốn đề phòng mọi phản ứng chống đối nên hai ông đã chủ trương khủng bố quá mức. Muốn hiểu tại sao hai ông lại chủ trương như vậy, chúng ta cần hiểu rõ mục đích tối hậu -nhưng dấu kín- của Cải cách Ruộng đất.

Trước tiên, Cải cách Ruộng đất không chỉ nhằm tịch thu ruộng đất của địa chủ để phân phát cho dân nghèo, vì nếu mục đích chỉ có vậy thì chính quyền cộng sản chỉ việc ký một đạo sắc lệnh là song. Trước Cải cách Ruộng đất đã có rất nhiều địa chủ tình nguyện "hiến điền," nhưng chính phủ từ chối không nhận, hoặc trong nhiều trường hợp, đã nhận rồi lại hoàn lại, nói rằng chính phủ "không muốn một công dân nào bỗng dưng bị hao hụt lợi tức thường xuyên của mình." Sự thực thì Cộng sản muốn bắt địa chủ cứ ở thành phần địa chủ cho đến ngày "đền tội." Cộng sản không cần và không muốn địa chủ hiến điền vì, toàn quyền trong tay, lúc nào Cộng sản muốn tịch thu cũng được. Cải cách Ruộng đất có những động cơ thầm kín như sau:

1.- Tịch thu và phân chia ruộng đất chỉ là giai đoạn chuyển tiếp, mà tập thể hóa ruộng đất mới là mục đích tối hậu. Muốn bắt buộc toàn thể nông dân phải cam chịu số phận, sống dưới chế độ tập thể, các lãnh tụ Cộng sản thấy cần phải tiêu diệt tận gốc "tư tưởng tư hữu tài sản" từ mấy ngàn năm đã chôn sâu trong tiềm thức của mọi người, dù là bần cố nông.

Muốn đạt tới kết quả, họ áp dụng câu cách ngôn: "sát nhất nhân, vạn nhân cụ." Áp dụng vào Cải cách Ruộng đất, câu cách ngôn trên có thể đổi thành: "Giết một số địa chủ để không còn một ai muốn sở hữu ruộng đất." Chính vì vậy mà cộng sản ấn định cho mỗi xã một số tử hình nhất định, ngay cả ở những xã mà toàn thể ruộng đất là công điền. Quả nhiên mọi người mất hồn mất vía ngay tức khắc. Hồi ấy nhân dân miền Bắc đặt ngay câu phương ngôn, truyền khẩu từ người nọ sang người kia: "Gạo chợ, nước sông, ốm nằm nhà thương, chết chôn nghĩa địa." Như vậy có nghĩa là những ai khôn hồn thì từ nay tuyệt đối không nên có của tư hữu, vì có của tức là mang họa.

2.- Đảng bắt nông dân phải đấu tố và chém giết địa chủ để làm bàn tay nông dân phải dính máu. Một khi tay đã đẫm máu thì không thể rửa sạch và dù muốn dù không chỉ còn một cách là đi với Đảng cho đến cùng. Vì không thể nào liên kết với chủ cũ để chống lại chủ mới, người nông dân đành phải chấp nhận bất cứ số phận nào mà Đảng đã dành cho. Sau khi tàn sát một số người lên tới năm phần trăm dân số Bắc Việt, người nông dân miền Bắc có cảm giác tội lỗi. Cái cảm giác ấy được Cộng sản đề cao là "tinh thần của anh chị em nông dân làm chủ lấy vận mệnh của mình."

3.- Về phương diện chính trị, Cải cách Ruộng đất đánh dấu một bước ngoặt từ lập trường phản-đế sang lập trường phản-phong, hay nói một cách khác, từ kháng chiến chống thực dân Pháp sang chém giết địa chủ người Việt. Vì mục tiêu đấu tranh đột nhiên thay đổi nên Đảng thấy cần thiết phải thanh trừng tất cả các phần tử quốc gia trong hàng ngũ kháng chiến, và ngay cả những đảng viên mà Đảng nghi ngờ không hoàn toàn chính thống. Đảng cho rằng một cuộc thanh trừng triệt để không thể nào thực hiện được bằng cách ủy thác cho cấp trên nhiệm vụ chọn lọc và khai trừ cấp dưới. Vì đầu óc bè phái hãy còn ăn sâu nên, nếu áp dụng phương pháp kể trên, sẽ có rất nhiều người "lọt lưới." Theo nhận thức của Đảng thì thanh trừng phải thực hiện từ dưới lên trên, nghĩa

là phải bắt đầu từ cấp xã "phóng tay" cho bần cố nông trong xã thanh trừng "phản động" vì chỉ có người cùng làng mới biết rõ thái độ chính trị của mỗi người trong làng, Đảng nói: "Nhân dân rất sáng suốt," và trong nhân dân, "chỉ có bần cố nông là đáng tin cậy hơn cả." Lập luận này đưa thẳng tới chủ trương "phóng tay phát động quần chúng đấu tranh." Đảng thừa biết rằng nếu phóng tay thì quần chúng sẽ đấu tố bừa bãi, nhưng suy đi tính lại, Đảng cho rằng thà bừa bãi một chút mà "tiệt nọc" còn hơn thận trọng mà kết quả hời hợt. Theo Luật sư Nguyễn Mạnh Tường thì nguyên tắc thiêng liêng của Cải cách Ruộng đất là "Thà chết mười người oan còn hơn để sót một địch."

Đảng biết trước hễ "phóng tay" thì thế tất phải có "Sai lầm," nhưng Đảng vẫn nhắm mắt làm ngơ để mặc cho "sai lầm" tiếp diễn. Hàng vạn người bị giết oan, bị tù đầy, hoặc bị bao vây cho đến chết đói, mà Đảng chẳng hề giơ một ngón tay nhỏ cứu vớt lấy một người. Theo luật pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thì người bị lên án tử hình có quyền ký đơn xin Hồ chủ tịch ân xá, nhưng thực tế, ông Hồ không hề ân xá lấy một người gọi là, ngay cả những đảng viên trung kiên, trước khi bị bắn hô to: "Hồ Chí Minh muôn năm!" Tháng 3 năm 1956, ông Hồ có ra lệnh tạm đình chỉ mọi vụ hành quyết, nhưng đấy là hậu quả xa xôi của phong trào "Hạ bệ Stalin phát xuất từ Moscou, nhân kỳ Đại hội lần thứ 20 của Đảng cộng sản Liên Xô. Những người may mắn thoát chết -vì bản án xử tử chưa kịp thi hành- và sau này được trả tự do không hề chịu ơn ông Hồ, mà một cách gián tiếp, họ đã chịu ơn Khrushchev.

Muốn thấy rõ Cộng sản đã chủ tâm "đả kích tràn lan" chúng ta còn một cách là mang bản thú nhận sai lầm của Võ Nguyên Giáp đối chiếu với bản báo cáo của Trường Chinh đã nói tới trong Chương XII của cuốn sách này. Một điểm nổi bật là những điều mà Giáp gọi là "sai lầm" đều là những điểm then chốt Trường Chinh đã nêu lên và hứa sẽ tôn trọng trong khi thực hiện Cải cách Ruộng đất. Sự thực thì Đảng đã hứa hẹn, nhưng Đảng "quên" không giữ lời hứa, cho đến khi "sai lầm" đã xảy ra rồi, Đảng mới nhận là "sơ xuất." Theo tỉ dụ cái que của ông Hồ thì Trường Chinh là cái tay uốn ngược que, và Giáp là cái tay buông cái que cho nó thẳng trở lại. Sửa sai tức là bình thường hóa lại đời sống, không khác buông tay để cho que đứng thẳng trở lại.

Biện pháp đầu tiên của Sửa Sai là tha hết địa chủ và đảng viên ra khỏi nhà tù hoặc trại giam. Tổng số những người được tha chưa hề được tiết lộ, nhưng theo lời ông Võ Nguyên Giáp, trong số người được tha có 12 ngàn đảng viên. Tất nhiên trong khi bị giam, đảng viên cộng sản là những người đau khổ nhất. Ngô Đức Mậu (cháu nhà cách mạng Ngô Đức Kế), một đảng viên cộng sản kỳ cựu đã từng sống nhiều năm trong ngục Lao Bảo hồi Pháp thuộc, đã tả nỗi đau khổ trong ngục thất cộng sản như sau:

"*... Những lúc bị giam giữ trong buồng riêng cô quạnh, rét mướt, đau khổ, những anh em thường an ủi nhau: củng cố lòng tin để chịu đựng ngược đãi, củng cố lòng tin để sống... vì ở tù đế quốc và ở tù hiện nay (cộng sản) nó khác nhau xa. Ở tù đế quốc bị hành hạ bằng thể xác nhưng tinh thần lành mạnh được an ủi, khoan khoái... Còn ở đây (tù cộng sản) thì sao? Chúng tôi bị dầy xéo cả thể chất lẫn tinh thần. Chung quanh chúng tôi, ai nấy đều cho chúng tôi là địch, là kẻ bán nước hại dân, thì bảo họ đồng tình với chúng tôi sao được...*"

Cũng trong bài ấy Ngô đức Mậu còn than vãn là đã bị chính các đồng chí cộng sản của ông tra tấn, không cho ông tự bào chữa:

"*... Những việc mà một số anh em cán bộ ở Hà Tĩnh dựng đứng lên, hoặc lật ngược lại những thành tích đã qua của tôi (từ thời Đông Dương Cộng sản Đảng) để truy bức tôi suốt ngày đêm, để buộc tôi phải nhận những việc tôi chưa hề làm, mà cũng chưa bao giờ nghĩ tới... Cuộc truy bức càng ngày càng nặng, nó vượt ra ngoài khuôn khổ của một cuộc đấu tranh về nguyên tắc. Tôi ỳ ra mãi cũng không được. Nhiều ý nghĩ khác (tự tử chẳng hạn) lại nẩy nở ra và xoay quanh trong đầu óc tôi như chong chóng.*"

NHÂN DÂN 30 tháng 10,1956.

Đảng giải thích cho các tù nhân biết là chỉ vì sai lầm mà không may họ bị vào tù, và Đảng hứa không bao lâu nữa họ sẽ được trả lại tự do. Tuy nhiên trước khi được tha về, họ phải ở lại nhà tù một tháng để học lớp "Sửa soạn ra về." Dưới sự chỉ dẫn của một đại diện Đảng, họ phải học tập, nghiên cứu những vấn đề phức tạp như bản thú nhận sai lầm của ông Võ Nguyên Giáp, bài nói về thái độ tự phê bình của Đảng, chủ nghĩa Mác xít không bao giờ sai và "thái độ đúng đắn với những người đã tố sai" Đảng hứa sẽ phục hồi công quyền và hoàn lại tất cả tài sản mà Đảng đã tịch thu của họ. Đảng khuyên họ nên quên những nỗi đau khổ vừa qua, củng cố lại lòng tin nơi Đảng và tiếp tục phục vụ Đảng một

ĐÔI NÉT VỀ TÁC GIẢ HOÀNG VĂN CHÍ

Bài và hình: HÀ KỲ LAM

Học giả Hoàng Văn Chí sinh năm 1913 tại Thanh Hóa, cựu học sinh trường Albert Sarraut, Hà Nội. Theo học ngành Y khoa bị dở dang khi quân đội Nhật xâm chiếm Đông Dương trong Thế Chiến thứ hai, ông quay sang học ngành hóa học chế biến giấy. Trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp do Việt Minh – tổ chức của đảng cộng sản Việt Nam - lãnh đạo ông đã cộng tác đắc lực trong khả năng chuyên môn ngành này và đã được chính Hồ Chí Minh tuyên dương toàn quốc. Trong đợt khủng bố gọi là cải cách ruộng đất ở miền Bắc, gia đình họ Hoàng của ông đã bị tổn thất nặng nề. Ông đem gia đình vượt tuyến vào Nam tìm tự do tháng 4 năm 1955.

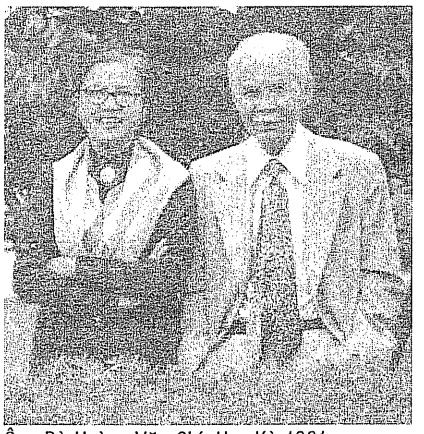

Ông Bà Hoàng Văn Chí, Hoa Kỳ 1981

Cuộc vượt tuyến vào Nam của ông bà Hoàng Văn Chí năm 1955 cũng khá hi hữu. Lúc hiệp định Genève về chiến tranh Đông Dương được ký kết thì gia đình ông bà bị mắc kẹt ở quê nhà của ông ở Thanh Hóa. Qua bao luồn lách khó khăn, gia đình đến được Hà Nội thì hạn kỳ tự do di cư đã hết, và Hà Nội đã được chính quyền CS tiếp thu. Chỉ có Hải Phòng còn nằm trong tay chính quyền Quốc Gia và Pháp, vì chưa hết hạn kỳ 300 ngày đã được quy định trong hiệp ước đình chiến. Trong khoảng giao thời này, hằng ngày đều có các chuyến xe lửa lưu thông giữa Hà Nội và Hải Phòng. Đặc biệt các chuyến xe lửa đi Hải Phòng hành khách bị công an xét giấy tờ rất kỹ; chỉ những người có thẻ căn cước cư trú Hải Phòng mới được đáp tàu xuôi về thành phố cảng đó. Ông Chí đã nhờ một con buôn Hải Phòng báo cho Phòng Nhì (phòng tình báo) tại đấy biết là ông bà muốn xuống Hải Phòng để di cư vào Nam. Hai thẻ căn cước cư trú Hải Phòng đã được cấp phát cho ông bà. Với thẻ căn cước Hải Phòng trong tay, ông bà Chí đã được lên tàu đi Cảng, rồi vào Nam. Dường như hành trình thoát hiểm nào cũng hay có một màn "đứng tim" ở đoạn cuối: lúc ông Chí trình tấm thẻ tùy thân cho viên công an và bước lên tàu xong, thì anh này đưa tay ngăn bà Chí cùng đám hành khách còn lại, cho biết tàu đủ khách rồi, ngày hôm sau mới nhận tiếp. Nhờ có sự bàn bạc trước của bà Chí rằng nếu có trục trặc gì khiến chỉ một mình ông đi thoát thì cứ đi, đừng vương vấn mà hư sự hết, nên hai ông bà vẫn điềm tĩnh trước tình huống đó. Hôm sau bà Chí lại đến đón tàu đi Hải Phòng, và đã "đoàn tụ" với chồng.

Vào Nam ông Chí làm ở bộ Thông Tin với ông Trần Chánh Thành một thời gian. Ông đã tham gia biên soạn cuốn "Trăm Hoa Đua Nở Trên Đất Bắc," với nội dung quảng bá rộng rãi những bài viết của nhóm Nhân Văn Giai Phẩm đòi tự do dưới chế độ độc tài Hà Nội. Sau ông được thuyên chuyển qua ngành Ngoại giao, và được cử làm Phó Lãnh Sự tại Ấn Độ. Sau khi làm việc ở miền Nam ít lâu, ông Chí đã không phục tư cách quan liêu của Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Rồi với óc quan sát và nhận định sắc bén về chính thể của Việt Nam Cộng Hòa, cộng với kinh nghiệm và hiểu biết về người cộng sản, ông Hoàng Văn Chí sớm bi quan về tương lai miền Nam. Trong thâm tâm ông đã manh nha quyết định di cư một lần nữa. Thế là, sau khi hoàn tất hợp đồng một năm làm việc tại Lãnh Sự Quán của Việt Nam Cộng Hòa tại New Delhi, thay vì về nước, ông Hoàng Văn Chí đã chọn con đường lưu vong tại Pháp. Sau năm năm ở Pháp, năm 1965 ông được Bộ Ngoại Giao Mỹ mời sang cộng tác. Và ông đã làm việc, trước tiên tại đài Tiếng Nói Hoa Kỳ một thời gian ngắn, rồi đến Cơ Quan Phát Triển Quốc Tế (Agency for International Development), viết tắt AID. Trong những thập niên 60 và 70, thời kỳ thế giới sống trong Chiến Tranh Lạnh, ông Hoàng Văn Chí từng được xem là một chuyên gia về Cộng Sản Á Châu.

cách trung thành như đã phục vụ từ trước. Điều cần nhất là tuyệt đối không được trả thù những người đã vu oan giá họa cho mình.

Các ủy ban xã được lệnh cử phái đoàn đến tận nhà tù đón rước những người bị giam và đưa họ về quê quán. Dĩ nhiên là họ vui mừng khôn xiết khi họ đặt chân tới làng cũ và gặp lại vợ con. Tờ Nhân Dân đã kể trường hợp của Tân, một trong số những người cùng cảnh ngộ.

"*Gia đình đồng chí xưa nay là trung nông. Từ đời ông đời cha, đến đời đồng chí (Tân) vẫn cầy sâu, cuốc bẫm. Đồng chí tham gia cách mạng từ những ngày đầu tổng khởi nghĩa. Năm 1947, xã đồng chí bị địch chiếm đóng cũng là năm đồng chí được rèn luyện, thử thách nhiều và được kết nạp vào Đảng. Làm bí thư chi bộ và chủ tịch xã, đồng chí đã lãnh đạo nhân dân anh dũng đánh giặc. Bao nhiêu lần xã bị địch càn quét đồng chí phải nằm hầm nhịn đói, có lần phải bật ra vùng du kích, nhưng rồi vẫn tìm cách trở về xây dựng lại cơ sở, tiếp tục chiến đấu cho đến ngày kháng chiến thắng lợi. Sau ngày hòa bình lập lại, thi hành chỉ thị của cấp trên, đồng chí đã chuẩn bị cho cuộc đấu tranh chống phong kiến (Cải cách Ruộng đất). Nhưng chẳng những đồng chí không được tham gia cuộc đấu tranh ấy mà trái lại, đã bị quy là địa chủ cường hào gian ác phản động đầu sỏ và bị đánh đổ (đấu tố) một cách quyết liệt. Thật là đau xót! Mỗi lần nghĩ tới không sao nén nổi phẫn uất.*"

Nhân dịp Sửa Sai, Tân được tha về, và:

"*Đồng chí (Tân) lẩm nhẩm tính: 'Ngót tám tháng bị giam cầm, chờ duyệt án tử hình, hơn một tháng được trả tự do.' Thấm thoát đã xa nhà chín tháng. Mai về gặp lại vợ con, họ hàng, làng xóm. Đồng chí hồi hộp nghĩ tới những phút sẽ được gần lại vợ, gần lại con, những hơi thở, những bàn tay ấm áp... Đồng chí chưa lên nhà ông Lễ (anh Tân) vội, lại rẽ vào gian bếp lụp xụp, nơi ở của vợ con đồng chí sau ngày tất cả tài sản của gia đình đồng chí bị tịch thu. Đồng chí phải khom người mới bước được vào trong bếp. Bồ hóng chằng chịt trên nóc, trên vách. Một chiếc chõng ọp ẹp kê chật cả nửa bếp. Em gái đồng chí chạy vào, khóc lóc:*

- Sung sướng chưa anh ơi! Trong khi anh đi tù, người ta bắt chị và các cháu phải sống chui rúc thế này.

Đồng chí thấy đau lòng trước cảnh sống khổ cực của vợ con trong những ngày qua. Đồng chí cố trấn tĩnh, xua tay bảo em gái, mà chính cũng là nói với lòng mình:

- Khóc lóc, oán hận chẳng có ích gì mà chỉ gây cho mình thêm đau khổ.

Rồi đồng chí đi ra thẳng lên nhà ông Lễ.

Nhà ông Lễ tối hôm ấy đông vui hơn cả ngày cưới anh Bái, con trai ông... Hết ấm nước này đến ấm nước khác, câu chuyện đi sâu vào tình cảm gia đình, họ mạc, xóm giềng.

Bà con nhắc lại những chuyện sai lầm trong Cải cách Ruộng đất, những chuyện buộc lòng phải đấu, tố nhau, dứt tình dứt nghĩa. Lòng ai nấy xót xa. Không khí nhiều lúc trầm trầm lặng xuống."

NHÂN DÂN, 14 tháng 11, 1956.

Sau khi tha địa chủ "oan" ra khỏi tù thì biện pháp thứ hai là hoàn lại những tài sản đã tịch thu của họ, nếu còn có để hoàn lại. Đồ đạc bàn ghế thì dĩ nhiên chẳng còn vì sau khi phân phát cho bần cố nông họ đã bán tống bán tháo đi từ đời nào rồi. Những thức được trả lại phần nhiều chỉ là nhà cửa, vườn tược, nhưng tất cả đều điêu tàn vì những bần cố nông được thụ hưởng không đủ phương tiện chăm nom. Và như chúng tôi đã kể ở trên, rào rậu và vách gỗ đã bị rỡ làm củi đun, còn trâu bò đã bị làm thịt mang ra chợ bán.

Nhưng mặc dầu của cải hoàn lại chẳng còn được là bao, những người được trả lại cũng hết sức hoan hỷ. Ý nghĩ sẽ được trở về nơi chôn nhau cắt rốn và sống dưới mái nhà tổ tiên xây cất cũng đủ làm cho họ vui lòng. Chỉ có những bần cố nông được ở trong nhà địa chủ trong mấy năm, bây giờ phải cuốn gói đi chỗ khác mới thật là đau lòng.

Biện pháp thứ ba là trả lại vợ cho những người đã bị "tịch thu" mất vợ. Có trường hợp người vợ tự ý bỏ vì sợ bị "liên hệ", hoặc vì hai bên thông gia đã "tố" nhau nên gây thù oán. Nhưng trường hợp thông thường là người vợ còn trẻ và duyên dáng, nên một đảng viên "mới" nào đó ép phải lấy hắn trong khi chồng phải đi tù. Một số đông những phụ nữ bất hạnh này đã sống với chồng mới tới hai ba năm nên khi chồng cũ được tha về thì đã có con với chồng mới, thành ra vấn đề hoàn lại cho chồng cũ là một vấn đề nan giải. Vấn đề này đã được giải quyết bằng một Thông tư của Bộ Tư Pháp ban hành ngày 19 tháng 4 năm 1957. Vì bản Thông tư này quả là "vô tiền khoáng hậu" và nói lên sự nghiêm trọng của tình trạng lúc bấy giờ nên chúng tôi cứ nguyên văn lai cảo để các bạn đọc có dịp nhàn lãm.

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
BỘ TƯ PHÁP
THÔNG TƯ VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VỤ VỢ CHỒNG BỎ NHAU TRONG GIẢM TÔ VÀ CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT

Gần đây trong Giảm Tô, Cải cách Ruộng đất có những việc vợ chồng bỏ nhau do những nguyên nhân chính như sau đây:

Bản thân hoặc gia đình một bên lên thành phần, hoặc bị kích lên thành phần hay bị quy sai là phản động.

Có sự đấu tố giữa vợ chồng, đấu tố bà con gia đình của nhau.

Những trường hợp bỏ nhau vì liên quan, vì đấu tố v.v... xẩy ra ở nhiều nơi đã phần nào làm thương tổn đến đoàn kết nông thôn. Vấn đề này là do sai lầm chung trong Giảm Tô và Cải cách Ruộng đất. Vì vậy, cần quan niệm rằng việc giải quyết loại việc này là một công tác nằm trong công tác sửa sai chung. Vì vậy Bộ đề ra chủ trương như sau:

a) Đối với vợ chồng bỏ nhau đã có con hoặc chưa có con, nhưng vợ chưa lấy chồng khác, chồng chưa lấy vợ khác, thì phương châm là kiên trì giải quyết tư tưởng cho hai bên thông cảm nhau là do sai lầm chung mà vợ chồng bỏ nhau, vậy nên về đoàn tụ với nhau như cũ, nhất là khi hai bên đã có con còn bé.

b) Đối với những vợ chồng bỏ nhau mà một bên đã lấy người khác rồi, có hai trường hợp:

Nếu vợ đã đi lấy chồng mới mà chưa có con, nay vợ muốn trở về với chồng cũ và chồng cũ muốn đoàn tụ, thì cho đoàn tụ và giải quyết cho người chồng mới thông. Nếu người vợ một mực ở với chồng mới dù chưa có con với người này thì nên giải thích cho người chồng cũ thỏa thuận ly hôn với người vợ (3). Trường hợp người vợ đã có con với chồng cũ, nhất là khi con còn bé thì cẩn thận trong việc ly hôn.

Trường hợp chồng đã lấy vợ mới, có con hay chưa có con, nay muốn về với vợ cũ nhưng vợ cũ không muốn trở lại thì cần cho ly dị; trường hợp vợ cũ cũng muốn trở lại với chồng cũ thì nên căn cứ vào tình cảm của ba người đối với nhau và tùy tập quán địa phương mà giải quyết cho ổn thỏa (4).

c) Trường hợp hai bên đều lấy vợ lấy chồng khác rồi thì nên cho họ ly hôn để họ chính thức lập gia đình mới.

d) Trường hợp đa thê, nhân vì đấu tố mà vợ lẽ bỏ chồng thì nói chung nên giải quyết cho ly hôn, nhưng có trường hợp vì sinh kế, vì con cái hay vì tình cảm, người vợ lẽ muốn đoàn tụ thì giải quyết cho đoàn tụ.

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 1957

K.T Bộ Trưởng Bộ Tư Pháp

Thứ Trưởng TRẦN CÔNG TƯỜNG

(Trích Hà Nội Hằng Ngày, ngày 16 tháng 6, 1957)

Chính quyền Cộng sản không hề công bố con số những cặp vợ chồng bị chia rẽ vì Cải cách Ruộng đất nhưng việc cần thiết phải giải quyết vấn đề bằng một thông tư đặc biệt của Bộ Tư Pháp cũng đủ cho ta thấy tầm quan trọng của vấn đề và ước đoán một con số khá lớn lao. Bản Thông tư không nói đến trường hợp những người vợ góa, vì chồng bị xử tử, và sau đó cán bộ ức hiếp phải lấy. Cũng không nói tới trường hợp con gái địa chủ bị ép lấy bần cố nông, vì đối với Đảng, đấy chẳng phải là một sai lầm.

Một điều đáng chú ý là trong mấy năm liền, Đảng không hề chú ý tới sự đau khổ và nhục nhã mà những phụ nữ kể trên phải chịu đựng. Nó chứng tỏ thái độ thực sự của Cộng sản đối với phụ nữ và vạch trần sự giả dối trong những lời tuyên bố đường mật của Cộng sản về vấn đề phụ nữ. In hệt ruộng đất, nhà cửa, đồ đạc phụ nữ cũng chỉ là một thứ tài sản mà Đảng tự cho mình quyền phân phối theo ý muốn.

Các lãnh tụ Đảng yên trí rằng bấy nhiêu biện pháp phóng thích khỏi trại giam, hồi phục danh dự những đảng viên đã bị giết oan, trả lại tài sản và vợ bị tịch thu - là đủ xoa dịu lòng uất hận của nhân dân đối với Đảng và bình thường hóa lại đời sống. Đảng cũng tin tưởng ở thế lực của Đảng có thể ngăn chận mọi cuộc chống đối và, một phần khác, Đảng tin rằng dân chúng bị khủng bố nên đã mất hết tinh thần, không bao giờ dám nổi loạn. Nhưng các lãnh tụ Cộng sản không để ý tới mấy yếu tố khác, đã gây nên mấy cuộc khởi loạn sau này. Trở lại hình ảnh cái que tre, chúng ta có thể nói khi Đảng thả tay thì que tre bật ngay trở lại với một sức mạnh mà Đảng không dự tính đúng mức. Nông dân ở nhiều nơi và trí thức ở thủ đô nổi dậy chống lại chế độ.

Chú thích

(1) Nghĩa là trước kia càng chống Pháp hăng hái bao nhiêu thì bây giờ càng bị khủng bố bấy nhiêu.

(2) Mao trạch Đông: "Báo cáo về cuộc Nông dân bạo động tại Hồ Nam" trong Mao Trạch Đông Tuyển Tập, *nhà xuất bản Lawrence and Wishart, Luân Đôn, 1945-56.*

(3) Nên chú ý, Bộ Tư Pháp còn tỏ ý thiên vị đối với chồng mới.

(4) Điều này có nghĩa là nếu không là Công giáo thì cho phép lấy hai vợ.

Qua những sai lầm trong Cải cách Ruộng đất - Xây dựng quan điểm lãnh đạo

NGUYỄN MẠNH TƯỜNG

(Tiếp theo và hết)

Chính trị chèn ép chuyên môn như thế nào, xua đuổi người trí thức ra ngoài con đường cách mạng ra sao, lịch sử kháng chiến đã cho ta kinh nghiệm đau đớn. Năm 1949, phong trào tư pháp liên khu III tan vỡ vì chính quyền quan niệm tư pháp phải thuộc sự điều khiển của mình. Năm 1951, phong trào quân y, dân y liên khu IV sụp đổ vì các chính trị viên đưa vào các bệnh viện đã đàn áp chuyên môn, thúc đẩy các bác sĩ có công với cách mạng, với kháng chiến, phải gạt nước mắt mà rời bỏ kháng chiến. Đó không phải là chủ trương của Đảng Lao Động. Nhưng có một điều làm ta suy nghĩ: sao mãi bây giờ sau 10 năm Đảng mới nghiên cứu một chính sách cho trí thức? Điều ấy chứng tỏ rằng từ khi cách mạng thành công, ta chưa đánh đúng giá người trí thức, chưa đặt vấn đề trí thức. Do đó, làm thế nào khai thác được tất cả khả năng của người trí thức để họ mang chuyên môn ra phục vụ nhân dân?

Trên đây, tôi nói về người trí thức từ chiến khu trở về. Đối với người trí thức vẫn ở trong Thủ đô, ta thấy sự thiếu tín nhiệm ấy lại còn trầm trọng hơn nữa. Bao lần ta nghe tiếng chua cay của các anh em ấy phàn nàn bị coi như là kẻ thù, mặc dầu các anh em vì yêu nước đã khắc phục mọi lo sợ do tuyên truyền của địch gây ra và ở lại với chúng ta. Ta để cho cán bộ hộ khẩu xâm phạm đến danh dự của các anh em, ta không tìm cách nào sửa chữa sai lầm ta đã phạm đối với anh em. Ở các công sở tình trạng chèn ép của chính trị đối với chuyên môn đã đưa đến cái danh từ bi đát làm cho ta đau lòng: "họ Lưu, họ Kháng". Không đoàn kết được các anh em, ta lại còn có thái độ úp mở, nhùng nhằng (ta tưởng như vậy là thượng sách), thậm chí ta lại còn nghi ngờ các anh em. Ta không hiểu rằng làm như vậy, ta bất công với các anh em, ta không tôn trọng lời đã hứa qua chính sách tiếp quản và cương lĩnh Mặt Trận, ta đẩy các anh em xa rời ta, ta vô tình ném xuống bể tiêu cực cái vốn chuyên môn của các anh em trí thức trong Thủ đô.

Đó là những nguyên nhân trực tiếp. Đào sâu hơn nữa, ta thấy rằng sở dĩ có những hiện tượng như ta vừa phân tách trên đây, chẳng qua chỉ vì sự lãnh đạo của ta thiếu dân chủ, xa lìa quần chúng.

Chính thể ta thiếu dân chủ như thế nào, ta đã từng biết. Vai trò của các vị Bộ và Thứ trưởng ngoài Đảng như thế nào, các vị đó làm được những gì trong Hội đồng chính phủ, trong các ngành chuyên môn mà các vị ấy phụ trách, ta không nên đi quá sâu. Ta chỉ cần liếc mắt nhìn qua công việc làm trong mỗi Bộ, ta chỉ cần nghe tiếng than phiền của các cán bộ, công chức làm việc trong các Bộ là ta hiểu. Ta cũng biết rằng chủ trương của Đảng có lẽ không phải như vậy đâu, nhưng trong thực tế công tác, mỗi anh em ta tiếp xúc với các vị Bộ hay Thứ trưởng ngoài Đảng, đều nhận thấy rằng quyền hành của các vị ấy hình như không phải là quan trọng cho lắm. Nhận định như vậy có lẽ ta lầm đấy. Nhất định ta lầm. Nhưng dù sao có "dư luận" không ai chối cãi được. Do đó, nếu chủ trương của Đảng không phải như vậy thì ít ra Đảng cũng mang trách nhiệm không làm thế nào để tiêu tan cái dư luận tai hại mà chúng ta thấy tồn tại từ thời kỳ kháng chiến đến giờ. Nhưng cũng có điều chắc chắn không ai chối cãi được, là các vị Bộ hay Thứ trưởng không có trách nhiệm gì trước Quốc hội, trước nhân dân, chỉ có trách nhiệm trước Chính phủ mà thôi. Chưa bao giờ ta thấy vị Bộ trưởng nào bị lật đổ cả. Phải đợi đến các sai lầm đặc biệt nghiêm trọng trong Cải cách mới thấy hai vị Thứ trưởng phải rút lui khỏi Hội đồng Chính phủ. Các hiện tượng ấy chứng tỏ rằng Chính phủ ta chưa thực hiện được dân chủtrong khi lập Hội đồng Chính phủ, vì các vị Bộ hay Thứ trưởng đều được cử hay bị truất, ngoài sự tham gia trực tiếp hay gián tiếp (qua Quốc hội) của quần chúng.

Tình trạng của Quốc hội lại rõ hơn nữa. Mười năm Quốc hội đã thành lập. Các vị đại biểu Quốc hội còn phản ảnh được ý nguyện của quần

chúng không, quần chúng có tín nhiệm ở Quốc hội nữa không, đó là một vấn đề. Nhưng dù vấn đề ấy ta giải quyết như thế nào đi nữa, có một điều chắc chắn là một Quốc hội già 10 năm rồi mà vẫn tồn tại ngoài sự can thiệp của quần chúng, sự lựa chọn của quần chúng, chứng minh rằng quần chúng 10 năm nay đã bị truất quyền cử đại biểu của mình rồi. Dĩ nhiên trong thời kỳ kháng chiến, bầu lại Quốc hội là một điều không làm được. Và hiện thời, Nam-Bắc bị tạm chia cắt, do đó sự bầu lại toàn thể Quốc hội cũng là khó khăn. Nhưng dù sao riêng ở các miền giải phóng này, nếu ta chú ý đến quyền người dân cử đại biểu của họ thì nhất định ta phải cho phép người dân bỏ phiếu rồi. Từ khi hòa bình trở lại, 2 năm đã qua, mãi bây giờ trước phong trào quần chúng đòi thực hiện dân chủ, ta mới nghĩ đến quyền bỏ phiếu của người dân và bổ sung Quốc hội.

Nào có thế thôi đâu? Ngay cái Quốc hội ta đang có hiện thời, ta có thực hiện dân chủ với nó không? Chắc chắn là không. Thỉnh thoảng ta mới họp Quốc hội, và trong các buổi họp đó ta chỉ thấy Chính phủ đưa ra các báo cáo để Quốc hội nghiên cứu, xây dựng, hay các chính sách để Quốc hội tán thành và bổ khuyết. Quyền lập pháp của Quốc hội ở đâu? Quyền đề ra đường lối, chủ trương trong nội trị, ngoại giao, quyền nêu trách nhiệm của Chính phủ và các Bộ, quyền lựa chọn nhân viên trong Hội đồng Chính phủ, bấy nhiêu quyền, Quốc hội có được hưởng dụng không? Dư luận quần chúng quan niệm rằng Quốc hội chỉ có quyền thông qua các chính sách mà thôi. Còn như các sắc lệnh hay đạo luật thì thường thường, quyền thông qua ấy chỉ thuộc ban Thường trực của Quốc hội. Nếu Quốc hội là tổ chức cao nhất của quần chúng, đại diện cho quần chúng, thì ta phải khách quan nhận thấy rằng, với vai trò vô cùng yếu ớt của Quốc hội hiện thời, quyền dân chủ của quần chúng không được thực hiện.

Nói đến Mặt trận thì tình hình cũng tương tự. Mặt trận hiện thời là tổ chức quần chúng có lẽ sát tình hình quần chúng nhiều nhất. Nhưng ta có để nó đóng vai trò của nó không? Không. Tác dụng của nó là động viên quần chúng để tán thành, ủng hộ và thi hành các chính sách. Đứng về phương diện này, nó làm tròn nhiệm vụ của nó. Nó xứng đáng với tín nhiệm của Đảng và Chính phủ. Nhưng hoạt động của nó như thế chỉ có một chiều thôi. Ta chưa khai thác các khả năng của nó. Ta chưa nhận thấy bản chất của nó. Nó có thể là liên lạc "hai chiều" giữa quần chúng và Đảng, Chính phủ. Một mặt như nó thường làm, nó động viên quần chúng để thực hiện các chủ trương của Đảng và Chính phủ. Nhưng mặt khác, nó có thể là cơ quan phản ảnh lên Đảng và Chính phủ các ý kiến, thắc mắc, nguyện vọng của quần chúng, góp phần xây dựng các chính sách, nói lên tiếng nói của quần chúng, cung cấp tài liệu nguồn gốc ở quần chúng, tích cực giúp đỡ cấp lãnh đạo tránh khỏi chủ quan, thắt chặt liên lạc giữa cấp lãnh đạo và quần chúng. Nhưng muốn để cho nó đóng vai trò ấy, ta phải "dân chủ" đối với nó, nghĩa là phát động tự do tư tưởng của nó, để nó mạnh dạn nói lên ý kiến của quần chúng, dù là các ý kiến trái ngược với nhận định của cấp lãnh đạo. Nhưng từ trước tới nay, ta không làm như vậy. Ta thấy khó chịu khi nó thỏ thẻ —chỉ thỏ thẻ thôi— những lời làm ta một phút chốc tỉnh giấc mộng chủ quan mà ta trong cấp lãnh đạo đang say sưa. Vì vậy ta chỉ thường cho phép nó, chỉ khuyến khích nó phụ họa ta, tán đồng ta với thái độ của đứa con khen hay khi mẹ nó hát. Tóm lại, ta không dân chủ với nó. Do đó, ta hạn chế khả năng của nó, nó không giúp ích gì cho cấp lãnh đạo.

Thiếu dân chủ là gì? Là xa rời quần chúng, là giam hãm mình vào ngục thất của chủ quan. Tại sao một chính thể cách mạng lại có thể phạm sai lầm nghiêm trọng như vậy được?

Trước đây, ta không trả lời được. Những người kính yêu cách mạng rất ngạc nhiên khi thấy có kẻ đi tìm tự do, rời bỏ hàng ngũ cách mạng để lén sang phía tư bản. Ngay trong thủ đô ta hiện thời, qua Đại hội lần thứ 3 của Mặt trận Thành, ta thấy phản ảnh ý muốn của bao nhiêu đồng bào muốn đi Nam. Ta nghĩ đến các đồng bào, trong thời kỳ kháng chiến, gạt nước mắt mà trở về Hà-nội. Nếu cách mạng mang lại cho họ ánh sáng và hạnh phúc, sao lại có người lo ngại trước cách mạng, đau đớn vì cách mạng. Các người ấy không phải thuộc thành phần kẻ thù của cách mạng, trái lại thuộc thành phần cơ bản trong nhân dân, như nông dân, công nhân. Thế thì đâu là chân lý? Đó là một vấn đề mà trước đây ta chỉ đặt thôi và không giải quyết được.

Bây giờ sau Đại hội lần thứ 20 của Đảng Cộng sản Liên-sô, sau các cuộc bạo động ở Berlin, Poznan, bên Tiệp, bên Hung, ta hiểu rõ vấn đề, ta giải quyết được nó. Chung quy, mặc dầu cách mạng là tốt đẹp, mang lại hạnh phúc

cho dân tộc, sở dĩ vẫn có người xa lánh cách mạng, chẳng qua là vì chính thể cách mạng mắc trầm trọng bệnh xa lìa quần chúng, thiếu dân chủ, do đó đi càng ngày càng sâu vào tình trạng quan liêu, mệnh lệnh, duy trì một thái độ lãnh đạo hẹp hòi, độc đoán, có khi độc tài. Thái độ một chiều không muốn, không cho phép ai nói cái gì trái ngược ít nhiều với ý kiến nhận định, thành kiến của mình. Mình tự phụ, tự hào mình có độc quyền tìm thấy và gìn giữ chân lý. Đó là tật tự cao tự đại của nhà cách mạng. Ta bay bổng lên trời xanh của ảo tưởng, ta chỉ tin ở ta. Trong tư tưởng, ta không khinh quần chúng, nhưng trong hành động, quả thật con mắt khách quan nhận thấy ta bất chấp quần chúng. Thậm chí, khi ta nghe thấy một tiếng nào từ quần chúng nói lên rằng ta nhầm, ta làm như thế này mới phải, lập tức ta thét ngay đó là tiếng của địch. Sở dĩ quan điểm bạn thù của ta mơ hồ, và đâu ta cũng trông thấy địch, chẳng qua là vì ta quá tự phụ, ta sùng bái ta quá đáng mà thôi. Bây giờ ta biết rõ là nếu bệnh ấy phổ biến trong hàng ngũ cách mạng hiện thời thì trách nhiệm chính là Stalin phải chịu. Vì tự cao, tự đại, tự phụ, tự mãn, Stalin không cho phép ai dân chủ với mình, đâu cũng trông thấy địch. Kết quả thế nào ta đã biết: khẩu hiệu nêu lên, thét lên, gào lên là: đề cao cảnh giác. Và lợi dụng tình thế ấy, ta biết Béria đã làm những gì, phạm tội ác như thế nào.

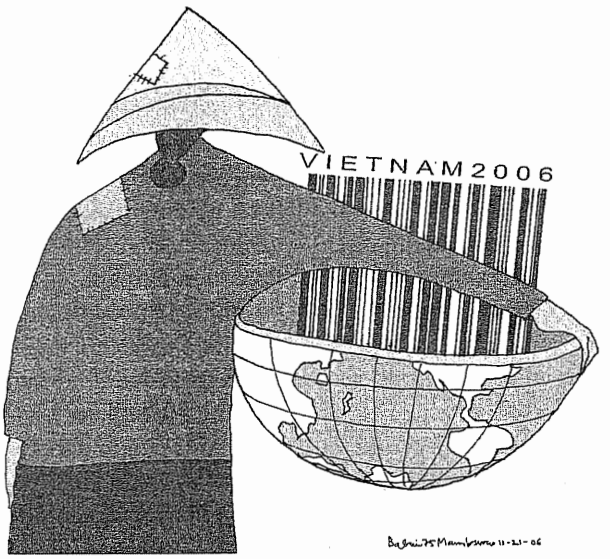

Nếu không có quyết nghị lần thứ 20 của Đảng Cộng sản Liên-sô, nếu không có những sai lầm cực kỳ tai hại trong Cải cách, ta chưa mở mắt được, ta sẽ còn thấy bao nhiêu máu oan chảy thành suối thành sông, bao nhiêu người kính yêu cách mạng mà vẫn đau sót rời bỏ cách mạng. Tuy ta phải trả một giá quá cao, nhưng bây giờ ta biết rõ nguyên do của các đau khổ của ta: ta thiếu dân chủ.

III. Phương hướng sửa chữa các sai lầm

Qua lịch sử tranh đấu của quần chúng hai nghìn năm nay, ta thấy cái gì mà nhân bản của loài người đòi hỏi thiết tha nhất, đó là một đời sống vật chất tương đối đầy đủ êm ấm, đó là một đời sống tinh thần tương đối ổn định, có đảm bảo và tự do. Hạnh phúc của loài người xây dựng trên cơ sở dân sinh và dân quyền. Tôi muốn nhấn mạnh ở đây về vấn đề dân quyền. Ta được biết từ hai thế kỷ nay chủ yếu trong vấn đề dân quyền là vấn đề dân chủ, nghĩa là quyền của người dân làm chủ trên đất nước, đồng thời là quyền của con người được sống theo các nhu cầu thiết yếu và chính đáng của nhân bản. Từ cuộc Cách mạng tư sản Hoa Kỳ cuối thế kỷ 18, Cách mạng tư sản Pháp 1789, tới cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa của Nga, quần chúng nổi giậy, mang xương máu để giành kỳ được chế độ dân chủ. Sau cuộc đại chiến lần thứ hai, Hiến chương Liên hiệp quốc đúc kết những thành quả của các phong trào lịch sử tranh đấu cho dân chủ và đặt các nước văn minh trước trách nhiệm của họ để thực hiện và đảm bảo các nguyên tắc dân chủ. Đối với các nước tư bản ta không ngạc nhiên thấy chế độ dân chủ thực hiện với những thiếu sót quan trọng. Nhưng ta có quyền ngạc nhiên khi ta thấy các thiếu sót ấy cũng xuất hiện trong các nước đã hoàn thành cuộc Cách mạng dân chủ nhân dân và xã hội chủ nghĩa. Đại hội lần thứ 6 của Hội Quốc tế các luật gia dân chủ họp trong tháng 5 vừa rồi tại Bruxelles đã lấy làm tiếc mà nhận thấy rằng trong tất cả các nước, dù tư bản hay xã hội chủ nghĩa, mặc dầu các Hiến pháp, các bộ luật tuyên bố trịnh trọng, tôn trọng thực hiện, đảm bảo thực hiện các nguyên tắc dân chủ, tuy nhiên các nguyên tắc này vẫn bị dày xéo. Vì vậy trong tất cả các nước, quần chúng tranh đấu kịch liệt.

Ở nước ta, trong bản Tuyên ngôn độc lập, trong Hiến pháp cũng như trong các sắc lệnh, đạo luật, nguyên tắc dân chủ đã được ban bố. Nhưng qua phong trào phát huy dân chủ mà Chính phủ chủ trương, qua đại hội nhân dân thủ đô lần thứ 3, các Đại hội Mặt trận Trung ương, Mặt trận Thành, qua thông cáo của Hội nghị lần thứ 10 của Trung ương Đảng Lao động, của Chính phủ v.v., nhân dân nhận thấy, và Đảng cũng như Chính phủ xác nhận rằng ta thiếu sót về dân chủ khá nhiều. Vì các thiếu sót ấy, ta phạm các sai lầm nghiêm trọng trong Cải cách ruộng đất như tôi đã trình bày trên đây. Nguyên nhân sâu sắc của các sai lầm ấy, ta có thể quy kết được. Sở dĩ đời sống tinh thần của ta không được ổn định, lúc nào ta cũng nơm nớp lo sợ các hành động "lộng quyền" của nhà đương cục, là vì ta thiếu một chế độ pháp trị phân minh, không đề ra nghĩa vụ và quyền lợi của mọi người, đồng thời cả của cấp lãnh đạo nữa. Sở dĩ cấp lãnh đạo có thể phạm được các sai lầm nghiêm trọng trong Cải cách Ruộng đất, tổn thất cho xương máu, mồ hôi nước mắt của đồng bào, cho uy tín của Đảng và Chính phủ, là vì người dân không có quyền, không có phương tiện nói lên ý kiến của mình, tham gia xây dựng các chính sách của Chính phủ.

Do đó, phương hướng sửa chữa các sai lầm là một chế độ pháp trị chân chính, một chế độ dân chủ thực sự.

Một chế độ pháp trị chân chính — Ở đây, chưa phải lúc và chỗ để tôi trình bày ý kiến về vấn đề pháp trị. Ta sẽ có dịp khác. Ở đây, tôi chỉ muốn trình các quí vị một nhận xét.

Đảng Lao động và chính phủ có nhận thấy cần thiết, trong chính sách sửa chữa các sai lầm trong Cải cách, phải "tăng cường chế độ pháp trị" của ta. Tôi e rằng trong tư tưởng lãnh đạo, sự nhận thức về vấn đề pháp trị chưa được rõ và đầy đủ. Chính trị vẫn coi pháp luật như một "bà con nghèo". Chữ "tăng cường" là một chứng minh. Tuy rằng trong nước ta có một Bộ Tư pháp, có các toà án, có luật lệ, nhưng chế độ pháp trị hầu như không có. Đó là một điều tôi sẽ nghiên cứu sâu sắc hơn khi nào tôi trình bày ý kiến về chế độ pháp trị, một chế độ pháp trị chân chính. Theo ý tôi, thì vấn đề không phải là tăng cường mà là xây dựng.

Một chứng minh khác trong chính sách Sửa sai trong Cải cách này, tôi vẫn thấy chính trị lấn áp pháp lý. Trước hết bức thư của ông Hồ Viết Thắng tự phê bình và xin rút lui khỏi Mặt trận Trung ương chỉ là một giải pháp chính trị mà thôi. Trong cuộc mạn đàm với các vị đại biểu đến họp hội nghị này, tôi nhận thấy không ai "thông" về ý kiến và biện pháp ông Hồ Viết Thắng trình bày cả. Riêng về phần tôi là một nhà luật học, tôi chưa thể nào nhận định được trách nhiệm của ông Thắng. Có thể trách nhiệm của ông ấy rất lớn, có thể rất nhỏ. Đứng trên tinh thần pháp lý, sự nhận tội lỗi của một người không đủ để qui định trách nhiệm của người ấy. Trong Cải cách, khi những đảng viên ưu tú bị đoàn Cải cách gán cho là phản động, ra trước nhân dân, có người cũng nhận tội trong khi biết là mình oan. Ta nên rút kinh nghiệm vừa qua, sửa sai không phải là phạm các sai lầm khác. Do đó, đứng trên một lập trường pháp trị chân chính, tôi đề nghị phải lập một ủy ban điều tra gồm các vị đại biểu Quốc hội, Mặt trận, Đảng Lao động với sự cộng tác của các vị thẩm phán cao cấp, giàu kinh nghiệm để lập một hồ sơ theo phương pháp pháp lý đã nhận định, trên quá trình đi từ lãnh đạo qua chỉ đạo đến chỗ thực hiện chính sách, trách nhiệm ở chỗ nào và do những ai phải chịu. Sau khi kết thúc cuộc điều tra, ủy ban ấy sẽ phân tách trách nhiệm chính trị và trách nhiệm pháp lý. Ai chịu trách nhiệm chính trị sẽ trả lời trước Quốc hội biến thành Toà án tối cao. Ai chịu trách nhiệm pháp lý sẽ trả lời trước các tòa án tư pháp. Dưới con mắt của quần chúng theo dõi xây dựng cuộc điều tra và xét xử, công lý phát huy, không còn ai thắc mắc nữa.

Có người hỏi làm thế để làm gì? Tôi xin phép trả lời. Làm thế để rút kinh nghiệm. Tôi cảm thấy ngay hiện thời ta chưa rút được kinh nghiệm đâu. Chính trị không những lãnh đạo pháp lý —đó là đúng— nhưng vẫn lấn át pháp lý, thay thế cho pháp lý, như trong trường hợp ông Hồ Viết Thắng, như thế là ta vẫn mở cửa cho các sai lầm mới còn nguy hại hơn nữa. Không những thế, ta biết rằng nhu cầu công lý thuộc nhân bản con người văn minh. Từ người bị xử trí oan cho đến các người chỉ chịu thiệt gián tiếp vì các sai lầm, có thể nói được rằng toàn dân đợi chờ công lý. Một biện pháp chính trị xuề xoà không thỏa mãn được ai. Bằng chứng ở nông thôn, ta được biết tình hình "căng thẳng". Phong trào trả thù, tự xử diễn ra khắp mọi nơi, kéo chúng ta trở về quá khứ của lịch sử. Còn như các đảng viên bị xử trí sai, tâm hồn các anh em như thế nào, ta chỉ cần đọc lại báo Nhân Dân. Tuy rằng các anh em kết thúc các bài tường

thuật lại đau khổ của mình bằng những lời phấn khởi, nhưng các lời này không làm ta quên được các lời phẫn uất, chua xót, cay đắng mà các anh em nói lại với ta từ đầu bài. Nhưng bi đát hơn hết là các chiếc khăn trắng chít trên đầu họ hàng thân thích của những anh em bị xử tử, những bàn thờ vẫn dựng trong nhà, các thổn thức phá vỡ im lặng của các đêm hiu quạnh, các ngày cúng giỗ nhắc lại hàng năm bi kịch thê thảm đã diễn ra trong gia đình vì cuộc Cải cách. Nhân dân đòi hỏi các người có công được thưởng và các người có tội phải đền tội. Trách nhiệm của tất cả mọi người từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên, phải được qui định rõ ràng, dứt khoát. Như thế mới yên được lòng dân, như thế mới thu phục được nhân tâm. Kinh nghiệm lịch sử dạy ta điều ấy. Trong chính sách sửa chữa sai lầm, ta không thể quên được bài học lịch sử. Quần chúng im lặng đợi chờ công lý.

Chúng ta thiết tha mong ước ở chính trị một nhận định đúng về vai trò của pháp luật phục vụ cách mạng. Kinh nghiệm đau đớn vừa qua bó buộc ta phải xây dựng lại quan điểm "địch" trên cơ sở pháp lý và pháp trị. Các sai lầm nghiêm trọng ta đã phạm bắt nguồn ở một quan điểm chính trị về địch. Quan điểm ấy linh động quá, "biện chứng" quá, nên ta không biết phân tách địch và ta, do đó ta đánh cả ta nữa. Muốn tránh các sai lầm hôm qua đừng tái diễn ngày mai, ta cần xác định theo hình luật thế nào là địch. Lúc đó ta mới đánh đúng địch, và có đánh đúng địch ta mới củng cố được ta, ổn định được nhân tâm, duy trì lại trật tự và an ninh ở thôn quê, kiến thiết lại đoàn kết giữa các tầng lớp nhân dân ở thôn quê cũng như ở thành thị, đảm bảo cho quần chúng một đời sống tự do, thoát khỏi mọi sự đe dọa của "lộng quyền", bênh vực các quyền căn bản và thiết yếu của con người.

Tóm lại, nếu chính trị giác ngộ, vui lòng tôn trọng pháp lý, thiết lập một chế độ pháp trị trong đó chính trị vẫn lãnh đạo pháp lý, nhưng đồng thời nêu thật cao gương phục tùng pháp lý và pháp trị thì nhất định chính trị khôi phục được uy tín và được quần chúng nhiệt liệt ủng hộ.

Một chế độ thực sự dân chủ — Thế nào là một chế độ thực sự dân chủ? Đó là một chế độ trong đó người dân được làm chủ trên đất nước không những trong hiến pháp, mà cả trong thực tế nữa. Đây không phải là lúc, là chỗ, mà ta đi sâu vào vấn đề. Ta chỉ cần nhận thấy rằng trong giai đoạn hiện thời, quần chúng có đòi hỏi cái gì quá đáng đâu, chỉ yêu cầu có một điều thôi, là được đàm thoại với cấp lãnh đạo, được đề đạt lên cấp lãnh đạo, ý kiến về các chính sách do cấp lãnh đạo xây dựng. Các vị lãnh tụ đã bao lần khen dân ta tốt. Mà dân ta tốt thật. Bằng chứng là điều tôi vừa nhắc lại đây. Trong khi quần chúng có quyền đòi hỏi ở một chính thể cách mạng rất nhiều, nhân dân ta chỉ có một yêu cầu mà ai cũng phải nhận là chính đáng. Tại sao nhân dân chỉ có cái yêu cầu nhũn nhặn ấy mà thôi? Là vì nhân dân thông cảm với cấp lãnh đạo phải đương đầu với bao khó khăn. Nhưng nếu nhân dân chỉ đề ra có một yêu cầu, yêu cầu ấy thiết yếu. Tôi tin rằng cấp lãnh đạo cũng nhận thấy như vậy. Tôi không quên lời của ông Trường Chinh đọc bản tự phê của Đảng Lao động tại Hội nghị này. Ta nghe thấy cấp lãnh đạo thú nhận trước Hội nghị rằng Trung ương Đảng đã phạm sai lầm là xa quần chúng, chỉ tiếp xúc với quần chúng qua báo cáo của các cán bộ đảng viên mà thôi. Ta phải nhận định rằng đây là một sai lầm nghiêm trọng. Do đó, cuộc Cải cách Ruộng đất của ta đã gặp các thất bại cay đắng. Trái với lời ta thường nói, ta đã thiếu dân chủ với nhân dân.

Nhân dân nhất định không để tình trạng tai hại ấy kéo dài nữa. Tôi xin phép Hội nghị góp một số ý kiến để chấm dứt tình trạng đó. Tôi không đặt vấn đề dân chủ nói chung. Tôi chỉ chú ý đến yêu cầu thiết tha nhất hiện thời của quần chúng là được phản ảnh lên ý nguyện của mình. Theo ý tôi, để thực hiện và đảm bảo yêu cầu vô cùng chính đáng ấy, chỉ cần ba giải pháp.

1. Một chế độ báo cáo của cán bộ. Đảng tín nhiệm ở cán bộ. Đúng! Không tài nào khác được. Vậy phải đặt các cán bộ có nhiệm vụ báo cáo trước trách nhiệm của họ. Một báo cáo không phản ảnh trung thành sự thực với các khía cạnh của nó, với các ưu và khuyết điểm của nó, rất tai hại. Cấp lãnh đạo cần đề cao cảnh giác với các con số thống kê, các động cơ bất chính của cán bộ muốn thi đua thành tích, vừa mị dưới, vừa lừa trên, do đó đưa ra một hình ảnh quá hẹp của thực tế. Ta phải tiến tới giải pháp nhận định rằng người nào hữu ý xuyên tạc sự thật vì động cơ bất chính, có thể bị truy tố về tội giả mạo được.

2. Một chế độ cho các đoàn thể nhân dân được quyền mạnh dạn nói lên ý kiến của quần chúng mà họ tập hợp. Từ trước tới nay, ta có thể ví Đảng Lao động như một cây rất to, lá rườm rà che hết ánh sáng của mặt trời, khiến

ngay một ngọn cỏ cũng không mọc dưới chân nó được. Vì vậy, Quốc hội cũng như Mặt trận không thể đóng được vai trò của mình. Ở đây, tôi chỉ xin phép nói về Mặt trận của ta thôi. Các vị đã thấy rằng từ khi thành lập Mặt trận Liên Việt cho đến Mặt trận Tổ quốc, chúng ta chỉ có nhiệm vụ động viên quần chúng thi hành chính sách mà thôi. Đó là một nhiệm vụ. Nhưng dù sao chỉ có một chiều. Ta là giây liên lạc giữa các cấp lãnh đạo và quần chúng. Nếu ngược lại, ta có quyền liên lạc giữa quần chúng và cấp lãnh đạo, nghĩa là phản ảnh lên Đảng và Chính phủ ý kiến thắc mắc, nguyện vọng của quần chúng, công tác của ta thế nào cũng tốt đẹp hơn, hoàn hảo hơn. Ta gắn liền lãnh đạo và quần chúng, do đó lãnh đạo sát hợp với thực tế hơn. Tôi xin phép đặt mỗi vị ủy viên trước trách nhiệm của mình. Chúng ta ủng hộ Chính phủ, nhưng chúng ta cũng là đại biểu của nhân dân. Công tác của chúng ta có hai mặt, chúng ta không thể chỉ lệch về một bên được. Quần chúng không cho phép chúng ta làm như vậy, muốn theo rõi công việc ta làm vì chúng ta làm đại biểu của quần chúng, được quần chúng tín nhiệm. Quần chúng giao quyền cho chúng ta, chúng ta phải xứng đáng với sự ủy quyền ấy. Ta sử dụng quyền ấy thế nào, quần chúng đòi kiểm soát ta.

Để đạt mục đích này, tôi xin phép đề nghị: một là mỗi ủy viên phải có nhiệm vụ phản ánh lên Mặt trận ý kiến của quần chúng. Mặt trận phải có nhiệm vụ đề đạt lên cấp lãnh đạo những phản ảnh của các ủy viên và báo cho các vị ấy thái độ của cấp lãnh đạo giải quyết vấn đề ra sao, sử dụng các phản ảnh ấy như thế nào. Khi Mặt trận họp hội nghị, phải cho phép quần chúng đến bàng thính: để quần chúng kiểm soát công việc của Mặt trận làm và thái độ của các ủy viên. Dĩ nhiên các người bàng thính ấy không có quyền tham gia thảo luận, chỉ được nhập hội trường cho tới khi hết số ghế dành cho quần chúng, và phải tôn trọng kỷ luật của hội nghị. Ngoài ra, báo chí, đặc biệt báo chí của Mặt trận như tờ Cứu Quốc, phải phản ảnh trung thành nội dung của các cuộc thảo luận và đăng các tham luận của các vị ủy viên.

3. Một chế độ tự do ngôn luận, xuất bản báo chí — Ta phải đề phòng trường hợp các cán bộ không báo cáo, các ủy viên Mặt trận không phản ảnh ý kiến của quần chúng. Do đó, ta thấy cần thiết phải cho phép quần chúng nói lên tiếng nói của mình qua báo chí. Có người lo ngại rằng tự do ngôn luận này mà ai cũng thấy cần thiết có thể bị sử dụng một cách bừa bãi. Về điều này ta phải suy nghĩ. Mối lo ngại trên đây xuất phát từ động cơ nào? Nếu là động cơ tốt — nghĩa là do một nhiệt tình đối với cách mạng gây ra— ta hoan nghênh. Nhưng ta cũng sẽ trả lời rằng trong một chính thể dân chủ muốn sử dụng tự do nào, dĩ nhiên phải nêu trách nhiệm của người sử dụng tự do ấy trước pháp luật. Nếu sử dụng với tinh thần trách nhiệm hợp pháp, ta không có quyền kêu ca gì, trái lại, ta hoan nghênh. Nếu lạm dụng một cách vô trách nhiệm, ta đã có tòa án để nghiêm trị. Vậy ta không lo ngại. Nhưng nếu mối lo ngại xuất phát từ một động cơ bất chính, nhắm mục đích thủ tiêu các tự do dân chủ, thì tôi chỉ cần khuyên nhủ người lo ngại như vậy nên đọc lại lịch sử các phong trào cách mạng trong hơn một thế kỷ nay. Họ sẽ nhận thấy rằng chưa bao giờ, chưa ai có thể ngăn cản được một phong trào quần chúng tranh đấu đòi các tự do dân chủ.

Không những ta công nhận các tự do dân chủ, ta lại còn cung cấp phương tiện để thực hiện các tự do ấy. Thí dụ tự do ngôn luận. Ta có các báo của Chính phủ, của Đảng, của Mặt trận, ta lại có các báo của tư nhân, ta giúp đỡ cho các báo ấy giấy và mực in đầy đủ, ta lại còn quảng cáo cho các báo ấy là đàng khác nữa. Các cơ quan tuyên truyền, báo chí của ta không bao giờ tìm khó dễ cho các báo ấy, và khi nào các báo đó được hàng vạn độc giả hoan nghênh, ta rất lấy làm sung sướng vì trong thâm tâm ta, ta là những người dân chủ.

Các biện pháp tôi đề nghị trên đây đều nhằm mục đích cống hiến các cấp lãnh đạo một nhận thức đúng và sát thực tế mà cấp lãnh đạo không có điều kiện biết đến một cách trực tiếp. Sát với thực tế của quần chúng, cấp lãnh đạo thông cảm với quần chúng, đi đúng đường lối của quần chúng, được quần chúng tín nhiệm, ủng hộ, mến yêu.

Thưa các quý vị,

Tôi nói đã quá lâu, nhưng tôi tin các vị cũng tha thứ cho, vì biết rằng tôi là một người thiết tha đến sự nghiệp của cách mạng và tiền đồ của dân tộc. Các ý kiến của tôi, dù sai hay đúng, tôi cứ thành khẩn đề đạt lên các vị, gọi là để góp phần vào hội nghị, một phần nhỏ mọn nhưng chan chứa một niềm hi vọng và tin tưởng vô biên ở tương lai của đất nước.

Hà-nội, ngày 30.10.1956

Tính Uy-Mua và Nghệ Thuật Trong Thơ Cao Tần

ĐẶNG TIẾN

Uy-mua là phiên âm chữ Pháp humour, tôi tìm không ra từ Việt tương đương, đại khái như là hóm hỉnh, dí dỏm, hài hước, phúng thế, tếu, v.v... Dường như có lần Nhất Linh phiên âm thành u-mặc.

Uy-mua là hóm. Thêm cái ý: vượt lên trên những không may, vượt lên trên tai họa hay bi kịch. Không những lấy được khoảng cách, độ lùi, mà còn vượt lên trên. Uy-mua là mình tự giễu mình, với giọng đùa cợt chứ không chua cay. Khi Cao Tần xưng ông, xưng «gãy cánh đại bàng» thì không phải là kiêu, mà là hóm. Đại ngôn một chút: uy-mua là hòa giải với số mệnh. Nếu cần thu thơ Cao Tần vào cái hồ lô, thì có thể hô lên một câu ngắn: hòa giải với số mệnh.

*

Trong văn thơ Việt Nam ít có, nhưng vẫn có, uy-mua. Ca dao có câu vô cùng tinh tế:

Tưởng giếng sâu, anh (em) nối sợi dây dài
Ai ngờ giếng cạn, anh (em) tiếc hoài sợi dây

Ở mức độ đơn giản hơn:

Chàng ơi đưa gói em mang
Đưa gươm em xách để chàng đi không

Và dân giã hơn nữa:

Trời mưa trời gió
Xách đó đi đơm
Chạy về ăn cơm
Chạy ra mất đó
(đó: dụng cụ để đơm, bắt cá bằng tre đan)

Câu vần vè này không có nghĩa lý gì, và cũng không có giá trị gì, ngoài chất uy-mua. Người không có óc uy-mua sẽ cho là quê mùa, vớ vẩn. Nói lén: Xuân Diệu, sinh thời, là người sành và sính ca dao. Nhưng ít uy-mua nên dứt khoát không chấp nhận câu:

Xùng xình như áo mới may
Hôm qua mới mặc, hôm nay mất rồi

Võ Phiến là nhà văn giàu uy-mua, lại là người sành thơ Cao Tần, là người viết tựa cho Cao Tần, năm 1978, có nhận xét «trong thơ Cao Tần thường ẩn hiện nụ cười, cười như người Việt Nam vẫn cười trong tận cùng cay đắng.» Nhưng anh không chính xác gọi nụ cười dân gian «tận cùng cay đắng» ấy là uy-mua.

Trong văn thơ cổ điển, bài thơ tiêu biểu cho tính uy mua và đạt đến nghệ thuật siêu đẳng là bài «Bạn đến chơi nhà» của Nguyễn Khuyến, mượn lại ý thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm, bài «Gượng đến mừng nhau một mặt không»:

Cải chửa ra cây, cà mới nụ
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa

Thơ Cao Tần hay, thành công nhanh và được yêu chuộng lâu dài, là nhờ vào nghệ thuật có nền truyền thống lâu đời. Chỉ mối sầu di tản không thôi, thì khó trụ được dài lâu và truyền tụng rộng rãi.

Những người di tản vào tháng 4-1975, ra đi hoảng hốt, thường không mang được hành trang gì. May ra còn giữ được đôi ba giấy má tùy thân. Quân nhân có khi còn giữ được trong người giấy tờ quân sự:

1. Trong ví ta này chứng chỉ tại ngũ
2. Mất nước rồi còn hiệu lực hơi lâu,
3. Chiều lưu lạc chợt thương tờ giấy cũ
4. Tái tê cười: giờ gia hạn nơi đâu?

(Bài 17, tr. 52, «Cảm khái» tr. 39)

Cao Tần dùng lời ăn tiếng nói dân gian «còn hơi lâu,» cũng như «còn lâu,» là từ ngữ phủ định dứt khoát: còn lâu tôi mới yêu anh, nghĩa là không bao giờ. Nhưng trớ trêu hiểu ngược lại, theo cú pháp bình thường cũng không sao, có thể còn lý thú: nước mất rồi thì giấy tờ sẽ có hiệu lực vĩnh viễn. Câu 2, bản chất nó là uy-mua. Nhưng vì tính đa nghĩa, chất uy-mua loãng đi. Uy-mua ở đây là câu nói tự nhiên, không chơi chữ, không tu từ (nhưng ở nơi khác, như câu đối, thì uy-mua dùng phép tu từ, kỹ thuật ngôn ngữ, cái này không loại trừ cái kia).

Câu 4 rõ chất uy-mua: câu hỏi tự nhiên, cực

kỳ duy lý. Vì cực kỳ duy lý mà nó ngớ ngẩn, thậm chí điển hình cho khái niệm phi lý (absurde) phổ biến trong triết học phương Tây khoảng giữ thế kỷ XX, du nhập vào Việt Nam, chủ yếu là qua tiểu luận và tiểu thuyết Camus. Nhưng điều này không can dự gì đến Cao Tần: uy-mua của anh bắt nguồn từ tính dí dỏm trong truyền thống dân tộc. Chúng ta ai có dịp lân la trò chuyện với các bà cụ nhà quê, ít học hay thất học, sẽ ngạc nhiên về câu chuyện, ngôn ngữ cực kỳ sắc sảo, với những nét hóm hỉnh, tinh anh kỳ diệu của họ. Cao Tần sống thời đại mình, trong một bầu không khí văn hóa, văn học, một khung cảnh xã hội và trải qua một cuộc chấn động đổi đời, thì tự nhiên tâm tư mang âm vang «phi lý» sẵn có trong tư trào hiện đại. Và tình cờ thôi, nét dí dỏm dân gian trong anh vấp phải cái phi lý của lịch sử - tạo chất uy mua nhuộm màu phi lý có giá trị không riêng gì cho người Việt di tản, lưu vong, mà cho cả làng văn học Việt Nam trong nền văn chương thế giới. Chiều kích nhân văn và toàn cầu của thơ Cao Tần, nếu có, trong chủ quan của tôi, là chất uy-mua trong tư trào văn học đang giảm tính bi kịch và tăng chất uy-mua.

«Giờ gia hạn nơi đâu» là một câu thơ hóm hỉnh có hiệu lực, nhưng tự thân nó không có chất hóm. Nét dí dỏm dựa vào cả câu thơ, trong cả đoạn bốn câu và toàn bài tả những giấy tờ còn lại trong ví. Mệnh đề dẫn nhập là:

Chiều lưu lạc chợt thương tờ giấy cũ
Tái tê cười...

Động từ «cười» báo hiệu cho câu thơ tếu, dù tự thân chưa phải tếu vì chữ tái tê, nhưng đã đưa tín hiệu uy-mua, mà xưa kia Pascal gọi là «tiếng cười của tâm hồn» và gần đây Jankélévich gọi là «nụ cười của lý luận.» Hỏi gia hạn nơi đâu, lý sự thì lẩn thẩn mà đậm đà tình cảm vì đưa lên câu trước, ráp lại thành mất nước rồi... «còn gia hạn nơi đâu.» Câu thơ bi thiết đòi lại một không gian đã mất, cứa mạnh vào niềm «nhớ nước đau lòng con cuốc cuốc.»

Đoạn thơ sẽ tăng giá khi đặt vào toàn bài thơ:

Trong ví ta này một thẻ căn cước
Hình chụp ngay đơ rất mực cù lần
Da nhợt nhạt như bị đời nhúng nước
Má hóp vào như cả tháng không ăn

Mười tám tuổi thành công dân nước Việt
Tên chụp hình làm ta xấu như ma
Thằng khốn nạn làm sao mà nó biết
Ta sẽ thành dân mất nước tan nhà (...)
(Bài đã dẫn)

Mất nước tan nhà thì nào có can dự gì đến tên chụp hình mà chửi nó là «thằng khốn nạn.» Đây là một lý luận hoàn toàn phi lý — mà Camus gọi là raisonnement absurde — để đáp ứng vào một hoàn cảnh phi lý,

(...) một đời quái đản:
Hai mươi năm xưa làm thằng nhỏ di cư
Hai mươi năm sau thành nhà thơ di tản
(«Hát ngao trên tuyết,» tr. 43)

Mắng tên chụp hình là giống như Nguyễn Khuyến, giận tuổi già, mắng cái răng, trong bài «Sất xỉ.»

Cao Tần không làm thơ trào phúng như Tú Xương, nhưng cùng chia cái ngông, cái «ông» với Tú Xương: «Ông nốc rượu vào ông nói ngông (...) Khách hỏi nhà ông đến, nhà ông đã bán rồi...»

Xuân Diệu có viết: «thực tình là tôi thấy những câu thơ xúc cảm của Tú Xương chiếm phần lớn nhất (...). Trào phúng là vỏ, mà ruột thì thật cảm xúc đớn đau, thì cũng thành trữ tình thôi.» Ý này áp dụng vào thơ uy-mua của Cao Tần cũng đúng. Từ thế kỷ 19, các từ điển Littré và Larousse đã cho uy-mua là «cái vui nghiêm trọng» (la gaité serieuse), Kierkegaard đi sâu hơn, cho là «nỗi thống khổ nội tại của nhân sinh.» Nhưng nói như thế thì hết cả... uy-mua.

Giới làm văn học Việt Nam chưa mấy quan tâm vào phong cách uy-mua, mà họ đồng hóa với trào phúng, dù rằng uy-mua chỉ là thành tố nhỏ của trào phúng, có khi nó hủy diệt chất trào phúng; ngược lại trong văn chương bi kịch của Kafka, Beckett, Ionesco... thường có uy-mua. Thơ Cao Tần mang tính uy-mua dân dã Việt Nam, trong truyền thống văn học dân gian: ca dao, tuồng chèo, câu đối — nhất là câu đối — và một số chuyện tiếu lâm cười mỉm. Đỉnh cao trong truyền thống đó là bài hát «Mất ô» của Trần Tế Xương, một đêm đi hát cô đầu:

Hôm qua anh đến chơi đây
Giầy dôn anh dận, ô tây anh cầm
Rạng này trống điểm canh năm
Anh dậy, em vẫn còn nằm trơ trơ
Hỏi ô, ô mất bao giờ
Hỏi em, em cứ ỡm ờ không thưa
Chỉn e rày gió mai mưa
Lấy gì đi sớm về trưa với tình

Mất ô mà vẫn thản nhiên, ơm ờ, thậm chí còn huê tình như thế, quả là uy-mua tuyệt vời.

Cao Tần cũng có cái giọng ấy, khi nhắc đến những câu hát cũ còn đọng trong tim óc người xa xứ, thỉnh thoảng ê a bật lên môi, với bạn cũ hay với một mình:

Hát tự nhiên đi mà bạn quí,
Giọng bạn khàn khàn hơn chú vịt bầu
Đừng e sẽ mất lòng tri kỷ,
Dù nghe bạn hát chỉ thêm đau
(...)
Bạn bỗng kể: khi về gặp nàng
Có lúc du dương nàng bắt hát

Cứ hát, ta nghe mà bạn quí
Mai đời di tản lại buồn tênh
Rồi ra cặp được đào thơm Mỹ
Bạn sẽ trăm năm hát một mình
(Bài 2, tr. 2, "Hát một mình", tr. 29)

Uy-mua ở đây do bất ngờ ở kết luận, như bài hát "Mất ô," cả hai tác giả tinh quái đùa vui với một cảnh ngộ. Ở Tú Xương là nét dí dỏm nhẹ nhàng: mất ô này thì sắm ô khác, "lấy gì đi sớm về trưa với tình" là một lời trách khéo, mắng yêu. Mắng mà vẫn yêu. Nhưng cái anh mất nước và mất vợ thì vô phương bù đắp. "Rồi ra cặp được đào thơm Mỹ" là một cơ may ngang trái, có khi là oan trái. Đào Mỹ nào mà chả thơm. Nhưng chả nhẽ trăm năm với nhau chỉ bằng cái lỗ mũi? Hát một mình tự nó có khi là niềm vui, là hạnh phúc. Nhưng ở đây là khổ lụy không có lối thoát. Cái mâu thuẫn mà Kierkegaard gọi là "niềm thống khổ nội tại của nhân sinh" ở đoạn trên, không phải là triết lý viển vông.

Từ "đi sớm về trưa với tình" đến "trăm năm hát một mình," Cao Tần theo gót Tú Xương và xứng là môn sinh. Vì vậy khi Cao Tần tự xưng là Nhà Thơ Di Tản thì tôi hoạn mất phần sau, gọi bạn là: Nhà Thơ Tú

ĐỖ THỊ KÊNH G

TÙY BÚT MÙA THU

Người đàn ông năm mươi lăm tuổi
Ngồi một mình trong nẻo thu
Rực rỡ
Nắng chiều.
Mới ngày nào
Đường xuân lá nõn
Ra hoa.
Mới ngày nào
Lối hạ xanh um
Trĩu quả.
Đâu để ý gì
Cứ vậy mà ra hoa
Cứ vậy mà trĩu quả
Quả vừa cho đi hết
Chợt thấy màu rực rỡ
Đã biết mình trong nẻo thu
Nẻo thu rồi sẽ thoắt dẫn vào lối đông
Lối đông? Có người bảo đông không có lối
Đông là nẻo cụt rụi tàn.
Người đàn ông ngồi mân mê tấm thân cây
Vỗ về bộ rễ cây
Lá rực rỡ để rồi lá rụng
Đông rồi sẽ tới
Xuân sinh, hạ trưởng, thu liễm, đông tàng
Đông tàng chứ không phải đông tàn
Lá thu lìa cành
Nhưng bộ rễ này vẫn bám trụ
Và nhựa vẫn tàng ứ thân
Để nhú ra chồi
Để nẩy ra lộc
Đông tàng là để xuân sinh.
Tôi đang vào nẻo thu
Tôi rồi sẽ vào lối đông
Nhưng bộ rễ duyên khởi đời tôi vẫn bám trụ dưới đất
Nhưng nhựa phúc đức đời tôi vẫn ứ thân cây
Tôi sẽ lại tung tăng lá biếc đường xuân
Cùng với các con tôi
Ôi tôi
Ôi các con tôi
Bố để lại được bộ rễ giáo dục khỏe mạnh cỡ nào
Bố để lại được bao nhiêu nhựa phúc đức
Để các con phóng chồi bung lộc
Trên đường xuân?
Ôi tôi
Ôi các con tôi
Ôi mùa thu đừng đi vội vã
Chờ tôi
Tội nghiệp!

Mùa thu năm 2003

Cua.

*

Hóm hỉnh với tấm hình căn cước của chính mình, hay với giọng hát vịt bầu của người bạn là tinh nghịch với hoàn cảnh cá nhân; nhưng gắn liền với lịch sử đất nước, nên thơ Cao Tần có âm vang lâu và sâu, vừa tếu vừa mếu. Chua mà ngọt, bùi bùi, đăng đắng.

Nhưng khi cao hứng, nhà thơ đùa cả nước:

Bài học lớn từ khi đến Mỹ
Là ngày đêm thương nước mênh mang
Thù hận bọn làm nước ông nghèo xí
Hận gấp nghìn lần khi chúng đánh ông văng.

Nếu mai mốt bỗng đổi đời lần nữa
Ông anh hùng ông cứu được quê hương
Ông sẽ mở ra nghìn lò cải tạo
Lùa cả nước vào học tập yêu thương

Cuộc chiến cũ sẽ coi là tiền kiếp
Phản động gì cũng chỉ sống trăm năm
Bồ bịch hết, không đứa nào là Ngụy,
Thắng vinh quang mà bại cũng anh hùng
(Bài 6, tr.18, "Bài học lớn", tr. 26)

Uy-mua là vượt lên khỏi thân phận, và hòa giải với mệnh số - ở đây là thân phận nghiệt ngã và mệnh số bi đát. Uy-mua là tầm nhìn, lối nghĩ hiền triết vốn có trong tư tưởng phương Đông và truyền thống dân tộc. Cao Tần phát ngôn trong tư thế người bại trận, một chế độ bại trận, bị"đánh văng," mất hết tài sản, chức năng, quyền lợi. Thậm chí còn bị xúc phạm trầm trọng trong tình cảm và danh dự. Cao Tần không đầu hàng, không thỏa hiệp, không hận thù vì thua cuộc, bị "đánh văng," mà vì đất nước "nghèo xí." Uy-mua nơi Cao Tần bắt đầu từ lòng khoan thứ, ước ao mọi người đều bồ bịch, cùng nhau học tập yêu thương. Tuy nhiên không phải ai ai cũng sẻ chia tấm lòng cao đẹp ấy, từ phía bên này đến phía bên kia, chưa kể là không phải ai ai cũng chấp nhận uy-mua. Cuộc đời Nguyễn Trãi không biết bao nhiêu gian truân, mà đã viết được câu:

Duy một tấm lòng ưu ái cũ
Đêm ngày cuồn cuộn nước triều đông...

Trong bước đường lưu lạc,"ngày ngày phóng xe như thằng phải gió, đêm về nằm vùi nước mắt chứa chan" Cao Tần đã mất nhiều, nhưng không mất hết. Còn lại là phần nghĩa khí, cốt cách, khiến anh xứng đáng với tiền nhân.

*

Uy-mua là độ lùi, khoảng cách, tầm nhìn từ xa, từ cao. Cao Tần, trong ngành không quân, quen nhìn đời từ trên cao:

Hơn mười năm nhà ông bay trên cao
Mặt đất nâu xanh nằm ngoan dưới gót
Nhân loại tí teo xinh đẹp chừng nào.
Nhân loại hiền từ như những con sâu.

Những đêm đen tàu trôi qua thành phố
Cả đất trời nở triệu ánh sao xinh
Mặc những đấu tranh lọc lừa dưới đó
Nhìn từ cao nhân thế thật thanh bình
(Bài 16, tr.48. "Trên non cao", tr. 23)

Không phải vì quen bay trên mây mà con người có óc uy-mua.

Nhưng vì quen nhìn cao, nên khi bị "đời khốn kiếp đã quăng xuống đất," Cao Tần đã rủ bạn cùng đăng sơn:

Ta biết nhà ông rầu thấy mồ
Thôi cuối tuần này theo ta lên núi
Lên thật cao nhìn xuống đời lô nhô
Rũ bớt bụi trần, quen thân múa rối

(...) Trên núi cao ta biết rành một chỗ
Có hòn đá xanh, có gốc thông già
Ngồi trên đá ông sẽ thành Trang Tử
Hồn nhẹ tênh theo bướm lượn chiều tà
(Bài đã dẫn)

Văn Trang Tử, Nam Hoa kinh thanh thoát, cao siêu, có khi làm người đọc ít quan tâm đến phong cách uy-mua: «nếu cánh tay trái ta hóa thành con gà thì nhân đấy ta gáy canh; nếu cánh tay phải ta hóa thành viên đạn, thì ta sẽ kiếm chim quay» (Thiên đại Tông sư).

Nhưng chỉ nói đến nét dí dỏm thôi thì không bày tỏ rốt ráo nghệ thuật trong thơ Cao Tần. Điểm chính là thi pháp huê dạng, đa dạng, pha tạp những câu đùa vui, những từ dung tục trong kho khẩu ngữ bình dân, phong cách «thô tháp» theo nghĩa grotesca hay grotesque của người Ý, Pháp, thịnh hành thời Phục Hưng.

Những câu dung tục xen vào nhiều hình ảnh tinh vi:

Những mái tôn cười ran hạnh phúc

Bài 14, "Băn khoăn," gồm năm khổ, bắt đầu

bằng một câu thơ nhiều âm bằng, na ná giống nhau, nhưng khác nhịp, người tinh ý mới nhận ra:

Chú nào đi đường ta bình minh này
(...) Chú nào trưa nay ngồi trên đồi ta
(...) Chú nào ngồi trước hiên ta chiều nay
(...) Chú nào biết yêu thương vài nụ hồng
(...) Chú nào đêm nay kê đầu gối đó.

Chứng tỏ Cao Tần nắm vững âm pháp và tôi luyện lời thơ kỹ lưỡng, có ý thức sâu sắc về kỹ thuật, tương quan giữa ý và lời.

Tiêu biểu nhất cho thi pháp Cao Tần là bài "Hát ngao trên tuyết" không có trong ấn bản đầu tiên. Chúng tôi trích toàn văn để người đọc thưởng lãm:

Hát ngao trên tuyết
Khoác áo lông xù giả làm tráng sĩ
Lên dòng sông đá bước nghênh ngang
Cây gậy trúc trông sặc mùi vũ khí
Múa tưng bừng vào thinh không giá băng

Khoái thay đời ta một đời quái đản
Hai mươi năm xưa làm thằng nhỏ di cư
Hai mươi năm sau thành nhà thơ di tản
Một đời quê hương khét mùi súng đạn
Một đời xót xa bằng hữu lao tù

Khoái thay chân ta những chân phiêu bạt
Đi dọc quê hương đi vòng địa cầu
Đi thênh thang thở đồi cao gió mát
Đi ngất ngây thương lúa vàng hương cau
Đi uống rượu mừng, đi chia tan tác
Đi tràn hạnh phúc, đi ngập thương đau
Đi sỏi đá mòn, bếp hồng trước mặt
Đi bừng bão biển quê hương phía sau.
Những chân thú hoang lạc rừng đất lạ
Những bước ngậm ngùi đi chẳng về đâu

Sông không đầu đuôi sông màu đá cục
Dưới trên lẫn lộn trời đất mang mang
Ta ngửa cổ làm thằng khùng Bắc cực
Một mình cười cùng thinh không giá băng

Khoái thay hồn ta một hồn dị thường
Khi bốc lên núi lưng trời cũng thấp
Khi bi ai thân cỏ mọn bên đường

Sông dài! Sông dài! Ta đi chẳng hết
Thân trượng phu, hừ, mục trong áo cơm?
Núi cao! Núi ca ! Ta về không đến
Chí trượng phu, hừ, chôn trong giá băng?
Tháng 2/1978

Quan điểm bài này vẫn là tầm nhìn cao trong không gian, xa trong thời gian; tác giả nhìn đời và nhìn mình từ xa, thanh thoát, thảnh thơi, bao quát và bao dung. «Khoái thay» ở đây không phải là đắc chí tự mãn mà là niềm thanh thoát giải tỏa, hóa giải kiếp người «đi tràn hạnh phúc, đi ngập thương đau» để rồi «đi chẳng hết, về không đến.»

Khí thơ tuôn ào một mạch, như một dải sông Hoàng, mộng và thực xô đẩy nhau trong âm vang hào sảng, bi tráng, ngất ngất Hồ Trường, đạm đạm Thâm Tâm. Bài thơ vượt ra khỏi tâm sự cá nhân lưu vong, loang ra thành tiếng vang của một thời đại trong nhiều âm sắc, chính trị và văn hóa. Lịch sử, địa dư, phong tục, tự sự, tâm tình chen lấn vào bản hào ca chất ngất chữ nghĩa, dạt dào nhạc điệu, trùng trùng hình ảnh.

Lối «hát ngao» hay cuồng ca này nằm trong truyền thống lâu đời ở phương Đông cũng như phương Tây. Trong văn học Lý Trần, Tuệ Trung Thượng Sĩ Trần Tung (1230-1291) có bài "Phóng cuồng ngâm," bản dịch Trúc Thiên 1969, có thể Cao Tần có biết. Cùng một hào khí khinh khoát, cùng một «tay gậy nhởn nhơ phương ngoài phương» nhưng thơ Cao Tần thực tế, dựa trên những hình ảnh cụ thể lấy ra từ những mảnh đời ly tán, từ quê hương xa cách, mang chất ngậm ngùi cảm động. Từ đó nó là khúc tráng ca tiêu biểu cho một thời đại, đồng thời nó đánh dấu một khúc quành trong tâm thức Việt Nam. Bằng nghệ thuật - ở đây là thi ca và uy-mua — con người có khả năng vượt qua thân phận phi lý, mà lịch sử oan nghiệt, như một đám cháy lớn, hoặc đã tạo ra, hoặc đã làm trầm trọng thêm, hoặc đã khơi động cho sáng tỏ hơn.

Nghệ thuật không chế ngự, không khắc phục được lịch sử, nhưng bảo vệ phẩm chất con người sau hố bom định mệnh; thậm chí nghệ thuật còn vượt lên, để tồn tại sau lịch sử. Lịch sử là sự việc đã, hay đang qua; nghệ thuật là tác phẩm còn lại, là tình đoàn kết và liên đới lâu dài của dân tộc, giữa con người trong nhân loại.

To tiếng như vậy, dù đúng dù sai, là cũng tàn mùa... uy mua, cùng với mùa rau muống năm nay.

Coi như vì tham chữ mà rách chuyện.

Vị chi là: câu thơ Cao Tần ba mươi năm rồi, tôi đọc vẫn chưa thông.

Viết xong, đọc lại bản thảo, mới nhận ra điều sơ đẳng: bút hiệu Cao Tần cũng là uy-mua.

Orléans, 20/8/2006

Giường cao cờ đỏ

LÊ LÔ

Nếu bắt đầu đi từ đường cái vào, qua khỏi hai cánh cổng có hai người bảo vệ có súng đứng gác, thì phải đến trên hai trăm thước rảo trên con đường lát đá phẳng lỳ mới bắt đầu thấy nhấp nhô những căn biệt thự nhỏ ẩn dưới các hàng cây cau nằm quanh một cái hồ. Nước hồ trong như thủy tinh, những chùm cau đỏ ối chiếu xuống mặt hồ lung lay, nắng sáng xuyên qua làn nước, từ dưới đáy, cát trắng phau, nhỏ và mịn, sóng sánh hắt lên có khi lóa cả mắt ở một góc độ nào đó. Người ta lấy nước hồ từ biển, cách đó khoảng vài trăm thước, qua ống ngầm xuyên dưới đất để dẫn vào hồ. Du khách sợ nắng, hoặc lười biếng ngái ngủ, có thể thò chân từ căn biệt thự đang ở, nhúng hai bàn chân vào mặt hồ mặn, ngâm muối. Những gia đình đi nghỉ mát càng tiện. Họ có thể ngồi trong phòng khách, uống rượu hay uống gì đó, nhìn xuyên qua cửa kính để trông chừng con nhỏ đang chơi lội lỏm bỏm trên mặt hồ rộng non một mẫu tây.

Trong khuôn viên cát trắng này sự lười biếng được nuông chiều hết mức. Người ta không tản bộ quanh bờ hồ, hay lội bộ ngang qua mặt hồ cạn, mà được đưa đón trên các chiếc xe đặc chủng, loại dùng ở các sân đánh gôn. Chiếc xe chạy êm êm rì rì trên con đường nhỏ quanh bờ hồ, nó dừng đón khách, hay thả khách xuống, chở khách đi vài mươi thước, đón một người khách từ thềm một căn biệt thự, chạy khoảng mươi thước đến bờ biển, thả khách xuống, rồi bon bon chạy đi. Khách đứng lại mơ màng, rồi ngồi xuống một cái ghế bố xanh màu lá cau, ngắm bờ biển cong như trăng thượng tuần, nước biển trong và ngã màu xanh đậm theo dần xa. Ở hai điểm cong cuối của hình lưỡi liềm, người ta xây hai bờ kè đá thẳng vào bờ làm ranh giới cho bãi tắm. Bờ kè cao khoảng một thước, ngang khoảng năm mươi phân, nhưng phần chân chìm dưới nước được xây to ra để du khách có thể đi trên đó ra tận điểm cuối của bờ kè mà ngắm biển cho rõ hơn.

Đứng từ điểm cuối bờ kè nhìn ngược vô bờ, nhìn sang phía bên kia bờ kè, là một bãi tắm khác. Nước ở bãi tắm này đùng đục, rác nổi lềnh bềnh (dù chỉ cách bên này một bờ đá), trên bờ, những người đàn ông ở trần, ngồi chồm hổm, tay cầm những cây tre chuốt nhọn có ghim thịt nướng, vừa ăn nhậu nhồm nhoàm, vừa la hét. Quanh họ, mấy người đàn bà trông lam lũ đang bồng con cho bú, trẻ con chạy nhảy, có đứa ở truồng, có đứa đầu trọc. Chúng vô tư chơi đùa, những người đàn ông ăn uống nhồm nhoàm. Họ không biết, hoặc không cần biết từ phía bên kia bờ kè, cách họ lằn biên giới cao một thước, những du khách Nhật đang tò mò chĩa ống kính sang.

Bây giờ, nếu, cũng nếu nữa, đi từ chỗ mấy người đàn ông đen đúa đang ngồi nướng thịt, ngược vô đất liền chừng vài chục thước, sẽ thấy có một con đường đất nhỏ, đá lổm chổm và trên mặt đường phủ một lớp bụi dày, khi những chiếc jeepny (xe jeep cải tiến chở khách) chạy qua, bụi tung mờ mịt dưới nắng và nóng chang chang, trên đường không có một tàng cây nào cả, nóng bức và tưởng như cả vùng đang bị hạn hán khô cằn. Con đường này là lối vào bãi tắm nơi những gia đình nghèo đang tranh thủ xuống khu bãi biển dành riêng cho họ, một ngày cuối tuần.

Hai bãi tắm cách nhau bờ kè đá đều nằm trên một bãi biển thuộc đảo Mactan, thuộc nhóm quần đảo Visayan, nhóm đảo miền Trung của Phi Luật Tân.

Cuối tháng Ba năm 2004, một đơn vị du kích quân cộng sản Phi Luật Tân đột kích một công ty dầu lửa của chính phủ ở thị trấn Ormoc trên đảo Leyte, cũng thuộc nhóm quần đảo Visayan nhưng nằm phía đông nam Phi Luật Tân. Họ giết hai cảnh sát và ba nhân viên khác. Sau đó rút chạy và để lại nhiều vết máu. Đây chỉ là một trong hàng loạt vụ đột kích trong tháng, và hầu như xảy ra hàng ngày, nhân kỷ niệm 35 năm ngày thành lập cái mà những người Phi cộng gọi là Quân đội Nhân dân Mới (NPA), làm áp lực để chính quyền chịu ngồi vào bàn

hòa đàm với chính phủ cộng sản lưu vong ở Hòa Lan, hay đơn giản để chứng tỏ sự có mặt của một nhóm người tự làm đại diện cho người nghèo (và người nghèo ủng hộ), chống lại chính quyền.

Cộng sản Phi có mặt rải rác trên đất nước họ, lập căn cứ ở miền Nam, tức trên các đảo thuộc nhóm đảo Mindanao. Tuy không đủ sức cướp chính quyền, và chắc chắn trong kiếp này hay cả muôn kiếp sau cũng không làm được điều đó, nhưng cũng làm chính phủ nhức đầu. Họ đánh nhiều trận lớn nhỏ, có khi chính phủ phải trưng dụng cả chiến đấu cơ, pháo binh và xe tăng để phản công. Họ đóng góp vào sự trì trệ của nền kinh tế Phi, dù vẫn phát triển đều đều bốn, năm phần trăm mỗi năm, và ngược lại, nhờ sự giàu có của đất nước dồn vào các thành phố, nên cộng sản Phi còn đất dung thân ở những đảo phía Nam xa thủ đô Manila. Nghe đâu quân số có khi lên đến 11.000 người.

Nhân các vụ quấy rối này người ta thấy xuất hiện mấy anh hùng thời đại. 'Đồng chí' Ka Oris, thí dụ, là một du kích mà nếu làm công chức, đồng chí đã sắp đến tuổi về hưu. Nhiệm vụ của ông ta là huấn luyện kỹ thuật đánh du kích và tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản cho tân binh. Là một chính ủy ưu tú, Ka tuyên bố sau vụ đột kích: "Thế và thời của ta đang lên thấy rõ." Không biết Ka có chủ quan và dựa vào đâu để phát biểu linh tinh như thế, nhưng có một điều rất rõ là người đàn ông 55 tuổi này tự hào về truyền thống cộng sản, bắt chước thần tượng của ông ta bên kia biển Tây, Hồ Chí Minh, với chòm râu tỉa rất giống để 'lấy hên' và noi chí sẽ có ngày giải phóng toàn bộ đất nước quần đảo.

Thuộc hàng lãnh đạo chóp bu của NPA, Ka có cơ sở cách mạng để tin tưởng. Ka biết mấy quốc gia cộng sản đang chuyển mình, như Trung Quốc, đang trở nên linh động hơn, đang từ bỏ căn cốt của cộng sản bằng việc đổi hiến pháp, công nhận quyền tư hữu. Nhưng điều đó không hề gì, với Ka.

Cơ sở cách mạng của Ka nằm ngay ở xã hội, ở những nẻo đường trên quần đảo Phi. Những con đường biên giới. Như con đường 'biên giới' bờ kè trên.

Xã hội Phi dường như ngay thẳng trong việc phân định đường ranh vật lý giữa người giàu và người nghèo. Họ không trá hình, hay không có 'tài' để trá hình. Trên đường phố (nói chung những thành phố lớn ở các nhóm quần đảo chính), cái giàu và nghèo tương phản như đen trắng. Bên kia đường của một khách sạn bậc nhất là một dãy nhà tôn rách nát cũ kỹ, dân nghèo sống chui rúc, ngồi tràn ra lề đường giặt giũ. Bên kia đường những chiếc xe hơi bóng lộn, những người mượt mà chải chuốt đi thì bên này đường, thanh niên mặc quần cụt, ở trần, túm tụm trên nền đất trong những căn nhà trông như sắp xiêu đổ, hay trên vỉa hè bẩn thỉu, cứt đái bốc mùi ngạt thở. Ở một khu nhà giàu kín cổng cao tường, mỗi nhà đều có một hoặc hai lính, đồng phục trắng, súng lục dắt hông, còng số 8 máng dây thắt lưng, đứng gác suốt ngày đêm, thì lọt thỏm giữa khu nhà giàu ấy là dăm nhà tôn xiêu vẹo, rỉ sét, chắp vá, mái tôn của nhà này đè lên mái tôn của nhà kia, đòn ngang của mái nhà này đâm 'nhờ' qua mái nhà nọ, xổng xểnh, nhớt nhát, thiểu não, chó ghẻ còm xương nằm phè ra thở, đàn ông nằm ngủ trên tấm ván dưới hiên nhà, đen đúa, bẩn thỉu. Cảnh buồn, buồn lặng, nhất là những hôm trời chang nắng, từ trong những căn nhà lụp xụp ấy, tiếng búa đập, tiếng trẻ con khóc khặc khặc, tiếng gà gáy vang trưa.

Con đường (hy vọng) thoát khổ của nông dân Phi dường như rất ít sáng. Họ tuyệt vọng trong nhiều năm qua, qua nhiều thế hệ, vẫn không có mảnh đất cắm dùi. Phần lớn địa chủ đều là gốc Tây Ban Nha. Nông dân vẫn làm thuê. Họ bùi tai vì các hứa hẹn rất quen thuộc vào thập niên 40 của thế kỷ trước. Họ chưa thấy quan tài (đỏ), hoặc có thấy chăng nữa, cũng không đổ lệ bằng với thực tại đời sống. Lệ đổ nhiều rồi, từ mười mấy năm dưới triều đại độc tài Marcos, đến ba đời tổng thống dân cử gần đây. Cho nên bần nông Phi coi cộng sản cũng là một giải pháp nào đó, ít nhất cũng là một giải pháp giải quyết được tâm trạng uất ức. Họ theo cộng sản, hay không theo cộng sản, thì cuộc sống không có gì thay đổi.

Mà con người ta thì luôn có khuynh hướng phải theo một cái gì.

Giữa con người và đất nước Phi có nhiều điểm giống, bên cạnh nhiều cái khác, với con người và đất nước Việt Nam. Cái khác thứ nhất trong đầu thế kỷ 21 là nói chung, họ giàu gấp đôi Việt Nam. Dân số chỉ hơn Việt Nam vài triệu, nhưng từ anh bần nông cho đến bốn tỉ phú có tên trong danh sách 497 người giàu nhất thế giới (do tạp chí *Forbes* ở Mỹ bình chọn) hợp lại thì mỗi năm làm ra hàng hoá và dịch vụ (của chung) được gần 80 tỉ Mỹ kim, nghĩa là

hơn gấp đôi (gần gấp ba) cả nước Việt Nam từ dân làm thở khói cho đến tổng bí thư làm lai rai gộp lại.

Cái giống tào lao nhất là phần lớn số 'của chung' đó chỉ phân bổ cho một thiểu số rất nhỏ. Ngân hàng Thế giới tính có đến 51% dân Phi sống một ngày không tới hai đô-la. Một gia đình sáu người ở thôn quê chỉ chi tiêu sinh hoạt khoảng trên hai đô Mỹ một ngày, trong khi nhu cầu phải từ bốn đến năm đô-la mới vừa đủ. Trong 60% dân còn lại thì chỉ khoảng trên dưới 10% là có của dư của để, phần lớn là các chính trị gia, giới công kỹ nghệ và địa chủ.

Nhưng trong số 10% này, chỉ có chừng năm phần trăm là thực sự giàu và nắm nền kinh tế Phi. Tóm lại, năm phần trăm dân số làm chủ 95% tài sản đất nước.

Theo một vài thống kê thì Việt Nam có 37% dân sống dưới lằn ranh nghèo. Số còn lại tập trung cho một thành phần thiểu số, thường là người trong hoặc có liên quan đến nhà cầm quyền.

Trong nhiều mặt, Phi có nhiều điểm tương tự Việt Nam. Diện tích đất gần bằng Việt Nam, tỉ lệ mù chữ dưới 5%, sinh đẻ thì Việt Nam giỏi 'kế hoạch hóa' hơn chút đỉnh trong những năm gần đây, còn nói chung thì người Phi đẻ 'sòn sòn' không thua gì người Việt vì dân trí thấp, nghèo. Riêng tính tình thì người Phi có nhiều điểm giống người Việt Nam hơn cả.

Đầu tiên là tật cười. Họ cười nhiều, cái gì cũng cười, họ cười thật lớn và cười khành khạch để giải tỏa một sự ngượng ngùng nào đó. Một tật khác đi cùng với tật cười là cái gì cũng gật. Họ sợ mất lòng người khác, chín bỏ làm mười nên nhiều khi không đồng ý hay không hiểu họ cứ gật, gây nhiều hiểu lầm và lắm khi bực mình. Người Phi đi đứng lè phè, làm việc tà tà và ít tôn trọng giờ giấc. Đàn ông Phi, như đàn ông Việt Nam, mắc bịnh 'tiểu đường' mãn tính. Bịnh này tương đối dễ trị một khi nước giàu lên, dân trí khá lên, chính phủ chăm chút cho dân hơn. Chỉ cần trích một mớ ngân sách dành cho tuyên truyền "tư tưởng" bá vơ hay chủ nghĩa viễn vông để xây nhà vệ sinh công cộng thì bệnh tiểu đường sẽ triệt tiêu, nước nhà sẽ sạch và đẹp hơn.

Nhưng nhìn chung gần hai thập niên qua, Phi Luật Tân tuy lừng khừng nhưng vẫn tiến đều trên một nền tảng đang đúc móng. Kinh tế khá lên nhờ tư nhân được kinh doanh các lãnh vực thường là dành độc quyền của chính phủ trong các nước độc tài, như hàng không dân dụng, điện lực, truyền thông. Đáng kể nhất là có một số tiến bộ chứng tỏ sự trưởng thành chính trị, bởi sự trưởng thành ý thức không thể có trong một thời gian ngắn mà cần phải đầu tư trên nhiều mặt, cộng với can đảm và tự trọng. Điều này dứt khoát là người Phi hơn người Việt Nam. Báo chí tư nhân có nhiều bài bình luận giá trị, phê bình chính phủ sâu sắc. Một lớp người trẻ đang lớn lên, hấp thụ và phát huy tri thức thời đại toàn cầu hóa. Chính lớp người này đang góp phần làm Phi Luật Tân thay da đổi thịt. Một nghiên cứu cho thấy Phi đang chen chân vào thị trường tin học với đội ngũ kỹ sư và chuyên viên ngang tầm thế giới càng ngày càng nhiều. Người dân thành thị biết thế nào là giá trị dân chủ, họ biết sức mạnh lá phiếu, biết làm áp lực bằng tinh thần dân chủ. Các cuộc bầu cử dân chủ là minh chứng. Xã hội Phi đang củng cố những giá trị tiến bộ, có tự do ngôn luận, tôn giáo, tự do bầu cử. Đó là những giá trị rất cần thiết để đưa một xã hội đi lên.

Nhưng chưa đủ, vì dù Phi đã có những quyền căn bản đó, họ vẫn đối diện rất nhiều vấn đề. Thứ nhất là cơ cấu gia đình trị bàng bạc trong hệ thống chính quyền, nhất là ở cấp tỉnh và địa phương. Có những tỉnh từ tỉnh trưởng, thị trưởng, cho đến các phòng, ban, cho tới thượng nghị sĩ đều bà con họ hàng của nhau. Phần lớn có gốc Tây Ban Nha. Thứ hai là tham nhũng. Gia đình trị đẻ ra tham nhũng một phần, dân trí thấp cũng là nguyên nhân. Thứ ba họ không phải là một chủng tộc thuần nhất, nói nhiều thứ tiếng dù tiếng Anh đang được coi là ngôn ngữ giao tiếp, nay mai có thể sẽ thành ngôn ngữ chính thức. Bên cạnh phải đối đầu với du kích cộng sản, các chống đối của Hồi giáo cũng khiến hình ảnh Phi mất an ninh đối với nhiều nhà đầu tư (dù so với Việt Nam, các chính sách đầu tư của Phi đã trưởng thành chứ không thay đổi tùy tiện như trẻ con).

Cho nên sự có mặt của các nông dân trong hàng ngũ Phi cộng ở nhóm đảo Mindanao phía Nam chỉ biểu hiện sự bất mãn của một số nông dân thật thà, quần quật quanh năm và bỗng được người khác rủ rê hứa hẹn một tương lai đỡ tối hơn. Ở Phi, người dân phần lớn coi Phi cộng như một đám thảo khấu bất mãn nên nhảy ra... cướp đường. Nhận xét này chứng tỏ dân Phi trưởng thành.

Như vậy là dù có nhiều điểm giống người Việt Nam về tính tình, rồi về kinh tế cũng có

một số mẫu số chung, nhưng không vì thế mà nước Phi có nguy cơ bị cộng sản hóa. Cũng không phải vì 'nhờ' Phi là một nước Thiên Chúa giáo như có người nói. Điều đó không đúng vì nhiều nước khác cũng theo đạo Thiên Chúa nhưng vẫn từng bị xích hóa. Nhìn đa số những người Phi nghèo khổ không chỉ ở thôn quê mà ngay trong lòng thành phố, nhìn những khu 'ghetto' tồi tàn, những trẻ con, người lớn, phụ nữ, thanh niên, ông già bà cả mặt mũi lem luốc, mắt sâu thẳm và vờ vật làm đủ các nghề lao động, thì người ta sẽ thấy là những người này nếu không theo... cộng sản thì không biết làm gì! Cộng sản từng là lối thoát (phù du) cho người nghèo mà cũng là lối thoát cho những trí thức rửng mỡ. Vậy mà tại sao Phi Luật Tân không bị xích hóa, dù vẫn còn khập khểnh trong tình trạng 'bán dân chủ'!

Có lẽ do hoàn cảnh lịch sử nên người Phi, rất trước người Việt Nam, đã gia nhập ngôi làng thế giới rất nhiệt tình, mạnh dạn. Họ đã 'quốc tế hoá' trong lối sống và suy nghĩ, họ nhìn người khác bao dung và rộng lượng hơn người Việt. Họ từng dang tay đón hàng trăm ngàn người Việt tỵ nạn sau năm 1975, và họ cũng là nước duy nhất ở Đông Nam Á cho ngưng ngay chương trình cưỡng bức hồi hương người Việt tỵ nạn ngay sau một chuyến cưỡng bức đầu tiên.

Nhưng tôi vẫn tin rằng sở dĩ Phi không bị cộng sản hóa, ngoài việc nhờ phong trào cộng sản quốc tế đã tan rã và chỉ còn lai rai vài anh dở dơi, thì cái chính là vấn đề thời đại, hay nói rộng và trừu tượng hơn, đó là lịch sử của họ gặp thời, rơi khớp vào một thời điểm nào đó của vòng quay thời cuộc thế giới.

Ở ngang một điểm nào đó về thời gian thì hầu hết các dân tộc trên trái đất đều chịu chung, hay được hưởng chung, một tai họa hay một sự thanh bình. Tại một thời gian nào đó thì dù không gian khác nhau nhưng vẫn có cùng một trường định mệnh tương tự nhau. Ở ngang một thời điểm nào đó thì tuy xa nhau nhiều dặm nhưng nhân loại vẫn có thể chịu chung các nạn dịch, hứng chịu những thiên tai từ đâu đó đổ đến. Nói tóm lại, nhân loại, dù có nhiều dân tộc, có các nền văn hóa khác nhau, nói nhiều thứ tiếng, ở cách xa nhau và có khi không biết nhau như từ nhiều thế kỷ trước khi đi lại còn

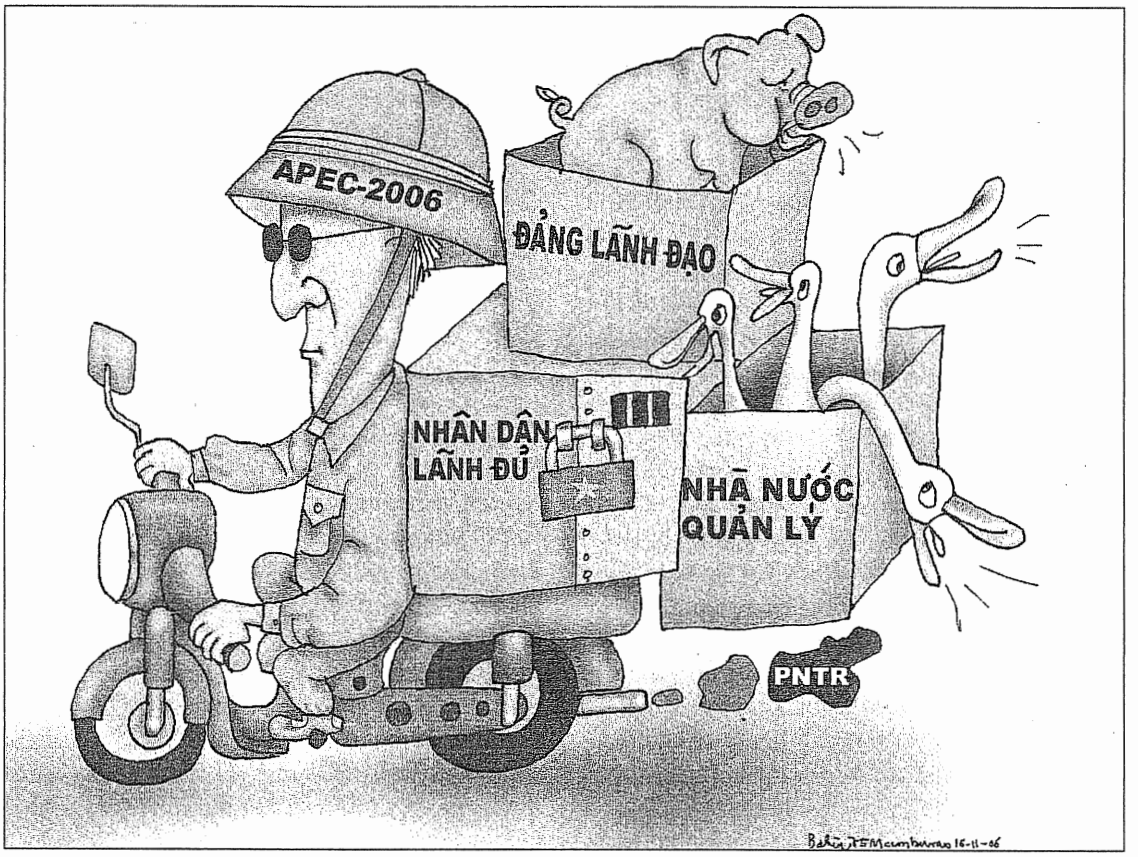

khó khăn, thì trên các cái khác nhau, vẫn chịu chung nhiều thứ trong một thời điểm nào đó. Cũng không đơn giản là trào lưu vì trào lưu chỉ xảy ra khi đã giải quyết được vấn đề giao thông. Lẽ tất nhiên những nước ở gần nhau thì có ảnh hưởng hay bị ảnh hưởng lẫn nhau trong các điều kiện giống nhau hơn. Nhưng vẫn rất nhiều trường hợp dù không biết nhau do chưa phát minh ra các phương tiện đi lại như bây giờ, con người ở khác khu vực khác nhau vẫn có những suy nghĩ, và do đó hành động, tương tự nhau.

Giống như ở một chu kỳ quay của trái đất, thí dụ một vài thế kỷ, con người cùng chịu ảnh hưởng bởi một trường định mệnh nào đó khiến số phận phải chia nhau nhiều cái chung.

Lịch sử Việt Nam chép thời đại hoàng kim đầu tiên và lâu dài của đất nước Việt Nam là thời nhà Lý, bắt đầu từ đầu thế kỷ thứ 11. Sử chép thời này vua sáng tôi hiền, đất nước thái bình, có nhiều người tài, tinh hoa dân tộc được phát huy qua các tác phẩm sáng tạo, kiến trúc, xây dựng, luật pháp nghiêm minh. Nói chung phần lớn trong thời đại này, nước Việt Nam tưởng chừng không thể tốt đẹp hơn, và nhiều nhà chép sử Việt, đặc biệt cho đến ngày hôm nay, vẫn không tiếc lời ca ngợi triều đại nhà Lý, coi đó như một mẫu mực đáng tự hào, và vẫn thường lấy triều Lý ra để làm khăn che mặt, che giấu những yếu kém của thời nay. Triều Lý, và một số triều đại được khen khác, được Đảng Cộng sản Việt Nam dùng như một vũ khí văn hóa. Họ 'cất' nhà Lý ở đâu đó trong ngăn kéo của bộ Văn hóa và Thông tin, khi cần, và thường thường lúc nào cũng cần, lôi ra xài để đánh bạc với dư luận, đánh trống lảng những vấn đề gai góc của thì hiện tại. Họ rất muốn lấy hào quang của lịch sử để nhập nhằng lướt qua sự bất lực của một guồng máy thiếu tự trọng.

Nhưng ai cũng biết thì Lý triều chỉ thái bình vài chục năm, do chiến tranh chống ngoại xâm cũng có, do ta gây chiến cũng có (phá Tống bình Chiêm — đi lấn chiếm nước người ta mà gọi là 'bình'). Phê bình như thế là vì chúng ta (bình tĩnh) ở thời điểm này nhìn lại lịch sử; chứ vào thế kỷ 11, chiến thắng dù bằng phương tiện gì cũng có ý nghĩa tích cực. Vào thời điểm lịch sử đó, hoàn cảnh như thế thì tư duy như vậy. Ngang lúc ấy, con người vẫn lấy bắp thịt làm trọng để để tự hào tiến lên.

Vào khoảng thời triều Lý, đế quốc Khmer cũng có nhiều cái 'bảnh' không thua gì nhà Lý, về quân sự thì mạnh hơn Đại Việt của thế kỷ 11. Bắt đầu từ thế kỷ thứ 10 cho đến thế kỷ thứ 12, Cam Bốt là một quốc gia hùng cường, đánh Chàm, đánh Xiêm La, lấn Lào, hùng cứ châu thổ Mê-kông, xây và phát triển Đế thiên Đế thích (Angko Wat và Angko Thom). Vua quan thiện chiến ngang tàn bạo, chiến tranh xâm lấn và bắt dân xây dựng cái mà ta gọi là kỳ tích Angko Wat hôm nay khiến dân kiệt sức, và Đế quốc Khmer kiệt quệ từ thế kỷ 13 (cho đến nay).

Cũng vào thời kỳ triều Lý thì bên Nhật, giai cấp quân đội (samurai) thay nhau nắm quyền cai trị, do họ thiện chiến, xuất phát từ những người giỏi võ được địa chủ thuê mướn bảo vệ tài sản, lần lần các samurai trở thành giai cấp cầm quyền. Như những nơi khác, nước khác, giới cầm quyền Nhật bấy giờ cũng nhờ bạo lực. Họ tôn thờ sức mạnh và lòng trung thành do ảnh hưởng Khổng giáo. Cảnh samurai cầm dao mổ bụng khi thua trận chứng tỏ sự bạo tàn, dù vẫn có người và có lúc coi cảnh máu đổ thịt rơi đó như một hành động dũng cảm.

Bên trời Tây, cuối thế kỷ 11 Giáo hoàng Urban đệ Nhị kêu gọi 'thánh chiến' chống lại Thổ Nhĩ Kỳ. Thập Tự Quân tiến về và tiến chiếm Jerusalem, tàn sát người Do Thái và Hồi giáo.

Thánh chiến, chinh phục, mở mang bờ cõi, bình Chiêm, các dân tộc không biết nhau từ ngàn năm trước nhưng tại sao lại có cùng một tư duy như vậy! Chắc không hẳn là một sự ngẫu nhiên mà có lẽ là, một thời đại có một khí vận khiến con người khắp nơi có những nếp nghĩ tương tự nhau.

Người ta đã nghiên cứu nhiều về cái 'khí vận' đó, và đã dựa trên các mẫu số chung để đặt tên, thí dụ, thời đại Trung cổ, Phục hưng, cuộc cách mạng Kỹ nghệ Âu châu, phong kiến, thuộc địa, cao trào cộng sản trong thế kỷ 20, và cuộc cách mạng công nghệ thông tin.

Cũng không nên bỏ qua hiện tượng Việt Nam độc lập năm 1945 cũng nằm trong cái mốc chung thời cuộc khi sau Thế chiến II, nhiều nước thuộc địa cũng được độc lập trong nửa cuối thập niên 1945, như Ấn Độ, Cam Bốt, Phi Luật Tân, Miến Điện.

Trong các mốc điểm trên kéo dài từ gần cho đến vài thế kỷ, dưới các nhãn hiệu khác nhau, thì một hiện tượng nào ra đời — như cuộc cách mạng kỹ nghệ hay cao trào cộng sản, đều có đổ máu, đều gây nên đổ máu hay vì nó mà đổ máu. Trừ hiện tượng vào thời đại mà chúng ta

đang sống: cuộc cách mạng công nghệ thông tin toàn cầu đang hình thành các xã hội thông tin. Các xã hội thông tin này, như đúng bản chất của nó, sẽ trở thành một xã hội thông tin.

Người ta có thể lợi dụng những tiến bộ của công nghệ thông tin để làm nhiều việc tốt và xấu, nhưng tự bản thân của công nghệ thông tin là một phát kiến vĩ đại khiến những thói quen tháp ngà, bảo thủ, trì trệ, hội kín, phản động, bưng bít, vân vân, đều phải chường mặt ra với toàn thế giới. Con người đã xích lại gần nhau hơn (dù rất nhiều người không muốn).

Thế giới ngày nay giống như một cuộc họp mở, tất cả những người có lương tri (nghĩa là bình thường), đều thích ngồi quanh một cái bàn tròn, nhìn rõ nhau, nói cho nhau nghe những bất mãn hay hài lòng. Người ta không so sánh sự giàu có của một quốc gia bằng số quân lính hay một quá khứ lừng lẫy chiến tranh. Bây giờ, sự giàu có, hơn thua hay ngang ngửa, được đo bằng những chỉ số thông minh, những chỉ số kinh tế, sự bảo vệ môi trường, việc kiểm soát bịnh tật, tỉ lệ số người dùng internet trên tổng số dân. Và trong tương lai, có lẽ sẽ có thêm chỉ số đo lường sự giàu có bằng tỉ lệ người đi du lịch không gian trên tổng số dân. Thế giới đang là một hội nghị bàn tròn cởi mở qua tiến bộ của kỹ nghệ thông tin. Người ta đã không dùng máu để tạo nên sự xích lại, bộc mở, và công khai đó. Chúng ta đã thấy từ lịch sử, để có các nước Đông Âu, Trung Quốc, Cuba, Đông Dương, Liên Xô trở thành khối cộng sản, thì các lãnh tụ cộng sản đã huy động bạo lực, không trừ một thủ đoạn nào để tạo nên một cộng đồng theo cộng sản. Có thời các lý thuyết gia cộng sản gọi là 'những nước này chạy theo chủ nghĩa khoa học bách chiến bách thắng.' Nhìn kỹ, người ta thấy không có nước (quốc gia) nào chạy theo: chỉ có xe tăng và đại pháo chạy vào nước đó! Một quốc gia thì làm gì có chân để chạy và theo. Chỉ có xe tăng mới có bánh để chạy vào. Đơn giản là như vậy.

Khoa học công nghệ thông tin ngày nay đã có một sự 'xâm chiếm' ngược lại. Giống như cái nghĩa mà các lý thuyết gia cộng sản từng nói, là các nước 'chạy theo.' Chính phủ một nước đều biết là nếu không theo kịp sự phát triển công nghệ, mà điển hình là công nghệ thông tin, thì lạc hậu và nghèo đói giữa cõi người cầm như chắc. Cho nên chính quyền nào, dù ngoan cố và phản động nhất, cũng cử người đi học, mời chuyên gia nước ngoài về dạy, có bảo thủ lắm thì cũng từ từ mở hé cánh cổng internet để ngó ra bên ngoài một chút, kiểu "Từ trong hang đá chui ra, Ngó qua ngó lại rồi ta chui vào" (thi sĩ Bùi Giáng vịnh Hang Pắc-pó). Theo nghĩa tích cực, các nước 'chạy theo' công nghệ thông tin vì sự phát triển của đất nước mình.

Không phải vì công nghệ thông tin là một kỹ thuật quá tiến bộ nên hấp dẫn người ta, mà bởi nó, cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật — viết thường chứ không viết hoa như "... Ba dòng thác Cách Mạng trong đó Cách mạng Khoa học Kỹ thuật là then chốt" của các nhà Mác-xít — đã không dùng máu để tạo nên, mà hình thành bởi sự trưởng thành về trí óc của con người.

Công nghệ thông tin bùng nổ nhờ trí tuệ nên nó hấp dẫn. Nó không bắt ai phải theo nên nó hấp dẫn vì bản chất tôn trọng tự do. Nó luôn luôn tìm cách cải tiến chứ không cố thủ một luận đề, thí dụ như từ thế kỷ 19, nên nó càng ngày càng tiến lên. Nó luôn luôn tìm cách vượt qua cái hôm qua và cải tiến cái ngày nay nên luôn luôn mới. Nó không giả dối vì khoa học đồng nghĩa với sự thật cho nên càng khiến người ta tìm đến nó. Nó linh động không phải từng ngày mà từng giây nên thu hút và sẽ không tồn tại mãi mãi bởi sự linh động ấy. Nó giống như tế bào của con người, mỗi phút qua là thải bao tế bào 'không hợp thời' vào thùng rác lịch sử để có ngay những tế bào mới, vì vậy cơ thể cứ sống khoẻ (cho đến ngày nào tế bào đã chết nhưng cứ đòi sống để thành... ung thư). Công nghệ thông tin, nói tóm lại, là sự tiến bộ, là tinh hoa của nhân loại, là sự linh động tuyệt vời, nó là biểu hiện, sự phát tiết của phóng khoáng và tự do trong bản chất của mỗi con người tự do, và là đích nhắm của những dân tộc muốn thoát khỏi mọi ràng buộc.

Vì vậy vận khí ngày hôm nay, thế kỷ 21, là vận khí của công nghệ thông tin, với tất cả bản chất tốt đẹp của nó mới nói ở dòng trên. Bản chất này rất 'kỵ' với một số bản chất của thời quá khứ đang còn rơi rớt ở một vài nơi, ở một vài đầu óc nuôi dưỡng sự cố thủ, vẫn chìm đắm trong cái bảo tàng quá khứ để nâng niu những cái trống đồng đã vỡ mà cứ tưởng đó là tất cả sự tiến bộ của khu vực, của thế giới ngày nay.

Thế giới ngày nay đã lên đường. Lên đường với sự hiểu biết đã vượt ra ngoài quỹ đạo trái đất. Những con người hôm nay say đắm với những khám phá không ngừng không những về công nghệ, mà biết dùng nó để tìm tòi thân

phận con người. Khoa học đã giúp con người khám phá những thiên hà xa xôi vô tận để thấy thân phận mình là mãi mãi bé nhỏ. Sự lên đường đầy trí tuệ của con người hôm nay đã quá rõ ràng. Không ai chờ những chuyến tàu trễ.

Nhưng những người cộng sản Việt Nam vẫn đang hè nhau đội cái trống đồng nặng mười thế kỷ và nặng vài chục ký để chạy đua với một cái vi tính xách tay nặng một ký rưỡi!

Đất nước Việt Nam có nhiều điều kiện để không trễ tàu. Chúng ta là một chủng tộc khá thuần nhất trên nhiều mặt, đất nước liền một mối. Đất đai tuy bé nhỏ, tài nguyên không đáng kể nhưng Việt Nam có nguồn nhân lực trẻ đông đảo. Nếu so với một nước Phi trải dài trên 7000 đảo, nhiều sắc dân nói nhiều thứ tiếng, xã hội phân hóa về kinh tế và tôn giáo, thì không lý gì Việt Nam (sẽ) không vượt qua Phi trên nhiều mặt.

Lẽ tất nhiên chúng ta còn thua họ nhiều mặt. Lương thiện là một ví dụ. Một chính quyền thích nói thật sẽ có nhiều công dân lương thiện hơn. Người Việt Nam trong ba thập niên qua đang phát triển mức độ nói dối ở bình diện quốc gia. Đơn cử trường hợp một nhạc sĩ nổi tiếng đạo nhạc của nhạc sĩ Nhật. Nhưng dấu hiệu đáng ngại hơn hết là khi tuổi trẻ chấp nhận sự bất lương như một định chế được xã hội chấp nhận, thí dụ nhóm thanh niên có học, ở lứa trên 20, 'lấy' ý tưởng và kỹ thuật phần mềm (vi tính) của nước ngoài để hóa nó thành một sản phẩm mang nhãn hiệu của mình, và được cả nước từ Bộ Chính trị trao giải nhất cuộc thi "Trí tuệ Việt Nam," cho đến những bài báo ca ngợi không hết lời (sẽ phân tích ở dịp khác).

Nhưng dù với những hiện tượng đáng lo và buồn như thế, Việt Nam vẫn không tuyệt vọng. Vẫn đáng được so sánh với một nước tầm tầm khác trong vùng như Phi. So với một đất nước gần gũi, nghèo, để bớt thêm một tính xấu khác của người Việt Nam, tính ngạo mạn, và nhất là để tự thấy mình thua xa mà lẽ ra, Việt Nam không đáng phải thua sút một cách nhục nhã như thế.

Đồng chí Ka là một nông dân thất học. Cuộc đời ông ta là chuỗi ngày trốn chạy lẩn lút trong góc rừng nào đó của quần đảo Mindanao. Hoàn cảnh và điều kiện khiến ông ta rất ít biết những đổi thay của thế giới bên ngoài. Ông ta chiến đấu cho một sự công bằng. Điều đó đáng được tôn trọng. Tôi vừa kính trọng vừa thương hại ông ta. Kính trọng bởi ông dám đứng lên, cầm súng chiến đấu cho những người nông dân nghèo khổ. Thương hại bởi biết rằng cuộc chiến đấu của ông và các đồng chí của ông là một cuộc chiến đấu tuyệt vọng. Thế giới bây giờ là một thế giới của vận khí công nghệ thông tin, của khoa học trí thức chứ không phải "khoa học cách mạng," con người đã hiểu rất rõ, rằng chân lý gắn liền với sự linh hoạt, sự uyển chuyển, không có một sự cứng nhắc, bảo thủ, khuôn khổ nào gọi là chân lý cả. Vì vậy khi đồng chí Ka vẫn cương cường giương cao cờ đỏ trong rừng già cô quạnh, ông vừa chứng tỏ sự cương cường của bắp thịt, vừa chứng tỏ không hiểu biết, đứng lại bên đường, không thấy chuyến tàu tốc hành của thế kỷ mới đang xả ga phóng vọt qua.

Ông đứng đó, giơ cao lá cờ đỏ, một mình!

Những nhà lãnh đạo Việt Nam, có thể, may mắn hơn đồng chí Ka, thấy con tàu thế giới đang tiến về phía nào. Trên con tàu thế giới, nếu muốn, họ sẽ có một chỗ. Nhưng là một chỗ như những chỗ khác, cùng một vị trí với những người khác. Nhưng những người đó là những con người cởi mở, vui vẻ, hòa đồng, và quan trọng nhất, là những người hiểu biết, biết xấu hổ khi làm điều không lương thiện. Lên con tàu thế giới, họ sẽ không còn chỗ chỗ đặc biệt, đặc quyền, và độc cứ. Nhưng quan trọng là trên con tàu chung, lãnh đạo cộng sản sẽ không còn nỗi sợ hãi ngày đêm, hay mặc cảm của kẻ bị ruồng bỏ. Không có đau khổ nào ghê gớm hơn khi con người bị ruồng bỏ. Người cộng sản đang bị ruồng bỏ. Người cộng sản luôn suy nghĩ, vận dụng, để đưa ra những 'lời nói dối chân thật' nhất khi bị con tàu thế giới tra vấn. Vì vậy khi lên chuyến tàu chung, thì cái chỗ chung như mọi người khác ấy là cái nơi sống của con người đúng nghĩa nhất, bởi con người chỉ có nghĩa khi cùng chung với người khác. Tự tách rời, tự cô lập, thì dù đứng trên một đồi đất cao vẫn là một nấm mộ buồn trong nghĩa trang không người lai vãng. Sẽ như một người mất trí, nói năng lảm nhảm, xé áo mình làm cờ, ve vẩy làm trò cho người ta cười trong tâm trạng hồi hộp và bất an!

Con tàu thế giới đang đi nhanh. Khí vận tri thức đang xoay vần. Dù có muốn đứng lại, có muốn trì trệ, bảo thủ, độc tôn, có muốn sống với những cái trống đồng đã vỡ, dựng lại những hào quang máu lửa, thổi lại chiến tích nửa thế kỷ trước, thì cũng không có cách nào cưỡng lại luồng phong khí mới.

Chắc chắn là như vậy.

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

KHÓI

Bậc hiền giả nào ngày xưa chế ra được chữ "tương tư thảo" để gọi cái món quấn quấn rồi đốt lấy khói quả thật là tài tình. Đã tương tư thì tình cũng như khói đều vương vấn trong lòng không dễ gì mà dứt được. Người yêu hay cây gậy làm ra khói đều có cái ma lực như nhau. Cứ thử nếm vào xem có chết mê chết mệt chẳng còn biết trời trăng gì nữa không? Hít một vài hơi thấy đắng ngắt, đôi khi còn kèm theo màn ôm bụng ho sặc sụa, vậy mà sao vẫn lân la tới mức rời không ra như vậy? Cũng như những ngày đầu ngủng ngẳng, em chã em chã, vậy mà mê mệt lúc nào không biết, sấm chớp đùng đùng vẫn cứ đòi chết chung?

Trên đời có hai hạng người chung thủy nhất: tình nhân và khói nhân! Tôi không thể tự liệt mình vào loại sau. Miệng tôi đã từng ngậm cây gậy làm khói nhưng khi cần nhả ra là tôi nhả ngay, không vấn vương dùng dằng chi cả. Có lẽ tôi thuộc hạng... không tim. Những người có tim với thứ cỏ tương tư coi bộ nhiều. Nhất là những đấng bậc mang danh "sĩ". Các bạn tôi, ông thì vàng ngón tay, ông thì răng bám khói, xấu trai đi nhiều mà vẫn cứ ôm lấy ống cỏ đỏ lửa phì phèo. Trong tình thế thiếu... văn minh hiện nay, người ta đuổi các đấng đốt lửa nhả khói như đuổi tà, nhiều bạn tôi vẫn cứ nhất định bám trụ. Không cho thả khói trong nhà thì ra đường đốt lửa. Đã tình chung thì nề hà gì những thứ vặt vãnh nông cạn của những tên mắt trắng.

Co ro
hình tuyết xô về
trên môi đốm lửa dài lê thê
rồi
bây giờ
xe cộ nằm nơi
người đâu lặn lội
giữa đời vô tri

Đó là thơ... lửa của Hoàng Xuân Sơn, một người đã từng sống chết với... khói. Dưới áp lực của tình cảnh tứ bề thọ địch, bạn tôi đã đành phải ca khúc tuyệt tình ca với cây gậy tương tư. Đâu cũng năm lần bảy lượt mới dứt được diêm quẹt. Một bữa, cổ họng bạn tôi bỗng có vấn đề. Tuổi chúng tôi cứ chỗ nào trên thân thể khác thường là lo ông già Ung tới hỏi thăm. Nhà thơ họ Hoàng cũng nghĩ ngay tới cuộc viếng thăm nhiều phiền toái của ông già khó chịu này. Người ta thì lo bạc tóc. Bạn tôi tóc đã bạc rồi, lo gì tới tóc nữa. Bạn tôi lo chuyện khác. Trước khi phó mình cho những cuộc xét nghiệm, bạn tôi đặt điều kiện với bà xã liền. Nếu xét nghiệm mà đúng ông già Ung tới chơi với cái cổ họng thì phải cho bạn tôi được hít khói thả giàn. Khói đánh bạt cả chuyện sống chết!

Chuyện sống chết với khói cũng là chuyện của tử tù Scott Mink bị giam tại nhà giam *Southern Ohio Correctional Facility* ở Lucasville. Anh chàng bạt mạng này bị xử tử hình về tội giết bố mẹ đang yên giấc ngủ để lấy tiền đi hít. Một tiếng đồng hồ trước khi lên đoạn đầu đài, Mink còn... phiếm: "Tôi cần hút thêm một điếu thuốc nữa, sau đó tôi sẽ bỏ hút!" Dĩ nhiên ông tử tù này bỏ hút thật. Thở còn bỏ huống chi hút!

Còn thở mà bảo bỏ hít thì hơi gian truân. Trong quá khứ người ta đã dọa bằng những câu cảnh báo trên bao thuốc lá. Cầm bao thuốc lên, rút một điếu, là nhìn thấy lời đe dọa. Hút như vậy cũng như dọn mâm cơm ăn trên đống rác đầy ruồi nhặng. Thà đừng ăn! Nhưng các đệ tử của làng phun khói là những người quật cường. Riết rồi việc dọa nạt nhau coi như pha. Dân dọa tiến lên một bước. Họ nghĩ rằng chưa thấy quan tài chưa đổ lệ nên chơi luôn. Cũng trên bao thuốc lá họ cho in hình những phổi, những môi, những mồm những miệng bị tàn phá vì khói. Dĩ nhiên mức sợ phải tăng lên. Ai lại muốn sở hữu những thứ kinh hãi như vậy. Nhưng đã bảo là tương tư thì chuyện sống chết nhiều khi cũng còn là chuyện nhỏ huống chi chuyện phụ lòng nhau. Người ta tự tử vì tình thiếu chi, tự tử một cách êm dịu vì thuốc cũng là cách của người tình chung. Số người tình thủy chung là của hiếm. Càng ngày càng ít đi. Tới bây giờ, hầu như trên khắp thế giới, người ta hè nhau đánh cú chót: rút phép thông công! Muốn hít hả? Ra

đường mà hít! Tất cả những nơi chốn công cộng không còn chỗ cho dân làng khói. Bị loại ra khỏi cộng đồng những người... sạch sẽ, còn bao nhiêu dân thả khói quyết không phụ em cỏ tương tư? Quận Los Angeles, nơi tập trung khá nhiều dân Việt chúng ta, vừa mới có cuộc họp của các vị chóp bu để coi xem cuộc chiến loại bỏ dân hít đi tới đâu rồi. Theo như thống kê năm 2005 thì tỷ lệ hít trong quận đã xuống tới mức 14,6%. Đó là con số chung chung cho toàn dân quận. Nếu phân tích theo chủng tộc thì có khác. Dân Mỹ gốc Châu Phi, đàn ông hút ở tỷ lệ 26,9%, đàn bà 22,9%. Dân gốc Á chúng ta thì 19,6% còn phì phèo, dân gốc Mỹ La Tinh thì 16,6% và dân da trắng là 16,9%. Đàn bà của các sắc dân này ít... hư hơn. Số người hút chỉ bằng nửa đàn ông. Tính theo phần trăm như vậy nghe ra còn mơ hồ. Nếu qui mức tỷ lệ 14,6% dân quận Los còn hút thuốc ra con số cụ thể thì là 1,067,221 người! Như vậy, theo các chuyên gia, dân làng khói vẫn còn nhiều quá! Cần phải có một chiến dịch mới để dân chúng cảnh tỉnh hơn. Và họ đề ra chiến dịch "Đây Là Lúc Bỏ Hút Thuốc, L.A!" kéo dài một năm nhằm hạ tỷ lệ này xuống còn 12%. Như vậy, các giới chức có trách nhiệm hy vọng là quận Los sẽ là quận lớn đầu tiên của Hoa Kỳ có thể đạt được mục tiêu của chương trình "*Healthy People 2010*". Chương trình này do *Center For Disease Control* phát động nhằm ngăn ngừa bệnh để cải thiện chất lượng cuộc sống và hủy bỏ sự chênh lệch về tình trạng sức khỏe của dân chúng Mỹ.

Làm gì mà phải dữ dội như vậy? Bỏ thuốc, dễ ợt! Một người hút thuốc rất hách xì xằng, đã từng ngồi bên cạnh cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm trong các buổi họp mà vẫn cứ nhả khói trong khi các ngài Bộ Trưởng và các tướng lãnh rét không dám chơi ngang cơ với ngài Tổng Thống có tiếng là đầu máy xe lửa! Đó là cựu Thống Đốc Ngân Hàng Quốc Gia Nguyễn Hữu Hanh. Trong hồi ký "Làm Việc Với Các Nhân Vật Danh Tiếng Thế Giới," ông viết: "*Ông Diệm thường gọi tôi vào Dinh Độc Lập mỗi ngày, có khi rất sớm, khoảng 5 tới 6 giờ sáng, và có khi rất khuya. Ông thường tiếp các Bộ Trưởng, các viên chức cao cấp và các tướng lãnh trong văn phòng riêng của ông. Căn phòng này cũng được dùng làm phòng ăn và phòng nghỉ trưa, và ông luôn luôn biểu tôi ngồi kế bên phải ông. Không ai dám hút thuốc trước mặt ông trừ Vũ Văn Thái và tôi. Khi tôi đốt một điếu thuốc trước mặt ông, thì ông đẩy cái gạt tàn về phía tôi. Ông thường hút thuốc điếu này nối điếu khác, rồi chỉ sau vài hơi đã dụi đi, nhưng vẫn hút. Nhắc tới đây, tôi nhớ lại chuyện quyết định bỏ thuốc lá sau nhiều năm "nghiện ngập." Ngày 31/12/1965, sau bữa tiệc cuối năm và điếu thuốc cuối cùng, tôi đã liệng qua cửa sổ tất cả "đồ nghề," gồm có bật lửa bằng vàng, hộp thuốc lá đắt tiền và tất cả số thuốc lá còn lại, tự thề không bao giờ cầm lại điếu thuốc nào nữa. Xong tôi gọi bồi bảo cho hay đừng lượm vào cho tôi. Quả thật là địa ngục, trong suốt cả tháng trời sau khi bỏ thuốc lá, tôi thèm thuốc lá một cách tệ hại và có nhiều lần khi đi tiếp tân, có người đưa thuốc mời, tay phải tôi vừa chìa ra định đón lấy điếu thuốc, thì tự nhiên tay kia kéo tay phải về. Cũng từ đó tôi bỏ thuốc vĩnh viễn, không bao giờ hút trở lại. Bỏ thuốc lá rất khó, đòi hỏi rất nhiều nghị lực và can đảm.*"

Nghị lực và can đảm đó, không mấy người có được. Dứt khói đối với một số người cũng giống như dứt sữa cho con nít, không phải là việc dễ. Đã có biết bao nhiêu phương pháp trợ giúp cho dân ghiền, vậy mà khói vẫn nghi ngút. Có nhiều ông bạn tôi có thiện chí biến cái miệng ngậm điếu thuốc thành cái miệng nhóp nhép kẹo cai thuốc nhưng chỉ một thời gian sau lại len lén tìm lại thứ tương tư thảo hấp dẫn mà phun khói. Biết là khó nên các nhà nghiên cứu vẫn để tâm giúp những người muốn cai thuốc. Một thí nghiệm mới đang mang lại hy vọng cho dân muốn dứt khói. Đó là thứ thuốc chích có tên là NicVax của hãng bào chế Nabi Biopharmaceuticals. Cơ chế hoạt động của thứ văc-xin này là làm giảm khoái cảm trong việc hút thuốc bằng cách tạo ra những kháng thể dính vào phân tử *nicotine* và ngăn chúng xâm nhập vào não. Tiến trình này giúp giảm tác động gây thích thú từ việc hút thuốc và giảm thói nghiện chất *nicotine*. Mỗi mũi chích có hiệu quả trong một tháng. Thuốc đang được thí nghiệm trên 300 dân làng hít tình nguyện. Nếu kết quả tốt thì trong vòng ba năm tới thuốc sẽ có mặt trên thị trường.

Nếu bạn chưa cai được thuốc thì nên sang Anh. Tại đây đang có một cách cai thuốc khá hấp dẫn: thưởng một chuyến du lịch trị giá 3.700 đô Mỹ cho ai cai được thuốc. Phần thưởng này do Hệ Thống Dịch Vụ Y Tế Quốc Gia Anh (NHS) tổ chức. Đã có ba ngàn người chọn bay trên mây thay vì đi mây về gió!

Thân thênh thang như vậy cũng đáng một cuộc phụ tình với nàng tiên khói. Thân bị trói

buộc vào bốn bức tường giam thì phụ tình với nàng tiên cỏ là một khổ nạn thêm vào cái khổ nạn tù đầy. Ngay từ những ngày đầu bị đầy vào những cái gọi là trại học tập cải tạo, đánh bạn với khói là một cách vượt qua chuỗi ngày tù túng khổ ải của thứ thân bại danh liệt. Có những người chưa từng hút cũng đã dựa vào điếu thuốc để vượt qua những bước gian nan. Đầu tiên còn thuốc lá, hết thuốc lá xoay qua thuốc lào. Chỉ một bi nhỏ xíu mà phê còn hơn cả bao thuốc điếu. Loại thuốc bị chê là hôi rình này bỗng thành thứ cứu rỗi thời đại. Phong trào chế tạo điếu hút thuốc lào từ những vật liệu nhặt nhạnh được, một đoạn tre, một ống inox, một chiếc hộp méo mó v.v..., nở lên rầm rộ. Những đốm lửa lấp lóe chỗ này chỗ kia đã cuộn chúng tôi lại với nhau. Lửa chẳng chỉ là để dí vào nõ điếu mà là sự ấm cúng chúng tôi chia cho nhau. Thanh Tâm Tuyền, nhà thơ vừa bỏ ra đi vì bệnh ung thư phổi tại Minnesota, đã là một đệ tử trung kiên của thuốc lào trong tù. *"Ghiền nặng thuốc lá. Vào trại ông là đệ tử của thần thuốc lào.* Bạn tù ơi lửa châm rồi / Rít cho ròng rã mê tơi cõi lòng / Tựa lưng nhả khói thong dong / Tít say lú lấp cả mong với chờ... *Ông làm cỏ sắn ở gần nhà bếp đội chăn nuôi. Giờ nghỉ mệt, theo bạn lén vào bếp hút vố thuốc lào. Nhà bếp, nơi nấu cám heo là nơi cấm. Sợ tù đói kinh niên vào đây ăn vụng cám lợn. Nghe kể lại, Thanh Tâm Tuyền đang phê thuốc, không kịp đi ra đã bị tên đội trưởng bợp tai. Tin này truyền nhanh vào trại. Tôi lấy cớ đi lấy củi đốt cho nhà bếp. Đánh xe trâu ra tận nơi. Không gặp tên này ở đó. May cho hắn mà cũng hên cho tôi."* (Ninh Hạ Nguyễn Đức Tâm, Thanh Tâm Tuyền Những Điều Nhớ, Thế Kỷ 21, số 209, tháng 9/2006).

Thanh Tâm Tuyền không dứt được hơi khói cho tới cuối đời. Tôi chưa bao giờ hút thuốc lào nhưng nhìn những ông bạn sửa soạn chỗ té ngã trước khi hút, tôi hiểu đây là thứ rất nặng ký. Trong trại cải tạo, cảnh say thuốc lào là một trong những cảnh hái được những nụ cười hiếm hoi của mọi người. Ông thì lăn kềnh ra lim dim mắt, ông thì sùi bọt mép tưởng như đã lên máy bay đi về miền... viễn tây, ông thì ngáp sái quai hàm. Mỗi ông một vẻ nhưng ông nào cũng đã điếu sẵn sàng bắn thêm một bi nữa! Say kiểu... ấn tượng như vậy thì bảo dứt sao được. Thường thì những ông đã bập môi vào chiếc điếu cày ít khi rút được mồm miệng ra khỏi vòng cương tỏa của con ma... Lào! Như ông Nguyễn nào đó trong truyện ngắn *"Đêm Thức Đợi Giao Thừa"* của nhà văn Nguyễn Trung Dũng. *"Nguyễn rót rượu rồi bước về góc tối của căn bếp sau nhà. Tiếng nõ sáo reo vui như tiếng chim hót. Mùi khói và mùi sợi thuốc khen khét mũi Mạnh ngửi được. Nguyễn vừa ra, Mạnh đã hỏi:*

- Ông hút thuốc lào đấy phải không?

- Đúng. Sao ông thính mũi sáng tai thế?

- Tôi nghe cái nõ nó kêu. Tôi ngửi thấy cái mùi khai khai, khét khét. Tôi đoán ra ngay nó không thể là thuốc lá mà là thuốc lào.

- Của khỉ nó dính tôi từ khi ở tù. Tôi biết nó bẩn nhưng bẩn vẫn hút. Nó hôi, hôi cũng không bỏ. Nó hôi như mùi hôi nách, vợ hôi nách thì hôi, có ai ly dị đâu. Khai nước điếu như khai mùi nước đái, kẻ nghiện hút vẫn hút mê tơi.

- Ông không sợ hại đến sức khỏe hay sao? Phải bỏ quách nó đi trước khi phổi ông nó đóng chấu!

- Đã có một lần tôi bỏ rồi, nhưng năm ba bữa thiếu vắng nó, người tôi buồn bã dễ sợ. Tôi đi ra đi vào như cái xác không hồn. Tôi ngồi đâu cũng thẫn thờ và lười sờ mó công việc. Tôi lên máy đánh sáu bẩy cái truyện, đánh chỉ được vài hàng đã khựng. Chẳng hiểu ra làm sao cả. Vậy mà hút lại, chữ nghĩa trong đầu khai thông như nước ứ nghẽn được cời rác rến, ra ào ào, trôi tuồn tuột."

Thuốc lào là thứ quốc hồn quốc túy, chắc cũng họ hàng với những thứ thuốc miệt vườn khác. Như thuốc lá vấn sâu kèn chẳng hạn. Một dúm thuốc đổ ra tay, một miếng giấy, những ngón tay vê vê là thành một cái... tổ sâu. Giấy bất kể thứ gì. Được giấy thuốc lá mỏng thì tốt, giấy *pelure* cũng còn tốt chán, khi túng bấn thì giấy vở học trò, giấy báo cũ cũng xong. Thuốc lá... nhà quê không kén chọn nhưng hút xong lại có phong cách riêng: dán mẩu thuốc thừa lên cột nhà, lên vách đất như một thứ trang trí của bậc tài tử!

Hút có phong cách và tình chung như vậy, dễ gì mà dứt được điếu thuốc ra khỏi miệng. Vậy mà những người gọi là có trách nhiệm vẫn cứ phải vẽ lằn phấn ngăn chặn việc hút thuốc thả dàn. Bởi vì khói không những có hại cho người hút mà còn hại cho người ngửi nữa. Những người phải hít ké một cách bất đắc dĩ cũng gặp nguy hiểm chẳng kém gì người hút. Ngoài ra ngân sách y tế chi cho những bệnh do thuốc lá gây ra ngày càng cao khiến các chính phủ trên khắp thế giới đều phải tìm cách tốp

bớt lại số tiền vô lý này. Theo báo cáo của *Cancer Atlas* thì trên thế giới hiện có khoảng 1,25 tỷ người nam nữ còn phì phèo châm lửa. Nếu không có những biện pháp ngăn chặn thì trong thế kỷ 21 này sẽ có 1 tỷ người chết vì thuốc lá, tăng gấp 10 lần so với thế kỷ 20! Hiện nay con số tử vong vì thuốc lá là 1,4 triệu người mỗi năm. Người chết như rạ vậy chỉ vì một thói quen hay một thú tiêu khiển lâu đời khó gạt bỏ.

Hầu hết các quốc gia đã ra tay ngăn chặn những cái chết vô lý này. Nói là hầu hết vì cho tới giờ này, Pháp mới vừa làm xong luật cấm thuốc lá để kịp thi hành vào tháng Hai năm tới cho các nơi công cộng và mãi tới ngày đầu năm 2008 mới cấm toàn bộ tại các nhà hàng, tiệm rượu và quán *bar*. Luật chưa ráo mực nên các ông tây bà đầm còn đang chống đối khiếp lắm! Trong khi đó, Việt Nam ta vẫn tăng cường việc sản xuất thuốc lá! Theo bản tin của Tân Hoa Xã ngày 10/7/2006 thì Chủ Tịch Hiệp Hội Thuốc Lá Việt Nam Nguyễn Thái Sinh cho biết là trong năm 2006, Việt Nam sẽ sản xuất 4 tỷ gói thuốc lá để tiêu thụ trong nước ngoài số thuốc lá nhập lậu không biết là bao nhiêu. Như vậy đà sản xuất thuốc lá tăng với tỷ lệ 10% mỗi năm, từ 2,7 tỷ gói năm 2000 lên tới 3,5 tỷ gói năm 2002 và hơn 4 tỷ gói năm 2006! Trung bình mỗi người Việt Nam đốt 43 bao thuốc lá một năm! Tại cuộc hội thảo về thuốc lá được tổ chức tại Hà Nội vào ngày 7/7 vừa qua, các hội thảo viên vẫn còn đôi co nhau về ảnh hưởng kinh tế đối với việc chống hút thuốc lá. In lời và hình cảnh báo về nguy hại của thuốc lá trên bao thuốc là điều mà các nước khác đã làm từ khuya nhưng Việt Nam chỉ bắt in lời cảnh báo kể từ tháng 6/2007 và in hình cảnh báo kể từ tháng 7/2008. Giới sản xuất thuốc lá còn đang tìm cách trì hoãn việc... đe dọa này vì sợ dân hút tẩy chay quay qua hút thuốc lá nhập lậu!

Mấy ông bạn ưa chơi trò đốt lửa của tôi không được... diễm phúc như các "đồng nghiệp" ở Việt Nam. Ở nhà, rút điếu thuốc ra là phải nhìn trước nhìn sau xem có con mắt của vợ con quanh quẩn đâu đó không, thấy an toàn trên xa lộ rồi mới len lén ra sân hít. Ở nơi công cộng thì vô phương, tiền phạt nặng quá không kham nổi, đành phải đội mưa gió rét mướt ra đường cho được việc nhà nước. Bảo dứt đi thì các ông hỏi ngược lại tại sao phải dứt một cách vô lý như vậy? Cai hả, dễ ợt! Tôi đã cai bảy lần rồi chứ bộ! Ông khác còn ngon hơn. Cai hả? Khó chi đâu nhưng chưa tới lúc cai!

Ông bạn Hoàng Xuân Sơn mà tôi nhắc tới nơi đầu bài rút cục không được ông già Ung tới thăm. Vậy là mồm miệng vẫn thiếu điếu thuốc. Ông giận đời! Nhà thơ mà giận thì chẳng thể làm cách nào hơn là... chế thơ. Bạn tôi vẽ ra chân dung buồn rầu của một người bỏ thuốc.

bước qua lằn vạch ranh này
là thôi trăn trở
vạn ngày chinh yên
từ sương đau
buốt
một miền
vàng trăng cũng thảm
xuống triền, vực
sâu
ngó ai thương thế buồn rầu
mùa hen
cỏ nát hoa nhầu
tuổi xuân
lạy hồn
van chút thanh tân
thôi đành giã biệt
sinh phần
hanh
hao.

10/2006

SẾCH

Một cơ quan nọ tuyển nhân viên đi tu nghiệp tại Hoa Kỳ. Có tất cả năm nhân viên làm đơn dự tuyển. Khi phải điền vào mẫu đơn, tới mục Sex, ông thứ nhất không do dự cho biết rất chính xác: *Three times a week*. (Ba lần mỗi tuần), ông thứ hai mơ hồ hơn: *Sometimes* (Đôi khi), ông thứ ba thành thật khai báo: *Not married* (Chưa vợ). Một cô chắc còn phòng không chiếc bóng: *Never* (Không bao giờ). Ông chót tỏ ra rất thông thạo tiếng Anh chơi luôn một câu dài: *When I feel well, three times per night* (Khi khỏe thì ba lần mỗi tối).

Các bạn đừng cười. Những vị này chỉ là nạn nhân của xã hội. Xã hội bây giờ tràn ngập chuyện mà người ta gọi là *sex*. Nói tới *sex* là tự động nghĩ tới chuyện... nguyên thủy chứ không ai nghĩ tới cái nghĩa nguyên thủy của từ này là "giới tính." "Sếch" không chỉ nằm nép trong phòng mà tràn lan đầu đường cuối ngõ. Nó leo tuốt lên tới những nơi thường ra nó không được phép leo tới. Nó bá cổ các vị tu hành, giỡn mặt với các vị nguyên thủ quốc gia, đùa dai với các

ngài quan tòa, ám quẻ các nhà mô phạm. Tất cả đều lọt vào tròng của nó hết. Nói chi tới thứ bình bình hạng dưới như bạn và tôi!

Nắm cổ được cả thiên hạ, sếch thiên hình vạn trạng biến dạng thành những chuyện khó tin mà có thật. Xin trình các bạn một vài chuyện.

Chuyện mới nhất và... già nhất! Mới vì nó "vừa xảy ra đang nói tới" ở bên Anh trong tháng 6/2006. Già vì nạn nhân năm nay đã 101 tuổi. Cụ bà không được nêu tên đang ngủ trong nhà. Anh chàng Paul Blackwood, 35 tuổi, đột nhập vào và cưỡng hiếp bà cụ. Chuyện không ai ngờ đã xảy ra nên cảnh sát phải điều tra cặn kẽ bằng cách thử DNA. Kết quả đúng là bà cụ bị thằng phải gió đè ra. Bà thẩm phán Elizabeth Fisher của tòa án thành phố Birmingham ra tay bằng cách phạt anh chàng chơi trống... đại này án tù chung thân!

Chuyện cũng còn mới và... nhỏ nhất! Chuyện xảy ra tại phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, vào ngày 14/12/2005. Cháu L. lúc đó vừa được ba tuổi, được bố mẹ gửi vào nhà trẻ Hoa Huệ. Nhà trẻ do chị Kim làm chủ. Chị này có cậu em tên Đới Duy Hùng, 21 tuổi. Buổi trưa ngày hôm đó, Hùng tới nhà chị chơi lúc chị Kim và các cháu còn đang ngủ trưa. Hùng vào phòng ngủ tìm kẹo ăn. Thấy Hùng đi vào, cháu L. còn đang thức và nằm ở ngoài cùng, gọi Hùng vì cháu đã quen với Hùng khi anh này thường hay lui tới nhà trẻ. Hùng cho cháu một chiếc kẹo cà phê, cù nách trêu bé. Nhưng con ma sếch bất ngờ nổi dậy, Hùng bóc kẹo dụ dỗ cháu L. rồi thực hiện hành vi... người lớn. Tòa án thành phố Hà Nội đã xử bị cáo Đới Duy Hùng 14 năm tù ở và bồi thường cho cháu L. 16 triệu rưỡi đồng.

Một phụ nữ ở thành phố Aachen, Đức đã gọi điện thoại tới Sở Cảnh sát tố cáo chồng... vô trách nhiệm. Anh ta không chịu... sếch với vợ. Sau một thời gian tức tối, vào một đêm, cô vợ 44 tuổi đánh thức anh chồng 45 tuổi dậy và bắt anh ta phải trả bài. Anh này chắc thuộc loại lười biếng nên nhất định không bài vở chi cả. Hai bên cãi lộn. Cô vợ gọi Cảnh sát yêu cầu can thiệp. Cảnh sát không biết phải can thiệp như thế nào cho phải nên chỉ biết lập hồ sơ trình tòa. Cho tới bây giờ, tòa cũng chưa biết xử ra sao. Bạn nào cao kiến xin mách dùm ông tòa với!

Anh Emil Iancu sống tại tỉnh Ighisu Nou, Romania. Anh quá nghèo phải vay nợ 1800 bảng Anh mà không có cách nào trả nổi. Chủ nợ là một cụ ông 72 tuổi tên Josef Justien Lostrie đòi anh nhường cô vợ Daniela cho cụ để trừ nợ. Không còn cách nào khác, anh phải thuận tình nhưng đòi phải có giao kèo trong đó ghi rõ vợ anh chỉ có nghĩa vụ sống bên cạnh ông Josef mà thôi. Không hiểu sống bên cạnh như thế nào mà cô vợ lại khoái. Cô không ngần ngại lên tiếng: "Trước đây tôi phải làm việc quần quật cả ngày, lau dọn nhà cửa, chăm sóc ba đứa con, trong khi chồng tôi chẳng động tay động chân vào việc gì cả. Còn bây giờ tôi được đối xử như một thượng khách!"

Tại thành phố Pereira, Columbia, bạo loạn gia tăng. Năm ngoái đã xảy ra 480 vụ giết người do các nhóm băng đảng thực hiện. Các bà vợ và bạn gái của các tay anh chị này đã hợp tác với giới chức trong tỉnh để kêu gọi họ từ bỏ bạo lực, trao nộp vũ khí cho chính quyền. Lời nói không ăn thua gì. Anh chàng sếch nhảy vào nhập cuộc. Các bậc nữ lưu quí hóa này phát động một chiến dịch: nếu chàng không nộp vũ khí thì chị em cũng nghỉ chơi với vũ khí của chàng! Không biết cuộc cấm vận sếch này có thành công không nhưng sếch đã có vai trò mới: trò đổi súng lấy súng!

Ngược lại, chàng Francesco ở Ý cũng cấm vận. Không phải bị cấm vận mà chính anh cấm vận để trừng phạt vợ sau một cuộc cãi vã. Giả dụ hai vợ chồng bạn cãi nhau, hai người có ngủng ngẳng không... thèm thì hai người có thể nhịn thèm được bao lâu? Một tuần, hai tuần hay một tháng đi! Một tháng là quá cỡ thợ mộc rồi! Anh chàng Francesco... anh hùng hơn nhiều. Anh không thèm mó tới vợ trong suốt bảy năm liền! Chị vợ tức khí lôi anh chồng ra tòa vì tội không chịu... sếch. Bây giờ nếu là quan tòa thì bạn xử vụ này vào tội gì cho đúng? Mấy ông quan tòa Ý xử tội "xúc phạm." Đây là phán quyết: "Việc từ chối quan hệ tình dục và thân mật với vợ trong suốt bảy năm đã gây sự xúc phạm rất nghiêm trọng tới danh dự của người vợ, gây sự phẫn nộ cùng những hậu quả nghiêm trọng cho tâm lý của nguyên cáo." Khiếp chưa? Bản án: ly hôn và chu cấp tiền sống cho bà vợ tới hết đời!

Cũng bản án: chín tháng tù và phạt bồi thường 6355 Mỹ kim! Tội ngược ngạo: bị cáo là một phụ nữ can tội cưỡng hiếp một người đàn ông! Người đàn ông này đang ngủ quên trên một ghế *sofa* trong một bữa tiệc, khi tỉnh dậy thì thấy một phụ nữ đang quan hệ tình dục bằng miệng với mình. Trường hợp nếu là bạn

thì sao? Nếu là tôi thì chắc sẽ sẵn sàng tha thứ. Lỡ rồi thì thôi, mất mát chi! Nhưng anh chàng 31 tuổi này lại không vậy. Dựa vào điều luật của Na Uy quy định là tất cả các hoạt động tình dục với những người "đang bất tỉnh hoặc vì những lý do khác không thể phản đối" đều bị coi là hãm hiếp, anh đưa cô gái khát sếch này ra tòa. Luật sư của bị cáo Per Magne Kristiansen cho rằng đây là một hình phạt quá nặng. Nặng thật, tôi cũng thấy vậy!

Đi lòng vòng sơ sơ như vậy đã thấy anh chàng sếch lộng hành quá cỡ. Chuyện gì cũng có thể xảy ra với cái thứ mà ngày xưa các cụ của chúng ta giấu giấu giếm giếm. Thực ra thái độ làm như thờ ơ với những chuyện phòng the có lẽ chỉ bắt đầu khi có cụ Khổng. Ông cụ khó tính này đã tạo cho bao nhiêu thế hệ sau cái tôn ti trật tự cũng như phân biệt rạch ròi cái làm nên một chính nhân quân tử. Anh chàng sếch đành... xếp ve! Trước đó, anh cũng ra gì với núi sông lắm. Chẳng thế mà chúng ta có *Kamasutra* của Ấn Độ và *Tố Nữ Kinh* của Trung Hoa còn được truyền tụng đến ngày nay. Trong hai cuốn này thì cuốn *Kamasutra* nổi tiếng hơn. Có lẽ bởi vì nó được nhà ngôn ngữ học người Anh dịch ra tiếng Anh vào năm 1883. Như vậy bản dịch chỉ ra đời khoảng 15 thế kỷ sau khi có bản chính. Tác giả của *Kamasutra* là Vatsyayana Mallanaga, một nhà hiền triết về tôn giáo sống ở Pataliputra thuộc phía bắc Ấn Độ. Ông viết cuốn sách này vào khoảng từ năm 200 đến năm 300.

Nói tới *Kamasutra* là chúng ta nghĩ tới như một cuốn sách chỉ dẫn về cách thực hành sếch. Nghĩ như vậy cũng không phải là sai nhưng thực ra *Kamasutra* không chỉ có vậy. Quả thật *Kamasutra* có đề cập tới các tư thế sếch được phân làm tám tư thế chính, mỗi tư thế chính lại chia ra thành tám tư thế phụ, cả thảy là 64 tư thế khác nhau. Nhưng phần này chỉ chiếm khoảng một phần năm cuốn sách. Đây là phần gối chăn được miêu tả như một sự "kết hợp thánh thiện" mà tác giả tin rằng tự nó không có gì sai trái, nhưng nếu cứ sếch bừa bãi thì lại là một điều tội lỗi. Với 1250 khổ thơ chia ra thành bảy tiết, 36 chương và 64 đoạn, ngoài nghệ thuật gối chăn, *Kamasutra* còn bàn tới nhiều khía cạnh khác tạo cho người đọc hình ảnh chi tiết của xã hội Ấn Độ xưa. Theo tín ngưỡng của đạo Hindu thì của cải vật chất trên trần thế, tính dục và sự cứu rỗi của linh hồn đều có tầm quan trọng như nhau trong cuộc sống của con người. *Kamasutra* không chỉ xông vào mọi ngõ ngách của tính dục như kích thích dục tình, sự ôm ấp, vuốt ve, giao hợp..v..v.. mà còn luận về những chuyện thường thức trong cuộc sống lứa đôi như hôn nhân, nghĩa vụ, ưu quyền của phụ nữ, vấn đề mãi dâm v.v... Ít người đọc kỹ *Kamasutra* nên cứ coi đó là một dâm thư cho tiện việc sổ sách! Gần hai ngàn năm sau khi *Kamasutra* ra đời, cuốn được coi là dâm thư này vẫn gây ra án mạng. Một ông 48 tuổi cư ngụ tại thành phố Mariinsk, Nam Tây Bá Lợi Á, thuộc Nga, bất thần thấy được cuốn *Kamasutra* của vợ ở trong phòng. Ông nghi vợ ngoại tình mới đọc cuốn "dâm thư" này nên đánh vợ tới chết. Sau đó ông ra đầu thú với cảnh sát.

Tố Nữ Kinh không là sách của quần chúng như *Kamasutra* mà là sách của các bậc vua chúa. Vua chúa ngày xưa là ông trời. Có quyền và có sếch. Quyền và sếch đi đôi với nhau. Sếch chứng tỏ quyền. Quyền mang lại tam cung lục viện. Phần lớn đều chứng tỏ quyền năng bằng cách sưu tầm những thiếu nữ đẹp nhất nước. Có những người đẹp bên cạnh nên ham. Ham nên mới mau hui nhị tỳ. Có ông chỉ hai chục cái xuân xanh đã đi ngủ với giun. Ông vua Hoàng Đế sống cách chúng ta khoảng 4600 năm tỏ ra khôn ngoan hơn. Ông lập một ban cố vấn chuyên về sếch để vui vầy mà vẫn an toàn trên xa lộ. Ban cố vấn này gồm ba nữ nhân là Tố Nữ, Huyền Nữ và Thái Nữ. Ngoài ra, cho chắc ăn, ngài ngự còn mướn một danh y luôn kề cận bên giường. Danh y này là ông Bành Tổ, thọ tới 800 tuổi! Riêng Hoàng Đế, sếch hàng đêm, nhưng cũng thọ tới trăm tuổi, sanh năm 2697 và thăng hà năm 2598 trước Công Nguyên. Ông đã để lại cho đời sau hai bộ "sếch chỉ nam" nổi tiếng là Hoàng Đế Nội Kinh và Tố Nữ Kinh.

Không giống như bộ sách *Kamasutra* của Ấn Độ chú trọng vào những tư thế của sếch, *Tố Nữ Kinh* dựa trên ý niệm âm dương, ngũ hành để giải đáp các thắc mắc về chuyện phòng the. Sách ghi lại những câu hỏi của vua và lời giải đáp của Tố Nữ. Thử lấy một ví dụ. Hoàng Đế than phiền với Tố Nữ là ông cảm thấy mình khí suy nhược, khi ái ân không có sự đồng nhịp với người nữ, khiến cho tâm trạng bất an, lòng không còn vui thú. Cố vấn Tố Nữ giải thích như sau: hiện tượng trên xuất phát từ sự thiếu hòa hợp âm dương, tinh lực của người nam như lửa, của người nữ như nước, nếu tinh lực của người nữ mạnh hơn nam thì cũng như nước tạt vào

lửa, làm cho ngọn lửa tắt ngấm, dẫn đến hậu quả là sự ái ân có hại cho sức khỏe và không còn thú vị nữa. Lời giải đáp của trên bốn ngàn năm trước nghe cũng khoa học ra phết. Những lúc đầu óc không thảnh thơi, trong mình mệt mỏi, mà phải trả bài, nghe ra lời Tố Nữ cũng có lý. *Tố Nữ Kinh*... khoa học như vậy nhưng bị coi là tà dâm nên vua chúa giữ rịt trong cung để xài riêng trong suốt hai ngàn năm. Mãi đến năm 225, dưới thời nhà Hán, sách này mới được phổ biến tương đối rộng rãi trong tam cung lục viện để sau đó mới ra tới dân chúng.

Gần hai ngàn năm sau, nhà thơ Lê Vĩnh Thọ ở Việt Nam đã... nghiên cứu *Tố Nữ Kinh*. Đọc xong, ông thơ như thế này:

tố nữ kinh uyên áo
thoát xiêm y linh tinh
mới sâu sát thấu đáo
những tình tiết rùng mình
lánh xa đời huyên náo
dùi mài tố nữ kinh...

Sếch cổ đại của Á Châu khá... mặn, ở Âu Châu cũng khá... thoáng. Theo những tài liệu còn để lại thì tại nước Nga thời xưa đàn ông cũng như đàn bà khi đi làm tại các trang trại hay ngoài đồng áng thường mặc rất sếch xi, thậm chí còn trời sinh sao cứ vậy đi làm chẳng cần đắp điếm gì cho phiền phức. Cứ phơi ra như thế thì chuyện tìm tới nhau thường xuyên là điều bắt buộc. Và dân số Nga thời đó cứ tăng lên vùn vụt cũng là điều dễ hiểu.

Dân Do Thái xưa có một tập tục sếnh hết sức thực tế. Anh con trai mỗi khi có dịp bắt tay một người khác phái bèn giữ rịt tay người đối diện đặt vào của quý của mình hoặc đặt vào bướm của đương sự. Nếu không có dấu hiệu phản đối có nghĩa là chấp thuận, đôi ta đi tìm chỗ kín đáo để... hành đạo!

Các nàng Phần Lan thời xưa thì cho hết phong nhụy cho người đàn ông trong lần gặp gỡ đầu tiên. Nếu hai bên chịu nhau thì cứ tiếp tục sếch dài dài trong nhiều năm, nếu không thì... mất mát chi!

Dân Úc cổ đại thì lại coi chuyện sếch như chuyện thể thao. Rất *fun*! Họ luôn luôn tìm những hứng thú mới, coi như một cuộc tranh đua... *olympic*!

Ngày nay chuyện sếch cũng rất thoáng. Thoáng quá đi chứ! Hỏi đứa con nít chúng cũng biết đường đi nước bước. Chẳng cần phải là con nít tỉnh thành, con nít ở huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh cũng dư sức qua cầu. Đứa con trai 15 tuổi, tạm gọi là Đức, là hàng xóm với đứa con gái tám tuổi, tạm gọi là Cúc. Hai đứa bé thường bị bỏ ở nhà một mình và Đức thường qua nhà bé Cúc để dậy bé học và cùng chơi đùa trong khi chờ ba mẹ về. Chơi quanh quẩn ở trong nhà mãi cũng chán, hai đứa rủ nhau ra mấy quán cà phê chui vào coi lén chiếu phim. Phim lại là phim sếch. Coi xong về, Đức cho bé Cúc một con búp bê để rủ bé... đóng phim. Vậy là hai đứa vô tư đóng phim trong nhà, coi như một trò chơi như những trò chơi khác. Tới lần đóng phim thứ ba, mẹ Cúc mới bất thần về bắt gặp. Bà tri hô lên và mang sự việc ra tòa. Trước tòa, Đức khóc bù lu bù loa: " Con thấy trên phim làm vậy nên tò mò rủ bé Cúc làm theo chơi. Con tưởng làm chuyện này bị bắt gặp thì xấu hổ và bị ba mẹ đánh thôi chứ con không biết là có tội. Con mà biết bị đi tù thì có chết con cũng không dám làm!" Bản án: chín năm tù giam về tội hiếp dâm trẻ vị thành niên!

Con nít thì ngây thơ, già đầu cũng còn... thơ ngây. Cụ Trenton được sinh ra trong một gia đình ngoan đạo tại tiểu bang Missisippi, cha là một nhà truyền giáo, rất tin tưởng vào Thánh kinh nên đã sống một cuộc sống khá khắt khe với chính mình. Hồi còn niên thiếu, Trenton đã nguyện giữ gìn trinh tiết và chỉ sếch với người phụ nữ mình lấy làm vợ. Thế nhưng cụ đi tìm một người vợ suốt cả đời mà chưa được gặp. Cay đắng quá đi chứ! Năm nay, đã 82 tuổi mà vẫn chưa biết mùi đời, cụ tâm sự: "Tôi đã cố gắng giữ cho mình thật trong trắng để chỉ dành cho người mình yêu dấu, nhưng chẳng kiếm được ai. Tôi cảm thấy như bị cuộc đời lừa gạt. Tôi không muốn chết đi mà không biết mùi vị phụ nữ là gì nên tôi bỏ cuộc. Tôi không thể chờ đợi hơn được nữa." Chờ gì nổi nữa! Cụ đã phá... trinh. Tin tức không nói là với ai. Cũng không cho biết cụ có phải dắt viên thuốc *Viagra* vào cạp quần không. Này bạn, bạn có đoán ra cụ đi tìm... tội lỗi ở đâu không? Chắc chắn không có một đêm tân hôn rồi!

Đêm tân hôn, chàng hỏi nàng:

"Em đang nghĩ gì vậy, em yêu?"

Cô dâu mới e thẹn đáp:

"Cũng như anh thôi!"

Chàng sung sướng rủ:

"Vậy thì hai ta cùng xuống bếp chén nốt chỗ bánh ngọt đi!"

10/2006

Website: www.songthao.com

Chữ Hạnh

NGÔ NGUYÊN DŨNG

Người đàn ông trẻ đón ông Lâm Định ở phi trường nội địa thành phố D. đưa tay bắt, miệng cười vồn vã:

- Chào mừng giáo sư Lâm Định. Tôi là Andreas Moretti, người thường xuyên liên lạc với ông từ nhiều tháng qua. Ông vẫn khoẻ? Chuyến bay thoải mái, không có gì trở ngại chứ, thưa giáo sư?

Ông Lâm tươi mặt, cố nén cái đau đằm đằm vạch đường chữ thập trên phiến lưng:

- Rất hân hạnh được gặp anh. Tôi xin có lời khen ngợi, dấu giọng Việt ngữ của anh vô cùng tài hoa, hiếm người Âu tây đạt được trình độ như vậy.

Câu nói khách sáo ông thường sử dụng mỗi lần chứng đau nhức khớp xương tới cữ hoành hành. Moretti cuốn vội tờ giấy cứng tô đậm mấy chữ tô dấu rõ ràng "Giáo sư Lâm Định", cắp vào nách, dằng lấy cái xắc da nâu cũ từ tay ông giáo sư, bật tiếng cười ngắn:

- Giáo sư quá lời đó thôi.

Rồi anh nhỏ giọng ra điều quan trọng:

- Mà... mà biết đâu chừng, kiếp trước tôi là người Việt Nam, thưa ông.

Ông Lâm cười xoà, thoáng đưa mắt quan sát anh thanh niên. Anh cao hơn ông nửa cái đầu, tóc nâu sẫm cắt ngắn. Màu mắt xanh cobalt trong vắt sau lớp kính gọng bạc thanh mảnh. Anh mặc sơ-mi dài tay xám nhạt, quần đen ủi nếp kỹ lưỡng. Thần sắc anh toát sáng nét thân thiện hiếm thấy ở người bản xứ mà ông Lâm đã tiếp xúc trong ngày hôm nay. Những gương mặt nhân viên đoan thuế lạnh băng. Những tia mắt vô cảm của mấy nữ tiếp viên chăm bẳm dò xét sau quầy nhận, trước màn ảnh máy vi tính, dè xẻn lời nói như thể phải trả chúng bằng một giá đắt đỏ.

Moreti cho biết xe anh đậu dưới hầm. Trong thang máy, anh nhẩn nhơ kể chuyện thời tiết:

- Giáo sư may mắn lắm đó, tuần trước trời còn đổ tuyết.

Ông Lâm không khỏi ngạc nhiên:

- Tháng năm mà còn rơi tuyết sao?

Moretti chép miệng:

- Khó lòng biết được chuyện thời tiết xứ này, đặc biệt tại đây, một nơi nhiều núi đồi, thưa giáo sư.

Bất chợt anh bừng giọng hứng khởi:

- Vậy mà, như có phép lạ, chỉ sau một cuối tuần trời trở ấm, nắng ráo cho tới bữa nay. Tôi sẽ chỉ giáo sư xem đại lộ anh đào trên đường tới học viện. Tuyệt diệu không tả nổi.

Cách nói và điệu bộ của người đàn ông trẻ khiến ông Lâm háo hức, tưởng chừng quên đi cảm giác nhức buốt dửng dưng lan khắp thân người. Nhưng không thể. Thỉnh thoảng chúng lại nhói lên như có kẻ nghịch ngợm rạch đường dao lam lên từng lóng xương lỏng lẻo. Ông hỏi Moretti phòngvệ sinh, bước nhanh vào, lấy ra lọ thuốc giảm đau, run tay mở nắp. Ông vốc nước ực liên tiếp ba ngụm, khép mắt định thần giây lâu. Ngẩng lên, khuôn mặt trong gương nhìn ông như kẻ lạ. Mái tóc hoa râm thưa sợi. Ba vạch nhăn ngang trán. Hai nếp gấp giữa cặp chân mày mọc sợi đen cứng, bừa bãi, xen kẽ sợi bạc. Ông tự dặn lòng, tối nay phải nhổ chúng đi. Nhưng làm sao ông bôi xóa được những đường nhăn, những đốm da mồi tuổi tác trên đôi gò má, lốm đốm dọc sống mũi? Và vô số ý nghĩ ngổn ngang dằn vặt tâm trí ông lâu nay về một chữ, chỉ một chữ duy nhất mà ông không thể định nghĩa rành mạch, xác đáng: chữ Hạnh.

Bưu tín từ nước ngoài đến tay ông vào một ngày mùa mưa tháng tám. Ngoại ô Sài Gòn bầm dập cơn mưa chiều xối xả. Thằng cháu nội chạy xầm xập lên gác, trao ông lá thư đẫm mưa lấm tấm. Ông Lâm bật đèn, lật qua lại phong bì dán góc bưu hoa một xứ Âu châu xa xôi, giơ ra vũng đèn vàng ối. Thằng cháu còn đứng đó, xoe mắt tò mò. Tiếng trẻ con giỡn mưa trong lòng hẻm lầy lội vang dội từng chặp. Nó, cũng như ông, dường như cảm nhận điều khác thường gói đựng trong phong thư lạ mắt này. Ông Lâm không mở thư đọc vội, ngoắt tay gọi cháu. Nó bước lại, ngoặt đầu lên đùi ông trên ghế gỗ như một con mèo đói. Ông không

nhớ rõ, từ bao lâu rồi ông ít khi gần gũi chuyện trò cùng con cháu. Căn hộ chật, ba thế hệ. Từ dạo biết mình vướng hội chứng suy nhược thần kinh hệ, ông Lâm bắt đầu ẩn dật trong chính chiếc bóng mình. Ông luồn ngón tay vào đầu tóc rậm rì của thằng bé. Ông cháu thủ thỉ trò chuyện. Tiếng mưa sầm sập mái tôn lẫn tiếng sấm loé trời thỉnh thoảng cắt ngang câu chuyện. Trũng đèn chớp tắt run rẩy theo dòng điện đứt đoạn. Có tiếng giục giã gọi tên thằng nhỏ. Nó ngấc đầu, phắt cái liến chân chạy biến. Ông Lâm tần ngần cầm phong thư, ngắm nghía hàng chữ người gửi lờ mờ đoán hiểu. Ông rọc mạnh rìa thư, gấn gọng kính lão lên mắt...

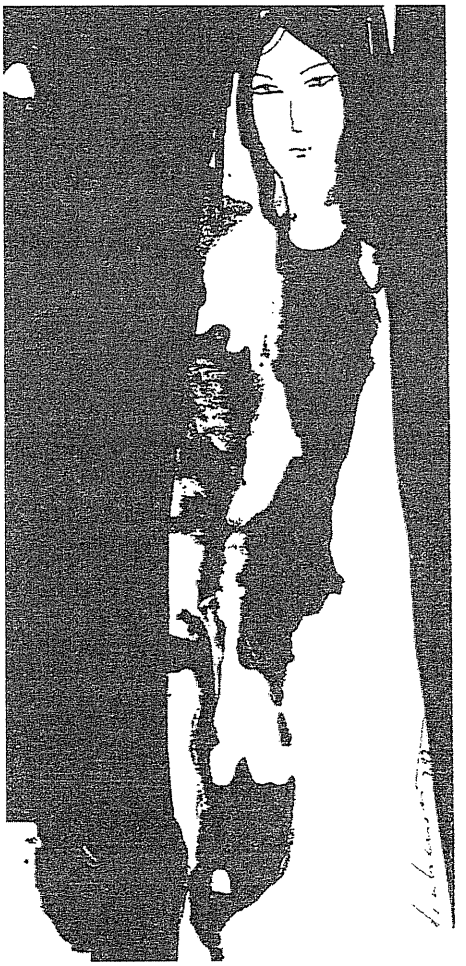

- Chúng ta đang rẽ vào đại lộ anh đào, thưa giáo sư.

Ông Lâm chập choạng hé mắt. Cảnh không gian mở ra trước mặt, không phải vòm mây ẩm mưa xám ngoét đất quê nghèo một ngày lê thê, mà trong vắt khung trời không một gợn mây. Và, đại lộ rợp hồng anh đào nhật bản một hàng thẳng tắp giữa lòng đường hai dòng lưu thông ngược xuôi. Giáo sư Lâm Định xoáy mắt ngắm, không chớp. Những chòm hoa bụ bẫm, tươi rói thanh xuân kiêu hãnh khoe dáng trong màu nắng vàng nõn. Ông lẩm bẩm:

- Một bữa tiệc thịnh soạn cho thị giác. Ngon ngoài sức tưởng tượng.

Moretti từ tốn:

- Giáo sư nói chi?

Ông Lâm cười xoà, bỡn cợt:

- Có khi nào cặp mắt anh được thiên nhiên dọn cho một bữa ăn mãn nhãn như thế?

Người thanh niên hiểu ra, cười khẽ:

- Mỗi năm chỉ một lần. Mỗi lần chỉ dăm ba ngày.

- Đủ rồi. Trước kia bà Từ Hy Thái Hậu đãi đằng quan khách ba ngày ba đêm, ăn mệt nghỉ là vậy.

Chợt, Moretti rụt rè cất giọng:

- Có lẽ giáo sư đói bụng? Xin lỗi, tôi sơ ý.

Ông Lâm không khỏi cười lớn:

- Tôi ăn bữa điểm tâm trên phi cơ rồi, vẫn còn no, anh đừng lo.

Và ông buộc lòng nghĩ tới mấy thứ cỏn con cất giữ trong xắc tay: cái bánh con nâu quánh gói giấy bóng, mấy túi giấy đường muối, hộp nhựa tí teo đựng mứt dâu tây, vài thỏi sô-cô-la. Ông định bụng, để dành những thứ này làm quà mọn cho lũ cháu loắt choắt. Biết ông được phép du hành ra nước ngoài, đứa nào cũng thỏ thẻ dặn dò. Ôi, những đứa trẻ ra đời sau 1975 chưa từng hít thở thứ dưỡng khí của một xã hội chưa bị ngôn ngữ của giáo điều ô nhiễm. Ông là một trong hàng ngũ trí thức đã một thời dốc lòng tin tưởng vào tín nghĩa ẩn sau mớ từ vựng độc lập, tự do, hạnh phúc. Ông không phải đi học tập cải tạo. Nhưng ông thấy rõ hoàn cảnh sa sút và sa đọa của đất nước. Đau lòng nhất là biến chất của ngữ vựng. Những công trình soạn thảo tự điển công phu không còn bao nhiêu giá trị. Đói không còn là trạng thái trống rỗng của dạ dày ba lần mỗi ngày, mà trở thành bản sắc khắc sâu vào ý thức, di truyền qua nhiều thế hệ, là nguyên nhân của mọi tệ trạng. Ông không ngạc nhiên, khi từ láo đương nhiên hàm chứa ba đầu chín tay quyền phép. Và một lần, bất chợt, ông thẫn thờ suy ngẫm về ý nghĩa sâu kín của chữ Hạnh.

"Kính thưa giáo sư Lâm Định,

Học viện chuyên ngành văn hoá và ngữ học Đông Nam Á thuộc đại học thành phố D. dự định tổ chức hai ngày Lễ Hội Việt Nam vào mùa xuân năm tới. Qua lời giới thiệu của nhiều nhà ngữ học có uy tín tại đây, chúng tôi trân trọng gửi tới giáo sư lời mời tham dự buổi hội thảo về đề tài "Vai trò của Đông triết trong thời

đại vi tính." Ngoài ra, nhân dịp này chúng tôi cũng ước mong được giáo sư cho nghe một bài thuyết trình khoảng mười lăm phút. Tất cả mọi phí tổn sẽ được chúng tôi đài thọ..."

Ông Lâm đặt tờ thư mở toang hoác xuống mặt bàn, trật gọng kính dụi mắt định thần. Mưa vẫn sàn sạt bạo hành lên mái tôn. Lũ trẻ tắm mưa trững giỡn vô tư, rầm rập đuổi nhau trong hẻm chật. Giọng người la mắng, gọi khan. Lẳng tẳng đâu đó tiếng tây ban cầm một giai điệu không rõ. Còi giao thông từ lộ chính cách đây một dải nhà hớt hải đua chen. Trang thư giấy trắng tinh, những dòng chữ trịnh trọng nhưng mạch lạc, ấn hiệu của học viện trên góc phải, cái tên của một người chưa hề nghe: Andreas Moretti. Lạ chứ. Một kẻ, không biết xuất xứ từ đâu, soạn một lá thư ẩn giữa những hàng từ ngữ khách sáo là một khối tâm tình tha thiết, như những cuống rún không thể lìa xa nhúm đất chôn nhau khốn khó. Bóng đèn bàn viết điện yếu soi vàng mặt chữ. Ông Lâm vói tay rút pho tự điển bong gáy trên kệ. Những tựa sách hiếm quí, ông đã bao phen chật vật giấu giếm, theo ông sống sót sau nhiều đợt hủy diệt văn học văn chương theo chỉ thị.

Ông Lâm tấm tắc không tiếc lời:

- Nếu tôi dùng chữ đẹp để tả cảnh đoạn đường này, nghe tầm thường lắm. Ngặt nỗi, ngôn ngữ cũng như chữ viết rất thường khi thiếu sót. Đành mượn cái này để nói cái kia, rằng nhãn quan tôi vừa trải qua cơn dục lạc tột đỉnh.

Moretti bật cười sảng khoái. Anh tỉ tê:

- Gần đây có thành phố lớn ăn chơi trụy lạc nổi tiếng. Nếu giáo sư muốn, tôi sẽ đưa giáo sư tới đó một tối cho biết.

- Đúng, phải biết để còn về nước lớn lối khoe khoang với chúng nó một bận cho đã miệng. Bị dán keo lâu rồi!

Chàng thanh niên bản xứ chừng như hiểu ý, gật gù:

- Ra đây, giáo sư khỏi lo.

Ông Lâm trợn mắt:

- Lầm to, anh bạn ơi! Kiểm soát hết đấy! Tôi già rồi, được dịp bung một lần cho thỏa.

Xe rẽ vào khuôn viên đại học chia lối ngăn nắp. Nhiều vườn cỏ dốc thoải lên đỉnh đồi nhấp nhô tầng kiến trúc đồ sộ. Tháng năm, lá mơn mởn lộc non. Moretti giảm tốc độ tối thiểu, không ngớt thuật chuyện:

- Đại học chúng tôi giao hữu với đại học Tokyo. Hàng anh đào, giáo sư vừa thấy lúc nãy, là của họ trồng tặng nhân lễ khai mạc mối giao tình. Thuở ấy tôi còn là sinh viên phân khoa ngữ học Á châu, mê chữ không thể tả. Mà không hiểu sao, phải là thứ chữ biểu tượng á châu mới thích. Rồi từ từ tôi chuyên ngành, chọn tiếng Việt. Có lý do hết đấy, thưa giáo sư.

Ông Lâm còn dụ dự chưa kịp hỏi thì Moretti đã lách xe vào ô trống trong bãi đậu bên hông hàng cây chưa rậm lá. Ông bước ra, ngước mặt quanh quất. Hương hoa lạ, mùi nhựa cây và nắng mới lay lất, chan hoà. Nhiều dãy xe đậu xéo hai lối tráng nhựa dẫn vào tòa chung cư năm tầng. Những ô cửa đồng dạng, cánh mở cánh đóng. Vài tia mắt tò mò quét dọc người ông, lúc ông cùng Moretti bước vào hành lang kê hàng hộp thư sơn xám. Moretti bảo ông Lâm đứng chờ, anh vào văn phòng quản gia ghi danh nhận phòng, lấy chìa khoá.

Căn phòng rộng vừa, chiếc giường đơn trải khăn trắng muốt, kê một bàn thấp và hai ghế mây lót nệm, một ghế gỗ thông cạnh bàn làm việc đặt trong góc, chụp đèn nâu có cần điều chỉnh, máy điện thoại sơn trắng. Ông Lâm còn váng vất trước sự vật sạch bóng, ngăn nắp thì Moretti đã tới kéo màn cửa vàng nhạt, mở rộng khung kính.

- Đại học có riêng vài phòng dành cho khách phương xa trong cư xá sinh viên, thay vì mướn cho họ chỗ trọ trong khách sạn, có thể đầy đủ tiện nghi hơn, nhưng xa trường và không gần gũi với sinh hoạt của học viện.

Rồi anh đảo mắt một vòng xem xét, nói như xin lỗi:

- Phòng hẹp, nhưng yên tịnh và khoảng khoát.

Ông Lâm rối giọng:

- Không, không, ấm cúng thế này, tôi đâu muốn gì hơn.

Moretti xoa tay:

- Vậy, tôi xin phép cáo lui cho giáo sư nghỉ ngơi. Sáu giờ chiều tôi trở lại đón giáo sư đi ăn tối.

Anh còn chỉ ông Lâm chỗ kê tủ lạnh con đựng thức uống, vài cái tách úp ngược trong khay nhôm. Phòng vệ sinh và bồn tắm gương sen hai vòi lạnh nóng. Tất cả, đối với ông không lạ, nhưng mới sạch, gần như miễn nhiễm. Lúc ông tới cạnh khung cửa mở, trông ra, vòm mắt choáng ngợp trước quanh cảnh bày biện. Thị giác lại thêm một lần no nê ảnh sắc. Phòng ở tầng trên cùng. Từ đỉnh đồi nhìn xuống, đại lộ anh đào chỉ còn một vành hồng tươi vắt ngang những chéo khăn cỏ non đầu xuân. Trường đại

học chia ra nhiều phân khoa, kiến trúc hình hộp lạ mắt, tường vôi nhiều màu khác nhau, rải rắc dọc ngang như những rương bê-tông khổng lồ đựng đầy não bộ tri thức của nhân loại. Tin học và ngữ học. Vật lý hạt nhân và triết học cổ điển. Kinh doanh quốc tế và văn chương cận đại. Đối tính kề cận nhau, bổ sung, dung hoà. Không cấm đoán. Không tiêu diệt. Không xảo trá nguỵ biện bằng uy lực của quyền bính.

Ông Lâm khép cửa, thay quần áo, đi tắm rồi lên giường nằm. Cái mệt bấy giờ mới thật sự ùa tới. Toàn bộ xương cốt ông nhói nhừ, rần rật nghìn nghịt nọc kiến châm chích. Ông đã luyện tập, khắc phục nỗi đau bằng cách tập trung tư tưởng tại huệ nhãn. Chỗ đó, soi gương, rành rành hai nếp gấp thời gian. Đôi khi ông hoa mắt thấy chúng biến dạng thành đôi nét chữ Nho, không rõ nghĩa gì. Trí nhớ ông càng lúc càng tồi tệ, không thể giữ lại để ông ghi ra giấy, giở tự điển tìm tòi. Cũng khởi xuất từ nguồn sáng bật phát từ lớp lớp cơn đau buốt xương rách thịt ấy, ông đã phát nghiệm đề tài cho mười lăm phút thuyết trình vào ngày mai: "Chữ Hạnh trong tâm thức Việt hiện đại." Nghe qua, tưởng triết lý học thuyết gì mới mẻ, cao siêu. Thật ra chỉ là những suy tư lấn cấn, vật vã ông từ nhiều thập niên qua. Dịp này, không xuất ra, e trễ mất.

LÝ THỪA NGHIỆP

Khung Trời Mùa Đông

Trên khung trời mùa đông
Mây vẫn bay phiêu bồng
Gió về đâu gió lộng
Ngựa hí rền bên sông.

Ngồi dưới một vầng trăng
Nghe sương rơi âm thầm
Trăm năm trò hư ảo
Sao lạnh tràn thân tâm.

Chong mắt nhìn hư không
Bốn phương trắng cõi lòng
Vạn pháp hề! như nhứt
Trăm sông rót một dòng.

Thênh thang trời mưa bay
Lòng bỗng dưng đong đầy
Tiếng chuông trầm thiên cổ
Vang động cả hình hài.

Ông ý thức ra điều này trong suốt thời điểm ông bị giam lỏng trong bốn vách nhà riêng. Mái tôn vách ván, cửa sở một tấm gỗ mỏng, cửa lớn trổ ra ban-công có lan can gác chéo nhiều thanh gỗ tróc sơn xanh đỏ nhặt nhạnh đó đây, nhiều chậu kiểng con sần sùi thân nhánh nhưng cùi cụi rậm lá, dây ny-lông phơi quần áo, đồ lót ông tự giặt lấy. Bàn thuốc lào lạnh hơi môi, bị ông ruồng rẫy từ khi sức khoẻ tuột dốc. Bút, giấy chi chít ý nghĩ gạch xoá, sợ hãi giấu giếm mỗi lần nghe tiếng chân người kót két giẫm lên thang gỗ. Những khuya trằn trọc lắng đợi thời gian trở mình, nghe tiếng mối mọt sột soạt gặm mòn những trang chữ suy dinh dưỡng. Lũ cháu nội ngoại mó máy những mơ tưởng thơm tho cổ tích. Đã nhiều phen ông bị mời ra cơ quan làm việc. Những câu hỏi dằn xốc. Liên lạc với ai ở nước ngoài? Bạn bè, thân nhân là những ai, làm gì, ở đâu? Đã trước tác những gì, khi nào? Đôi khi rắn giọng doạ dẫm, có lúc mật bùi hứa hẹn. Những lúc đó, nếu ông không định thị vào điểm sáng rực rỡ giữa hai chân mày, có lẽ ông đã xuôi tay tuân phục theo sức nén của áp lực. Chữ là một lẽ, niềm tin vào lương tri tuyệt đối là lẽ khác. Ông kiên trì bấu víu vào đó để tồn tại, chờ ngày phục sinh của chữ.

Tiếng chuông đồng hồ tay rón rén báo thức. Ông Lâm mở mắt, thấy nắng tháng năm còn lấp loé ngoài rèm cửa. Chiều nơi xứ lạnh khua khẩy những thanh âm từ tốn. Không phải giọng

rao hàng khắc khoải suốt chiều dài con hẻm chật. Không nghe tiếng leng keng xe kem chầm chập thúc bách. Giọng thiếu nữ thảnh thót hột vịt lộn hột gà vữa, đứt ngang ở âm ữa như một nốt nhạc què quặt. Đúng sáu giờ chiều, loa khuếch âm đầu hẻm lanh lảnh bản tin những thắng lợi siêu việt của nhà nước. Điệu nhạc lè rè dòng điện câu. Lâu rồi, ông thấy nhớ tiếng chim dáo dác gọi bạn trong vòm cây úa lá nghi ngại.

Cho tới một ngày, ông được phép qua đây thuyết trình về một chữ đã ám tưởng tâm thức ông nhiều thập niên qua. Không ngớt. Lên đường một mình. Nhưng không dáo dác, nghi ngại mà phấn chấn trong cơn đau ngấm ngầm từng khớp xương theo ngần ấy độ ẩm lạnh sai biệt.

Moretti lái xe qua phố lớn cách đấy gần nửa tiếng xa lộ. Trung tâm phân chia phố cổ phố tân rạch ròi nhà cửa xây thấp, ngõ ngách chằng chịt trải đá xanh, những thánh đường kiến trúc kiểu La-mã cân xứng chặt chẽ với những cao ốc lắp kính màu tân kỳ, khu thị tứ san sát cửa hiệu hào nhoáng xa xỉ phẩm. Cạnh hải cảng là trụ điểm của truỵ lạc, chen chúc quán xá, hộp đêm, nhà chứa, kẻ bán người mua lạc thú nhốn nháo sau chín giờ tối.

Chiều sớm, nhiều quán rượu, nhà khách chưa thức. Moretti rảo xe chậm ngang, chỉ trỏ hài hước, giải thích. Rồi anh ngắn gọn kết luận:

- Chúng tôi đặt cái chơi trước cái ăn vì vậy.

Ông Lâm nhỏ nhẻ:

- Thì đã sao? Có khác nhau mới thú. Triết Tây xưa kia lấy thượng đế làm nền, bây giờ dựa vào lý thuyết thực dụng. Còn triết Đông tìm cách bôi sạch ý thức, định nghĩa chân lý, cho rằng động vật và thiên nhiên hiện hữu hỗ tương... Ối, rắc rối. Sở học một đời người không thể nắm trọn.

Moretti cắc cớ:

- Thế sao người Á Châu coi trọng miếng ăn?

Ông Lâm ngần ngừ:

- Không biết tổ tiên chúng tôi thuở trước nghĩ sao, chứ hiện giờ, dễ giải thích thôi. Tại đói!

Quán ăn trong phố cổ lợp ngói đá núi xám, tường vôi trắng, dọc ngang trục gỗ đen bóng khắc hoa văn sơn đỏ rượu chát, vàng lúa mì, xanh hồ thuỷ. Bàn ghế gỗ sồi vạm vỡ, đèn vàng ấm cúng, tranh sơn dầu cổ điển nhiều sắc nâu, khung nhũ vàng nhũ bạc sáng loáng. Hầu bàn trong đồng phục áo trắng quần đen, tạp dề lết phết lục sẫm.

Giáo sư Lâm Định cầm tờ thực đơn bìa da, lật đọc chăm chú một đỗi rồi gấp lại, cười lấp lửng:

- Tiếng Đức khó lắm, phải không anh?

Moretti gật đầu:

- Giáo sư uống thử loại bia đặc sản vùng này.

Cặp mắt ông Lâm sáng lên, lắng tai chăm chú. Moretti chậm rãi tìm chữ:

- Bia và bánh khoai tây nướng với dồi thịt mỡ un khói, thức ăn dân giả miền Hắc Lâm, đậm đà không thể tưởng. Giáo sư thử nhé?

Ông Lâm hớn hở, quên tuốt mấy qui luật kiêng cử do y sĩ căn dặn. Và tiêu chuẩn ẩm thực được lặp đi lặp lại mòn tai: không bị cấm đoán thứ gì cả, nhưng càng ít càng tốt, bỏ hẳn là lý tưởng nhất. Ông dí dỏm so sánh với thứ luật pháp dị hợm ở xứ sở ông, tóm tắt vỏn vẹn chỉ mấy chữ: đừng tưởng bở!

Bữa ăn tối đáp ứng trọn vẹn lề ăn thói uống được Tản Đà tiên sinh ghi chép. Có nên thêm thắt cái hoa thị kèm mấy dòng chú thích: câu chuyện cũng phải ngon? Mẩu tâm sự của Moretti bên lề bàn ăn đặt hai ly bia vàng sủi bọt trắng xốp, thẩu sứ khoai nướng hôi hổi thơm lừng hương gia vị kích thích ngũ giác, bắt đầu bất ngờ.

- Tính mê chữ Việt của tôi từ mẹ mà ra.

Ông Lâm ngừng tay xẻ bánh, nhếch mắt đăm đăm nhìn chàng thanh niên ngồi đối diện. Ông thích lối dụng ngữ của Moretti, là lạ bất chợt như cắn phải hạt lựu mỡ chài béo bở ẩn trong lớp khoai tây thái sợi, khen khét mùi khói, loáng thoáng vị đậu khấu đậm nồng gai lưỡi.

- Nghĩa là sao?

Moretti nâng ly bia, hớp ngụm đầy. Chút bọt trắng bám mép. Anh giơ khăn chặm, nét mặt không chút giao động. Ông Lâm đoán chừng anh đang lựa chữ thích hợp. Ông tiếp tục nhai nhằn những hạt thịt mỡ, chờ.

- Tôi là con nuôi của ông bà Moretti từ thuở sơ sinh, mẹ tôi kể vậy. Bà góa bụa ngót chục năm rồi. Cha tôi mất vì chứng ung thư phổi. Không hiểu nổi, vì ông chỉ hút xì-gà mỗi năm một lần sau bữa tiệc tân niên cùng họ hàng bên nội.

Bất giác ông Lâm liên tưởng hương thuốc lào loọc soọc sực nức căn gác giam hãm. Hai lá phổi buồn bã dưỡng khí phần não bộ căng thẳng cùng cực những tính toán mưu sinh. Sản nghiệp của ông, những trang chữ phế thải cần được chỉnh trang cho thích ứng với thời thế.

- Ông mất để lại một gia tài lớn. Phần của tôi chỉ được hưởng khi tôi lập gia đình...

Ông Lâm xen lời:

- Bằng không?

- ..sẽ được phân phát cho các cơ quan từ thiện. Phần của mẹ tôi được bà quyên tặng dồi dào cho phân khoa ngữ văn Đông Nam Á. Bà không khuyên, nhưng ý bà rõ ràng muốn tôi theo học ngành này.

Ông Lâm tươi tắn:

- Tôi phải cám ơn mẹ anh. Nhờ bà mà tôi được dịp rời nước một bận, quen biết anh, tạm quên nhiều nỗi bức bách trong cuộc sống.

- Ngày mai mẹ tôi tới nghe ông nói chuyện.

Ông Lâm cầm chéo khăn lau miệng, không nói. Khó hình dung dáng điệu một người đàn bà, lại là một người đàn bà Tây Phương trong kinh nghiệm của ông, ý thức của một người Á Châu suốt quá khứ vừa qua đã bị nhiều giáo điều bào mòn không thương tiếc. Ông không biết nói gì hơn ngoài mấy lời giao thiệp nhạt nhẽo, lạnh tanh lớp mỡ đọng váng dưới đáy thẩu sứ.

Moretti hỏi ông có muốn trở lại góc phố truy lạc đang sửa soạn thức giấc. Ông Lâm cám ơn, xin được về lại phòng trọ, nghỉ ngơi lấy sức cho ngày mai. Đêm sậm sật mê hoặc. Trời ngoài khung cửa xanh huyễn. Hơi lạnh không quen nổi gai da thịt, đóng đinh rách đoạn những lóng xương. Cảm giác nhức nhối rành rành loang vòng mặt nước thần kinh hệ, cùng lúc là nỗi dật lạc của kẻ leo núi, vừa trèo tới đỉnh, lả người phóng mắt bao quát vùng bao la trước mặt. Khoảng khoát vô biên. Thấy ra tính hiện hữu của cá nhân ông có thật. Không còn là nhúm thịt xương vô dụng, trong một xã hội vô dụng, của ngày của tháng của năm vô ý nghĩa. Ông tưởng mình có thể sờ nắm, sở hữu điều trừu tượng lẽo đẽo ám nặng tâm trí ông bấy lâu nay.

Ông uống thuốc, nằm đắp chăn lắng nghe tiếng đêm tan vào giấc ngủ chập chờn.

*

Mảnh vườn phía sau ngôi nhà trệt thoai thoải dẫn xuống lối đi hẹp, cạnh con suối lớp ngớp đá tảng. Bậc thềm lót thân cây cưa khúc. Hàng rào nguyệt quế lá lục bóng. Cây tỉa ngọn, tàn xoè cành đang độ đơm lá non. Vườn cỏ rực vàng thổ tiên. Tượng Phật đúc xi-măng thiền toạ bên bụi mẫu đơn trổ nụ mũm mĩm. Ao nước con chỗ mặt cỏ phẳng, róc rách dòng nước len lỏi hòn non bộ đắp sỏi vụn. Chiều tây phương sẩm bóng lướt thướt trong vườn nhà đông phương góa bụa. Giáo sư Lâm Định được Moretti đưa tới đây theo lời mời của mẹ anh.

Lúc Moretti giới thiệu bà với ông Lâm trong lúc nghỉ giải lao sáng này, ông không khỏi sửng mặt ngạc nhiên. Không phải một người đàn bà Tây Phương như ông tưởng mà là một phụ nữ Á Đông mảnh khảnh nói tiếng Việt. Bà chắp tay lễ độ:

- Hân hạnh được biết giáo sư.

Ông Lâm lúng búng:

- Chào bà... bà... Moretti.

Người đàn bà chúm chím:

- Tôi không biết Andy đã kể những gì với ông, chắc không nhiều?

Moretti bật tiếng cười to:

- Khá nhiều, thưa mẹ. Chỉ có điều, mẹ là người Việt Nam, con không tiết lộ.

Ông Lâm vỗ nhẹ vai Moretti:

- Tôi có lời khen lần nữa cách sử dụng Việt ngữ của anh, tài hoa lịch thiệp, không giống ở trong nước.

Moretti thoáng đỏ mặt, ngượng ngập choàng tay qua vai mẹ:

- Giáo sư phải khen mẹ tôi mới đúng.

Người đàn bà tha hương luống tuổi ấy, bây giờ, đang ngồi cách giáo sư Lâm Định một mặt bàn gỗ thông dưới mái hiên trông ra cảnh vườn sau đẫm bóng tối sáng. Tách trà bốc khói thơm thanh thoát. Dĩa bánh hạnh nhân xếp cánh sao. Lọ hoa thổ tiên vàng mởn, sắc vàng hiếm thấy ở xứ nhiệt đới. Chiều tà khoả hơi mát lạnh. Bà Moretti khoác áo len mỏng màu lam nhạt, gương mặt không trang điểm trắng xanh, màu mắt nâu rợn tia sáng lạ thường, tuôn ra luồng giao cảm tin cậy, thân cận.

Bà nâng tách trà, thủng thẳng hớp ngụm,. Ông Lâm khơi chuyện:

- Khung cảnh nơi đây thanh tịnh, đậm đà thiền vị, cho thấy chủ nhân phải là người có nội tại vô phân biệt với ngoại giới.

Người đàn bà mỉm cười:

- Nhà tôi rất thích ăn thứ bánh này, nướng bằng hạnh nhân Thổ-nhĩ-kỳ xay nhuyễn, gia vị thêm chút bột quế. Mời giáo sư dùng thử, xem có cạnh tranh nổi với bánh hạnh nhân thuần tuý ở quê nhà không?

Miếng bánh vỡ giòn khứu trong miệng người đàn ông, rồi tan theo hớp trà thơm vừa vặn. Ông gật đầu khen ngợi, chữ tỏa khói qua rãnh môi. Ông văn hoa so sánh, người tây phương có thói quen uống cà-phê còn dân Á Châu uống

trà khi ăn bánh, cả hai thức uống đều là sản phẩm thiên nhiên, cà-phê hiếm khi được uống thô, còn trà pha sao uống vậy. Chủ quan mà nói, lẽ đó mà trà gần với thiên nhiên hơn, lại là một nơi khí tiết tươi mát, cỏ hoa thi vị thế này.

Thần sắc bà Moretti trở nên lãng đãng:

- Ngôi nhà và cảnh vườn này cho tôi nhiều kỷ niệm khó quên.

Tuy bà không nói ra, nhưng ông Lâm nghĩ rằng, ý bà muốn nhắc tới thời quá khứ hạnh phúc với người bạn đời đã ra đi. Tự dưng ông rùng mình tưởng ra, tách trà này, chỗ ngồi này, vùng khí quyển này trước đó thuộc về một người đàn ông khác. Giờ, chỉ còn lại những mảnh quế vong lạnh lẽo đây đó.

Giáo sư Lâm Định muốn biết, thế còn đất nước Việt Nam thì sao? Bà Moretti ngập ngừng:

- Nhẩm lại, khoảng thời gian tôi tha hương đã hơn hai mươi mốt năm tôi sống ở quê nhà. Từ đó tới nay có nhiều thay đổi như bàn tay úp ngửa, nhân tính cũng như ngoại cảnh. Tôi không... không... dám chắc mình còn có thể thích nghi với môi trường mới.

Ông Lâm lý luận:

- Dù úp ngửa cách nào cũng là bàn tay mình, thưa bà.

Mà Moretti cười lửng lơ:

- Chính điều đó làm tôi đau lòng. Một khi chữ Hạnh không đủ sức cản trở thì bàn tay hóa thành một thứ khí giới nguy hiểm. Sáng này giáo sư đã không thuyết trình như thế hay sao?

Ông Lâm tủm tỉm:

- Tôi cứ tưởng không ai chú tâm tới bài nói thiếu thực tế của một ông già đang dò dẫm bàn chân vào cỗ áo quan. Chỉ thấy hiện diện vài khuôn mặt trẻ. Tôi ngại rằng họ không hiểu ý tôi nói gì.

- Không đến nỗi như vậy. Chứng cớ là Andreas, con trai tôi, thưa giáo sư.

Ông Lâm tở mở:

- A, người bạn vong niên nói tiếng Việt lưu loát dấu giọng, hiếm thấy ai được như vậy.

Giọng người đàn bà rộn ràng hãnh diện:

- Nó chính là biểu tượng của một quê hương Việt Nam còn nặng lòng với thói ăn nết nói của tôi nơi đất trích.

- Lẽ đó mà bà vẫn giữ được những tâm tình rặt ròi Việt tính. Trong nước, hiện nay, đâu còn mấy ai.

Vừa khi ấy, vẳng lại trầm trầm hồi chuông giáo đường gióng lễ chiều. Ánh ngày nấn nán vài đốm nhợt nhạt mặt đất. Vành chân trời phương xa thấp thỏm bức xạ đỏ lườm tia sáng. Bấy giờ ông Lâm mới nhận thức âm suối bền bỉ len lách. Tàn cây đổ bóng loằng ngoằng lên vườn cỏ nghiêng vai cạnh lối đi tráng nhựa uốn lượn thân rắn. Bà Moretti đứng lên cất tiếng xin lỗi. Lát sau, từ nhà trong hắt ra ánh đèn vàng ấm. Hương nhang nhè nhẹ lan qua khung cửa mở, như mời mọc bóng quế người khuất mặt trở về. Sống lưng ông Lâm rạch đường lạnh âm dương cách trở, khiến ông nhớ ra nỗi đau toa rập hành xác mỗi chiều. Cơn đau chiều nay rất khác mọi ngày. Lạnh mà không nhức buốt. Không bén ngót bổ lưỡi dao bổ cau cứa sâu mà như thể có đầu móng tay ai ấn xuống cột tủy ông, xao động những vòng cảm giác nhớn nhác của viên sỏi vừa ném xuống mặt nước không rõ độ sâu. Loe rộng rồi mất biến trong từng lỗ chân lông. Ông Lâm run tay nâng tách trà đóng váng lợn cợn. Tia sáng ngọn đèn hiên nhà rơi rớt, tình cờ loè nhoè một gương mặt. Không phải của ông. Diện mạo sóng sánh đáy trà lạnh hơi người, lạ lùng nhưng không xa cách. Trái lại, dường như ông đã thoáng thấy nét mặt ấy đâu đấy một lần rồi. Chợt, một tiếng mõ se se trong vắt loang vào không gian huyễn hoặc. Thanh âm như mũi nhọn chích vào mặt người trong tách nước, nứt mảnh tan vào lớp men mỏng mảnh, không bền của kiếp người.

Giọng đàn bà mềm mại cất lên:

- Xin lỗi đã để giáo sư ngồi một mình ngoài hiên lạnh. Chiều nào tôi cũng thắp nhang, gióng mõ bàn thờ cho nhà tôi. Hôm nào quên, ông ấy nhắc.

Một đường rợn buốt sống lưng người đàn ông.

- Sương đã xuống lạnh, mời giáo sư vào nhà trong, tôi sửa soạn bữa cơm tối.

Rồi giọng bà Moretti rực màu:

- Adreas có nói sẽ tới muộn. Chương trình buổi chiều theo dự định, tám giờ mới xong. Nó dặn tôi đừng chờ.

Ông Lâm đứng lên, ra bậc thềm, soi mắt nhìn cảnh hoàng hôn bàng bạc sương mỏng. Nắng tắt theo độ sâu của bóng tối. Con suối vẫn đều đều giai điệu thủy chung. Ông lẩm bẩm như nói với riêng mình:

- Vậy mà tưởng nhà có thêm khách.

*

Khoảng thời gian sau đó, về lại quê hương, có khuya giáo sư Lâm Định lại rúng người tỉnh ngủ. Độ ẩm và sức nóng của ngày sót đọng mái tôn, tươm mồ hôi chăn chiếu. Hơi gió yếu

ớt đưa lại mùi rác rưởi hôi hám. Mùa nắng năm nay oi bức khác thường. Bụi không rõ từ đâu thốc tháo ngập không gian. Có người cho đó là hậu quả của ngọn núi phún lửa bên đảo Java. Sài Gòn, một tổ tò vò vĩ đại, nhớp nháp đầy mật bụi.

Đèn ngoài hẻm hắt lặt lìa bên khung cửa mở bung. Tiếng ngáy của vài đứa cháu ngủ chung giường khò khè chen nhau. Ông Lâm vạch mùng, tới bàn viết vặn đèn, xoè diêm châm vòng nhang xua muỗi đặt dưới chân. Ông đeo kính, giở quyển tập ký chép, nâng bút ghi tiếp đoạn hồi ức dở dang, dập xoá rối rắm.

"...Bộ chén đũa và khăn ăn dành cho người khách thứ tư trong bàn cơm tối nhà bà Moretti hôm đó không người đụng tay. Ghế bỏ trống. Andreas tới lúc chúng tôi bắt đầu món tráng miệng. Nét mặt anh sẩm mệt nhưng tia mắt tươi sáng ánh nến ba ngọn. Bà Moretti vào bếp hâm lại thức ăn. Có xúp cà chua đậu hũ thơm lừng ngò ta, cơm với nấm rơm xào măng sốt Tứ xuyên, tráng miệng bằng chè bánh trôi chay nước đường thẻ. Toàn những món thanh vị. Bà chủ nhà cho biết, từ lâu rồi bà không đụng đũa tới thịt cá. Không hẳn chỉ vì lý do tín ngưỡng mà vì bà đã ý thức rõ ràng lợi hại của thực phẩm. Andreas vừa ăn vừa nhũn nhặn bàn chuyện. Những đề tài của buổi thuyết trình sáng nay rất độc đáo, thú vị. Ba chuyên gia từ Đông Nam á với ba chủ đề tưởng lỗi thời nhưng vẫn còn thích ứng tuyệt đối với thời đại vi tính hiện nay. Anh làm tôi nghĩ tới vị học giả đến từ Vạn Tượng đã luận bàn vừa vặn mười lăm phút về không tính trong Phật học. Người dịch thuật không trách khỏi lúng túng nhiều đoạn trong máy nghe. Thoạt đầu Andreas lo ngại, nội dung đề tài quá phức tạp, ít ra đối với những bạn trẻ thuộc thế hệ lưu vong thứ hai. Nhưng vị giáo sư Lào, vóc người nhỏ thó, nước da nâu sạm, đã linh hoạt dụng ngữ bình dân, gần như khinh suất. Ông so sánh tính đối đãi của Phật triết với mô thức có không căn bản của tin học hiện đại. Con người cần có sức công phá siêu việt của một loài vi khuẩn điện tử cực kỳ thông minh để hủy diệt toàn bộ hệ thống, xoá sạch, tìm cách đạt tới chân lý tuyệt đối. Rồi ông xuống giọng, ít ra trong khoảng thời gian lắp ráp lại tầng cấu trúc có không của mạng lưới điện tính. Vài tiếng cười vang lên rắc rải, chứng tỏ có người hiểu ý. Điều này khiến Andreas vô cùng phấn khởi, đã không phí sức chuẩn bị đằng đẵng hơn nửa năm trời chỉ cho hai ngày cuối tuần. Bà Moretti ngồi lắng tai chăm chú. Tôi để ý thấy bà đôi lúc choàng tay đặt lên lưng ghế trống bên cạnh. Cung cách bà âu yếm kỳ lạ, như thể thạnh gỗ vô tri là bờ vai gần gũi, thân quen. Chén cơm xới lưng lạnh lẽo hương lửa. Vai ghế ám đọng hơi ấm tay người. Sóng mắt người đàn bà lặng lờ mặt nước mùa lặng gió. Andreas thỉnh thoảnh lại xoay người, nắm tay mẹ lắc nhẹ như muốn lay thức bà ra khỏi cơn mê bất chợt. Bà Moretti góp ý, giọng thản nhiên không ngờ: Nghe các ông chuyện vãn tưởng như mấy mươi năm chiến tranh kinh hoàng hoàn toàn không có. Vậy mới biết, con người là một sinh vật có khả năng sinh tồn dai dẳng, dám chừng hơn cả loài gián. Andreas gọi khẽ, mẹ ơi... Giọng anh lệch đi, nghe như "mè ơi," buộc tôi phải nghĩ tới những hạt mè rang bùi bẩm trong chén chè men trắng. Những viên bánh bột nếp vo tròn, cỡ đầu ngón tay cái, lấp lửng trắng đục trong ngấn nước đường nâu sánh, thơm ngát hương gừng non, xoáy vòng nước cốt dừa trên mặt. Và lốm đốm hạt mè rang ray rứt mảnh vụn cổ tích quê hương, mộc mạc đằm đằm giấc ngủ ấu thơ qua giọng kể của bà.

Tất cả những hương vị thuần gạo nếp quê nhà ấy, cớ sao tồn tại ở một nơi quạnh quẽ đất Âu châu ấy? Trong khi ngay trên đất quê hương, khó tìm lại. Có phải đó là ý nghĩa thầm kín của chữ Hạnh với đất, với những nặng nợ cưu mang, với cả hồn ma người phối ngẫu không cùng màu da, ngôn ngữ? Tôi nghĩ mình đã thoáng gặp bóng quế ông Moretti hiện về trong chén trà chiều hiên nhà.

Trên đường về lại chỗ trọ, Andreas tỏ ý lo ngại cho sức khoẻ của mẹ anh. Những lúc gần đây, anh cho biết, anh nhận thấy hành động và cách nói của bà lộ vài dấu hiệu khác lạ. Bà ngủ ít, dễ giấc thường xuyên bằng tiểu thuyết, thỉnh thoảng còn uống thêm thuốc an thần. Những liên hệ bè bạn thưa dần. Bà chỉ rời nhà để lo liệu những chuyện cần thiết. Điều làm anh bận tâm nhất, bà thường kể chuyện gặp lại cha anh. Andreas ngỏ lời, sẽ sắp xếp để về sống chung với mẹ. Tôi tán đồng ý kiến này. Tôi thấu hiểu tâm trạng cô đơn của bà Moretti hơn ai hết. Một mình trong ngôi nhà ngập ngụa vết tích của một thuở như đũa có đôi. Tôi, một kẻ còn nguyên vẹn người thân, quê hương, ngôn ngữ vây quanh. Ngặt nỗi, chúng đã trở nên què quặt, chỉ vì thiếu sót mỗi một chữ Hạnh."

(tháng 8.2006)

HIỆN TƯỢNG CHỐNG MỸ

TRẦN HỮU THỤC

(Tiếp theo và hết)

V. Hiện Tượng Chống Mỹ trong nước Mỹ: Noam Chomsky

Con số những nhà trí thức Mỹ chống lại một (hay nhiều) chính sách nào đó của một (hay nhiều) chính phủ Mỹ, lúc này hay lúc khác, không phải là ít. Trở lại thời kỳ chiến tranh VN chẳng hạn, số trí thức nổi tiếng chống chiến tranh VN lên đến hàng trăm, có khi hàng ngàn. Hoặc mới đây, trước và sau cuộc xâm lăng Iraq, cũng có rất nhiều trí thức lên tiếng chống chiến tranh. Nhưng khuôn mặt điển hình nhất cho HTCM ở ngay tại nước Mỹ trong vòng mấy thập niên trở lại đây không ai khác hơn là Chomsky.

Avram Noam Chomsky, giáo sư đại học MIT (Massachusetts Institute of Technology), sinh năm 1928, gốc Do Thái, tốt nghiệp tiến sĩ ngữ học năm 1955. Sau khi tốt nghiệp, ông viết *Syntactic Structures* là tác phẩm nổi tiếng nhất trong lãnh vực ngữ học thế kỷ 20, tạo ra hẳn một trường phái ngữ học riêng biệt mang tên ông, cách mạng hóa việc nghiên cứu ngữ học. Chomsky đã sử dụng vai vế, tiếng tăm và tầm vóc trong lãnh vực ngữ học để trở thành tiếng nói hàng đầu của Tả Phái Hoa Kỳ vào thập niên 1960.

Tờ báo Anh The Guardian cho biết "Chomsky được xếp ngang hàng với Marx, Shakespeare và Thánh Kinh như là một trong 10 nguồn tra cứu được trích dẫn nhiều nhất trong các môn khoa học nhân văn và là nhà văn duy nhất trong số đó còn sống." Tạp chí "Foreign Affairs" (Hoa Kỳ) thừa nhận Chomsky rất có uy tín ở châu Âu và nhiều nơi trên thế giới. Tờ New York Times cho biết ông là tiếng nói từ Mỹ được đọc nhiều nhất về chính sách ngoại giao trên hành tinh này. Ông là diễn giả được mời nhiều nhất: Lịch thuyết trình luôn luôn đặc kín, ai muốn mời phải đặt cọc trước hàng cả hai năm trước. Mỗi lần nói chuyện của ông lôi kéo hàng ngàn người. Tính quần chúng của Chomsky trở thành một hiện tượng văn hóa. Giới ca nhạc (như nhóm *Bone of U2*) gọi ông là "một kẻ nổi loạn không ngừng nghỉ, một Elvis (Presley) của giới hàn lâm." Nhiều nhóm hoạt động chống chiến tranh và chống toàn cầu hóa xem ông là nguồn cảm hứng. Ngày nay, các nghệ sĩ, ca sĩ, nhà văn và sinh viên vẫn dựa trên các tư tưởng và công trình của Chomsky để chống các chính sách của chính quyền Mỹ.

Từ bục giảng của một trong những trường đại học lớn nhất Hoa Kỳ (và lớn nhất thế giới), được sự bảo đảm của quy chế tự trị đại học và của quyền tự do phát biểu quy định trong Hiến Pháp, ông dùng ngòi bút của mình để tấn công, không những một cá nhân, một chính quyền hay một đường lối nào đó, mà hầu như toàn diện vào nhà nước Hoa Kỳ với một sự bền bỉ, mãnh liệt, và cực đoan nhất. Sự nghiệp của ông bắt đầu bằng thái độ lên án chiến tranh Việt Nam. Bài viết đầu tiên của ông là *The Responsibility of Intellectuals* xuất hiện trên tờ "The New York Review of Books" vào năm 1967, được xem như là bản tuyên ngôn của trí thức cánh tả Hoa Kỳ chống lại cuộc chiến tranh này. Trong bài báo khá dài đó, ông lên án các nhà trí thức, thay vì hành xử như những nhà trí thức tự do thách đố với dư luận, trở thành những kẻ phản bội bằng cách tự khép mình làm tôi tớ cho nhà nước kỹ nghệ-quân sự. Họ trở thành một lớp quan lại mới, biến HK thành một sức mạnh đế quốc. Chiến tranh Việt Nam được thiết kế và hành xử bởi những quan lại mới đó (45).

Tiếp đó, ông viết liên tục và viết nhiều sách và bài báo về VN: *American Power and the New Mandarins*, *At War with Asia*, *For Reason of State*... Ông đi diễn thuyết khắp các trường đại học, kêu gọi sinh viên đứng lên chống lại cuộc chiến, đồng thời cùng với sinh viên xuống đường. Theo ông, Mỹ can thiệp quân sự ở VN mà không hề có sự đồng ý của nhân dân Nam VN. "Sự kiện giản dị nhất là không có bất kỳ một quyền lợi hay nguyên tắc hợp pháp nào xác định cho sự xử dụng lực lượng quân sự ở VN," Chomsky khẳng định.

Nhìn qua các hoạt động cũng như quan điểm của Chomsky trong một thời gian dài, có thể

nói ông ta đã đóng một vai trò tích cực trong việc làm thất bại các nỗ lực của Mỹ và của VNCH trong cuộc chiến tranh chống CS Việt Nam. Từ lâu, người quốc gia VN vẫn thường đổ lỗi về sự thua trận của VNCH cho những nhân vật như Kissinger, Nixon, Ford... hay nói chung, cho sự thất hứa của chính quyền Mỹ đối với các cam kết bảo vệ miền Nam. Trong cuốn "Khi Đồng Minh tháo chạy," tác giả Nguyễn Tiến Hưng không ngần ngại quy trách tất cả cho các khuôn mặt có thẩm quyền trong chính giới Mỹ, nhất là cho Kissinger mà quên rằng đàng sau sự thất hứa đó là tác động tích cực của giới trí thức chống chiến tranh Mỹ mà Chomsky đóng vai trò hàng đầu. Một bài báo, một bài diễn thuyết hay một lời hô hào của Chomsky đều là cú đấm ngàn cân vào các nỗ lực của Mỹ trong cuộc chiến.

Sau biến cố 11/9, trong lúc cả nước Mỹ và toàn thế giới bàng hoàng vì hàng ngàn người chết do cuộc tấn công khủng bố tại New York thì ngay ngày hôm sau, 12/9/2001, trong một bài báo ngắn có tựa đề A Quick Reaction in trên tạp chí "Counter Punch" (46), ông quả quyết tổng số người chết là "nhỏ nếu so với những nạn nhân thuộc thế giới thứ ba bị chết vì chính sách khủng bố của Hoa Kỳ." Sau đó là hai tác phẩm ghi lại những lần phỏng vấn kể từ sau ngày 11/9 trở thành những tác phẩm bestseller. Một trong hai được quay thành phim. Với các tác phẩm đó, có lẽ Chomsky là nhà trí thức nổi bật nhất trong nước Mỹ đã hợp lý hóa cuộc tấn công khủng bố của Al Qaeda ngày 11/9. Lại một lần nữa, Chomsky trở thành khuôn mặt trí thức hàng đầu chống lại chính sách chống khủng bố của tổng thống Bush. Ông lên án cuộc tấn công lật đổ chế độ độc tài Taliban ở Afghanistan và Saddam Hussein ở Iraq. Ông cho rằng những cuộc tấn công đó chính là hành vi khủng bố chứ không phải là chống khủng bố. Trái với quan niệm thông thường, ông cho rằng khủng bố chính là vũ khí của kẻ mạnh (47). Ông gọi chính quyền Hoa Kỳ là "nhà nước khủng bố hàng đầu" (a leading terrorist state).

Cách đánh giá các biến cố của Chomsky nằm trong một quan điểm nhất quán về bản chất của hệ thống chính quyền Mỹ và các chính sách của nó. Trong suốt 40 năm, ông liên tục diễn thuyết, viết và xuất bản sách, có khi hai hay ba cuốn /năm. Thông điệp của ông, qua thời gian, hầu như không thay đổi: Hoa Kỳ là sức mạnh của kẻ ác trong thế giới. Có thể tóm tắt một số luận điểm của Chomsky như sau:

- Hệ thống chính quyền Mỹ tự bản thân là một cái gì hư hỏng. Qua những chính sách được thực hiện ở khắp mọi nơi, nó đang dần dần trở thành phát xít. Tổ hợp kỹ nghệ-quân sự , chỗ dựa vững chắc của chính quyền Mỹ, là một công cụ nằm trong tay những thành phần lãnh đạo doanh nghiệp và chính trị. Để bảo đảm, nhóm này phải bành trướng quyền lực ra nước ngoài trong những đường lối chống lại giai cấp thợ thuyền và nông dân trong các xứ sở tại. Những lời tuyên tuyền về tự do, dân chủ của Mỹ chỉ để che giấu toàn những ý đồ không lành mạnh. Nền dân chủ Mỹ, thực ra, chỉ là một loại độc tài, "độc tài bốn năm" (four-year dictatorship) và các cam kết kinh tế thị trường tự do chỉ là ngụy trang cho các quyền lực của các đại công ty Mỹ. "Căn cứ vào bất cứ tiêu chuẩn khách quan nào, Hoa Kỳ đều trở nên thứ quyền lực xâm lăng nhất, là đe dọa lớn nhất đối với hòa bình, quyền tự quyết quốc gia và sự hợp tác quốc tế," ông phát biểu.

- Các tổ hợp kỹ nghệ-quân sự tìm cách đè bẹp các sự chống đối bằng cách kiểm soát các phương tiện truyền thông. Trong tác phẩm *Manufacturing consent: The political Economy of the Mass Media* (viết chung với Edward S. Herman), ông cho rằng tự do báo chí trong xã hội Mỹ chỉ là màn khói mù che giấu những tham vọng của các nhóm đặc quyền chinh phục xã hội. Truyền thông, trước khi đến với độc giả bình thường, phải đi qua năm bộ lọc: 1. Chủ nhân của truyền thông là những đại công ty; 2. Đa phần lợi nhuận của nó là nhờ các quảng cáo chứ không dựa trên độc giả, vì thế tin tức và bình luận phải phản ảnh ước muốn và giá trị của các doanh nghiệp đăng quảng cáo; 3. Lệ thuộc vào các định chế nhà nước; 4. Các luật lệ không cho các nhà báo dễ dàng vượt rào gọi là *flak*; 5. Các tiêu phạm làm báo, được chia xẻ bởi nghề làm báo. Cho nên bất cứ đơn vị truyền thông nào bước ra ngoài hàng là sẽ bị chơi sát ván bằng những màn kiện tụng, tố cáo... Tóm lại truyền thông không vô tư mà là đầy thiên vị (48).

- Kẻ thù mà họ nêu lên làm mục tiêu để dọa dẫm quần chúng đều không có thực: Cộng Sản không hề đe dọa đến quyền con người và tự do.

- Mỹ là kẻ bảo trợ các nhà nước độc tài và áp bức trên thế giới qua hình thức viện trợ và bán vũ khí cho họ.

- Ngay khi Mỹ đúng Mỹ cũng sai: khi tham gia vào hai trận thế chiến, thực ra Mỹ chỉ nhằm mục đích cột chặt các đồng minh của họ vào sự lệ thuộc.

- Chính sách đối ngoại của Mỹ căn cứ trên "đe dọa của tấm gương tốt" (threat of good example) (49), một loại lý thuyết domino. HK dùng sức mạnh để giữ những quốc gia chư hầu lệ thuộc vào mình, sợ rằng nếu quốc gia thoát khỏi ảnh hưởng của mình, sẽ kéo theo những quốc gia khác bắt chước làm theo.

Các quan điểm trên không có gì mới mẻ, chỉ là sự lặp lại những luận điểm quen thuộc của Cộng Sản về chế độ tư bản hàng chục năm nay. Cái đáng nói ở đây là tính cách cực đoan của Chomsky. Ông bài bác Mỹ từ trong ra ngoài, từ đầu đến chân, tóm lại, "Đối với Chomsky, thế giới chia làm kẻ áp bức và người bị áp bức. Hoa Kỳ là nước áp bức chính, là nhà nước khủng bố hàng đầu. Là giáo sư tại MIT, ông hưởng một vị trí đặc quyền, từ đó, phát ra những cuộc luận chiến chống Mỹ. Không còn cơ hội lao ra đường phố như hồi thập niên 1960, họ tiếp tục chống Mỹ trong lớp học" (50). Ông chống Mỹ từ ngay nơi mà chính những nguyên tắc thành lập nước Mỹ đã tạo nên cơ hội để xây nên tên tuổi Chomsky: quyền tự do phát biểu. Tưởng tượng nếu Chomsky được đưa sang Liên Sô hay Trung Quốc hay Việt Nam – những nơi mà ông hết lòng ca ngợi – thì ông sẽ trở thành cái gì?

Có lẽ không có nơi nào trên thế giới mà sự tự do phát biểu đạt đến mức độc đáo gần như lạ lùng như ở Mỹ, chẳng hạn như người công dân có quyền đốt quốc kỳ Mỹ mà không phạm bất cứ một tội lỗi nào. Với chính sách tự trị đại học, các học giả, các giáo sư và các nhà trí thức vùng vẫy trong một môi trường hầu như miễn nhiễm. Hiến Pháp Mỹ bảo vệ tối đa sự miễn nhiễm đó cho Chomsky, cho dù quan điểm và các hoạt động liên tục của ông gây ra vô vàn tai hại cho chính quyền Mỹ. Sự kiện đó được diễn tả qua một nhận định quen thuộc của Voltaire: tôi chống quan điểm của anh nhưng tôi bảo vệ đến tối đa quyền tự do phát biểu của anh. Đó là nguyên tắc căn bản hình thành nước Mỹ.

Qua hình ảnh của Chomsky, có thể nói HTCM ngay tại nước Mỹ còn có tính cách cực đoan hơn HTCM tại nhiều nơi trên thế giới. Những cuộc biểu tình chống chiến tranh Việt Nam diễn ra tại nước Mỹ là liên tục nhất, ảnh hưởng nhất và với một tầm mức rộng lớn hơn nhiều so với các nơi khác trên thế giới. Phê phán các chính sách của nhà cầm quyền Mỹ cũng xuất phát từ Mỹ. Những sai lầm của nó từ vụ thảm sát Mỹ Lai ở Việt Nam cho đến vụ tra tấn tù nhân Iraq tại nhà tù Abu Ghraib hay tại Guantanamo... và bao nhiêu scandal khác hầu hết đều do báo chí Mỹ và những nhà trí thức Mỹ chủ động tìm tòi, khám phá và đưa ra ánh sáng. Nước Mỹ sẵn sàng phơi bày chính nó, đôi khi sự phơi bày lộ liễu đến mức kỳ quặc như vụ *scandal* Clinton-Lewinski, trong đó, toàn bộ hồ sơ tòa án với những sự việc tục tĩu được đưa lên mạng cho toàn thế giới đọc. Tóm lại, có thể nói HTCM nằm ngay chính trong Americanism. Nói không quá, ở một chừng mức nào đó, HTCM là một trong những đặc điểm của cơ chế Mỹ. Nếu nó gây ra nhiều tai hại cho nước Mỹ thì ở một điểm khác, nó lại giúp điều hòa sinh hoạt chính trị và xã hội Mỹ. Nó giúp "năng động hóa" cơ chế Mỹ. Những chế độ toàn trị, luôn luôn nơm nớp sợ hãi trí thức và tự do báo chí nên suy gẫm về điều này.

Bởi vậy, thay vì làm khó dễ Chomsky như thời còn mồ ma của McCarthyism (chủ nghĩa chống Cộng cực đoan), cách đối phó duy nhất với Chomsky là tranh luận. Nhiều trận đụng độ nảy lửa diễn ra dài dài giữa Chomsky cùng những người ủng hộ ông và những trí thức chống đối ông, nổi bật là các tác giả như William F. Buckley, Jr., Lionel Abel, Stephen Morris, Arthur Schlesinger Jr., David Horowitz, vân vân. Họ cố tìm cách bẻ gãy lý luận của Chomsky - và qua đó, bài bác HTCM nội địa. Theo nhiều tác giả, tranh luận với Chomsky không dễ dàng gì vì ngòi bút của Chomsky rất sắc bén. Văn của ông là một loại văn đặc biệt, pha trộn giữa sự kiện, hư cấu khiến người tranh luận rất dễ lầm lẫn và lạc lối.

Nhưng chính cái mạnh của Chomsky lại chứa đựng một điểm yếu rất căn bản: thái độ hoàn toàn đứng về một phía, giữ duy nhất một lập trường, thiếu cái nhìn biện chứng. Một thái độ như thế thường đưa đến một nghịch lý buồn cười: lập trường tiến bộ nhất, theo thời gian, lại trở thành bảo thủ nhất. Điều đó một mặt, có tính cách phản trí thức và mặt khác, đưa đến thái độ bướng bỉnh, không chịu chấp nhận thực tế. Ông ca ngợi đến cùng các chính sách tập thể hóa nông nghiệp ở Liên Sô, ca ngợi chính sách cải cách ruộng đất và cuộc cách mạng văn hóa ở Trung Quốc, bênh vực nhà nước Cộng

Sản Bắc Việt trong cuộc chiến tranh Việt Nam. Đến khi Liên Sô, Trung Quốc cũng như CSVN thất bại trong các chính sách của họ, Chomsky vẫn không hề thay đổi các luận điểm quen thuộc. Một trong những cái "hố" lớn nhất của Chomsky là ông bảo vệ nhà cầm quyền diệt chủng Pol Pot. Khi các bằng chứng đưa ra cho thấy Pol Pot đã tàn sát hàng triệu người dân Campuchia, Chomsky vẫn khăng khăng không chịu thừa nhận sai lầm của mình. Và rồi mới đây, Chomsky lại lên tiếng bảo vệ cuộc tấn công vào tòa tháp đôi New York của nhóm khủng bố Hồi Giáo. Tiếng nói của lương tâm hay là một hành vi lập dị?!

Nếu sự phê phán của ông đối với các chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ vẫn còn có giá trị đáng kể ở một mức độ nào đó, thì sự tan rã của đế quốc Sô Viết, sự kết thân của Trung Quốc và Việt Nam với Mỹ, chuyển đổi chính sách từ kính tế xã hội chủ nghĩa đến thị trường tự do, sự sụp đổ của chế độ Pol Pot, vân vân là những chứng minh hùng hồn rằng cái nhìn của Chomsky hoàn toàn đi ngược lại thực tiễn. Trong một thời đại mà mọi sự thay đổi nhanh đến chóng mặt, bất cứ một quan điểm nhất quán nào cũng đều bị thực tế vùi dập không thương tiếc. Đó là kinh nghiệm cay đắng của con chim đầu đàn của hiện tượng chống Mỹ nội địa, Chomsky.

VI. Nước Mỹ qua lăng kính của Hiện Tượng Chống Mỹ

Như đã đề cập ngay từ đầu bài, HTCM xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, tùy từng quốc gia, từng giai đoạn và từng chính sách, đi từ sự chống đối lại một hay nhiều chính sách nào đó của Mỹ cho đến sự bài Mỹ một cách dai dẳng và có hệ thống. Tất cả tùy thuộc vào cách nhìn nhận nước Mỹ, cung cách hành xử cũng như các chính sách của nó từ vị trí của mỗi một quốc gia trên thế giới. Hình ảnh nước Mỹ xuất hiện qua lăng kính của HTCM đại khái bao gồm các điểm sau:

- Triết lý kinh tế: Chủ trương kinh thế thị trường tự do nhắm vào cạnh tranh, tư hữu hóa và tự cung tự cấp dựa trên cá nhân chủ nghĩa của Mỹ là một hệ thống tạo ra những bất bình đẳng to lớn. Thế nhưng Mỹ tìm cách duy trì vĩnh viễn và tăng tiến hệ thống kinh tế kiểu này trên toàn thế giới. Các ông chủ xí nghiệp Mỹ ép buộc một lối sống đồng dạng (uniform way of life) trên toàn thế giới. Hạn từ cocacolanization dùng để diễn tả tính chất đó. Các chi nhánh fast food của McDonald, Burgerking, siêu thị và mall... là biểu tượng của lối sống Mỹ, giết chết cách làm ăn buôn bán địa phương cổ truyền ở các nước khác.

- Chính sách ngoại giao của Mỹ đơn phương được kèm theo những ngôn từ đẹp đẽ như tự do, nhân quyền, dân chủ, nhưng thực tế cho thấy Mỹ chỉ áp dụng khi nào chúng phù hợp với quyền lợi thiết thân của Mỹ. Khi cần, Mỹ có khuynh hướng dùng sức mạnh quân sự để bành trướng ảnh hưởng trên thế giới. Với chính sách đó, sự bất bình đẳng càng ngày càng tăng trên thế giới vì sự giàu có càng ngày càng tập trung ở Mỹ.

- Tự do phát biểu: Luật tự do phát biểu của Mỹ đụng chạm nhiều đến các nước khác, nhất là khi Internet xuất hiện. Thông tin xuất hiện trên Internet đủ dạng loại, dễ dàng tiếp cận, khiến chúng gây ra nhiều đụng chạm đến nền tảng văn hóa, phong tục riêng của mỗi xã hội.

- Tự do tôn giáo: Người Mỹ cho rằng họ có sứ mạng bảo vệ thế giới khỏi bọn "quỷ", hướng về Thượng Đế. Quốc Hội Hoa Kỳ thông qua một dự luật thừa nhận một ngày cầu nguyện để bảo vệ Mỹ và các chiến sĩ của họ chống khủng bố. Trong thời gian vừa qua, tổng thống Bush không ngần ngại tuyên bố rằng ông chủ trương đánh chiếm Iraq là theo ý Thượng Đế. Trong đồng bạc của Mỹ có ghi "In God we trust" hay vụ kiện bỏ "Under God trong Pledge of Allegiance." Những chính sách này đi ngược lại Hiến Pháp HK là tách rời tôn giáo ra khỏi chính quyền. Mặt khác, Mỹ luôn luôn đề cao chủ trương tự do tôn giáo. Chủ trương đó không có gì sai trên nguyên tắc. Nhưng đối với một số nước, nó tạo cơ hội cho những tôn giáo khác bành trướng, đưa đến sự xung đột với truyền thống văn hóa và tôn giáo lâu đời của họ. Thực ra, ngay ở Mỹ, chủ trương này cũng không được hoàn toàn ủng hộ, chẳng hạn người Công Giáo không mấy hài lòng với nhiều tôn giáo được sinh hoạt và phát triển tự do ở Mỹ mà bản chất của họ là chống-Công Giáo như giáo phái Mormon, Jehovah hay Tin Lành.

- Anh văn: Ưu thế của Anh văn trên thế giới được xem như là một hình thức thuộc địa hóa về mặt văn hóa của Mỹ, ngay cả đối với những nước mà Anh văn là ngôn ngữ chính. Anh văn bây giờ gần như là quốc tế ngữ. Người Mỹ không cần phải học thêm bất cứ ngoại ngữ nào khác, trong lúc các nước khác, dù không muốn,

cũng phải học tiếng Anh. Ở Cộng Đồng Âu Châu, người ta tranh cãi dằng dai về việc nên chọn Anh văn là ngôn ngữ chính thức hay không, đưa đến nhiều xung đột và giận dỗi, vì trong số đó, chỉ có 1/8 số nước là nói tiếng Anh. Nếu chọn Anh văn thì vô hình chung là thừa nhận ảnh hưởng của Mỹ trong lúc việc thành lập Cộng Đồng Kinh Tế Âu Châu là để chống lại ảnh hưởng của Mỹ.

- Văn hóa đại chúng Mỹ: Xuyên qua sách, báo, truyền hình và Internet với số lượng và thời lượng dồi dào, phong phú, hấp dẫn, văn hóa đại chúng Mỹ xâm nhập ồ ạt và sâu xa vào tất cả mọi xã hội bất kể các rào cản về phong tục, tập quán, truyền thống tôn giáo và các biện pháp công quyền (có lúc rất chặt chẽ và cương quyết). Người ta gọi là có một sự "thặng dư kinh doanh" (trade surplus) các chất liệu và văn hóa Mỹ tại hầu khắp trên thế giới. Trong nhiều xứ không có các luật lệ bảo vệ văn hóa mạnh, các sản phẩm Mỹ tự do xâm nhập, làm xáo trộn xã hội và đè bẹp các sản phẩm văn hóa địa phương.

Thị trường phim ảnh gần như Mỹ độc quyền. Mỹ xuất cảng nhiều mà không nhập cảng mấy. Sách, truyện cũng vậy. Sách Mỹ dịch ra tiếng ngoại quốc thì nhiều mà sách nước ngoài dịch ra Anh văn rất giới hạn (< 3% là sách dịch). Họ cũng chào đón các nền văn học nước ngoài, miễn là chúng xuất phát từ địa phương và mang bản sắc địa phương Mỹ, nghĩa là được viết bởi những nhà văn đã là công dân Mỹ, viết từ nhãn quan Mỹ. Nói chung Mỹ không mấy cần đến văn hóa nước ngoài. Văn hóa nước ngoài tự đi vào Mỹ qua di dân, tự thoát xác, hội nhập vào Mỹ (Mỹ hóa).

Riêng đối với các nước Hồi giáo, các sản phẩm văn hóa phương Tây nói chung và Mỹ nói riêng – với tính cách đề cao lối sống tự do, quan hệ tình dục bừa bãi và đầy tính chất thế tục - tự bản thân chúng là một công cụ tuyên truyền chống Hồi giáo rất mạnh mẽ và hữu hiệu.

- Thái độ cao ngạo: Người Mỹ thường tỏ ra hãnh diện một cách công khai về sự giàu có, về các thành tích thần kỳ trong lãnh vực khoa học và kinh doanh. Đặc biệt là xiển dương lòng ái quốc kiểu Mỹ (American patriotism), theo đó, Mỹ tự cho mình là "quốc gia vĩ đại nhất chưa bao giờ hiện hữu trên trái đất." Lòng ái quốc đó không những chỉ để bảo vệ nước Mỹ mà còn để bảo vệ cả thế giới, "cứu vớt cả thế giới." Thứ chủ nghĩa ái quốc, qua ưu thế của truyền thông, được truyền bá khắp thế giới. Theo Henry James, người Mỹ là người nghiện niềm tin cho rằng những quốc gia khác trên trái đất luôn luôn có âm mưu hạ giá trị của họ vì ganh tỵ.

Nước Mỹ, kể từ năm 1812, không hề chịu đựng một cuộc chiến tranh nào trên đất nước của họ với nước khác, do đó, quân lực Mỹ hùng mạnh và bằng quân lực, họ dùng để đe dọa và "blackmail" các nước khác, kể cả với đồng minh của mình. Ở Anh, người ta so sánh sự kiêu ngạo của Mỹ (qua vũ khí) bằng hình vẽ một chiếc B52 thả bom, mà giá trị của nó lớn hơn ngân sách làm việc một năm của Liên Hiệp Quốc.

- Nhiều người Mỹ thiếu kiến thức về thế giới: Người Canada và Âu châu đều cho rằng đại đa số dân Mỹ thiếu các kiến thức căn bản về các vấn đề quốc tế, về lịch sử, địa lý, văn hóa của các nước khác. Lý do là vì họ cảm thấy không cần phải biết. Sự thiếu kiến thức này được tăng cường thêm do ngành giáo dục và truyền thông Mỹ có tính cách Americentrist (chỉ biết có Mỹ). Họ cho rằng nước Mỹ, với đất đai mênh mông, có đủ danh lam thắng cảnh, khí hậu khác biệt, nhiều chủng tộc (Mỹ có đến 146 sắc dân đến từ 146 quốc gia khác nhau) , nhiều sắc thái văn hóa rồi, không cần phải đi tìm đâu xa.

- Môi sinh: Cách sống của Mỹ là phí phạm và vô trách nhiệm đối với môi trường. Mỹ là nước tiêu thụ năng lượng lớn nhất trên thế giới. Với dân số chỉ bằng 4% dân số thế giới, họ tạo ra đến 25% ô nhiễm môi trường toàn cầu.

- Xã hội có tính đa văn hóa của Mỹ với sự pha tạp nhiều chủng tộc khác nhau, có nhiều dấu hiệu suy đồi. Mỹ là cơn ác mộng của hôn nhân dị chủng (miscegenation)

- Xã hội Mỹ là một xã hội bạo động: Một số nước châu Âu còn chống Mỹ vì Mỹ vẫn còn duy trì án tử hình trong lúc tuyệt đại đa số các nước châu Âu đã bãi bỏ án tử hình. Người Âu châu cho đó là một biện pháp dã man, trái hẳn với lời hô hào nhân quyền của Mỹ. Mặt khác, họ chống đối chính sách cho sử dụng súng tự do ở Mỹ, đưa đến tỉ lệ giết người, bạo động và tội phạm gia tăng.

Tóm lại, với cái nhìn của một kẻ nhiễm nặng đầu óc bài Mỹ, thì quả là Mỹ không có được một điểm tốt nào. Khuyết điểm thì không tốt đã rồi, mà chính những ưu điểm của Mỹ (tự do, giàu mạnh, phát triển) cũng đều không tốt. Thực

ra, những quy trách ở trên, nếu xét kỹ, đa phần xuất phát từ sự khác biệt về quyền lợi giữa Mỹ và các quốc gia khác và xuất phát từ công cuộc hiện đại hóa. Xã hội Mỹ hiện đại hóa quá nhanh, quá táo bạo và quá hiệu quả khiến cho giữa Mỹ và phần còn lại của thế giới có một khoảng cách quá xa về giá trị cũng như về lối sống. Ngoài ra, nhiều quy trách xuất phát từ sự hiểu lầm hay từ cách đánh giá không đúng về lối vận hành hết sức đặc thù của xã hội Mỹ.

Điều quan trọng nhất cần ghi nhận, về bản chất, sự hình thành quốc gia Mỹ hoàn toàn khác hẳn với sự hình thành các quốc gia khác trong phần còn lại của thế giới. Sự hình thành chính sách của một quốc gia nào đó thường lệ thuộc nhiều điều kiện: truyền thống, lịch sử, dân cư, thói quen và cả thành kiến riêng. Nước Mỹ không bị ràng buộc nặng nề bởi quá khứ. Họ làm theo cách riêng của họ, American way. Nếu một chính sách nào đó phù hợp với một ai đó trong một thời điểm nào đó, thì OK, thân Mỹ. Ngược lại, chống Mỹ. Thay đổi từ thái độ chống Mỹ sang thân Mỹ hay ngược lại có lẽ không có gì khó khăn và đòi hỏi quá nhiều điều kiện. Vả lại, người ta rất có thể thân Mỹ (ở chuyện này) và chống Mỹ (ở chuyện khác) cùng một lúc mà không cảm thấy mâu thuẫn gì lắm.

VII. Chống Hiện Tượng Chống Mỹ (Anti-anti-Americanism)

Nhiều nhà bình luận cho rằng HTCM xuất phát từ một thái độ phổ biến: ganh tị với bất cứ quốc gia nào giàu mạnh nhất. Sử gia Pháp Fernand Braudel (1902-1985) nhận xét: "Ngay tại trung tâm của nền kinh tế thế giới, người ta luôn luôn tìm thấy một quốc gia ngoại hạng, hùng mạnh, xông xáo và đặc ân, năng động khiến vừa sợ vừa ngưỡng mộ. Vào thế kỷ 15, đó là Venice; thế kỷ 17 là Holland, thế kỷ 18 và 19 là Anh và ngày nay là Hoa Kỳ" (51).

Có Americanism thì có anti-Americanism. Có anti-Americanism thì lại có anti-anti-Americanism, chống-Hiện Tượng Chống Mỹ.

Đối với chính phủ Mỹ cũng như người dân Mỹ, HTCM không phải là điều gì mới mẻ. Trong quá trình vươn lên từ một quốc gia non trẻ có một lịch sử chưa đầy 250 năm kể từ ngày thành lập, đến chỗ trở thành cường quốc hùng mạnh nhất trên hành tinh, người Mỹ luôn luôn đụng phải thái độ thù nghịch ở nhiều nơi, trong nhiều lúc, từ bạn cũng như kẻ thù. Ảnh hưởng của Mỹ tràn đến đâu thì đồng thời cũng phát sinh ra xu thế chống Mỹ đến đó. Vì thế, trong lúc tìm cách bành trướng, củng cố vai trò của mình đồng thời chính phủ Mỹ cũng quảng bá, tuyên truyền chính sách đường lối của mình cho nhân dân các nước sở tại. Tùy nơi tùy lúc, chính phủ Mỹ khi thì áp dụng chính sách cây gậy, khi thì củ cà rốt, khi thì tổng hợp cả hai.

Các hình thức chống Mỹ quá nhiều, quá đa dạng và quá bất định đến nỗi những nhà hoạch định chính sách Mỹ, lúc này và lúc khác, đành lắc đầu, không biết phải đối phó như thế nào. Đến nỗi hình như đó là điều không bao giờ có thể khắc phục được. Đừng nói gì những chính sách lớn lao mà Mỹ áp dụng trong một thời điểm nào đó cho một cuộc khủng hoảng nào đó gây ra những bất bình cho những quốc gia và dân tộc dính líu tới, trong rất nhiều trường hợp, tình cảm chống Mỹ nổ bùng một cách mạnh mẽ, dữ dội chỉ vì một sự kiện rất nhỏ: tờ Newsweek đăng tin về một nhân viên coi tù nào đó giẫm chân lên cuốn kinh Qu'ran và xả nước cho trôi xuống cầu tiêu. Không cần biết hư thực, khắp nơi trong thế giới Hồi Giáo, người ta rầm rầm biểu tình chống Mỹ, gây ra hàng chục người chết. Và rõ ràng những sự kiện như thế chẳng dính dáng gì đến tính cách Mỹ và chính sách của Mỹ cả. Đó chỉ là một chuyện thuộc về nhân sinh, có thể xảy ra bất cứ nơi đâu trên thế giới này.

Vào tháng 9 năm 2002, Sở Tình Báo và Điều Nghiên thuộc Bộ Ngoại Giao (State Department 's Bureau of Intelligence and Research) tiết lộ rằng họ đã hướng dẫn một cuộc nghiên cứu về HTCM trên toàn thế giới. Đồng thời, cùng hợp tác với CIA, cơ quan này tổ chức một hội nghị nhằm mục đích thăm dò nhiều hình thức biểu lộ và gốc rễ của HTCM. Theo Richard Boucher, phát ngôn viên của Bộ Ngoại Giao, các quan chức Mỹ cần hiểu rõ "nguồn gốc, nguyên nhân và lý do khiến người ta không thích chúng ta ở một số nơi nào đó để chúng ta có thể phản công lại." Một nhóm học giả và tác giả được mời đến với mục đích nghiên cứu và cải thiện hình ảnh của Mỹ. Các đề tài thảo luận đại loại như "Thái độ từng vùng đối với Hoa Kỳ" (Regional Attitudes towards the United States) "Có Phải Kiểu thức Hoa Kỳ đã trở nên Cột Thu Lôi cho Diễn Ngôn Toàn Cầu Không?" (Has the American Model Become a Lightning Rod for Global Discourse?), "Những diễn viên mới trong Liên Minh Chống Mỹ – Liệu Quyền Năng mềm mỏng làm hại hay lợi cho Hình Ảnh của Mỹ"...

Trong lúc đó, trong quần chúng và giới trí thức, nhiều sách báo, nhiều bài tham luận cũng được xuất bản, tập trung vào việc nghiên cứu xu thế chống Mỹ từ trong ra ngoài. Dù chuyện chống Mỹ không phải là điều mới mẻ đối với công chúng Mỹ, những HTCM thực sự chỉ mới được quan tâm trong thời gian gần đây, nhất là sau cuộc tấn công khủng bố 9/11 và các cuộc xâm lăng Afghanistan và Iraq. Tuy thế, phần nhiều bài viết đều do các nhà báo, các viên chức chính phủ đặc trách đề ra chính sách, còn các học giả thì không mấy lưu tâm đến HTCM. Hoặc nếu có lưu tâm thì lại đưa ra một cái nhìn rất phiến diện. Trong vòng 20 năm qua, có khá nhiều tác phẩm viết về HTCM ở Trung Hoa, Đức, Canada, Hy Lạp hay Tây Ban Nha, nhưng các điểm chính yếu đáng quan tâm thì chỉ được đề cập sơ sài. Tác phẩm nghiên cứu tương đối toàn diện về vấn đề là Anti-Americanism:Rational and Irrational của Paul Hollander. Dẫu vậy, chỉ có ba chương là nghiên cứu về HTCM ở nước ngoài. Phần còn lại, ông chuyên chú phân tích thái độ chống Mỹ ở trong nước Mỹ (domestic anti-Americanism). Thái độ đó là một hình thức tự phê hoặc chống đối lại một số chính sách đối ngoại hay đối nội nào đó của nhà cầm quyền Mỹ. Nhưng nhìn chung, theo ông, làm một người Mỹ mà lại chống Mỹ thì quả là phản bội nơi sinh ra và nuôi dưỡng mình. Ông cho rằng hầu hết các lý do căn bản của HTCM đều phi lý và xuất phát từ chỗ hiểu biết hoàn toàn lệch lạc về nước Mỹ.

Bernard Lewis, một học giả chuyên trách về Trung Đông, lại còn đi xa hơn và quá khích hơn. Trong một lần thuyết trình về chính sách Mỹ tại Trung Đông, Lewis bác bỏ ý kiến cho rằng những trả đũa quá mạnh bạo của Mỹ sẽ gây nên tâm lý bất lợi ở các nước Á Rập. "Trong phần đó của thế giới, không có gì quan trọng hơn là một ý chí kiên định và sức mạnh." Một nhà nghiên cứu chuyên nghiệp như Lewis lại đưa ra một quan điểm vừa bảo thủ, cực đoan lại vừa bất chấp thực tiễn như thế thì không có gì ngạc nhiên khi Tom Delay, lãnh tụ đa số Hạ Viện lúc đó, mạnh miệng quả quyết "Trong thế giới Á Rập trước 9/11, họ nghĩ rằng Mỹ là con hổ giấy. Một vị tổng thống của chúng ta (ám chỉ tổng thống Clinton) đã trả đũa khủng bố bằng cách ném một ít bom ở sa mạc. Họ cười ngạo. Và bây giờ họ thấy chuyện thật và sức mạnh thật. Và họ sợ sức mạnh" (52). Thứ quan điểm diều hâu và ấu trĩ như thế mà biến thành chính sách ngoại giao thì trách gì chính quyền Mỹ đi hết sai lầm này đến sai lầm khác trong các chính sách về Trung Đông và các đối sách đối với thế giới Hồi Giáo. Tình hình Iraq và Afghanistan hiện nay cho thấy một cái nhìn phiến diện, ngạo mạn như thế để lại những hậu quả trầm trọng và lâu dài như thế nào đối với nước Mỹ.

Tác phẩm tương đối có một cái nhìn toàn diện và sâu sắc hơn về HTCM là Anti-Americanism (53) tập hợp nhiều tác giả là những học giả chuyên môn từ trường Đại Học New York, tập trung phân tích HTCM qua nhiều vùng khác nhau như Châu Mỹ La Tinh, Trung Đông, Châu Âu, Đông Á và Hoa Kỳ. Đặc điểm của tác phẩm này là được viết bởi nhiều người thuộc các chủng tộc khác nhau và viết từ góc độ của người đứng ở vị thế chống Mỹ. Mục đích là để khêu gợi sự quan tâm của công chúng Mỹ đối với một hiện tượng mà từ lâu họ vẫn có vẻ không hiểu hay không tìm cách hiểu cho đến nơi đến chốn. Chống-HTCM, hóa ra, là tìm hiểu cặn kẽ nguồn gốc của HTCM. Vì có hiểu được gốc rễ sâu xa của nó, người ta mới chống lại HTCM một cách hữu hiệu hay nói cho đúng hơn, điều chỉnh các chính sách và tính cách Mỹ cho phù hợp với phần còn lại của thế giới để tạo nên một thế cân bằng nào đó.

Điều khá trớ trêu, trong số những tác phẩm chống lại HTCM mạnh mẽ và quyết liệt nhất lại là tác phẩm của một người Pháp: *Anti-Americanism* (54) của Jean-Francoise Revel. Với chín chương sách, Revel lần lượt phân tích từng điểm một của quan điểm chống Mỹ ở Pháp và đưa ra những lập luận cũng như bằng chứng cho thấy người Pháp hoàn toàn sai lầm trong việc đánh giá nước Mỹ. Jean-Francoise bênh vực từ cách bầu cử tổng thống Mỹ, việc từ chối ký thỏa hiệp Tokyo về môi trường, chính sách cho sử dụng vũ khí cho đến án tử hình, hệ thống giáo dục và nền văn hóa Mỹ. Chẳng hạn, về vấn đề ô nhiễm môi trường, nếu cho rằng quả thật Mỹ sản xuất ra 25% ô nhiễm môi trường thế giới thì "...cần vạch ra rằng Mỹ cũng sản xuất ra 25% các sản phẩm và dịch vụ của hành tinh, và rằng 167 nước ký vào hiệp ước Kyoto đã tuyệt đối chẳng làm gì để giảm bớt, dù trên bình diện tập thể hay cá nhân, 75% phần ô nhiễm môi trường do họ gây ra, trước giữa năm 2001" (55).

Về lời cáo buộc "Mỹ áp đặt kiểu mẫu kinh tế và xã hội trên các nước khác," Revel cho

rằng: "...khi nền kinh tế Mỹ chậm lại, phần còn lại của thế giới sớm muộn gì cũng bắt đầu chịu đựng hậu quả, và mọi người sốt ruột đợi chờ một sự 'phục hồi từ Mỹ' " (56). Về quan niệm cho rằng văn học Mỹ là tầm thường, không biết đến cái ác, chỉ biết đề cao bạo động, tình dục và khoe khoang cái hay cái đẹp của nó, Revel cho rằng những người phê phán đã không hề biết đến tác phẩm của những nhà văn như Frank Norris, Theodore Dreiser, Upton Sinclair hay Sinclair Lewis, John Steinbeck hay Dos Passos... tố cáo bất công, tham nhũng, vô văn hóa trong xã hội Mỹ. Về nghệ thuật, bài bác ý kiến cho rằng nghệ thuật Mỹ chỉ là các khúc hát thời trang của Madona hay phim hành động với tài tử vai u thịt bắp Arnold Schwarzenegger thủ vai chính, Revel trưng dẫn nước Mỹ có đến 1700 rạp hát giao hưởng và hàng năm có đến bảy triệu rưỡi người đi xem và các viện bảo tàng hàng năm có 500 triệu khách xem, và tất cả các viện bảo tàng Mỹ đều do tư nhân là các nhà tư bản tài trợ và vào cửa hoàn toàn miễn phí (57).

Revel than phiền nhiều người Pháp chỉ ngồi nhà suy luận mà không hề chứng kiến thực tế Mỹ. Tinh thần chống Mỹ nói chung là bài Mỹ hơn là phê phán Mỹ. Revel mỉa mai: "Ở đây chúng ta sẽ thấy người Mỹ có ích với chúng ta như thế nào: nó an ủi chúng ta về các thất bại của riêng chúng ta, dùng cái huyền thoại cho rằng họ tệ hơn chúng ta, do đó, mỗi khi có điều gì không tốt xảy ra với chúng ta thì đó là lỗi của họ. Mỹ là con dê tế thần, được sinh ra để gánh chịu hết những tội lỗi của thế giới" (58).

Revel nhận định: "Quyền lực thống trị của Mỹ chỉ nợ một phần ở sự sáng tạo và quyết tâm của nhân dân Mỹ; nó còn xuất phát từ sự bỏ cuộc do các thất bại chồng chất của phần còn lại của thế giới: sự sụp đổ của chủ nghĩa Cộng Sản, sự đổ nát của Phi châu, sự chia rẽ của Âu châu, sự chậm chạp của Á châu và châu Mỹ La Tinh trong quá trình tiến đến chế độ dân chủ" (59).

Tôi cho đó là một nhận định khá chính xác về tương quan Mỹ - Thế Giới.

Nhưng có thực là Á châu chậm chạp trong quá trình dân chủ hóa (có lẽ Revel muốn nói đến quá trình hiện đại hóa)?

So với các vùng khác, nói chung, ảnh hưởng của Mỹ đến với Á châu tương đối muộn và không đều. Sau Đệ Nhị Thế Chiến, do ảnh hưởng của cuộc chiến tranh lạnh, với nhu cầu chống Liên Sô và đặc biệt là Trung Quốc, Mỹ mới thực sự quan tâm đến Á châu. Sự quan tâm này - bất hạnh thay - đưa đến hai cuộc đụng độ lớn (chiến tranh Triều Tiên và chiến tranh Việt Nam) khiến cản trở, làm đình đốn hay chậm lại mối quan hệ giữa hai bên. Dẫu vậy, HTCM ở Á châu không dẫn đến một tình hình cực đoan như một số nơi khác.

Người Á châu nói chung, chống một số chính sách nào đó của Mỹ khi các chính sách này đi ngược lại quyền lợi của nhân dân hay của một nhà cầm quyền nào đó trong một giai đoạn nào đó. Khi chính sách này không còn nữa hay khi tình hình thay đổi, họ sẵn sàng chấp nhận Mỹ để tiến tới. Nhật Bản có lẽ là nước đầu tiên chọn thái độ này. Sau Đệ Nhị Thế Chiến, giữa những đổ nát và nhục nhã của một quốc gia thất trận và bị chiếm đóng, thế hệ những thanh niên mới lớn Nhật đã chấp nhận sự hiện diện và lệ thuộc Mỹ, hay nói một cách khác, lợi dụng tình hình đó để xây dựng lại nước Nhật, một nước Nhật hoàn toàn mới. Và chỉ trong một thời gian ngắn, họ đã thành công.

Tiếp đó là Nam Hàn. Cũng như Nhật, người Nam Hàn chấp nhận sự hiện diện quân sự của Mỹ, xem Mỹ như một cái ô dù về mặt quân sự để họ rảnh tay biến một Nam Hàn từ một trong những nước lạc hậu nhất thế giới đến một quốc gia công nghiệp hóa không thua gì các nước hàng đầu châu Âu.

Đài Loan, Thái Lan, Singapore, Malaysia, Ấn Độ nối tiếp nhau dựa vào Mỹ để tiến bước. Đặc biệt Ấn Độ đạt được những thành quả phi thường trên nhiều lãnh vực trong một chế độ dân chủ ổn định. Ngay cả một nước có số dân Hồi Giáo đông nhất thế giới như Indonesia cũng đang xích lại gần với Mỹ và tập tễnh trò chơi dân chủ.

Gần đây nhất là Trung Quốc. Sự thay đổi của Trung Quốc từ chống Mỹ cực đoan đến hòa hoãn và thậm chí thân Mỹ ở một mức độ nào đó để lại những hình ảnh ngoạn mục và đầy ấn tượng. Sau mấy thập niên chống Mỹ cuồng nhiệt (và cuồng tín) không thua gì các nhóm cực đoan Hồi Giáo hiện nay, qua sự lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình, Trung Quốc xoay một góc 180 độ. Tháng 2/1979, Đặng Tiểu Bình thăm Mỹ, cưỡi ngựa, đội mũ cao bồi và ca ngợi kẻ cựu thù về nhiều mặt. Trở về nhà một tháng sau, ông ta ra lệnh đánh Việt Nam như là một cách giúp Mỹ rửa mặt sau thất bại ở Việt Nam bốn năm trước đó. Thành thật mà nói, các màn

nặng tính chất trình diễn đó, tuy khôi hài và có chút gì cynic nhưng chứng tỏ quyết tâm của Trung Quốc, từ bỏ hẳn quan điểm chống Mỹ theo lối cũ, vừa vô ích vừa vô hiệu. Từ đó, Trung Quốc nghênh ngang vươn lên.

Những con rồng châu Á tiếp tục ra đời, có khi, được thế giới phương Tây xem như là những "phép lạ". Ừ, thì phép lạ!

Một trong những đặc điểm của tương quan Mỹ-Á châu là người Á châu chọn giải pháp thỏa hiệp. Nghĩa là, trong chừng mức cho phép, các nhà nước và nhân dân Á châu chấp nhận Mỹ - hay nói đúng hơn, lợi dụng Mỹ - để canh tân đất nước. Nữ ký giả Elizabeth Rosenthal , trên tờ International Herald Tribune, kể lại một mẩu chuyện tượng trưng cho đời sống của nhân dân Trung Quốc sau thời kỳ đổi mới. Một người dân Trung Quốc nói với bà: "So sánh cuộc sống chúng tôi bây giờ với mười năm trước đây cũng giống như so sánh giữa Trần Thế với Thiên Đàng. Người Mỹ không chỉ bán cho chúng tôi các sản phẩm của họ, mà họ bán cho chúng tôi cả một nền văn hóa, và đó là thứ văn hóa mà người Trung Quốc ham thích. Người ta nói rằng: khi anh mua một sản phẩm Mỹ, đồng thời anh cũng mua một cách sống mới" (60).

Qua quan hệ với Mỹ, nhiều nước chuyển sang hình thức dân chủ tự do kiểu Tây phương một cách êm thấm như Nhật, Đài Loan, Nam Hàn, Ấn Độ. Một số nước khác chọn giải pháp trung dung: hiện đại hóa theo kiểu Mỹ nhưng giữ một hình thức chuyên quyền nào đó, Singapore chẳng hạn. Trung Quốc thì đang loay hoay tìm một hình thức tồn tại mang tinh thần Đại Hán riêng của họ: phát triển kinh tế thị trường, chuyên quyền về chính trị và tiếp tục chính sách bá quyền khu vực.

Lý do chính một phần có lẽ do ở chỗ người Á châu không quá dị ứng với văn hóa Tây Phương nói chung và văn hóa Mỹ – hay Americanism - nói riêng, như các nước Trung Đông. Mặt khác, văn hóa Á châu lại được những nhà trí thức Tây Phương yêu thích, cảm phục và đề cao. Phật giáo chẳng hạn, từng bước xâm nhập Tây Phương một cách nhẹ nhàng, lúc đầu qua các nhà sư Nhật Bản và hiện nay, qua hai khuôn mặt hàng đầu là Đức Đạt Lai Lạt Ma của Tây Tạng và Thiền sư Thích Nhất Hạnh của Việt Nam. So sánh cảnh những người ôm bom tự sát diễn ra hàng ngày ở Israel hay ở Iraq (làm cho Israel và người Mỹ bối rối và kinh hoàng, nhưng đổi lại, biết bao nhiêu tài năng ưu tú của người Á Rập đã phí phạm đi một cách oan uổng theo những lần tự sát) với cảnh thánh Gandhi tuyệt thực trong tinh thần tranh đấu bất bạo động hay cảnh Đức Đạt Lai Lạt Ma hay thiền sư Thích Nhất Hạnh đứng nói chuyện về lòng nhân ái và tha thứ trước hàng chục ngàn khán giả Mỹ tại một công viên ở New York hay tại một thiền viện nào đó ở California hay Massachusetts, thì quả là khác nhau một trời một vực. Người Hồi Giáo sốt ruột muốn trả thù. Người Á châu tận dụng thời gian để tiến tới.

Có lẽ người Á châu không có thể – và không muốn - tạo nên những biến cố kinh hoàng như vụ 11/9 hay các vụ car bomb hay suicide bomber. Họ chống Mỹ bằng cách chinh phục Mỹ qua con đường văn hóa; mặt khác, thách thức Mỹ bằng cách học hỏi kinh nghiệm Mỹ để phát triển về kinh tế và giáo dục. Mỗi nước chọn con đường Mỹ hóa theo cách riêng của mình. Á châu phát triển bằng một phương thức có vẻ nghịch lý: chống Mỹ bằng cách Mỹ hóa. Một cách thích nghi giữa Americanism và anti-Americanism. Tóm lại, với người Á châu, Mỹ không phải là cái gì để người ta phải chiến đấu một mất một còn. Mỹ không là cái Ác và phần còn lại của thế giới không là cái Thiện. Không phải là một đối đầu Thiện/Ác. Thay vì tốn công sức và hy sinh để bảo vệ những truyền thống lỗi thời và lạc hậu như những người Hồi Giáo cực đoan (đào tạo những kẻ cuồng tín) đang hăng hái làm, người Á châu tìm cách thích nghi truyền thống của họ với thời đại mới. Thay vì đào tạo những kẻ tuẫn giáo sẵn sàng ôm bom lao đầu vào các cơ sở Mỹ để tự sát và sung sướng nhìn thấy một nước Mỹ cuống cuồng, hoảng sợ thì người Á châu xây nhà máy, mời mọc tư bản Mỹ vào đầu tư và sản xuất các sản phẩm mỗi ngày mỗi tốt hơn, đẹp hơn để đưa vào cạnh tranh ngay trong thị trường Mỹ. Mặt khác, thay vì khư khư cho kinh Qu'ran là số một, là chân lý tuyệt đối và Thiên Chúa Giáo là hoàn toàn sai lầm, người Á châu hiện đại hóa tôn giáo và triết lý của mình để dễ dàng tiếp cận với xã hội Tây Phương, từng bước đem ánh sáng văn minh phương Đông chan hòa vào phương Tây một cách hòa bình, trí thức và cao thượng. Phương cách đó có giá trị thuyết phục rất lớn đối với một nước Mỹ giàu có và đầy cao ngạo (61).

Với một sự sai khác như thế thì tiên đoán của Huntington về một "sự liên kết quân sự và kinh tế giữa hai nền văn minh Khổng Giáo –

Hồi Giáo" (Confucian-Islamic connection) (62) để chống Tây Phương nói chung và chống Mỹ nói riêng là hoàn toàn thiếu cơ sở thực tế. Nói cách khác, thay vì xem chuyện chống Mỹ là nhu cầu sinh tồn, là lý do tồn tại của truyền thống thì người Á châu xem đó là chuyện thứ yếu. Họ bận tâm với chuyện học hỏi và tiến bộ bằng chính phương cách của Mỹ hơn là cứ khư khư khước từ tất cả giá trị Mỹ.

Bây giờ đến lượt Việt Nam. Mỹ đến với VN khá sớm, từ những năm cuối Đệ Nhị Thế Chiến khi các sĩ quan OSS Mỹ tiếp xúc với Việt Minh trong một nỗ lực chung đánh bại quân đội chiếm đóng Nhật. Nhưng phải đến sau khi hiệp định Genève, người Mỹ mới thực sự có mặt ở VN. Do các yếu tố lịch sử , địa lý cùng với cuộc chiến tranh ý thức hệ đang ở thời kỳ cao điểm, quan hệ Mỹ-Việt trải qua những thời điểm cực kỳ bi kịch: miền Bắc CS chống Mỹ, miền Nam quốc gia thân Mỹ. Đó là trên hình thức. Thực ra, miền Bắc chắc không thiếu người thân Mỹ và miền Nam lại không thiếu người chống Mỹ. Cùng với những khác biệt về chính kiến, ở một điểm khác, vô hình chung, xu thế thân Mỹ và chống Mỹ một phần nào đó đã góp phần đưa đến sự chia rẽ và hận thù dân tộc. Sau chiến tranh, người thắng trận cay đắng vì đã đánh cho "Mỹ cút ngụy nhào" mà đất nước cứ thụt lùi đàng sau do Mỹ cấm vận và do áp dụng đường lối Cộng Sản trong lúc người bại trận thì cay đắng vì "đồng minh tháo chạy." Nhưng ai cay đắng và dù cay đắng kiểu nào thì ba thập niên trôi qua kể từ ngày chiến tranh Việt Nam kết thúc, rốt cuộc, Việt Nam vẫn chạy trời không khỏi... Mỹ. Mỹ đi rồi Mỹ lại về!

Với chính sách xích gần với Mỹ hiện nay của nhà cầm quyền Cộng Sản và với sự hiện diện của gần một triệu rưỡi người Việt định cư ở Mỹ cùng với phong trào dân chủ đang dâng cao trong nước hiện nay, vấn đề bây giờ rõ ràng không phải là chống Mỹ hay thân Mỹ nữa. Vấn đề là người Việt Nam sẽ sử dụng "yếu tố" Mỹ như thế nào để đưa đất nước tiến lên?

Đó là câu hỏi mà tất cả người Việt (trong và ngoài nước) phải trả lời. Bằng thực tế.

Khoảng năm mươi năm trước đây một nhà hài hước Mỹ tên là Art Buchwald cho đăng một quảng cáo chọn lọc trên tờ báo Times ở Luân Đôn, đặt một câu hỏi: Xin cho biết vì lý do nào mà người ta lại ghét Mỹ như thế?

Từ những câu trả lời thu thập được, Buchwald đi đến kết luận rằng hiện tượng chống Mỹ chỉ có thể được giải quyết nếu "Người Mỹ ngừng tiêu tiền một cách phung phí, ngừng ăn to nói lớn ở những nơi công cộng, chấp nhận một chính sách ủng hộ chế độ thuộc địa do các nước châu Âu thành lập, ủng hộ những cuộc phiêu lưu quân sự của Anh ở kênh Suez trong tương lai, đừng lấy dầu ra khỏi vùng Trung Đông, đừng nhai kẹo cao su, đừng xuất cảng nhạc Rock'n Roll, và nói tiếng Anh cho đúng với tiêu chuẩn của người Anh."

Ngày nay, nếu phải nói thêm thì có lẽ như thế này: HTCM chỉ chấm dứt nếu Mỹ rút quân ra khỏi Iraq, đừng hô hào nhân quyền và chế độ dân chủ tự do, đừng phóng vệ tinh lên sao Hỏa, dân Mỹ đừng làm overtime, chính quyền Mỹ đừng ủng hộ Israel, đừng dùng ưu thế của các phương tiện truyền thông như CNN, ABC để bành trướng ảnh hưởng, đừng chận hàng hóa của thế giới tràn vào đất Mỹ, đừng xuất cảng nhạc và văn hóa phẩm đủ loại đi khắp thế giới, đừng có Bill Gates, đừng mua chất xám của thế giới, đừng dùng các đại học Harward, MIT, Yale, Cornell để đào tạo những người thân Mỹ. Tóm lại, tùy theo chỗ đứng của mỗi một quốc gia hay mỗi một vị thế, mà người ta sử dụng chữ "đừng" dành cho nước Mỹ như là điều kiện để thôi không còn hiện tượng chống Mỹ. Chẳng hạn, đối với chế độ CSVN hiện nay thì : Mỹ "đừng" ngăn cản CSVN gia nhập WTO, "đừng" đòi hỏi nhân quyền, "đừng" ủng hộ các "nhóm chống Cộng cực đoan" ở Hoa Kỳ. Còn đối với đảng phái chống Cộng trong cộng đồng hải ngoại thì những cái "đừng" trên hoàn toàn đảo ngược lại.

Tóm lại, để được thế giới chấp nhận, phải chăng Mỹ phải "đừng" là... Mỹ nữa!

Nghĩa là HTCM chỉ chấm dứt khi nước Mỹ ngừng hiện hữu!

Nhưng nước Mỹ không ngừng hiện hữu, ít ra là cho đến lúc này, thì sự tồn tại của HTCM cũng hiển nhiên như chính sự tồn tại của nước Mỹ vậy. Hiện Tượng Mỹ hay Hiện Tượng Chống Mỹ không thoát khỏi vận động biện chứng của lịch sử mà toàn nhân loại phải kinh qua và chia sẻ, dù muốn hay không.

Ngay cả phải trả một cái giá rất đắt!

(9/2006)

(45) Noam Chomsky, The Responsibility of Intellectuals
(46) http://www.counterpunch.org/chomskybomb.html
(47) Noam Chomsky, Hegemony or Survival: America's Quest for Global Dominance

(48) Noam Chomsky, What Uncle Sam Really Wants

(49) Noam Chomsky, The Culture of Terrorism, *tr. 217-222*

(50) Xem John Diggins, The Rise and the Fall of the American Left. *New York : W.W. Norton, 1992*

(51) Fernand Braudel, The Perspective of the World, *dẫn theo Wikipedia*

(52) Dẫn theo Andrew Ross và Kristin Ross, Anti-Americanism, *tr. 26,27*

(53) Andrew Ross và Kristin Ross , Anti-Americanism

(54) Jean-Francoise Revel, Anti-Americanism

(55) Jean-Francoise Revel, sđd, tr. 25

(56) Jean-Francoise Revel, sđd, tr. 29,30

(57) Jean-Francoise Revel, sđd, tr. 109, 110

(58) Jean-Francoise Revel, sđd, tr. 170

(59) Jean-Francoise Revel, sđd, tr. 17

(60) Elizabeth Rosenthal, In China, a Big Appetite for America, *Inter national Herald Tribune, 26/2/2002. Dẫn lại theo Jean-Francoise Revel,* Anti-Americanism, *tr. 144*

(61) Mới đây, ngày 13/9/2006, Hạ Viện Hoa Kỳ đã biểu quyết thông qua một dự luật tặng thưởng huy chương dân sự cao quý nhất của nước Mỹ, Congressional Gold Medal, cho Đức Đạt Lai Lạt Ma vì "những đóng góp bền bỉ và ngoại hạng của ngài cho hòa bình, bất bạo động, nhân quyền và sự cảm thông về tôn giáo". Trước đó, vào tháng 5/2006, Thượng Viện Hoa Kỳ cũng đã thông qua một dự luật tương tự. Dự luật này được sự bảo trợ rộng rãi của 387 dân biểu và nghị sĩ của cả hai đảng Dân Chủ và Cộng Hòa, đại diện cho hơn 2/3 tổng số các nhà lập pháp Hoa Kỳ. Đồng thời ở Canada, một trung tâm đặt theo tên của ngài, International Dalai Lama Center for Peace and Education, cũng được thành lập tại thành phố Vancouver dưới sự điều hành của các lãnh tụ quốc tế như cựu tổng thống Mỹ Jimmy Carter, cựu tổng thống Tiệp Vaclav Havel, Tổng Giám Mục Nam Phi Desmond Tutu...Ngoài ra, một tác phẩm viết về cuộc đời Đức Phật "Đường Xưa Mây Trắng" (Old Path White Clouds) của một khuôn mặt Phật Giáo khác, thiền sư Thích Nhất Hạnh, đã được ký hợp đồng quay thành phim, do nhà tỷ phú Ấn Độ B.K Modi bỏ tiền ra sản xuất và Michel Shane (từ Holywood) làm giám đốc sản xuất.

(62) Samuel Huntington, Clash of Civilizations

Tài liệu tham khảo:

1.- Andrew & Kristin Ross biên tập, Anti-Americanism, nhiều tác giả, New York University Press, 2004

2.- Noam Chomsky, Hegemony or Survival: America's Quest for Global Dominance, Metropolitan Books, Henry Holt and Company, New York, 2003

3.- Noam Chomsky, The Culture of Terrorism, South End Press, Boston, 1988

4.- Noam Chomsky, What Uncle Sam Really Wants (http://www.zmag.org/chomsky/sam/sam-3-5.html)

5.- Noam Chomsky, The Responsibility of Intellectuals, The New York Review of Books, 23/2/1967
http://www.chomsky.info/articles/19670223.htm

6.- Martin Heidgger, An Introduction to Metaphysics, bản dịch Anh Văn do Ralph Manheim, Yale University Press, 1959

7.- Jean-Francois Revel, Anti-Americanism, bản dịch Anh Văn do Diarmid Cammell, nxb Encounter Books, San Francisco,2003 (nguyên bản Pháp ngữ là "L'Obsession anti-américaine: Son fonctionnement, ses causes, ses conséquences")

8.- Emmanuel Todd, After the Empire: the Breakdown of the American Order, ấn bản Anh ngữ do Jon Delogu dịch, nxb Colombia University Press, 2004 (nguyên văn Pháp ngữ "Après l'empire: Essais sur la décompositon du systèm américain")

9.- Denis Lacorne, Anti-Americanism and Americanophobia: A French Perspective – 3/2005 (http://www.ceri-sciences-po.org)

10.- Pew Research Center, Anti-Americanism: Causes and Characteristics (http://people-press.org/commentary/display,php3?AnalysisID=77)

11. - George Shadroui, Dissecting Chomsky and Anti-Americanism (http://www.intellectualconservative.com/article3754.html)

12.- Bernard Chazelle, Anti-Americanism: A Clinical Study (http://www.cs.princeton.edu/~chazelle/politics/antiam.html)

13.- Judy Colp Rubin, The Five Stages of Anti-Americanism (http://www.fpri.org/enotes/20040904.americawar.colprubin.5stagesantiamericanism.html)

14- James W. Ceaser, A genealogy of anti-Americanism, Archived Issue - Summer 2003 (http://www.thepublicinterest.com/archives/2003summer/article1.html)

15.- Walter Russell Mead, Why Do They Hate Us?, *Foreign Affairs, March/April 2003*

16.- Wikipedia, Anti-Americanism, (http://en.wikipedia.org/wiki/Anti-americanism)

17.- Keith Windschuttle, The hypocrisy of Noam Chomsky, The New Criterion Vol. 21, No. 9, May 2003

18.- Ira Leonard, Violence is the American Way, AlterNet. Posted April 22, 2003 (http://alternet.org/story/15665)

19.- Seymour Martin Lipset, American Exceptionalism A Double Edged Sword (http://www.washingtonpost.com/wp-srv/style/longterm/books/chap1/americanexceptionalism.htm)

20.- Rob Kroes, Anti-Americanism as a Subtext:French Views of the World Wide Web, (http://www.lboro.ac.uk/research/changing.media/Paper-Kroes.htm) (www.jiscmail.ac.uk/lists/cyber-society-live.html)

21.- Jean-Francoise Revel, Europe's Anti-American Obsession, (http:// http://www.theamericanenterprise.org/issues/articleid.17764/article_detail.asp)

22.- Samuel Huntington. The Clash of Civilizations, tạp chí Foreign Affairs, USA, Fall 1993

23.- Paul Berman, The Philosopher of Islamic Terror, New York Times 23/3/2003

24.- Pierre Bourdieu, Questions aux vrais maitres du monde, *Le Monde 14/10/1999*

25.- Tạp chí Europe, số 756, tháng 4/1992, chủ đề đặc biệt: L'Invention de l'Amérique

Gia vị tuổi già

TÚY HỒNG

(Tiếp theo và hết)

Sau bao nhiêu ngày dài từ Seattle Thúy điện thoại về. "Mẹ, mấy ngày đầu, ông via bà via của Jeffrey theo dõi con như thám tử rình thủ phạm. Ngày thứ nhất, con không rửa bát, cái máy làm. Ngày thứ hai, ông bà ấy bí mật coi ngó từng cử động con làm, họ to mắt ngạc nhiên thấy con dọn dẹp đồ dơ trên bàn ăn vào bếp nhưng tại sao con không dụt mấy cái khăn giấy lau miệng vào sọt rác mà lại cất vào một chỗ rất cẩn thận. Khi con rửa bát xong, họ thấy con dùng mấy cái giấy tissue đó để lau bếp, lau floors... họ bèn bỏ ra ngoài coi ti vi. Từ đó , họ thôi không rình rập và dòm ngó con nữa! Cuối tuần, Jeffrey về thăm cha mẹ và ăn cơm nhà. Hấn và con đi chơi vui lắm."

Đêm sau, Thúy lại gọi về. "Mẹ... khi cất thịt gà trong tủ lạnh, mẹ nhớ gói thật kỹ trong túi nylon nghe! Mẹ dạy con nấu cháo gà đi! Ông via bà via của Jeffrey thích ăn cháo gà lắm. Mẹ, đi đâu về, mẹ nhớ khép dù lại trước khi bước vào nhà nghe mẹ, và khi đi đâu, mẹ nhớ chỉ mở dù ra khi đã bước ra khỏi nhà nghe mẹ! Phải kiêng nghe mẹ."

Thời gian này, nhà băng ở Portland rục rịch phá sản để sau đó nhập vào nhà băng Wells Fargo. Nhiều khi ngồi trước máy computer không có việc gì mà làm. Ngồi đợi xếp ban ơn đưa việc đến tay cho mà làm, đời buồn như giấy đi cầu.

Hảo là thư ký hạng hai chịu trách nhiệm gửi lại thư cho khách hàng đổi địa chỉ không thông báo! Giờ ăn trưa, nhân viên bị cấm không được ngồi lại trong phòng, Hảo lén lút dấu một xấp thư vào túi áo ấm và đi ra ngoài ngồi trên ghế đá công viên khung trời đại học Portland, không mở cơm ra ăn mà phải xếp mấy chục lá thư vào bì trước đã. Việc làm này nếu supervisor biết được! Hảo nhớ câu nói của ông bạn người Huế: "Chị với mụ vợ tui là hai con cua què... cua gãy càng. Chị với mụ vợ tui đúng là hai bà xã trái đời... khó khó lắm... phải có tài lanh mới có việc làm."

Sau một thời gian lâu, Thúy lại gọi về: "Mẹ ơi con rất happy! Jeffrey và con đã dạm hỏi nhau rồi, con đính hôn với hấn rồi."

Lời báo tin đúng ngay vào lúc Hảo bị bà xếp đày đi cross-training, nghĩa là bị đưa sang thực tập ở phòng phim ảnh, nghĩa là sửa soạn đi khai thất nghiệp!

Ông đồng hương người Huế Hảo chỉ mới quen sau khi dọn nhà về Portland, đã bảo nhỏ Hảo: "Chị với mụ vợ tui ăn nhau lắm! Mụ vợ tui với chị, hai con 'quăng' trong bộ bài tới và bài chòi... của người Huế mình, hai cái hãm tài... bị hất ra, không hội nhập được với đời sống Mỹ... đi đâu cũng bị hất ra chứ không được hút vào!"

Hảo vội trả lời con gái. "Me mừng quá Thúy ơi... Nhưng mẹ đang bận, quá nhiều phim ảnh chưa chụp, mấy tấm hình offset chưa tìm ra. Tan sở về nhà mẹ sẽ gọi con."

Buổi chiều muộn nhưng vẫn còn nhiều tấm mây dày màu trắng, con nhỏ telephone: "Con mừng quá! happy quá! Mẹ happy không mẹ? Hấn đã đeo nhẫn đính hôn, hai đứa đeo nhẫn đính hôn. Mẹ ơi sang năm con cưới Jeffrey rồi! Sang năm có lâu không mẹ?"

Ngoài trời, mùa thu Hiệp Chủng Quốc chắc cũng hạnh phúc như con gái tôi, hạnh phúc như qua những đoạn văn tả cảnh trong tiểu thuyết của nhà văn Nelson de Mille, cựu chiến binh Hoa Kỳ hơn một lần đã sang Nam quân dịch.

Mấy mươi năm sau cái chết của chồng, có bao giờ tôi ngộ được rằng tôi không biết dạy lũ con bốn đứa mà chỉ thành kính đặt chúng lên trang mà lạy, lên ngai vàng để mà vái. Để mấy đứa con tự do lấy Mỹ, lấy Đại Hàn, có phải tôi đã phạm vào điều răn điều cấm? Luật gia đình hay nền luân lý Khổng Mạnh? Luật kỳ thị màu da và quốc gia? Có phải cha mẹ sinh con trời sinh tính? Một mục sư Tin Lành đã nói chuyện trên tivi rằng cha mẹ cứ can đảm dạy con, không

nao núng sợ sệt, đừng bỏ cuộc, quyết một mất một còn với con. Người mẹ!... một máy đẻ tốt là một bộ máy cho ra một bầy trẻ tốt.

Hảo nói với Thúy: "Con lấy Mỹ, người Việt Nam cười mẹ."

Thúy trầm giọng: "Đứa con làm, tại sao lại nhè người mẹ mà cười? Con có thấy ai cười con đâu?"

Hảo nói: "Người Việt Nam gì cũng cười."

Câu nói của nhà nho văn Nguyễn Văn Vĩnh ngày hôm nay Hảo càng thấy đúng với cuộc đổi đời. Không những người Việt Nam ấm áp hay cười mà người Cao Miên, người Lào, người Phi, người Thái ở trong con hẻm cụt này với Hảo cũng hay cười như vậy. Gì cũng cười. Gần nhà có một ngôi đền Muslim. Một bà Hồi Giáo đã hỏi Hảo:

"Có phải ở Việt Nam cấm ly dị?"

Hảo trả lời: "Luật cấm ly dị ở Việt Nam vào khoảng thập niên 50-60 là do một người đàn bà tội lỗi đặt ra nhưng sau đó và với chế độ mới ngày hôm nay thì không còn nữa."

Bà Hồi Giáo trùm khăn che nửa mặt chỉ vào một tờ báo cũ: "Tờ báo này có bài nói rằng khoảng thập niên 90, tỉ số ly dị của người Việt Nam cao nhất thế giới." Hảo không thể đem những dịch vụ làm giấy tờ sau cuộc đổi đời ra nói với người lạ được nên không trả lời bà ta.

Hảo bảo Thúy: "Mẹ tin rằng con đã suy nghĩ kỹ, tuy vậy mẹ cũng nhắc nhở con là người Mỹ hay ly dị lắm."

Thúy bướng bỉnh cãi: "Con và Jeff đã suy nghĩ kỹ lắm. Nó và con biết nhau đã gần mười năm rồi mà mẹ!"

Hảo làm thinh, Thúy tiếp. "Mẹ già ơi, mẹ hãy hạnh phúc với con đi! Mẹ hỏi hai con mèo đẹp trai của mẹ có happy vui vẻ với con không mẹ? Mẹ kêu hai con mèo lại đây đi mẹ!"

Trong nhà nuôi hai con mèo mê ngủ. Con miu đen tên là Hắc đang ngồi bên cạnh, thỉnh thoảng cụng cái đầu vào chân vào Hảo. Năm năm về trước, Hắc đen này tuy không giỏi võ thuật như tài tử Jackie Chan nhưng tài khinh công thì nhanh hơn, đã phi hành lên mái ngói gào kêu rồi nhẹ nhàng nhảy xuống cào cửa nhà Hảo. Bà hàng xóm người Miên liền bước qua can thiệp: "Trong hẻm cụt có bao nhiêu nhà, tự nhiên từ đâu không biết con mèo mun này đến nhà mày kêu gào cào cửa như vậy chứ nó không đến nhà tao, nhà Susie, nhà Stanley... không đến nhà ai hết. Phật giáo Cao Miên tin tưởng rằng con mèo này chính là linh hồn của chồng mày đã chết nhập vào."

Hảo gật đầu: "Phật giáo Việt Nam cũng dạy rằng phải thương yêu súc vật. Nuôi chó nuôi mèo trong nhà cũng là do lòng thương yêu súc vật. Ăn chay là để phản kháng là không công nhận tội giết súc vật."

Hảo nói vô điện thoại với con: "Người Mỹ có tục gọi cha mẹ chồng, cha mẹ vợ bằng tên nghe không vô."

"Mẹ đừng lo, Jeffrey sẽ gọi mẹ là Mrs. Lee. Jeff nó có đọc sách Kong Fusi năm ngoái con mua cho nó, mình đi Good will năm ngoái với nó, mẹ nhớ không? Nó bảo ông Phật hiền hơn ông Khổng, ông Khổng nói lời gì ai cũng phải nghe vì ông là người họ Kông bên Tàu, vì ông nói luân lý, cả châu Á nghe ông."

Hảo thấy đứa con lúng túng quá, nói thay nó: "Bậc Đại Hiền, người Tây Mỹ tôn kính gọi Kong Fusi là The Great Sage, người hiền. Đức Khổng Tử cấm rằng nam nữ không được trao đổi thân tình, không được ngồi chung chiếu, không ra vào cùng cửa. Châu Á này, xã hội ngày hôm nay là một công trình do đức Khổng tử nặn bọt ra và nắm hết tất cả quyền hành trong tay... Đức Khổng tử xử dụng cả mười ngón tay đặt nền luân lý trên toàn cõi châu Á trong khi đức Phật chỉ hướng một ngón tay nhỏ lên trời thôi."

Hảo trở lại vấn đề của hai mẹ con: "Trai gái chưa cưới xin đã thuê phòng thuê chỗ ở chung với nhau trước, không hay ho tí nào hết."

Nó cãi: "Mẹ sai rồi. Cái đó là vấn đề văn hóa của một quốc gia, mẹ chớ nên phê bình. Mẹ chỉ có thể phê phán thái độ của một cá nhân như ông hàng xóm khó chơi chẳng hạn, mẹ có thể phản đối đường lối hoạt động của một đoàn thể nào đó thôi. Không bao giờ nên chê bai nền văn hóa của bất cứ một quốc gia nào. Trọng văn hoá của nước khác , người ta sẽ trọng văn hoá của nước mình."

Con nhỏ này khi nói chuyện không đưa giọng lên hoặc hạ giọng xuống, nó luôn luôn phát âm ở nốt nhạc bằng và đều. Nó ít khi khóc, cười hơi nhiều.

Nó tiếp: "Có thể vì số người ly dị ở Hoa Kỳ cao quá, nên họ phải ăn ở với nhau trước để tìm hiểu nhau, để sau này bớt bớt bỏ nhau."

Hảo vẫn chỉ trích: "Thật đáng sợ lòng người Mỹ bội bạc. Ngày xưa, họ đem Anh ngữ, đem quân đội ,khí giới, đô-la và nhu yếu phẩm đổ vào miền Nam, họ hứa hẹn, họ cam kết sẽ cùng chúng ta sát cánh bên nhau cùng đánh kẻ thù đỏ. Fuck the reds. Căn cứ không quân Mỹ đóng

ngay gần vĩ tuyến 17, chỉ trong vòng giây lát máy bay phản lực sẽ vút lên và trong một phút sẽ oanh tạc tan nát hải cảng Hải Phòng... nhưng rồi màn chót kéo lên, người Mỹ bỏ chạy, người Mỹ phản bội."

Bên kia đầu giây, tiếng con gái cười: "Tình yêu không phải là Việt Nam war. Tình yêu là Korean war: một nửa Bắc, một nửa Nam. Một nửa là màu đỏ tượng trưng cho tình hận; nửa kia, tình xanh, tình đẹp."

Ngoài kia vẫn còn vài vệt nắng cuối chiều, màu nắng mờ gà một ngày thu tốt trời khiến nỗi buồn như vơi đi. Hảo nhớ lại lời bà giáo dạy ESL hồi mới sang còn ăn tiền trợ cấp xã hội và được gửi con miễn phí để đi học lớp thư ký xếp hồ sơ: "Năm 1975, lớp người già sang đây thật quá khích, không tỏ ra cộng hòa chút nào hết, không chấp nhận cay chua thua cuộc, họ không thấy mình có lỗi bại trận, mà chỉ thấy người Mỹ đểu giả đã bỏ miền Nam mà chạy. Những cái đó không bổ ích chút nào hết."

Hồi đó, Hảo, học viên già nhất lớp ESL, muốn giảng cho bà giáo hiểu rõ thế nào là quá khích, nhưng không nói được tiếng Anh. Trước năm 1975, sự thật miền Nam không có người Việt Nam biểu tình chống Cộng sản mà chỉ có biểu tình chống cộng hòa. Biểu tình quá khích có nghĩa là ào ào ra đường đập phá, ném đá, đốt nhà, lật đổ, xô xát bạo động hung dữ. Sau năm 1975, ở Mỹ, người Việt Nam đi biểu tình ôn hòa: Họ bước đều trong trật tự với biểu ngữ giăng ngang, họ tôn trọng luật đường sá kiều lộ và nhân viên công lực. Chống cộng bằng lời nói ôn hoà, và việc làm có lẽ phải, đó không phải là quá khích.

Sống cuộc đổi đời, khối u chiến tranh vẫn chưa tan hết trong cõi lòng kẻ di tản. Chúng ta vẫn còn yêu người đàn ông mang quân phục, tôi vẫn chưa quên hình ảnh người lính trận khoác áo vàng kaki hoặc áo vải thô dày màu dầu olive tô vẽ rườm rà lá cây rừng núi hiểm độc. Đồng thời tôi vẫn còn nhớ những bàn chân trắng mịn trong những đôi giày đinh cao cổ người lính Hiệp Chủng Quốc lún xuống cát lầy những bãi sình cạnh biên giới Ai Lao. Tôi liên tưởng tới tài tử cao thủ John Wayne trên yên con ngựa cao bồi, ánh mắt ông xót thương trẻ con sinh ra trong khói lửa, miệng ông không cay đắng nói những lời phản chiến, như những kẻ biểu tình quá khích.

Hảo quen biết sáu bà bạn thông minh lấy chồng Mỹ. Ông Lesher hỏi Hảo: "Bao giờ thì về Việt Nam?" Ông Hendrick: "Hoà bình, độc lập, thống nhất rồi, sao chưa về nước?" Ông Trivas: "Cháu mua vé máy bay cho cô về Việt Nam."

Bà Pealercock, cháu gái của Thiếu tá Nguyễn Văn Khôn trong quân lực Việt Nam Cộng Hoà, tác giả hai bộ tự điển Anh Việt, Việt Anh: "Từ ngày sang đây, tụi này đi đi về về sáu lần rồi..."

Hảo nói: "Tư cách của một cá nhân cũng có thể đánh giá tùy theo số lần người ấy về Việt Nam là bao nhiêu. Tôi thật lấy làm tiếc là ngày xưa tôi không 'nằm vùng' cho Cộng sản, nên bây giờ tôi không được họ cấm không cho về nước... để được coi nặng ký hơn một chút dưới mắt người Mỹ."

Qua điện thoại, đứa con gái tiếp tục câu chuyện: "Từ nay , me đừng nên nói những câu như là người Mỹ phản bội, người Mỹ bỏ chạy. Miền Nam mất không phải lỗi tại họ."

"Họ chứ ai vào đây nữa? Họ đoạn tuyệt bang giao, bỏ rơi miền Nam. Cuối cùng của mối tình Việt Mỹ, miền Nam mất, nên trong những cuộc hôn nhân dị chủng, mẹ chỉ thấy cái nghiệp, mẹ thấy Karma, thấy charm, thấy khác biệt văn hóa, thấy hai con đường, một ngược một xuôi không có giao điểm. Chúng ta với họ, khác nhau từ bên ngoài vào tới bên trong, và từ cái bao tử ra tới lớp da bọc ngoài."

Tiếng thở dài của con trên điện thoại, Hảo đưa mắt nhìn cái khung gỗ xinh xắn vít vào tường trong đó xếp hàng 15 chiếc lọ nhỏ bằng thủy tinh đựng gia vị nấu ăn: bột hành, bột tỏi, tiêu ớt, oregano. dill, thyme... rồi bảo con: "Thôi, mẹ đã nói hơi nhiều, thôi đi ngủ, ngày mai con vừa đi học, vừa đi làm."

Sớm mai vào sở, bà xếp kéo Hảo vô phòng riêng để " đi": "Phòng thư viện gửi trả lại mấy tấm hình vì 'you' chụp mờ quá, họ không gửi đi được."

Một giờ sau Hảo lại bị điệu vào phòng bà xếp: "You nên lấy giấy phép nghỉ một tuần lễ, vì số ngày nghỉ dồn lại nhiều quá."

Ba giờ chiều, con mẹ xếp, cơn bão Katrina, đến trước bàn làm việc của Hảo đay nghiến: "Tại sao không chụp mấy cái hình này, không tìm ra offset sao?"

Chàng đồng nghiệp Hạ UyDi nói: "K-Mart đang cần 5 part-time job, hãy xin về hưu non ở cái nhà băng này đi, rồi đi làm part-time ở K-Mart."

Hảo quyết định hưởng nhàn một tuần lễ ở miền nam Washington, tại nhà một bà bạn để ăn cơm với cá bẹ kho nhừ. Chủ nhà để máy hát chạy một bài ca Huế mang tên "Trước bến." Trước bến Văn Lâu ai ngồi ai câu ai sầu ai thảm,

ai cảm, ai thương...

Hảo nói: "Người Mỹ đổ quân vào Việt Nam lần thứ hai từ thập niên 60, nhưng trên thực tế thì trước đó rất lâu, nữ sinh Đồng Khánh đã hát bài 'Oh Mcdanold has the farm.' 'Ông tây đen nằm trong cái bồ rồi'."

Bữa cơm chiều ngon quá, ngoài món cá kho tám tiếng trong nồi slow cooker còn có tô canh rau thập toàn với mồng tơi, dền tía, kim châm, kim huyên, riềng... và Hảo được ngồi ăn trong căn nhà bếp linh hoạt vừa đủ rộng cho người nội trợ bày biện nồi niêu son chảo. Nó, tức cái bếp, khoác những tấm màn cửa màu xanh nhạt điểm hoa trắng, đồ gốm phết sơn bóng màu xanh nước biển, những bức tường màu xám tươi, các ngăn tủ màu xanh da trời, nền nhà màu xanh dương. Bộ bàn ăn sáu ghế bằng gỗ *teak* do chị bạn tự tay đóng lấy, để nguyên không sơn. Tóc của Thái, chị bạn, ít bạc hơn tóc của Hảo, tiệp với màu sắc của cái bếp rất hài hòa.

Hảo khen: "Mặt nhà quay về hướng nam, lấy vợ hiền hòa, xây nhà hướng nam."

Thái kể: "Ngôi nhà này được xây từ hồi người Mỹ chưa phát minh ra cái closet, còn dùng cái thứ tủ gỗ wardrobe. Mấy người chủ trước mua lại sửa sang tu bổ thêm."

Cơm nước xong, trời còn sớm mờ mờ ánh sáng ngọc trai, Thái dẫn Hảo đi bộ ra bờ hồ. Một bầy chim heron đang lả lướt bơi trên mặt nước xanh mơ trông như một đoàn vũ công đang động đậy thân thể tập luyện điệu múa Tai chi chu'an, môn võ thuật độc tôn của đạo Lão, của đoàn viễn chinh ham chiến ngày nào đeo đuổi mộng binh đao. Người vũ công tài chi, con chim diệc hùng anh, người đánh giặc xa nhà lấy sa trường làm lẽ sống... mặc áo bà ba trắng như lông chim, quần dài ống rộng, người tài tử cũng như người thuyền quyên ngàn xưa của môn phái Lão Tử, nhịp nhàng đi và đến đích. Trong sân tập, họ bước chậm theo một đường chéo góc, chân họ kéo lê với tốc độ của một con rùa, hoặc một con ốc sên bò qua một diện tích rộng tráng vôi: chân trái đưa tới trước, rồi chân phải chậm chạp từ tốn đưa theo sau, mỗi bàn chân nhấc lên rồi hạ xuống nhẹ như hơi gió để thân thể khoan thai di động trong tư thế của cánh chim heron tức chim diệc lướt trên mặt nước hồ ao mỗi sớm chiều.

Thái vui tươi nói: "Có phải chị đang nhìn cảnh đẹp và thở không khí trong sạch?"

Thái cũng là người Huế, nhưng lại chỉ quen với chồng Hảo mà thôi. Khi người chồng qua đời, Thái đến phúng điếu bằng tiền, và nói: "Từ đây, tụi mình là bạn, nhưng chỉ nên gọi nhau bằng chị thôi." Hảo giữ mãi câu nói đó trong trí nhớ.

Thái là chủ nhân của mấy mẫu đất rộng chim diệc lết đi không tới đích và người võ công Tai-Chi lê bước không tới chốn, một vùng phong cảnh lặng thinh gợi lại hình ảnh những vườn tiên, vườn đào, vườn ngự uyển trong sách thời thượng cổ. Trước mặt nhà Thái là một ao rau muống, loài rau có ống và nở hoa màu tím nhạt, loài rau không ăn cơm mà chỉ uống nước giải khát. Công ty thủy

TUỆ SĨ

TÔI VẪN ĐỢI

Tôi vẫn đợi những đêm xanh khắc khoải
Màu xanh xao trong tiếng khóc ven rừng
Trong bóng tối hận thù tha thiết mãi
Một vì sao bên khóe miệng rưng rưng

Tôi vẫn đợi những đêm đen lặng gió
Màu đen tuyền ánh mắt tự ngàn xưa
Nhìn hun hút cho dài thêm lịch sử
Dài con sông tràn máu lệ quê cha

Tôi vẫn đợi suốt đời quên sóng vỗ
Quê những người xuôi ngược Thái Bình Dương
Người ở lại giữa lòng tay bạo chúa
Cọng lau gầy trĩu nặng ánh tà dương

Rồi trước mắt ngục tù thân bé bỏng
Ngón tay nào gõ nhịp xuống tường rêu
Rồi nhắm mắt ta đi vào cõi mộng
Nhưng sương mai, như ánh chớp, mây chiều.

Saigon 78

lực thành phố mấy lần gửi giấy phạt rau muống uống nước nhiều quá sẽ làm khô héo thị trấn hồng. Tự điển khoa học xã hội Việt Nam định nghĩa rau muống rỗng ruột, uống sương mai, nắng chiều và ánh trăng đêm khuya.

Thái đã vào Good will ra tay kéo về hai cái hồ bơi inground biberglass pool. Đó không phải là loại bồn tắm nhỏ bằng cao su trẻ con đập tay đạp chân tập bơi mà đúng nghĩa là cái hồ nước rộng chôn dưới đất. Thái, người đàn bà trời cho sức khỏe và sắc đẹp, đã bỏ ra hai tháng trời đào đất, đập đá, khó khăn hốc hác như Ngu Công dọn núi ngày xưa và với một thiên tài về ngành trồng tỉa đã làm chủ một ao rau muống chim diệc bơi lội mấy mùa.

Hồ sơ của khu vườn được cất giữ trong ngăn kéo, chia ra mười chín khoảng đất riêng biệt. Ao rau muống đào được đặt vào vị trí một. Khu đất thứ hai trồng mười loại rau đủ để cho người Huế nấu một tô canh thập toàn. Kế đó, Thái làm giàn tre dành cho rau leo. Bên cạnh, Thái cưa hai cây thông già, chặt tre, xẻ gỗ dựng thêm bốn cái giàn nữa dành cho su le, bí ngô, bí đao, mướp ngọt, mướp đắng. Xong, Thái nung sắt, đẽo hai cái trụ đồng chặt hai cây cổ thụ dựng một pháo đài để trồng năm cây dưa Hồng tiên, người Huế gọi là dưa Tây vì do ông Tây thuộc địa đưa vào Việt Nam cùng một lượt với cây phượng vĩ. Cây dưa Hồng tiên nằm trên, bốn mươi tám cây su le nằm dưới chung một giàn gồm có hai tầng, bên cạnh mấy cái thang gỗ, lá bí ,lá bầu tuy khác giống nhưng phải mọc chen nhau và kế cận dàn dưa là loại rau có chất cay dùng làm gia vị nấu ăn: ớt mọi, ớt chìa vôi, rau sâm thương, ngò gai, húng lủi, húng quế, tía tô, kinh giới, diếp cá... Xê ra một chút là loại cây trị bệnh có chất thuốc gia truyền như cây ích mẫu, cây thuốc cứu, cây trần bì, cam thảo, quế chi...

Thái tỉ mỉ làm công việc của một nghệ nhân: vót tre đan rổ đựng lan, làm dàn tre cho lan bò, lan leo và cưa gỗ đóng những cái giường nhỏ cho lan ngủ treo dưới mấy dàn dưa. Cạnh đó, Thái đóng mấy chục ngăn kéo, người Huế kêu là kệ, để trồng loài cây không ăn được: lan Tố tâm, lan Thanh ngọc, Giáng xuân, Hồ điệp, Cát tường, Thiên thần... đặt sát tám cây thông phấn vàng và mười ba cây mai Huỳnh tỉ nở hoa trăm cánh...

Hảo chỉ coi hết ba vạt đất thôi, phần còn lại để dành khi khác. Trên mấy mẫu đất của Thái có mặt đầy đủ tất cả loài cây Việt Nam từ phượng vỹ, xoài, quế Huyền Trân, mít tố nữ, hoè, xoan và ba cây bàng trăm năm... và cả cây cao su đặt mua từ Indonesia hoặc Malaysia... Người nghệ sĩ làm vườn tôn thờ anh linh của tất cả cỏ cây, họ không uống rượu không hút thuốc lá... Hảo thường thấy họ ăn chay và thương yêu súc vật, họ nuôi gia súc và săn sóc chó mèo rất cẩn thận. Công tác làm vườn cao cả quá khiến họ học được phép tu thiền và phép thở của đạo Phật.

Hảo quay sang Thái: "Khu vườn của chị là một kỳ công, một tuyệt phẩm nói lên được đức tính chịu khó của chị. Ngày xưa, Napoleon hoặc Augustus Ceasar mỗi khi chỉ tay vào các thuộc địa gồm trong đế quốc rộng lớn của mình, thường chỉ nói một tiếng 'My empire.' Hôm nay, chị có thể đứng giữa khuôn viên của chị, tự hào, rất tự hào, nói rằng: "Mảnh đất tôi," vì chị không phải chỉ moi đất để chôn xuống đó một thân cây, một hột giống mà thôi, bởi chị đã vùi theo xuống đó một mảnh lòng, và mấy hơi thở của chị. Chị sở hữu một chỗ ở trong đó chị đã viết và vẽ. Và chị, chị đã làm cho tuổi già của chị có một gia vị riêng."

Hảo đã ăn của Thái những bữa cơm thiền tức là những bữa cơm thanh bạch không có thịt bò mỡ heo. Buổi trưa hai người thưởng thức món rau muống luộc chấm nước tôm kho đánh, món Huế. Buổi chiều họ ăn rau muống xào kiểu Bắc nồng nàn mùi tỏi, mắm tôm, kinh giới, mè rang... Hai người đàn bà ngồi ăn trong căn bếp mà cái máy hút bụi Eureka đã hít sạch cả đến những hạt rác chỉ bé bằng một phần bảy mươi lăm đường kính của một sợi tóc: Bếp sạch, cơm thơm, thức ăn bổ lành. Hảo quan sát cung cách ăn uống của Thái: ba lần xới cơm tức là ba chén cơm lưng lưng ngang miệng ăn với tôm rim bóc vỏ bỏ đuôi. Vừa ăn vừa húp một tô nước luộc rau muống dầm cà chua vắt chanh, loại chanh giấy xứ Huế chứ không phải là lime hay lemon của Mỹ. Sau đó, Thái tráng miệng một trái thanh trà lão, lớn bằng trái bưởi Biên Hòa.

Thái nói: "Chị có thể ăn một lúc bao nhiêu cái đùi gà?"

"Ba bốn cái là nhiều. Đêm Trung thu, tôi chỉ ăn một cái bánh nướng thôi."

Hảo nhìn ra khu vườn tuyệt vời và ngắm ngôi nhà tuyệt mộng của Thái rồi nói: "Nếu mình làm việc gì, cái gì và cái đó, việc đó... nó nhai nó nuốt hết cả thì giờ của mình như hiện tại chị và cái vườn của chị đây, chị dành hết tuổi già của chị cho nó thì nó, tức là cái vườn là tác phẩm chị đã viết ra cho đời mình và chị là một nghệ sĩ."

Trong tác phẩm "My son. My son"nhà văn

Anh quốc Howard Spring kể chuyện một người viết văn và một người thợ mộc, Dermot và William. Dermot yêu gỗ. Oak, Ash, Walnut ,Teak... gỗ lim, gỗ mun, kiền kiền, trắc bá diệp... Như thi sĩ ngâm thơ vịnh nguyệt, chàng thợ mộc kêu tên mọi loài gỗ quý, chàng nâng niu tất cả những dụng cụ của kẻ làm nghề gỗ như búa, kìm, cưa, kéo, đẽo, đục, chỉ trừ cái đinh ốc là cái chàng ghét. Chàng quan niệm người thợ mộc hữu tài không bao giờ xử dụng cái đinh ốc tức là con vít. Phòng làm việc của chàng là nơi sản xuất tất cả bàn ghế giường tủ, đồ chơi bán ra thị trường. Chàng cao gầy, mặt xương xương, hai má hơi hóp, chỉ trừ một điểm khác với người hùng trong tiểu thuyết Lê VănTrương là hai đường lông mày của chàng thường xuyên bám những hạt bụi của bột gỗ từ mạt cưa bay ra. Khi chàng chưa chính thức trở thành danh tướng trong nghề gỗ của nước Anh, thì vợ chàng đã coi chàng như một danh nhân của ngành nghệ thuật quan trọng là gỗ.

Thành công chậm hơn, William tức Bill được gia đình Dermot nâng đỡ trong những ngày William chưa có sách bán chạy hàng đầu nước Anh. Cuốn tiểu thuyết là một màn kịch bi đát với nhiều vấn đề khác.

Thái không thích câu chuyện đó, lảng sang chuyện khác. "Chị làm ở nhà băng nào vậy nhỉ?"

Hảo không thích nhắc tới công việc làm ăn lúc này nên nói: "Băng vệ sinh." Rồi trả lời tiếp: "Tôi sắp bị cái nhà băng vệ sinh Bạch Tuyết này sa thải rồi."

Thái lại nói. "Thằng con của tôi cũng đã tự tiện lấy vợ rồi."

"Vợ người gì?" Hảo hỏi mau.

Thái tự hào. "Người Việt Nam."

Hảo khen. "Thằng đó có hiếu quá. Chị có phước."

Đêm thứ bảy trời hầm, gió Thái Bình Dương không thổi vào lục địa được, cây liễu và những cây nhược tiểu cũng không lắc mình. Hảo thao thức nhớ một câu chuyện cũ: Thể Phụng ngày xưa cùng học trường Đồng Khánh Huế, yêu một chàng Hoa Kỳ sang Nam truyền đạo Tin Lành. Gia đình không chấp thuận. Thể Phụng cứ việc đẩy tình yêu đi đến hôn nhân với Mark. Mark bảo rằng trước anh và em đã có những cuộc tình Việt Mỹ rồi. Hai quốc gia liên kết để chống Cộng nhưng anh, anh yêu đạo Tin Lành và anh yêu em. Đây là lần thứ hai Mỹ đổ quân vào Việt Nam. Lần thứ nhất xẩy ra năm 1845, thời gian cấm đạo gay gắt nhất dưới triều Nguyễn: giết giáo dân và chôn sống giáo sĩ. Tàu USS Constitution của hải quân Hoa Kỳ đã đổ bộ hải cảng Đà Nẵng để giải cứu một vị chân tu Công giáo người Pháp sắp bị chôn sống. Thủy thủ Hoa Kỳ đã ở lại Việt Nam bốn ngày. Đó là lần đầu tiên Mỹ xen vào nội bộ Việt Nam. Trong số những thủy thủ Mỹ đến Nam lần đó có ông nội của anh. Noi gương tiền nhân, hôm nay anh đã đến đây và yêu em."

Gia đình Thể Phụng đăng tin từ con trên mặt báo Ánh Sáng ở Huế và báo Sài Gòn Mới của bà Bút Trà. Thể Phụng bị tất cả họ hàng lánh mặt khi Mark bảo: "Em hãy quỳ xuống van xin cha mẹ cho phép cưới anh đi. Dù thế nào đi nữa, hùm thiêng cũng không ăn thịt con."

Thể Phụng bị cha mẹ cấm cửa và họ hàng xua đuổi. Mark vẫn lạc quan với mấy câu tiếng Việt bì bõm. "Em cứ tiếp tục kêu ca, cố biểu tình nỗi lòng của em ra để cha mẹ mềm lòng lại."

Tỉnh Thừa Thiên, tỉnh lỵ thành phố Huế, lòng người sao đắng cay và đắng chát trăm chiều. Mưa mùa hạ Lào cùng với gió mậu dịch thổi xót xa vào phần đất thần kinh Nguyễn triều, Thể Phụng lao đao nhưng quyết không ngã gục. Mark và Thể Phụng xin đổi vào Sài Gòn và cưới nhau. Hai mùa mưa nắng trôi qua, cha Thể Phụng lâm trọng bệnh và tuy chưa chết, ông đã trối trăn: "Không cho con Thể Phụng lai vãng gần nhà, không cho con Thể Phụng bước qua chính cổng ngôi nhà này, không cho con Thể Phụng lẻn vào các cửa phụ, không cho nó đặt chân vào bên trong, không cho nó có mặt trong căn nhà ba gian hai chái này, không cho nó để tang đen, không cho nó mặc chế phục quần vải to áo sô gai, không cho nó lạy trước bàn thờ tổ tiên tôi và tôi, cương quyết không nhận một giọt nước mắt nào của nó khóc."

Mark bảo: "Hùm con cũng không ăn thịt hùm thiêng."

Phụng cùng chồng về Huế chịu tang. Người con trưởng và bà mẹ triệt để áp dụng lời trăn trối, triệt để không cho đặt chân vào nhà. Phụng đến thăm cô giáo cũ dạy Việt văn trường Đồng Khánh năm nào và yêu cầu bà thầy cùng đi với mình.

Bà giáo hăng hái bảo: "Chuyện gia gia đình em cô không có quyền nói vô, nhưng quý vị cấm em không được lai vãng gần nhà là không có công lý. Em có quyền đi lại trên con đường ngôi nhà cha em tọa lạc vì đó là đường lục lộ, của công."

Bà giáo cùng đi với vợ chồng Thể Phụng đến

điếu tang. Gia nhân nể mặt nhà mô phạm liền mở cửa nhưng vào tới bên trong thì một cảnh tượng khác diễn ra: từ bà mẹ đến người con út mỗi người cầm một cái chổi đứng sau câu biểu ngữ màu mực xạ: "Trọng tội bất hiếu Thể Phụng phải xéo ra khỏi nơi này. Nếu còn lai vãng trước cổng ngôi từ đường này, sẽ có 20 tên ăn mày đứng canh gác để ném phân vào mặt."

Chàng rể bất tỉnh trong tay vợ được đưa vào nhà thương dã chiến ở Mang Cá cứu chữa.

Thầy trò Thể Phụng ra về, bà giáo kêu: "Trong gia đình này, thương yêu không còn nữa, mà chỉ còn tình hận. Quý vị La Hán ơi! Gia đình em còn mướn cả mấy chục tên ăn mày từ chợ Đông Ba, chợ Bến Ngự, chợ An Cựu vứt cứt vào mặt em, vào mặt chồng em... Thật là... phải chăng đó là một hình phạt từ thời trung cổ?"

Trong khi bà giáo đến tòa tỉnh trưởng yêu cầu công lý can thiệp, thì từ bệnh viện dã chiến Hoa Kỳ ở tiền đồn Mang Cá, Mark ngậm ngùi bảo Thể Phụng: "Em hãy bỏ anh ra, hãy đừng lấy anh nữa. Anh là người Tin Lành, chính đạo Orthodox, kẻ vâng theo mệnh lệnh truyền từ tiền nhân. Orthodox có nghĩa là tuân theo mệnh lệnh của tiền nhân. Ông cha Tin Lành của anh dạy rằng anh phải kết hôn để duy trì nòi giống và để tạo ra những vị thánh cho đời. Anh vâng theo lời tiền nhân. Người Tin Lành lấy vợ. Anh theo Tin Lành, người hiền, em theo Phật giáo, người từ bi. Người từ bi lấy người hiền lành, thật đẹp đôi."

Mark nghỉ, rồi tiếp: "Trong đạo Phật, có Phật giáo orthodox không em? Anh nghĩ rằng gia đình em theo truyền thống từ các ngôi thiền tự cổ xưa. Những nhà chùa đó có phản chiến không em? Có đuổi Mỹ cút về Hoa Kỳ không em? Em phải vâng theo lời dạy của cha mẹ, phải kính trọng truyền thống của gia đình và truyền thống của Phật giáo. Nếu đạo Phật và gia đình cùng ngăn cản, hãy dứt khoát bỏ anh ra đừng lấy. Truyền thống của hai tôn giáo khác biệt nhau rồi... có phải vậy chăng?"

Thể Phụng hấp tấp kêu: "Mẹ em chẳng hiểu biết orthodox là cái gì đâu. Mẹ em khi lạy Phật thì xuýt xoa và hít hà thôi."

Thể Phụng nhìn chàng ngẫm nghĩ rồi tiếp: "Em chẳng hiểu orthodox nghĩa là gì, nhưng nếu em hiểu thì chính nghĩa của lòng em là tình yêu anh. Đời riêng và tâm tư của em là sống để lấy anh."

Sau khi bà giáo đến khiếu nại tại tòa tỉnh và ty cảnh sát thì xe quân cảnh Mỹ chở Mark và Thể Phụng đến trước cổng nhà đám trước giờ đưa ma.

Tỉnh trưởng tỉnh Thừa Thiên, Thị trưởng thành phố Huế, Quận trưởng quận cảnh sát hữu ngạn sông Hương, Hội trưởng hội bảo vệ thuần phong mỹ tục tức tốc phái năm nhân viên công chánh và sáu cu li sở lục lộ đến đo đạc một khoảng cách mười mét từ cổng tang gia ra tới đường cái quan của nhà nước. Bốn cảnh binh giao thông kiểu lộ và ba công an chìm đứng kèm hai bên để Thể Phụng có một chỗ đất an toàn sụp lạy cha già bốn lạy và sáu cái vái.

Đây chỉ là một câu chuyện cũ thuộc thời gian khá xưa trước khi xẩy ra cuộc đổi đời, và một câu chuyện như vậy không khi nào có thể xẩy ra sau cuộc đổi đời được.

Hảo chưa ngủ được gì hết thì đã sáng chủ nhật. Hôm nay, điện thoại chỉ reo một lần.

Hảo bảo con: "Mẹ nghĩ con nên có hai ba người bạn trai một lúc để tuyển lựa một người. Đàng này con chỉ đi lại với một người thôi rồi lấy người đó."

Thúy cãi: "Có sao đâu mẹ, mẹ thật lộn xộn."

Hảo bực tức: "Nếu bố mầy còn sống, chắc chuyện sẽ xảy ra một cách khác. Nếu mày đem thằng bồ Mỹ về nhà ra mắt bố mày!!! Từ ngày sang Mỹ, bố mày không nói chuyện với người Mỹ, không đến nhà Mỹ, không ăn cơm không uống nước với người Mỹ. Mỗi lần người Mỹ đến nhà, bố mày đùn mẹ ra tiếp, bố mày chạy xuống basement trốn. Đó, những cái bố mày không làm thì bây giờ chúng mày làm đủ."

Ngoài kia, gió mát trời xanh. Thảm cỏ dày bên kia láng giềng, bà hàng xóm cắt cụt như cắt tóc. Hảo vẫn nhìn ra ngoài, nói tiếp: "Jeffrey... mẹ chỉ sợ nó sẽ bỏ con sau này."

Giọng Thúy chán nản: " Đó, bản cũ sao lại, mẹ tôi sắp lôi chuyện cũ ra nói rằng người Mỹ phản bội, người Mỹ bỏ chạy... Mẹ, giáo sư Kallas có cho con mấy tài liệu cũ về chiến tranh Đông Dương. Người Mỹ có chính sách Monroe của họ. Trước giờ phút cáo chung của Nam Việt Nam dưới tay Bắc Việt Nam, nước Mỹ phải lo cho cái thân của nước Mỹ trước đã, nước Mỹ không thể cứu Nam Việt Nam được, và cũng không cứu Campuchia với Laos được. Nước Mỹ, họa may, chỉ có thể cứu nước Canada mà thôi nếu nước này lâm nạn. Chính sách Monroe nói rằng bất cứ quốc gia nào bị Cộng sản tấn công, nước Mỹ cũng phải đứng ngoài không được nhảy vào. Khi kinh đô Moscow hắt hơi sổ mũi, toàn thể thế giới ngứa cổ cảm cúm ho khan."

Hảo cãi: "Năm 1947, chính sách Truman viện

trợ kinh tế và quân sự cho bất cứ quốc gia nào bị Cộng sản hành hung. Mười lăm năm sau, những người Việt Nam chống cộng không quên được nụ cười thân ái của Tổng thống Kennedy."

Trong bốn đứa con của Hảo, chỉ có đứa con gái đọc sách và không coi tivi quá độ như ba thằng con trai. Con cái không chống Cộng, đó là một chuyện Hảo thấy được. Còn rất nhiều chuyện khác, giữa mẹ và con có những bức tường ngăn cách.

Thúy nói tiếp. "Theo tài liệu giáo sư Kallas cho con, khoảng gần cuối năm 1974 quân Khờ-me đỏ đánh Cao Miên, mất sáu tháng tàn sát, họ mới vào được kinh đô Pnom Penh giết chết ba triệu người. Tiếp theo 1975, quân Bắc Việt tổng tấn công Nam Việt Nam, và miền Nam đã tan ra, rã ra và rớt xuống như trái sầu riêng rụng."

Hảo ngồi nghe đứa con gái đọc bài tiếp. "Báo chí miền Nam hồi đó đã đăng tin về sự can đảm của một người Miên, Hoàng thân Phó thủ tướng Sirik Matak. Khi kinh đô Pnom-Penh thất thủ, người Mỹ cuốn gói ra về đem theo những ai đã từng cộng tác với họ. Một viên chức bộ ngoại giao Hoa Kỳ hỏi hoàng thân Sirik Matak: "Ông có đi theo chúng tôi không?" Hoàng thân gật đầu, viên chức Mỹ dục: "Vậy thì ông hãy nhanh tay lên, máy bay chúng tôi đang chờ, ông hãy mang theo ít đồ thôi, bỏ những cái không cần thiết lại, không được, không được ôm theo nhiều thứ như vậy, nhanh lên ông, bỏ cái này lại, bỏ cái nớ lại... nhanh lên." Lập tức ông Phó thủ tướng Miên kêu lên. "Hỡi người Mỹ hãy cút về nước đi! Mới ngày nào, các ông đến quê hương tôi, hứa hẹn này nọ... giờ đây ông la hét tôi phải thế này thế nọ... ông coi thân phận những thằng mãn phu... thân phận tôi như như... Người Mỹ hãy cút về nước, hãy cút đi! Tôi không đi theo ông, tôi ở lại."

Hảo bảo con: "Bởi đó, mẹ càng không thích người Mỹ chút nào hết, họ cứ nói xấu người Việt Nam quốc gia hoài và họ cứ khen, cứ nói tốt người Việt Nam cộng sản hoài."

Thúy kêu: "Mẹ, hãy tốp bớt nỗi niềm chống Cộng trong lòng mẹ lại. Bây giờ, cái quan trọng của cuộc đời mẹ nhất là giữ lấy công ăn việc làm của mẹ. Con lo cho mẹ lắm. Con sợ mẹ sẽ bị thất nghiệp."

Hảo bực mình nhìn ra ngoài kia trời thanh vắng và nắng hanh vàng. Thúy nói tiếp: "Nói chung chung, nước Mỹ là một xứ sở của đồ ăn nước uống, nó không để cho ai chết đói, chết khô. Và nước Mỹ cũng là một xứ sở của quần áo, nó không để cho ai chết queo, chết lạnh. Nhưng, sống ở Mỹ mẹ phải làm việc... để tránh nghèo đói và lạnh lẽo... Thôi con chào mẹ, thời tiết hôm nay khá tốt, mẹ làm việc nhà đi."

Hảo đem mớ áo quần bẩn ra giặt, nghĩ đến những món đồ dơ khác như màn cửa, và mấy tấm ra trải giường, vạt cỏ phải cắt. Hảo vừa cho máy giặt chạy thì Thúy lại gọi. "Mẹ, hãy cố gắng đến cùng đừng để mất việc. Bố chết, mẹ vẫn đi làm việc như thường, đó mới là mẹ ngoan. Bố chết, nếu mẹ về hưu non, hoặc để mất công ăn việc làm... vậy là mẹ hư. Nếu mẹ để mất cái job mẹ đang làm, mẹ sẽ không thể nào xin được một việc làm nào nữa."

Hảo mở rồi đóng cánh cửa máy sấy lại nghĩ rằng con bé này bây giờ lanh quá. Hiện tại, hai mẹ con tiêu tiền chung, ký chi phiếu chung... nhưng mai mốt rồi sẽ đến lúc nó mở trương mục riêng ở một nhà băng nào đó, và mình phải đứng ngoài rìa cuộc đời nó, mình không nắm được cái đầu và cái đời nó sống.

Thúy nghiêm giọng tiếp: "Khi chiến tranh lạnh giữa Nga và Mỹ chấm dứt, những anh hùng lạnh của Mỹ trở về nước, họ bị cưỡng bức phải về hưu non và về hưu bất đắc dĩ... Nước Mỹ không tàn nhẫn, nhưng nạn thất nghiệp trên đất Mỹ thật vô nhân đạo. Mẹ, đừng để thất nghiệp..."

Hảo đứng trước cái máy sấy kê sát máy giặt, đôi chân bỗng mất hơi ấm, cái bụng chợt bóp mạnh. Hảo đến bên bồn nước cạnh đó và mở cửa sổ. Nắng thu với vài lớp mây bão dầy như những tấm ván đang đi về thành phố New York miền đông nước Mỹ để lại vài vết nám lớn trên da trời. Đời tôi cũng có người đi qua và để lại chữ ký. Con chó Nicky nhà hàng xóm có lẽ đói bụng lễ phép sủa gâu gâu vài tiếng ngắn.

Sáng hôm sau trở lại sở làm, anh bạn Hawai thở dài: "Thất nghiệp... đến nơi rồi. Mới ngày nào, những sĩ quan tình báo của chiến tranh lạnh đã thất nghiệp."

Chàng trai Hạ Uy Di đưa cho Hảo một ít địa chỉ và số điện thoại của những cơ quan tìm việc. Chàng trai này lúc còn ở hải đảo chắc cũng khá đa tình! Hắn nói tiếp: "Nhiều người đang làm đơn xin được nhà băng Wells Fargo lưu dụng sau khi sáp nhập."

Chiều thứ sáu mây vẫn ba màu. Hảo gọi con thì nó nói: "Ngày mai con sẽ dẫn Jeffrey đi Portland gặp mẹ."

Sau khi buông điện thoại, Hảo vội vã lái xe đi chợ ngay rồi về nhà rút xương hai mươi cái cánh gà, rồi bâm hành đập tỏi, rồi thái củ đậu,

bóc tôm, bằm thịt quấn bốn mươi cuốn chả giò. Sáng hôm sau ngủ dậy, Hảo ướp cá halibut nấu cháo. Theo lời chỉ dẫn của cô em dâu, Hảo mở hai lon nước xúp gà, hai lon sò hến nhỏ, rồi rang gạo, nhặt hành ngò nấu một nồi cháo ấm. Nhà văn Dương Thu Hương dặn rằng khi cháo sôi thì phải xuống lửa ngay đừng để hạt gạo nát ra như tương Cự Đà. Nồi cháo này chắc sẽ thành công, Hảo cảm thấy vui khi nghĩ đến những nồi cháo đặc sệt mình đã nấu để mà, ngoài mình ra không ai ăn được.

Chàng rể Jeffrey của Hảo là một người như mọi người. Hắn không phải là "Người Mỹ thầm lặng" hoặc "Người Mỹ... ugly" hai tác phẩm bán chạy trong giai đoạn người Mỹ Việt Nam hóa cuộc chiến để chuẩn bị rút quân về nước. Hai cuốn sách này đối với Hảo bây giờ chỉ còn là những ngọn đèn mờ đục, không soi thấu hết nỗi niềm kỳ thị trong lòng kẻ phản chiến cũng như nỗi hoài vọng của kẻ chống Cộng.

Jeffrey ăn uống vừa phải và nói ít. Khi nhìn cánh cửa bếp mở rộng, Jeffrey bảo: "Không nên mở cửa nhiều lần, nên đóng cửa lại ngay vì những con bọ con bug bay vào nhà."

Tức thì con gái Hảo vui thích kêu lên: "Mẹ tôi không sợ nhện."

Rồi hai người đưa mắt nhìn nhau. Hảo hoang mang không hiểu hai người muốn gì? muốn ngụ một ý nghĩa nào đây.

Sau buổi ăn trưa, Jeffrey đề nghị đi coi vườn hồng và vườn Nhật, hai cảnh đẹp nổi tiếng của tiểu bang Oregon.

Trở về nhà ăn cơm tối, cháo cá và cánh gà rút xương. Jeffrey gật gù khen "very good" rồi quay sang Thúy.

"Rút xương gà mất bao nhiêu công phu."

Rồi Jeffrey nhìn Hảo: "Nếu Thúy nấu ăn được một phần mười như thế này, tôi chắc chắn là một người hạnh phúc nhất trần đời."

Hảo vui vẻ nói đỡ cho con gái: "Nó biết làm chả giò. Nó cuốn chả giò nhanh lắm."

Thúy chỉ vào Hảo cười: "Mẹ tôi ăn được hột vịt lộn."

Rồi hai người lại đưa mắt nhìn nhau và Hảo lại hoang mang không hiểu hai người ấy muốn tỏ ra một điều gì nữa. "Mẹ tôi không sợ nhện và mẹ tôi ăn hột vịt lộn." Người không sợ nhện có phải là một người anh hùng, can đảm có thừa? Và mức độ gan góc của một kẻ không sợ nhện lên cao tới bao nhiêu, có đáng phục như một kẻ không sợ cọp beo cá sấu? "Mẹ tôi ăn hột vịt lộn." Ăn hột vịt lộn là một hành động cao cả hay thấp nhỏ? Tiểu nhân hay quân tử? Liều lượng của lòng can đảm trong tim gan một chiến sĩ ăn hột vịt lộn to bao nhiêu? Trong quả trứng lộn có bao nhiêu chất bổ chất béo chất xơ? Mẹ tôi có nên tiếp tục ăn cái thứ trứng lộn tròng đó nữa không? Hay là phải tốp lại vì ở Việt Nam mẹ đã xơi bao nhiêu đủ rồi?

Lúc từ giã, hai người ôm Hảo. Hảo đứng nhìn theo xe họ chạy chậm rồi bước vô nhà ngó vào một tá hột gà bà hàng xóm muối mặn đem cho. Hình như ai đó nói rằng hột vịt lộn là một bào thai tóc đen và khi bị nấu nóng, bào thai sợ hãi bài tiết ra chất độc. Điều này hoàn toàn trái ngược hẳn với sách thuốc Tàu. Nhà văn kỳ cựu Bình Nguyên Lộc nói với bạn bè rằng ăn hột vịt lộn bổ khỏe như ăn phở vậy. Người Huế ngủ đò trên sông Hương ăn trứng lộn vào lúc đêm khuya trời mát gió trăng giao tình. Người Huế đập nhẹ cái đầu và cái đít của quả trứng rồi ngửa cổ hút.

"Mẹ tôi không sợ nhện" câu nói vẫn còn theo Hảo tới lúc đi ngủ. Hảo hồi tưởng những năm tháng đỏ lửa, quân lính Mỹ nhảy vô chiến cuộc Việt Nam. Mỡ của họ đã sôi vì cái nóng trước khi máu của họ chảy ra trong những trận giao tranh. Có những cậu lính học trò tuổi từ mười tám, họ tự gọi họ là "boy." Thằng con trai khi mới đặt đế giầy đinh xuống phi trường Đà Nẵng để thấy mặt nước Việt Nam xa lạ lần đầu, nó kêu hoảng lên, nó phát hỏa lên vì hơi nóng nhiệt đới mà nó gọi là lửa. Bộ quân phục bảnh bao của nó ướt đẫm mồ hôi và nó bước đi loạng choạng trong cơn sốt: mắt của nó trít lại vì bụi và cát mù mịt. Bụi Phú Bài, bụi Mang Cá, bụi Huế bu kín tất cả các lỗ chân lông trên người nó. Hai lỗ mũi nghẹt cứng lại, nó há miệng ra thở thì lập tức cát Cam Ranh, cát Đà Nẵng, cát Nha Trang luồn vào kẽ răng, lọt xuống yết hầu và rớt vô khí quản. Nó không nghe được tiếng người nữa vì gió mậu dịch từ Hạ Lào thổi sang đập vào hai tai nó.

Charlie Việt-cộng không bao giờ dàn bày một chiến trường đúng đắn để hai bên dễ dàng đánh nhau. Quân du kích ở đâu cũng có mặt nhưng không thấy hình. Trong chiến cuộc Việt Nam, Charlie có bao giờ ở yên một chỗ để lực lượng hai bên cài răng lược ăn thua nhau, Charlie ám hết mọi vị trí và làm chủ tất cả tình hình với lối dụng binh theo chính đạo của đức Thánh Trần Quốc Tuấn và xảo thuật du kích Mao tse Tung:

Mỹ Ngụy xông lên, phe ta te chạy
Mỹ Ngụy cắm lều, phe ta ra tay.
Mỹ Ngụy nằm ngơi, phe ta đại chiến.

Mỹ Ngụy thụt lùi, phe ta rượt tới.
(The enemy advances, we retreat;
The enemy camps, we harras;
The enemy tires, we attack;
The enemy retreats, we pursue.)

Thêm vào đó, lính Mỹ khổ đau hơn nữa vì những con bọ, những con vật bé tí ti không thể dùng súng M-16 mà bắn được. Danh sách những con bọ có công giúp Cộng sản đánh Mỹ gồm có kiến, muỗi, vắt, đỉa, ruồi, ốc sên, thằn lằn, gián... nhưng dũng cảm hơn hết là con nhện. Đang ngồi, nằm la liệt ra đó để nghe nhạc, đánh bài hoặc viết thư nhưng hễ thấy một con nhện bò ngang qua là lập tức họ hô lên, tán loạn đi tìm bình thuốc sát trùng xịt mù mịt rồi bỏ đi chỗ khác. Con nhện chắc dốc tổ khi thấy người lính Hoa Kỳ, ngày nào là người hùng của đệ nhị thế chiến, lại sợ nhện, kẻ lãnh đạo đoàn 'bọ binh' chống Mỹ.

Đối lại với nỗi sợ của người lính Mỹ, người Việt Nam khi đến Hoa Kỳ đã không sợ những gì? Ngủ không sợ muỗi đốt, không mất công treo mùng. Uống nước không cần đun sôi mất thì giờ.Và hay hơn hết là được sống trong thời tiết lành mạnh và thở khí trời trong sạch chưa bị ô nhiễm. Tuy nhiên, những an toàn đó không đủ làm cho ngôi nhà của người di tản có một hồn phách riêng, một ngôi nhà có thể xác không quan trọng bằng một ngôi nhà có linh hồn, một chỗ ở có nền văn hóa riêng: nhà Việt Nam ngày xưa có linh hồn tổ tiên, có đức Phật, đức Khổng và bậc đại hiền Lão Tử.

Ngày xưa Huế, những ngày xưa tôi phá sản đời con gái, những ngày xưa không có người xưa tôi bị đàn ông cho ế, mỗi đám mây đi qua tháp chuông nhà thờ Phú Cam đều đã đi qua lòng tôi và để lại một chữ ký, một nỗi vui ngậm ngùi. Ngày xưa Huế và bây giờ thì còn gì nữa đâu ngoài Huế, đi đâu thì đi, đứng đâu thì cũng chỉ đứng một chỗ thôi, tôi vẫn không bao giờ quên được mùi dầu dừa xức tóc cho láng khi thân thể còn con gái. Ngày xưa Huế, cô giáo già lam đi chùa Từ Đàm nhiều hơn đi những nơi khác, tôi đã ngắm chùa Từ Đàm nhiều lần hơn những nơi cảnh đẹp hữu tình. Các vì vua triều Nguyễn đã đúc cho chùa Từ Đàm một pho tượng Phật rất to lớn và chùa chỉ thờ một bức tôn tượng này mà thôi. Tôi đi những ngôi chùa khác để ngắm những bức tượng nhỏ. Chùa nào cũng rất nhiều tượng nhỏ. Tượng Phật, tượng Bồ tát, tượng La Hán.

Hảo bỗng giật nảy người lên vì một quả điện thoại đểu reo trong lúc mãi suy nghĩ.

"Mẹ, mẹ... chúng con sẽ làm đám cưới..."

"Sao gấp vậy Thúy?" Hảo hoảng hốt hỏi.

"Con định nói với mẹ lúc ăn cơm chiều nhưng mắc cỡ quá không nói được. Mẹ, con sẽ cưới Jeffrey cuối tháng tới."

Hảo vẫn còn mất bình tĩnh. "Sao lẹ quá vậy?"

"Không lẹ đâu mẹ ơi, chúng con biết nhau hơn mười năm rồi mà mẹ. Đám cưới sẽ được tổ chức tại nhà thờ. Đám cưới chúng con lớn lắm mẹ ơi... lớn lớn lắm."

Hảo dịch một câu cách ngôn Việt ra English: 'Không ai khen đám cưới, chẳng ai cười đám ma.' Người ta không khen đám cưới tổ chức sang trọng, đầy đủ mặt quan khách; và người ta không ai coi nhẹ gia đình chết nghèo không đủ sức chi phí đám ma.

"Mẹ, không phải đám cưới lớn là một đám cưới giàu, mà là một đám cưới tốt được tổ chức tại nhà thờ do các ông cha đứng ra chủ hôn, đúng nghi lễ và giấy tờ hôn thú."

Hảo lo lắng hỏi. "Mời bao nhiêu người? đãi ăn món gì?"

"Ăn cá salmon ám khói... Ngon lắm mẹ ơi."

Hảo cười. "Bố mày chỉ ăn thịt thôi, bố mày tẩy chay cá."

"Mẹ, cá salmon, tiêu biểu cho tiểu bang Washington, còn con cá halibut tiêu biểu cho tiểu bang Oregon, nhưng cá halibut mắc lắm."

Hảo cảm thấy vui: "Hoa sơn lựu tiêu biểu cho tiểu bang Washington..."

Thúy ngắt lời. "Chi phí do cả hai đứa chịu, mẹ chỉ đóng góp ba trăm cái chả giò thôi."

Ui chao thân già này phải đứng thẳng cái lưng còng để quấn ba trăm chả giò đem tới nhà thờ, cái sức khỏe này phải cầm dao phay thái mấy chục củ đậu to đại chang, chưa kể tôm thịt hành tỏi phải băm hạt lựu rồi thì phải gỡ bánh tráng đang dính nhau ra khỏi nhau... rồi thì đứng chiên... Đầu bếp chính hiệu Trung Hoa không có làm phần việc cắt thái rau quả hành tỏi, cá thịt... Đó là phần việc của đầu bếp phụ, đầu bếp chính chỉ giữ việc nêm và nấu thôi... Đức mẹ La Vang ơi! con vừa là đầu bếp chính vừa là đầu bếp phụ!

Thúy nói: "Mẹ còn một phần việc nữa là mẹ walk con, mẹ sẽ được thực tập phần việc walk cô dâu trong đêm rehearsal dinner do nhà trai đãi."

"Thúy, mẹ chưa thấy một phim, hoặc một màn ảnh ti vi nào chiếu cảnh đám cưới mà người mẹ phải 'goát' con gái mình đi từ phòng thay quần áo ra tới chỗ ông cha chủ lễ đứng để trao đứa con gái mình tận tay chàng rể, mẹ chỉ thấy người

đàn ông dìu con gái mình đi chầm chậm theo nhịp nhạc 'here comes the bride'..."

"Mẹ, bố chết rồi, các cha bảo mẹ phải walk con."

Hảo kêu. "Mẹ sẽ điện thoại cho cậu ở Cali và nhờ cậu làm chuyện đó. Mẹ chưa thấy người đàn bà nào 'goát cô dâu' cả."

Thúy cương quyết: "Cha Slivers muốn vậy. Bố mất, mẹ còn, mẹ phải walk con."

Hảo không trả lời, ngó con chim nhỏ bay lại gần bếp phẹt bậy lên mặt cửa kính. Hai cây lê hàng xóm chín thơm khiến đàn bướm kéo tới rắc phấn trên những trái tròn mọng nước. Da trái lê nhám chắc tại đánh phấn bướm.

Sau đó, Hảo điện thoại cho chàng em trai. "Cuối tháng tới, con Thúy làm đám cưới."

Giữa hai giây im lặng, cậu em trả lời: "Vậy là con đặt đâu, cha mẹ ngồi đấy."

"Chị nhờ Văn thay mặt nhà gái, dẫn nó đi trong nhà thờ. Nó đòi đi với chị."

Văn chưa trả lời, Hảo vội nói luôn. "Đám cưới phải tổ chức tại nhà hàng Tàu mới vui. Phải không em?"

Đâu đây chừng hai giây im lặng nữa rồi người em đọc cho Hảo nghe hai câu thơ:

Liễu tích nghiệp chướng bổn lai không.

Vị liễu ưng tu hoàng túc trái.

Hảo nói nịnh: "Em giỏi tiếng Tàu quá, chắc em là đệ tử của Hòa thượng Thích Mãn Giác?"

Rồi Hảo nói lảng sang chuyện ăn uống hằng ngày. "Chị ăn gạo lứt. Chị làm sữa đậu nành... đúng theo lời em khuyên."

"Em khuyên chị thêm một lời nữa. Đừng ở một đời riêng, phải giao thiệp với bạn bè nhiều hơn. Sống chung hòa bình với tất cả mọi người trong cộng đồng. Có người có ta thì mới vui."

Hảo nghĩ đến nỗi vui khe khẽ và tiếng nói nhè nhẹ nằm trong câu hát 'nắng có buồn bằng đôi mắt em, mưa có buồn bằng đôi môi em' trong khi chàng em tiếp:

"Bây giờ, chị hãy tưởng tượng con Thúy lấy một thằng chồng Việt Nam đàng hoàng, hai bên cha me đứng ra tổ chức một đám cưới lớn, một đám cưới long trọng được đôi bên bốn bậc phụ mẫu mời ăn ở một nhà hàng Tàu hoặc một tiệm Mỹ sang trọng... Trước đó, thời gian tổ chức, cỡ một tháng rưỡi, thiệp hồng đã được gửi đi theo đường bay. Bạn bè của hai nhà trai gái có đủ thì giờ để chuẩn bị đi mừng một phong bì đúng theo như... như... lâu nay trong cộng đồng vẫn đi lại với nhau. Nếu đi dự cả hai ông bà hai phần ăn, thì phải đưa ra một cái phong thư trong đó có bao nhiêu đô-la. Nếu chỉ một nhân mạng đi dự tiệc thôi thì trong bao thư số tiền chỉ bằng một nửa chẳng hạn. Cái đó đã có giá nhất định trong cộng đồng rồi. Chỗ mời của tiệc cưới phải là tại nhà hàng ăn Tàu — đồ ăn ngon- hoặc là nhà hàng Mỹ —chỗ ngồi sang trọng. Sau đó một thời gian, có hai nhân vật rất uy tín trong cộng đồng, một đại diện cho nhà trai, một đại diện cho nhà gái hy sinh đôi chút thì giờ để kêu điện thoại hoặc nói chuyện trực tiếp thân mật thuyết phục mọi người hãy đi dự đám cưới thật đông. Sau hết, phụ huynh của đôi trẻ mới gọi giây nói mời miệng một lần nữa cho chắc và để biết số người sẽ đi dự là bao nhiêu để đặt phần ăn.

"Đến khi đám cưới, tưng bừng đại nhạc hội và dập dìu khiêu vũ, khi quan khách ăn uống vừa lưng bụng, đôi bên cha mẹ dẫn đôi trẻ đi chào từng bàn ăn một, giờ phút thắm tươi nhất, các phong bì được đưa ra. Người Việt nam trước đám cưới đám ma thường ăn ở phúc hậu. Khi tiệc vui tàn, ai nấy về nhà, đôi trẻ cũng theo cha mẹ về nhà, mở bao thư ra đếm tiền. Và, số tiền mừng sau khi trang trải mọi thứ tốn kém, số tiền mừng đó... đủ cho đôi trẻ sang năm mua được một ngôi nhà trả góp."

Hảo lắng nghe lời nói của chàng em mà ngậm ngùi! Đức Giáo hoàng Phao-Lồ ơi! Con vừa mất một cái nhà. Chàng em nói tiếp: "Đàng này, chỉ tôi tổ chức đám cưới ở nhà thờ Mỹ, ăn uống trước mặt đức Chúa chứ không phải trước mặt đức Đạt Lai Lama! Khách khứa tham dự đem quà đến mừng, ôm đồm một cái hộp gói giấy màu rực rỡ, cột giây satin bóng loáng, ghim vào một cái nơ to như cái bông thược dược đang nở... Đến giờ phút mở quà, cô dâu chú rể hồ hởi nêu lên tên người tặng quà, và mở cái hộp ra, trong đó có khi chỉ đựng một hòn đá mài dao mài kéo!

Chàng em trai Hảo là con trai một trong gia đình nhiều con gái. Hắn vốn rất ít nói, nhưng hôm nay khá nhiều lời. "Đây là kinh nghiệm được rút tỉa sau hơn ba mươi năm xa xứ. Nếu chị sống tách riêng ra khỏi cái bè mà tất cả cộng đồng Việt Nam đang cùng nhau chèo chống, đời chị sẽ lúa."

Hảo không ưa kiểu nói năng chắc nịch như những câu định nghĩa trong từ điển Oxford nên gác máy. Từ điển thì chỉ nói đúng thôi, không bao giờ hay. Trước giấc ngủ có ai đọc từ điển bao giờ đâu.

Hảo thường hay nhìn ra cửa kính. Thiên nhiên có liên can gì đến tấc lòng? Từ lâu Trời đã cuối

mùa hạ, nhưng không có nghĩa là cuối tháng tám; mà hình như đang giữa tháng chín, có đúng vậy không? Nhưng chắc không phải là thời kỳ thu phân. Lễ lao động đã qua, mùa hè của người Indian đã đến. Hảo ngồi xuống cái ghế đan bằng cọng cây wicker với những ý nghĩ giản dị đang kéo tới trong đầu. Cái đầu như cái máy hút bụi bên trong có một khoảng trống tối ám. Cái đầu như trái dừa thốt nốt dẹp lép. Tôi đã lấy một người chồng không uống được nước, chỉ uống rất nhiều budweiser và mỗi ngày có thể giải cứu được ngót hai chục lon bia bị giam cầm lạnh lẽo trong nước đá cục.

Hôm sau, Hảo trả lời chàng em: "Để con gái tự do lấy Mỹ và... lại còn làm đám cưới ở nhà thờ Mỹ không có tiền mừng để mua một cái nhà như con người ta. Lỗ to em ơi! Nhưng... nhưng thôi, hãy đặt hi vọng vào tương lai, cái sẽ xảy ra về sau vậy. Nếu mình là người tốt, ăn ở tốt... very nice, người Mỹ họ không ly dị mình, họ đi làm vì mình và khi họ chết, họ để của cải lại cho mình."

Chàng em lật đật đổi sang giọng an ủi: "Thỉnh thoảng em thấy trong vài đám cưới tại nhà thờ Mỹ, có người đi mừng cả bộ nồi niêu son chảo, có người cho cô dâu chú rể hai cái va li bằng da để đi du lịch. Chị đừng buồn rầu tiếc của quá hại cho sức khỏe."

Hảo vẫn ngồi nhìn trời qua cửa kính và vẫn nói chuyện đều đều với chàng em khi trên cao những đám mây vẫn cụm vào nhau để sau đó tách riêng ra từng giải.

Tiếng chàng em vẫn đều đều. "Chị hãy dùng thì giờ rảnh để lên mạng đọc những bài viết trên computer. Có nhiều bài viết về đạo Phật vô cùng quý giá và những tài liệu về chiến tranh chị không bao giờ tìm thấy trên sách báo."

Hảo vội ngắt lời chàng em: "Lâu nay chị thích đọc sách trên giấy hơn trên màn kính vì có nhiều câu văn cần phải tra từ điển... ngồi trước computer chị đọc không kỹ."

Chiều cuối tuần làm biếng trôi qua, chiều thứ hai khá nhiều công việc, ngày thứ ba đi làm về Hảo ghé chợ mua nửa cân đường phèn giả nhỏ để dành nêm vào nhân món chả giò thay bột ngọt. Hành tây thái mỏng, tỏi phải băm chứ không được đâm nát. Mọi thứ đem cất vào ngăn đá trước mấy tuần lễ, gần ngày cưới mới đem ra quấn chả giò. Công phu nhất là việc thái hạt lựu từng củ đậu Mễ Tây Cơ to như cái sọ người. Có khi cả mấy công việc cùng hiện ra một lúc, có khi cả hai tay đều rảnh để Hảo lo lắng đến cái áo cái quần sẽ mặc trong ngày cưới. Con Thúy sẽ là một cô dâu trắng tươi kéo lê một cái áo cưới dài quét đất đi trong tiếng nhạc chậm 'Here comes the bride.' Con Thúy sẽ mặc áo rộng quấn khăn vành, ngọc giắt vàng giát giống như ba cô trong Nội, những nàng công chúa cấm cung mặt nhồi phấn nụ, tay đeo vòng mã não. Một bạn ở Florida gửi Hảo chiếc áo vẽ để tặng Thúy, một bạn ở Seattle mua cho nó cái áo thêu. Chàng em trai bỏ chút thì giờ gọi điện thoại: "Chị thấy đó, trong cộng đồng rất nhiều người tốt, rất ít người xấu."

Hảo vui vẻ tiến hành công tác làm ba trăm cái chả giò. Hành, tỏi, củ đậu, đường phèn... Người Huế gọi chả giò là ram. Ông xã Hảo hồi còn sống nói rằng tất cả những món ăn Huế ông chỉ thích ăn ram. Người Huế làm nhân ram với bún Tàu và tôm quết tươi cho thật nhiều hành hương vào. Hảo mơ màng nghĩ tới những ngày xưa tươi thắm xác pháo vu quy, mẹ Hảo mang áo Cẩm-tự màu vàng phủ ngoài tấm áo dài Vân Nội thướt tha. Bên trong, sau lớp áo kép kín bưng và nóng bức đó , mẹ Hảo mặc áo cụt hàng vân vảy cá và quần chân què bằng hàng anbel màu trắng. Hảo như nhìn thấy lại nhiều và hơi nhiều... Ông nội gửi lời mời cả tỉnh Thừa Thiên đến dự đám cưới con trai. Bà nội Hảo làm hai trăm cái ram, thơm nức cả làng Chí Long. Trẻ con bu lại coi đứng chật đường sá. Hảo mơ màng nghĩ tới một xã hội sống chung vui vẻ, một cộng đồng của ngày xưa, thật xa xưa, một thời kỳ cổ điển nghèo túng, người dân thiếu ăn thiếu mặc, những ngày xưa đó, ca dao và tục ngữ đã xuất hiện, và xuất hiện thật nhiều. Ngàn xưa đó, đã có văn nhân, đã có thi sĩ rồi... nhưng những người đó không biết họ là ai, không biết cây bút, không biết quyển sách, và công việc viết lách là gì. Họ không sống tách riêng lẻ loi mà hòa mình chung vui với mọi người trong cộng đồng. Gặp nhau trong đám cưới, trong tiệc vui, hội hè đình đám, thi sĩ nói ra ca dao giữa thính giả tức cộng đồng và văn sĩ thốt ra lời vàng, ý bạc tức là những câu tục ngữ cách ngôn... trước mặt toàn thể công chúng... Cho đến lúc cuộc đời đổi mới nới cũ, các ông bà văn nhân thi sĩ tự biết mình là chút gì đó. Họ có tư tưởng, có nguồn hứng, có tình cảm, họ không thổ lộ cùng người trong cộng đồng nữa, họ giấu, họ giữ kín bưng để làm vốn liếng sáng tác xuất bản, họ viết văn làm thơ đăng báo và in sách!

23 tháng 9 năm 2006

KHOẢNG TỐI

HÀ ĐẠO HÀM

Thức đang mơ màng du hồn về dĩ vãng thì phải trở về hiện tại bởi tiếng nói từ loa phát ra, yêu cầu hành khách sửa lại lưng ghế và thắt dây an toàn vì phi cơ đang giảm cao độ để chuẩn bị hạ cánh. Nhìn qua khung cửa nhỏ, thành phố Los Angeles ban đêm như một tấm thảm đen trải dài vô tận. Đúng mười năm rồi Thức mới trở lại Cali. Lần trước cũng xuống phi trường Los Angeles, cũng khoảng giờ này tháng này. Lần trước đến đây vì tình yêu cũ, lần này vì tình bạn cũ. Và mối tình xa xưa kia đã làm Thức suy tư suốt mấy tiếng đồng hồ trên chuyến bay. Khoảng cách mười năm so với một đời người không quá ngắn, nhưng chuyện mười năm trước, Thức tưởng chừng như vừa mới đâu đây thôi, xúc giác như còn cảm nhận và hương vị như vẫn còn vương vất đâu đây.

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình trung lưu, nề nếp và nghiêm khắc, Thức chỉ biết lo học hành cho thành đạt, đến nơi đến chốn. Thân phụ chàng thường nói câu "*Phi thương bất phú*" để chỉ những người giàu có, nhưng ông lại không khuyến khích con cái trong việc kinh doanh, chỉ khuyên bảo lo học hành để mai sau ra làm công chức hay thầy giáo... Nghĩa là những nghề nào ổn định về công việc cũng như lương hướng. Mấy anh em Thức cứ tăm tắp như vậy mà theo, chẳng ai dám đi ra ngoài khuôn khổ đó cả. Khi đã trưởng thành, phần vì sợ cha mẹ, phần do nhút nhát nên thấy bạn bè có bồ bịch này nọ, Thức cũng chẳng dám làm quen cô nào. Ra trường, đi làm được vài ba năm vẫn không kết thân được với một người bạn khác phái nào, mãi cho đến khi gặp Nga trong tiệc sinh nhật của một người bạn chung trường. Buổi dạ tiệc được tổ chức tại nhà riêng là một biệt thự sang trọng vì Trực là con nhà giàu có và quyền thế. Khi đưa thiệp mời, Trực còn dặn dò là có cả khiêu vũ. Thức không biết nhảy đầm nhưng cũng nhận lời vì muốn xem khung cảnh và sinh hoạt của giới thượng lưu như thế nào. Sau phần ẩm thực, đến phần khiêu vũ thì Thức lẩn vào một góc tối, ngồi nhìn thiên hạ từng cặp du dương theo điệu nhạc. Ngồi như thế không được bao lâu, bất chợt có tiếng người hỏi:

- Sao anh không ra nhảy với mọi người?

Thức quay nhìn người mới đặt câu hỏi, trong ánh đèn mờ mờ, đó là một người

con gái còn trẻ, xinh xắn. Sau một chút đắn đo, Thức đành thú thật:

- À, tại tôi không biết nhảy.

Cô gái mạnh dạn hơn, ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh.

- Nhảy cũng đâu có khó gì, anh chỉ tập một lúc là biết thôi, nhảy cho vui thì

dễ, còn nhảy giỏi lại là chuyện khác.

- Tôi cũng nghĩ vậy nhưng chưa bao giờ thử cả.

Cô gái trở nên liến thoắng:

- Nếu vậy để Nga chỉ cho anh nghe, đợi điệu nhạc nào dễ Nga sẽ hướng

dẫn, đừng ngại, không khó đâu.

- Thôi, cám ơn cô, để lúc khác chứ lúc này tôi thấy không tiện. Chắc cô là

bạn của gia đình Trực?

- Nga là bạn của Vân, em anh Trực.

Thật lòng Thức cũng không có ý định học nhảy lúc này, vì trông những bước chân uyển chuyển mềm mại, chàng hiểu ngay mình khó có thể học nhảy trong chốc lát, chỉ muốn ngồi nói vài ba câu chuyện với Nga một lúc rồi kiếu từ, về sớm quá sợ mang tiếng không được lịch sự. Nhưng khi nghe bản nhạc slow thì Nga nắm tay Thức kéo ra sàn nhảy. Không lẽ lại dằng co từ chối trước mặt mọi người, Thức đành đứng dậy theo Nga. Nàng nhỏ nhẹ nói vào tai Thức cách đếm bước chân, Nga có cách giải thích khá rõ nên chỉ vài phút sau là Thức đã bước đi đúng nhịp. Khi bản nhạc kết thúc, hai người về chỗ ngồi, Nga lên tiếng:

- Anh nhảy được rồi đó, vài lần nữa là quen thôi. Thầy này nhiều năm kinh nghiệm mà!

- Cô học hồi nào mà có vẻ thành thạo quá,

chắc là hay đi party lắm phải không?

- Nói đùa với anh chứ Nga cũng chỉ biết vài điệu căn bản và cũng không sành sỏi lắm đâu — rồi cười nói tiếp, chỉ dám làm thầy anh chứ không dám qua mặt ai hết.

Bấy giờ Thức cảm thấy vui lây với cái tính hoạt bát của Nga, lại có vẻ tự tin hơn, không quá tệ như chàng vẫn nghĩ về mình, thêm vào đó là được tiếp xúc gần gũi với người khác phái vui vẻ, linh hoạt nên Thức không còn ý định về sớm nữa. Khi cùng ngồi với nhau ở bàn, Nga dùng hai ngón tay trỏ và giữa chỉ bước đi, rồi lúc nào có nhạc thích hợp lại kéo Thức ra sàn nhảy. Hai người như hình với bóng, dưới mắt mọi người đây là một cặp tình nhân gắn bó, vì chàng và nàng không nhảy với một ai khác. Trong ánh sáng mờ mờ cùng màu son phấn làm tăng vẻ đẹp của Nga hơn lên khiến Thức ngây ngất, chàng cảm thấy mạnh dạn, ăn nói lưu loát, rồi khi đêm vui kết thúc, Thức lại có cơ hội đưa Nga về tận nhà. Tình yêu đã đến rất nhanh sau đêm vui đó, và những ngày kế tiếp đã có đôi tình nhân khắng khít, đi về có nhau.

Thức rất thiết tha với mối tình đầu, cũng như bao nhiêu người mới yêu, thấy cuộc đời là hạnh phúc, nên chàng đã xây bao nhiêu là ước mộng cho tương lai. Nhưng chưa tròn một năm thì cuộc tình đã kết thúc. Nga tự ý quay lưng và cắt đứt mọi liên lạc để Thức không thể nào gặp được nàng nữa. Nga đã chủ động đến, rồi đi, không một lời giải thích khiến chàng mang theo nỗi thắc mắc đến tận hơn hai mươi năm sau.

Trong chuyện tình ái, Thức không có nhiều kinh nghiệm, lại thêm mặc cảm mình không thuộc loại đẹp trai và ăn nói không duyên dáng. Dù thực tế chàng cũng không quá tệ và nói chuyện không có duyên thì cũng có cái chân thật. Nhưng có lẽ do đạo mạo, ít nói, khiến người đối diện phải dè dặt khi muốn kết thân, hoặc do sự nhút nhát nên Thức ngại tiếp xúc với phái nữ, sợ mở lời không được hưởng ứng thì xấu hổ. Bởi vậy khi quen biết Nga, Thức như được bước qua một con đường mới, khác với con đường chàng đi từ bao nhiêu năm qua. Con đường mới có nhiều hoa thơm cỏ lạ đã làm Thức mê muội, không còn phân biệt thật hư xấu tốt, đến khi hiểu được ra lẽ thì tâm hồn cũng đã sứt mẻ ít nhiều. Cuộc tình tan làm Thức buồn lắm, chàng cố níu kéo nhưng lần nào đến tìm Nga đều được người nhà trả lời Nga không có nhà, gọi điện thoại ra sở cũng được trả lời Nga vắng mặt. Một đôi lần gặp thì Nga tỏ vẻ lạnh lùng xa lạ. Mối tình đầu thất bại đã giúp Thức trưởng thành hơn trong vấn đề tình ái, biết nhìn người ngó ta, những dại khờ trước kia đã bớt đi rất nhiều. Mặc dù là mối tình đầu, Thức cũng không còn nặng tình lưu luyến, nhưng những con đường từng chung đôi, bao nhiêu góc phố từng hẹn hò, những hàng quán đôi lần ghé qua, cùng những rạp ciné với bóng tối đồng lõa..., đối với Thức luôn là những kỷ niệm thật đẹp, chẳng bao giờ quên được.

Sau Nga, Thức cũng có thêm vài mối tình nhẹ nhàng, không đủ sâu đậm để đi đến hôn nhân. Cha mẹ của Thức cũng sốt ruột nên tìm người mai mối . Cuối cùng, bà mối đã kiếm được cho Thức một người con gái, con nhà tử tế và có học thức. Như vậy là trong nhà có năm anh em ba trai hai gái, chỉ cô em út tự chọn người yêu khi đang là sinh viên, còn bốn người kia đều nhờ mai mối mới nên vợ chồng.

Gia đình Hảo cũng như gia đình Thức, đều chịu ảnh hưởng Nho giáo. Hảo được đi học trường tây rồi đi du học ở Pháp, nhưng văn hóa Tây phương không lấn áp được truyền thống gia đình. Hảo có sắc đẹp trên trung bình, hiền hậu nhưng lại rụt rè kín đáo nên không quen biết nhiều. Đến ba mươi tuổi, được người giới thiệu làm quen với Thức. Cùng cảm thấy có sự tương hợp trong ý tưởng và quan niệm sống, nên cả hai đã đồng ý đi đến hôn nhân. Tiệc cưới được tiến hành trong sự hân hoan của gia đình, và cha mẹ của đôi bên đều bằng lòng cho sự kết hợp này.

Từ khi về sống chung với nhau, Thức nhận thấy Hảo là người của gia đình nhiều hơn xã hội, mặc dù trong sở làm Hảo có chức vụ cao, dưới quyền cũng nhiều nhân viên. Cả hai cùng đi làm, nhưng khi về nhà, Hảo lo cơm nước và quán xuyến gia đình. Thức cũng áy náy khi thấy Hảo dành hết mọi chuyện nấu ăn giặt giũ... Nhưng khi đề nghị đề mình phụ giúp như rửa chén chẳng hạn thì Hảo không đồng ý, bảo đó là chuyện đàn bà. Thức nghe nhưng cảm thấy chẳng mấy thoải mái khi để một mình Hảo gánh hết chuyện nhà, vì vậy mỗi buổi chiều, khi cả hai cùng đi làm về, trong lúc Hảo chuẩn bị cơm tối thì Thức cũng vào bếp, phụ những gì có thể làm được. Lâu dần thành thói quen nên Hảo cũng dành sẵn cho Thức vài việc để giúp mình. Hai người sống với nhau được vài năm thì biết Hảo không thể có con, dù cố gắng chữa trị nhưng không thành công. Thời gian đầu cả hai

đều buồn, nhưng mỗi người đều cố giấu để còn an ủi nhau. Những lúc trông thấy Hảo bồng bế con người khác, Thức cũng bùi ngùi thương Hảo, nếu có con Hảo là người mẹ tốt. Đôi khi vô tình, gặp cảnh vợ chồng con cái người ta vui vầy với nhau, Thức cũng cảm thấy lòng mình se thắt. Nhưng thời gian trôi qua đã mang theo dần những mong muốn, tuổi càng cao thì cả hai cùng chấp nhận sống với nhau bằng nghĩa vợ chồng keo sơn.

Khi dắt nhau ra sống ở hải ngoại, những năm đầu vì phải lo ổn định cuộc sống, Thức và Hảo cũng không mấy quan tâm tới chuyện con cái. Đến khi đời sống trở lại bình thường, cả hai cùng thấy trống vắng vì căn nhà rộng đi về chỉ có đôi bóng. Ý nghĩ về một đứa con trở lại trong tâm trí Thức và Hảo. Lúc còn ở quê nhà, mở cửa ra đã gặp hàng xóm, bạn bè và tiếng trẻ con nô đùa, còn ở xứ người, chung quanh hàng xóm không mấy thân thiết, gặp nhau chào hỏi lịch sự nhưng nhà ai nấy ở. Bà con ruột thịt đã không nhiều, lại sống cách xa nhau nên không tiện thăm viếng. Hảo đề nghị Thức xin con nuôi, một điều Thức cũng có nghĩ đến nhưng còn e ngại, con đẻ còn mang tiếng "*Sinh tử mạc sinh tâm*" huống chi con nuôi. Thức sợ sau này con nuôi phát triển theo một cách khác không như mình hướng dẫn sẽ buồn khổ. Cả Thức và Hảo đều có tinh thần trách nhiệm cao nên nghi ngại đắn đo. Cuối cùng cả hai bàn bạc nhau và đi đến kết luận không nghĩ đến chuyện này nữa. Tuy vậy, những chiều mùa đông giá lạnh, bước chân ra khỏi sở, trông thấy vợ chồng con cái đón đưa nhau, Thức không thể nào không suy nghĩ và buồn cho mình. Hảo cũng không hơn, mỗi lần gặp cảnh mẹ cùng con gái dắt nhau đi phố hay dạo chơi ngoài công viên, Hảo cảm thấy xót xa, trách định mệnh sao đắng cay, sinh ra phận đàn bà nhưng lại lấy mất của nàng thiên chức làm mẹ.

Thức đi làm suốt ngày, công việc ổn định nhưng nhàm chán, vì ngày nào cũng có bấy nhiêu việc. Nhưng Thức chẳng muốn tìm kiếm công việc khác, đã thế lại dặn lòng cố gắng làm cho đến ngày hưu trí. Đời sống tình cảm cũng vậy, từ ngày lập gia đình, Thức không mơ tưởng đến một người đàn bà nào khác, hoặc mở một cuộc phiêu lưu mới. Có lẽ do bản tính mà cũng có thể do sự giáo dục của gia đình. Cuộc sống tưởng cứ thế lặng lẽ êm trôi. Nào ngờ sóng gió lại nổi lên. Một hôm trong giờ làm việc, điện thoại trên bàn reo, Thức cầm phone trả lời thì nghe một giọng phụ nữ nói:

- Anh Thức hả ?
- Vâng, tôi đây...
- Có biết ai đây không?
- À...à ... Không biết, xin lỗi...
- Có còn nhớ... thầy dạy nhảy không?
- À... Nga hả? Phải Nga không?
- Đúng, Nga đây, vậy là vẫn còn nhớ, tưởng quên mất rồi chứ, hơn hai mươi năm rồi!
- Ừ nhỉ! Hơn hai mươi năm rồi... Nhưng sao Nga biết số phone của anh, ai cho vậy?

Nga cười nói :

- Số phone thì mở sổ điện thoại ra là thấy, tại sao phải cần ai cho! Bây giờ

chắc chắn anh đã có gia đình, vậy con cái ra sao, được mấy đứa?

Sau vài câu hỏi xã giao, Thức kể cho Nga nghe qua cuộc sống của mình hiện tại, Nga cũng cho biết nàng hiện sống với Mai, con gái duy nhất được mười sáu tuổi, đang còn đi học. Nga đã ly dị với chồng khi con được hơn một tuổi. Cả hai cùng nói chuyện suốt cả tiếng đồng hồ, thoải mái, thân thiết như hai người bạn lâu ngày không gặp. Câu chuyện vui đến nỗi Thức cũng quên đi thái độ lạnh lùng trước kia của Nga. Nhưng khi câu chuyện kết thúc, đặt điện thoại xuống thì trong lòng Thức xuất hiện một cảm giác khác lạ. Bao nhiêu chuyện trong dĩ vãng xa xưa tưởng đã vào quên lãng, phút chốc trở mình thức dậy. Từ lúc đó, những kỷ niệm nối đuôi nhau đi qua tâm trí của Thức, nó như một cuốn phim được chiếu đi chiếu lại. Nhưng mỗi lần chiếu lại, có thêm thắt những phần lục lọi được trong trí nhớ. Và cứ thế, Thức thẩn thờ suốt mấy tiếng đồng hồ còn lại ở sở, rồi lại theo chàng về nhà. Hình ảnh Nga với ánh mắt nụ cười ám ảnh Thức mấy ngày kế tiếp. Thức muốn gọi điện thoại nói chuyện với Nga, nhưng ngần ngại vì không biết Nga có cùng một tâm trạng với mình chăng, Thức vẫn còn nghi ngờ sự thành thật của nàng. Cũng vì không nói chuyện với Nga nên chuyện xưa càng sống dậy trong lòng. Thức nhớ kỷ niệm vui buồn trong những ngày tháng với Nga, một thời trẻ trung, sôi nổi và yêu đời. Càng nhớ bao nhiêu thì Thức lại càng luyến tiếc một quãng đời tươi đẹp của tuổi thanh niên, khi chưa va chạm nhiều với cuộc sống, chưa biết nhiều những ưu phiền của thế gian.

Ba hôm sau, Nga lại điện thoại cho Thức, có lẽ nàng cũng bị dĩ vãng làm xáo trộn tâm hồn. Hai người nói chuyện say sưa, kể cho nhau nghe

những chuyện vui buồn trong đời sống. Hai mươi năm không gặp, trong tâm trí người này vẫn giữ hình ảnh trẻ trung của người kia. Cuộc tình đã bị cắt ngang do Nga chủ động, không một lời giải thích lý do nên đối với Thức nó vẫn còn đâu đó, chưa có dấu chấm hết, vì vậy sự trăn trở của Thức mạnh mẽ hơn Nga. Trong lúc cuộc sống đang nhàm chán, thiếu bạn bè để nói chuyện hay tâm sự thì Nga xuất hiện, cùng với những tình cảm ngổn ngang đang chuyển biến trong lòng, Thức viết ra giấy rồi gửi cho Nga đọc. Ngày nào vào sở Thức cũng dành ít thời gian viết thư, nhưng không phải là thư tình mà viết với hình thức nhật ký. Có những việc khi viết xong, Thức cũng biết là không có gì liên hệ tới Nga, cũng không phải vấn đề mà đàn bà thường để ý, nhưng được vài ba trang thì chàng bỏ bao thư gửi đi. Cũng từ đó, Nga gọi điện thoại cho Thức thường xuyên hơn. Nhưng càng nói chuyện nhiều, Thức càng nhận ra cách nói chuyện vui vẻ của Nga ngày xưa không còn nữa, giờ đây thường là những lời buồn chán, thở than. Một câu hỏi suốt hơn hai mươi năm qua vẫn canh cánh trong lòng, Thức đợi lúc thuận tiện sẽ hỏi Nga, đó là tại sao cuộc tình đang nồng ấm thì Nga lại quay lưng, không một lời từ giã!

THÁI ANH DUY

NGÀN THU QUANH EM

Bầy chim vẽ tuổi lá ngàn
thơ ngây em vẽ điêu tàn trong cây
âm u rừng bủa vây ngày
ưu tư con nước vỡ đầy bãi xa
khói lên khỏa lấp chín tòa
một bầy dơi quạ mở ra hang cùng
thiêu thạch động lửa bập bùng
hoàng hôn khóa chặt cánh đồng chiêm bao
em ngồi xõa tóc trăng treo
bên mình, ta gọi bóng chiều đi qua
từ đâu vang dội lời ca
tự trong ký ức nổ ra bão bùng
mũi sâu cắm xuống vô cùng
nông sờ em nhẹ nửa vòng búp tay
đỉnh đời thấm thía cơn say
bánh xe tung hợp bụi bay mịt mờ
lần theo thăm thẳm hư vô
quanh em, ta thấy ngàn thu tụ về.

Nga nhỏ hơn Thức hai tuổi, nhưng lại bước chân vào đời sớm hơn. Khi Thức còn ngồi ở giảng đường thì Nga đã kiếm được tiền. Học chưa xong trung học, Nga xin vào làm thư ký cho một hãng thầu xây cất. Trong thời gian này Nga quen biết rồi yêu một sĩ quan trẻ mới ra trường. Hai người tính chuyện lâu dài với nhau, nên dù chưa cưới xin, Nga tin tưởng giao trọn sự trong trắng cho người mình yêu. Nhưng mộng ước không thành vì chàng đã bỏ thân nơi chiến trường. Vết thương lòng cũng nguôi ngoai dần vì Nga còn trẻ, chung quanh có nhiều người theo đuổi. Nàng thú thật với Thức là trong thời gian quen nhau, Nga vẫn chưa dứt khoát với Thức vì còn vài người đàn ông khác để lựa chọn. Trong số đó có Tuấn, con trai ông chủ hãng, giàu có và hào hoa. Tuy nhiên, Thức là người nàng kính trọng và dành cho nhiều cảm tình tốt đẹp nhất. Nhưng chính vì sự đứng đắn, chững chạc của Thức làm nàng e ngại, biết Thức có chấp nhận lấy một người con gái dở dang như nàng không. Nói ra sự thật, Nga sợ Thức coi thường mình thì tình yêu cũng mất. Nhưng không nói, đợi đến khi về làm vợ Thức, liệu có giữ được hạnh phúc gia đình không. Vì sống trong thời kỳ xã hội còn khắt khe với phụ nữ nên Nga phải chịu ảnh hưởng. Muốn được làm vợ Thức, nhưng phải tính chuyện lừa dối chàng. Suy đi tính lại, Nga không dám phiêu lưu. Tuấn thì khác với Thức, anh ta là một tay chơi nên tánh tình tỏ ra phóng khoáng hơn. Tuấn theo đuổi Nga, dù biết sự thật cũng thề thốt yêu đương, trung thành với nàng suốt đời. Anh ta ngon ngọt bảo với Nga là vui chơi đã quá nhiều, nay chỉ muốn dừng chân, lo cho gia đình và vợ con... Cuối cùng Nga chấp nhận lấy Tuấn, nhưng nàng không một lời giã biệt vì tình yêu chân thành và sự đứng đắn của Thức làm nàng luyến tiếc. Bởi ý nghĩ đơn giản của Nga lúc đó là nói lời chia tay với Thức thì mối cảm tình tốt đẹp kia sẽ mất. Mất một tình yêu trong sáng có ai mà chẳng tiếc!

Sống với Tuấn trong một vài năm đầu rất

êm ấm, Nga cảm thấy mình thật hạnh phúc vì Tuấn tỏ ra biết lo gia đình, biết chiều chuộng Nga. Trong khi xã hội có nhiều thay đổi vì biến cố 30 tháng 4, gia đình Tuấn vẫn sống đầy đủ. Nhưng được chừng hơn ba năm sau, khi Nga có thai thì Tuấn trở lại con đường ăn chơi như trước. Lúc này đồng bạc có giá, với tài sản sẵn có, Tuấn tha hồ vung vít, nay em này mai em nọ. Nga khuyên bảo thế nào Tuấn cũng chẳng nghe. Sau khi Nga sanh nở, tưởng có con sẽ làm Tuấn suy nghĩ lại, nhưng vẫn chứng nào tật ấy. Cuối cùng khi con được đầy năm, Nga quyết định bế con đi vượt biên. Hy vọng sang đến Mỹ sẽ gởi giấy bảo lãnh Tuấn sang, xa rời cuộc sống trác táng. Nhưng Nga đã lầm, Tuấn không những không đi mà còn đem người đàn bà khác thế chỗ của Nga. Kết cuộc, thay vì gởi giấy bảo lãnh, Nga đã gởi giấy ly dị. Thế là một trang đời đã lật qua, nơi xứ lạ quê người, phải tự lo liệu lấy cuộc sống, vừa đi làm vừa nuôi con, nhiều lúc Nga cảm thấy chán nản, nhưng nghĩ đến con Nga lại cố gắng. Thời gian trôi đi, con lớn dần, Nga cũng dạn dày, chững chạc hơn và ít khi nghĩ đến chuyện kết hợp với người đàn ông khác vả lại Nga cũng không gặp được người vừa ý .

Hai mẹ con sống ở Mỹ được mười lăm năm, Nga quyết định đưa con về Việt Nam, trước là để cho con gái gặp được cha ruột, sau là thăm gia đình bè bạn. Trong một bữa tiệc, vô tình Nga gặp người anh họ của Thức mà trước đây có biết chuyện hai người. Anh ta nghĩ đơn giản là chuyện đã cũ, nay hai người đều đã có cuộc sống riêng, nếu gặp nhau cũng chỉ coi nhau như bạn bè, vì vậy không ngần ngại cho số điện thoại của Thức để Nga liên lạc. Nào ngờ sự kiện này này đã làm xáo trộn cuộc sống bình yên của cả hai. Bao lâu nay Nga sống cô đơn, khép mình trong bổn phận làm mẹ, cuộc sống đơn điệu nhàm chán đã làm cho Nga trở nên bi quan, không còn hồn nhiên yêu đời như xưa. Từ ngày liên lạc với Thức, Nga như tìm được một người thân để tâm sự, hàn huyên. Nàng thường gọi điện thoại cho Thức vào buổi sáng, trong lúc ngồi chờ đến giờ đi làm. Vì Thức ở miền đông, cách Cali ba tiếng nên Nga gọi thường vào giờ Thức được nghỉ giải lao. Cũng tiện nhưng vì lúc đó chưa có cách gọi bằng card, vì vậy tháng nào Nga cũng phải trả tiền điện thoại khá nhiều. Thức yêu cầu Nga gọi ít lại, nhưng Nga nói úp mở là có nói chuyện được thì Nga mới không tìm nguồn vui khác.

Hai người tiếp tục liên lạc với nhau như vậy cũng được tám tháng. Thức kín đáo không cho Hảo biết, Hảo cũng không thắc mắc hành vi của Thức vì sống với nhau bao nhiêu năm qua, Thức không làm điều gì để Hảo mất tin tưởng cả. Mối tình cũ đã làm Thức phải suy tư, nuối tiếc. Tuy nhiên, khi nghĩ đến việc thay đổi cuộc sống hiện tại để có thể sống chung với Nga, ý tưởng đó không thuyết phục được Thức. Bởi chưa bao giờ Thức có ý nghĩ sống xa Hảo, hơn nữa, Thức vẫn còn ít nhiều thành kiến không đẹp với Nga, vì hơn hai mươi năm trước nàng quay lưng đi mà chẳng nói một lời. Dù vậy tình cũ không rủ cũng đến, cả Thức và Nga đều có ý muốn gặp lại nhau. Lúc đầu Nga dự tính đợi khi Mai có mấy ngày nghỉ cuối năm, hai mẹ con sẽ qua thăm Thức. Nhưng Nga không xin nghỉ được vì công việc cuối năm bận rộn. Thức cũng muốn sang thăm Nga, và cũng để quan sát đời sống như thế nào mà đã làm biến đổi con người nàng, từ một người nhí nhảnh, lạc quan yêu đời, một tánh tình mà Thức rất thích ở Nga, thì nay lại đầy bi quan yếm thế. Chàng cũng hy vọng nếu hiểu rõ được nguyên nhân sẽ tìm cách nâng đỡ tinh thần của Nga lên, không muốn mỗi ngày càng suy sụp thêm nữa. Thức đã nói dối Hảo là có người bạn cùng khóa ngày trước, hiện ở Cali và đang hấp hối vì bị ung thư, các bạn cũ muốn có một cuộc họp mặt, trước khi anh ta mất. Thức còn chọn tháng tư, vì tháng này Hảo phải bận rộn tổng kết năm tài chánh sẽ không đi theo được. Hảo thật thà khuyên Thức nên đi thăm bạn lần cuối. Thấy Hảo quá tin tưởng ở mình, Thức thấy lương tâm chẳng yên ổn, nhưng tình cũ vẫn có sức quyến rũ không cưỡng lại được. Vậy là chàng xin nghỉ phép một tuần để đi thăm Nga.

Phi cơ hạ cánh lúc hơn tám giờ rưỡi. Thức vội vã ra cổng thì Nga đã chờ sẵn, cả hai cùng nhìn nhau ngỡ ngàng trong giây lát rồi ôm chầm lấy nhau. Thức nay đã mập ra và hơi có bụng , còn Nga đẫy đà hơn xưa, trên khuôn mặt xinh xắn ngày nào nay đã xuất hiện vài nếp nhăn. Như đã hẹn hò từ trước, Nga giữ cho Thức một phòng ở khách sạn gần nhà Nga và đưa chàng về đây. Sau khi cất xong hành lý, cả hai cùng đến một nhà hàng cách đó không xa mà Nga đã giữ chỗ trước. Nhà hàng nằm trên triền đồi thoai thoải, nhưng cũng có thể nhìn thấy thành phố lấp lánh ánh đèn. Hơn hai mươi năm, cả hai mới có dịp ngồi ăn với nhau trong một nhà hàng như thuở xa xưa. Thức cầm tay Nga mà

nghe xao xuyến, thời gian như ngừng lại. Nga đã già đi nhiều hơn số tuổi của nàng, lời ăn tiếng nói mang nhiều ưu tư chứ không vui vẻ, duyên dáng như xưa, đôi bàn tay mềm mại ngày nào đã làm Thức rung động, nay cũng dạn dày với những vết chai. Cả hai cùng ít nói, vì mỗi người đang chìm trong nỗi suy tư riêng của mình. Cả một dĩ vãng hiện về, một niềm luyến thương nuối tiếc. Im lặng một lúc, Nga lên tiếng:

- Ngày xưa em thương và kính trọng anh lắm, lúc nào em cũng có mặc cảm tự ti, không xứng đáng với anh. Anh đứng đắn đàng hoàng, ngoài em ra, vòng tay anh chưa hề ôm ấp người con gái nào khác. Tuấn thì đã có bao nhiêu là con gái đi qua đời, thậm chí nhớ không hết. Em đã lấy Tuấn vì nghĩ con người ăn nọ cũng phải ngừng, chơi bời nhiều quá cũng phải có lúc ngưng. Tuấn không quan tâm đến dĩ vãng của em, điều đó làm em cảm thấy thoải mái hơn là lấy anh. Anh cao cả, anh phải được hưởng những gì trong sạch, chứ em thì đã vướng bụi trần rồi. Em hỏi ý kiến mấy đứa bạn thân, tụi nó cũng có cùng một ý nghĩ như vậy, chứ mất anh em cũng khổ tâm lắm...

- Em có lý của em chứ thật ra bao giờ anh cũng thấy mình tầm thường, sống gần hết cuộc đời mà chẳng làm được điều gì xứng đáng cả. Ngày đó nếu em mạnh dạn nói sự thật, biết đâu ngày nay đã khác.

- Đôi khi em cũng nghĩ như vậy, nhưng không hiểu lúc đó sao em lại ngại nói lên sự thật... Có lẽ do duyên nợ chúng ta không có!

- Từ ngày em chia tay anh, mặc dù vẫn sống ở Saigon, nhưng chúng ta chẳng có cơ hội nào gặp lại nhau, đến nay anh mới biết em lấy Tuấn.

Rồi nửa đùa nửa thật Thức cười hỏi:

- Chắc hồi đó lấy Tuấn vì đẹp trai con nhà giàu và chê anh nghèo lại xấu trai nữa chứ gì?

- Cũng là một lý do, nhưng nó không quan trọng lắm vì lúc đó mình còn trẻ, đời còn dài, còn lý tưởng và nhiều hy vọng, - Nga cười rồi tiếp - vả lại, lúc đó anh có nghèo rớt mồng tơi đâu, cũng là công chức hạng A mà, lấy anh biết đâu sau này làm bà này bà nọ...

Hai người cùng ngồi với nhau đến khuya mới đưa nhau về. Xe dừng trước khách sạn, Thức muốn Nga vào chơi một lát, nhưng nàng từ chối:

- Thôi, khuya rồi, để em về kẻo Mai nó trông, không biết mẹ đi đâu vì từ hồi nào tới giờ em chẳng khi nào về nhà quá trễ như hôm nay. Anh lên phòng ngủ ngon, sáng mai em sẽ đến.

Thức chưa bước xuống xe. Dưới ánh đèn đường mập mờ, cả bốn mắt cùng nhìn nhau thật lâu rồi cùng vòng tay ôm lấy nhau, môi tìm môi hôn nhau say đắm. Buông nhau ra, Thức thấy một vài giọt nước mắt lăn dài theo khóe mắt Nga. Thức lại ôm Nga vỗ về, lòng chàng cảm thấy xót xa.

Hôm sau Nga đến sớm, nàng mặc chiếc áo t-shirt màu thiên thanh, vì biết Thức thích màu áo thuở mới quen nhau. Vừa khép cửa phòng là Thức ôm lấy Nga, cả hai cùng ghì chặt vào nhau, rồi lăn ra chiếc giường còn bừa bộn chăn mền. Đất trời chỉ còn có hai người. Rồi Nga nằm gối đầu tay Thức và vòng tay ôm lấy chàng, nói nhỏ:

- Phải chi em gặp lại anh sớm hơn chừng mười năm, em sẽ sinh cho anh một đứa con cho anh vui . - Nói tới đây Nga bỗng nhiên sôi nổi

- À! Mà để em tính lại coi, có thể hôm nay đúng ngày, em mà có bầu, lần này anh sẽ không để thoát em đâu!

- Thoát gì nổi! Trốn hơn hai mươi năm rồi vẫn bị em tóm cổ mà, đâu thoát khỏi yêu tinh tình nữ!

- Sao lại gọi em là yêu nữ?

- Muốn xuất hiện thì xuất hiện, muốn biến mất thì biến mất, chẳng yêu tinh là gì?

- Ừ! Em cũng quỷ quái thật. Rồi ngậm ngùi nói tiếp. Tụi mình đã lớn tuổi cả rồi, sanh con ra mà nó kém cỏi, không bằng ai cũng tội nghiệp cho nó. Muộn quá rồi!! ... Hơn hai mươi năm nay em vẫn mong có được một người đàn ông đi bên cạnh , để được chia sẻ buồn vui và những giây phút đầu gối tay ấp như thế này. Lấy Mỹ thì em không thích, mà Việt thì ở đây không nhiều, cơ hội gặp nhau rất ít, lại bận con cái, rồi công ăn việc làm, thêm nhiều thứ lo khác nên thời gian trôi qua lúc nào không hay, nhìn lại thấy sắp hết cuộc đời rồi!

- Anh cũng thông cảm chuyện đó , nhưng ở đây là vùng nhiều người Việt định cư nhất, chẳng lẽ bao lâu nay em chẳng gặp được ai?

- Đồng ý là như vậy, nhưng mình bây giờ đã lớn, biết tính toán lựa chọn chứ đâu phải như thuở trẻ trung nữa.

Cả hai cùng nằm tâm sự đến trưa mới cùng nhau xuống phố. Ăn trưa xong, Nga đưa Thức đi thăm một vài nơi trong thành phố. Sau cùng là đi chợ chuẩn bị bữa cơm chiều. Nga cho biết đã nói chuyện với con gái về việc có Thức qua thăm. Con cái ở xứ Mỹ không quan tâm lắm chuyện tình cảm của cha mẹ, Mai chỉ biết Thức là boyfreind cũ của mẹ, và cũng muốn gặp Thức

vì mấy tháng nay vẫn thường nghe mẹ nhắc đến nhiều lần.

Căn nhà của Mai nhỏ và xinh xắn nằm dưới chân đồi. Trong nhà trang trí đơn giản nhưng khá ngăn nắp. Khi gặp Mai, Thức nghĩ ngay đến hình ảnh của Nga ngày xưa vì Mai rất giống mẹ. Bữa cơm tối quây quần chỉ có ba người làm Thức nghĩ đến một gia đình ấm cúng. Nhưng không chỉ riêng Thức, cả Nga và Mai cùng có ý nghĩ đó, chỉ khác nhau địa vị của mỗi người. Đến khuya, trước khi đưa Thức về, Nga đề nghị ngày mai cả ba cùng đi Las Vegas, vì cuối tuần, Mai được nghỉ nên rất vui vẻ đi cùng.

Sáng sớm hôm sau, Nga và Mai đến khách sạn đón Thức rồi cùng nhau lên đường. Thức đã đến Las Vegas một lần cách đây khá lâu, lần này đến có ít nhiều thay đổi. Sau khi lấy hai phòng ở khách sạn, cả ba cùng thả bộ dọc theo con phố chính. Nga cười ghé vào tai Thức nói nhỏ:

- Mai nó hỏi em sao không ở chung phòng với anh mà lại ở cùng phòng với nó.

- Trẻ con lớn lên bên này không giống như tụi mình ngày xưa. Nếu được như vậy chắc tụi mình đã khác chứ không như bây giờ.

Cả ba cùng đi lang thang, ngắm cảnh thành phố. Buổi tối cùng nhau đi ăn rồi qua xem show. Khi trở về khách sạn thì đã quá nửa đêm. Mai lên phòng ngủ trước. Thức và Nga đi loanh quanh xem người ta đánh bài. Thức không biết chơi bài nên chỉ đổi tiền xu kéo máy, nhưng Nga lại đổi tiền để đánh lớn. Cũng từ đây Thức biết nguồn vui mà Nga nói úp mở chính là đánh bài. Nga rất thích đánh bài. Thức kéo máy không thắng được đồng nào nên đến xem Nga đánh. Nga thấy vậy nói Thức cùng đánh chung, nàng có lý luận rất dị đoan là Tổ thường đãi kẻ mới biết đánh bạc, nhưng Thức từ chối. Đứng cạnh Nga được một lúc lâu, Nga có vẻ áy náy nên bảo Thức về phòng ngủ trước. Thấy ở lại cũng chẳng làm gì, lại buồn ngủ nên Thức làm theo lời Nga. Về phòng, Thức thay quần áo rồi lên giường mở TV xem, được một lúc thì tắt đèn đi ngủ. Đến gần chín giờ sáng hôm sau mới thức giấc. Sau khi rửa mặt, Thức thay áo quần bước ra khỏi phòng, nhìn sang phòng Nga thấy im lìm quá, chắc Nga còn ngủ. Chàng ra đường phố, tìm chỗ uống cà phê, nhìn quang cảnh thành phố luôn luôn nhộn nhịp này. Thức băn khoăn nghĩ đến cái đam mê đánh bạc đầy nguy hiểm của Nga.

Trong những ngày phép còn lại của Thức, Nga đã sắp sẵn chương trình đi chơi suốt Cali, từ nam đến bắc. Nhưng được dịp là Nga lại ghé qua sòng bài. Hầu như ở Los Angeles có bao nhiêu sòng bài thì Nga đều đưa Thức đi thăm cả. Thức than phiền thì Nga lý luận:

- Em biết đây là điều không nên làm, nhưng anh thử nghĩ coi, những buổi tối, sau khi cơm nước xong em cảm thấy trống vắng vô cùng, xem TV mãi cũng chán, sách báo thì anh biết rồi, em rất lười đọc. Chỉ khi ra đến sòng bài là có sự náo nhiệt ồn ào, và những con bài làm em không còn suy nghĩ chuyện gì khác. Đem tiền vào sòng bài biết là sẽ thua, ban đầu em trích ra một phần nhỏ của tiền lương để mua vui, nhưng dần dà thấy nghiện và số tiền cũng gia tăng, nhưng chưa biết làm cách nào dứt ra được.

Nga còn tâm sự luôn bị nỗi cô đơn vây bủa chung quanh, dù có con gái bên cạnh, nhưng Mai ở một thế hệ khác, khó tìm được sự đồng cảm sâu xa. Nếu cứ phải quanh quẩn trong nhà như vậy chắc sẽ tự tử sớm. Thức nghe và hiểu hoàn cảnh của Nga, nhưng để giải quyết vấn đề thì không biết phải có cách gì. Làm sao tìm được một người ở bên cạnh, để cùng chia sẻ với Nga những buồn vui, những ngày mưa tháng nắng của cuộc đời này.

Một tuần lễ qua nhanh. Trước khi về, Thức cùng Nga đến một nhà hàng gần biển. Ở đây, Thức đã dùng hết lời lẽ có được để khuyên bảo Nga xa lánh các sòng bài, khuyến khích nàng cố gắng vui sống và làm tròn bổn phận người mẹ. Nga rưng rưng buồn nói nàng cũng hiểu, nhưng có những việc làm đi ra ngoài sự kiểm soát của chính mình. Tuy vậy Nga cũng hứa sẽ cố gắng. Ra khỏi nhà hàng, trời chưa tối hẳn. Cuối tháng tư nên ngày đã dài hơn, mặt trời vừa lặn nên còn vương vất những tia nắng cuối cùng. Thức cảm thấy buồn buồn khi nhìn cảnh ngày tàn, chàng liên tưởng đến cái phù du của đời người, của mình, của Hảo, của Nga..., tất cả đang tàn dần như những ánh nắng hiu hắt cuối chân trời. Đời người thì không dài mà hạnh phúc lại mơ hồ, mấy ai tự cho mình là hoàn toàn hạnh phúc trên cõi đời này. Thức nắm tay Nga đi dọc theo con phố thưa người. Nga đi sát vào người chàng rồi nói:

- Em nhớ mãi buổi chiều mưa năm nào, anh đưa em về sau khi đi ciné. Dưới cái dù che mưa, em cũng nép sát vào anh như thế này. Lúc ấy em mong con đường dài vô tận để chúng ta có

thể đi mãi bên nhau... Cũng là lỗi ở em, không biết nắm lấy hạnh phúc trong tay.

- Không nên nghĩ vậy Nga ạ. Sống đến ngần này tuổi, chúng ta phải chấp nhận rằng mỗi người đều có một số mạng riêng, và hạnh phúc của mình còn tùy thuộc vào vận số đó. Cái chính là mình phải biết tìm cho mình một lẽ sống, để vui và hạnh phúc mà đi cho hết cuộc đời...

Hai người vừa đi vừa nói chuyện đến khi trời tối hẳn mới trở về. Trên đường về, Thức muốn ghé lại nhà Nga để chào từ biệt Mai. Chàng cảm thấy quý mến Mai. Mai ngoan và dịu dàng, nhất là cũng chưa bị Mỹ hóa như một số cô gái cùng lứa tuổi. Ngược lại, Mai cũng dành cho Thức nhiều cảm tình tốt đẹp.

Hôm sau khi ra phi trường, trước khi lên máy bay, Thức còn nhắc lại lời khuyên chiều hôm trước. Nga rưng rưng nước mắt, ôm chầm lấy Thức nói nhỏ:

- Vâng, em sẽ cố gắng nghe lời anh, để được xứng đáng với anh. Nhưng biết bao giờ em mới gặp lại anh đây?

Rồi hai người trao nhau nụ hôn từ giã. Thức bước nhanh vào cổng. Quay nhìn lại thấy bóng Nga lủi thủi, cô đơn in dài trên lối ra, lòng chàng thổn thức, thấy thương Nga vô cùng.

Trở về nhà, suy nghĩ chuyện của hai người, Thức nhận thấy tình cảm của hai người bấy lâu nay chỉ là dư vị của cuộc tình xưa, không thể gọi là một tình yêu sâu đậm, vả lại khó đi lại từ đầu vì mỗi người đều có một đời sống riêng, và những sợi dây ân tình, những cái rễ đạo lý đã đan kết vào nhau suốt mấy mươi năm qua, khó lòng tháo gỡ ra được. Nhưng Thức hiểu mình chẳng thể nào quên được Nga, những kỷ niệm vui buồn cùng tình cảm tốt xấu dành cho Nga sẽ mãi mãi theo chàng đến hết cuộc đời.

Trong sở làm, Nga vì công việc nên chẳng nói chuyện được với ai, đồng nghiệp phần đông là người Mỹ, thường khó kết thân, còn bạn Việt đã ít lại chỉ có thể gặp nhau vào cuối tuần . Về đến nhà có nói chuyện với Mai cũng vài ba câu, nên gần như suốt ngày Nga mở miệng được vài lần. Bởi vậy, khi có nhu cầu phải nói thì Nga dùng điện thoại. Từ ngày liên lạc với Thức, tháng nào hóa đơn tiền điện thoại cũng cao gấp mấy lần bình thường vì gọi viễn liên. Để tránh tốn kém cho Nga, Thức khuyên Nga không nên gọi thường xuyên như vậy, phải cách vài tuần một lần. Và tránh tình trạng bên này nói qua, bên kia nói lại. Chàng cũng ít viết thư như trước. Tuy vậy, thỉnh thoảng Thức vẫn gọi hỏi thăm Nga. Thức cũng cho Hảo biết Nga là bạn cũ mới liên lạc được sau hai mươi mấy năm. Hảo quí bạn của chồng nên đôi lần Nga gọi điện thoại và gặp Hảo cầm phone, Hảo vui vẻ nói chuyện rồi mời hai mẹ con Nga có dịp sang chơi.

Sau những sôi nổi vì sự hồi sinh của mối tình xưa cũ, Nga hiểu ra là cuộc tình của hai người không có chỗ nào bám víu để tiến xa hơn được. Nhưng bù đắp vào đó, Nga tìm được một người đàn ông mà nàng kính trọng và tin tưởng để có thể kể lể tâm sự từ thể xác đến tâm hồn. Cuộc sống trôi dần với thời gian. Ngày Mai vào đại học, Thức đã gửi tặng Mai một cái computer với lời khuyên bảo và khuyến khích chân thành. Nga vẫn giữ liên lạc với Thức nên chàng cũng biết qua những sinh hoạt của hai mẹ con. Rồi Mai ra trường, đi làm được khoảng ba năm thì lấy chồng. Theo lời Nga kể thì chồng Mai là một thanh niên Việt Nam mới sang Mỹ, cả hai quen biết nhau từ khi còn học đại học. Nga rất vui vì chỉ sợ Mai lấy Mỹ, ngôn ngữ thì không ngại nhưng tập quán khác biệt. Nga thường chỉ trích lối sống gia đình theo kiểu Mỹ, nên Thức hiểu ngầm rằng Nga sợ sau này Mai có thể rơi vào hoàn cảnh như nàng bây giờ. Để chuẩn bị cho đám cưới, Nga trao đổi ý kiến với Thức về nghi lễ và tiệc tùng..., Thức không sành về chuyện cưới hỏi nhưng cũng sốt sắng hỏi thăm tin tức để hướng dẫn cho Nga. Nàng cũng tha thiết mời Thức và Hảo cùng qua dự đám cưới, nhưng chưa kịp trả lời thì mẹ của Hảo mất. Vì có đại tang, Hảo từ chối nên Thức cũng không có dịp gặp lại mẹ con Nga lần nữa. Đám cưới xong, hai vợ chồng Mai dọn ra ở riêng. Nga chỉ còn lại một mình trong căn nhà vốn đã quạnh quẽ, nay lại trống vắng hơn.

Thời gian cách đây khoảng hai năm, Nga thường gọi điện thoại cho Thức, than phiền về cảnh cô đơn buồn bã sau khi Mai về với chồng. Rồi một ngày bất chợt nhận được thư Nga, Thức hơi ngỡ ngàng vì chẳng mấy khi Nga viết thư nên vội vã mở ra xem. Đầu thư cũng những chuyện thăm hỏi bình thường, nhưng cuối thư có thêm mấy dòng: ''.... *Khi anh nhận được thư này thì chắc anh không còn cơ hội gặp em nữa . Em đã quá mệt mỏi với thế gian này , em sẽ đi tìm một thế giới mới hạnh phúc hơn. Xin anh hãy cầu nguyện cho em...* '' Thức biết có điều chẳng lành vội gọi điện thoại cho Nga nhưng không có ai trả lời. Thức gọi cho Mai thì nghe tiếng nức nở:

- Cậu ơi! Má con chết rồi, Má bỏ con mà đi

cậu ơi! Tại lỗi ở con, con không biết thương Má, con đã bỏ Má bơ vơ...

Thức quá xúc động, tự nhiên hai hàng nước mắt chảy quanh, chẳng tập trung tinh thần để khuyên bảo, an ủi Mai được điều gì. Thức chỉ nói chung chung:

- Không phải lỗi ở con đâu Mai ạ! Con đừng trách con nữa, Má con có lý do của Má, không vì một ai cả...

Cảm nhận được giọng nói đầy cảm xúc của Thức, Mai ngưng khóc. Rồi nàng kể cho Thức nghe Nga đã uống thuốc ngủ như thế nào và chuyện cứu chữa ra sao. Nhưng tất cả cố gắng cũng không làm Nga sống lại. Thức lấy lại tinh thần, nói phải trái để an ủi Mai, cũng như khuyên bảo điều hơn lẽ thiệt.

Thức chỉ xúc động nhiều chứ không ngạc nhiên về chuyện Nga tự tìm đến cái chết. Vì đã từ lâu, Thức nhận thấy tinh thần của Nga ngày một xuống thấp mà chàng không có cách gì vực lên được. Qua lời Mai kể, Nga mất cách đây gần hai tuần, tức sau lần cuối cùng nàng gọi điện thoại cho Thức, nhưng thư thì Nga lại nhờ ai đó gửi sau vài ngày. Nga cũng để di chúc cho Mai, nói đừng báo tin cho ai biết, dĩ nhiên trong đó có Thức. Nga cố tình sắp xếp để khi Thức biết tin thì mọi chuyện hậu sự đã rồi. Mai còn cho biết thêm, về sau này Nga thường xuyên đi đánh bài đến nỗi phải bán cả xe, nợ nần thì chồng chất. Đây cũng có thể là động cơ đưa đến quyết định tự tử của Nga.

Hơn ba mươi năm trước, Nga đến thổi bùng ngọn lửa tình đang khao khát của Thức, nhưng rồi Nga lại tự ý dập tắt nó đi. Hai mươi năm sau, Nga lại đến thổi một luồng gió mới vào cuộc đời đang đơn điệu nhàm chán của Thức. Cả hai cùng cố khơi lại ngọn lửa xưa, nhưng tro đã tàn, củi đã mục. Có cố gắng lắm thì làn gió cũng chỉ khơi được ngọn lửa lập lòe yếu ớt, soi rọi trên hai khuôn mặt với những hư hao theo năm tháng, cùng với những ràng buộc của cuộc đời. Lần này Nga ngự trị trong lòng Thức không hẳn gọi là một tình yêu, nhưng đã cho Thức hiểu thêm những khía cạnh của cuộc sống , những trăn trở, khắc khoải của một kiếp người.

Sau khi Nga mất, Thức và Mai vẫn giữ liên lạc với nhau, đôi khi gặp những chuyện khó khăn Mai thường hỏi ý kiến của Thức. Lần nầy đến Cali để dự đám cưới con trai trưởng của Phái, một người bạn thân cùng ở chung một xóm, cùng học với nhau suốt mấy năm tiểu và trung học. Thức đã hẹn sẽ đến thăm Mai rồi cùng nhau đi thăm mộ của Nga.

Máy bay hạ cánh, Thức theo đoàn hành khách bước xuống phi trường. Vừa ra khỏi cổng đã thấy Phái đứng đón. Cách nhau hơn mười năm không gặp, Phái đã thay đổi nhiều, trông khác hẳn ngày xưa, Thức phải nhìn một lúc mới nhận ra được. Phái thuộc loại người lúc nào cũng lạc quan yêu đời, vừa thấy Thức đã vui vẻ chào hỏi:

- Sao! Mày có khỏe không? Trông mày vẫn thế, tóc chưa bạc, chỉ có bụng hơi lớn đó nghe, liệu mà *diet* đi! Mày thấy tao ra sao?

- Tóc thì nhuộm đó ông ạ, còn bụng mày có thua gì tao đâu mà chê! Trông mày bây giờ giống hệt như ông già mày ba mươi năm về trước.

Thức theo Phái ra chỗ đậu xe, vừa ngồi vào xe Phái nói ngay:

- Mày về nhà tao ở, tao lo cho mày chỗ ăn ngủ trong mấy ngày ở đây, muốn đi đâu tao đưa đi.

- Nhà có chỗ ngủ không, nếu không thì cho tao ra Motel nào gần nhà cũng được, chỗ bạn bè cứ nói thật chứ đừng khách sáo gì nghe!

- Yên chí, nhà tao không thiếu chỗ ngủ. Phải chi có bà xã mày nữa thì mới đáng lo chứ có một mình mày tao dư sức phục vụ, nhưng sao không ráng kéo bà xã mày theo?

- Lúc này bà xã tao bận tổng kết năm tài chánh, đâu có đi đâu được.

- Mày còn nhớ kỷ niệm ngày xưa, khi còn học lớp nhì, mày rủ tao qua ngủ bên nhà mày một đêm, bị ông già mày đuổi về, ổng nói còn nhỏ làm gì phải có phép của cha mẹ, muốn ngủ lại phải nói ông già tao qua nói với ổng một tiếng. Ông già mày khó quá trời, bởi vậy anh em mày nên cả.

- Chứ mày có hư chỗ nào đâu?

- Đồng ý là vậy, nhưng... tao vẫn thấy nể ông già của mày.

Trên đường về nhà Phái, Thức quan sát kỹ hơn thì thấy mặc dù đã gần sáu mươi tuổi, đầu hói tóc bạc và mang kiếng lão, nhưng gương mặt Phái vẫn hồng hào, toát ra cái vẻ an nhiên tự tại. Để có được cuộc sống tươi sáng, con người cần phải biết đẩy lùi bóng tối qua một bên. Thức ngậm ngùi nghĩ đến Nga, đến những khoảng tối tăm của cuộc đời nàng. Không biết có nên đổ lỗi do số mệnh hay do Nga không nỗ lực. Nhưng khi cái tâm đã không còn thì cái tướng cũng phải tàn theo. Thức chợt nhớ đến câu mà thân phụ chàng vẫn thường hay đọc: *''Hữu tâm vô tướng, tướng tự tâm sinh... ''*

Quebec 11-05

TÌM CON

PHẠM THÀNH CHÂU

Qua khỏi Cầu Sơn, Thị Nghè (Hàng Xanh), gã để chiếc xe đạp từ từ trôi xuống dốc, rồi quẹo vào xóm trên con đường gập ghềnh những mô đất và những vũng nước dơ bẩn. Gã lắc chiếc chuông đồng nhỏ treo tòn teng dưới ghi đông xe để báo hiệu cho mọi người biết, ra mua kẹo kéo, mua vé số hoặc dò số. Đôi khi, theo thói quen, đang đạp xe trên đường vắng, gã cũng thò ngón tay út xuống cái chuông, khều cho nó kêu leng keng, chẳng vì mục đích nào cả. Gã chuyên bán kẹo kéo và vé số. Phía sau xe là một thùng có cục kẹo lớn, khi bán kẹo, gã kéo ra một khúc nhỏ, bẻ gãy và trao cho khách. Cục kẹo lớn đó, gã bán cả ngày cũng chưa hết. Phía trước xe gã treo một mớ đồ chơi trẻ con bằng nhựa. Những con thú, chiếc kèn, cây súng... đủ màu sắc. Khi có người mua, gã mở hộp kẹo ra. Phần nắp có một cái khung để một trái banh nhỏ. Ai mua kẹo cũng được bắn một phát súng hơi, nhắm vào trái banh, nếu bắn rớt trái banh thì ngoài khúc kẹo còn trúng thưởng một món đồ chơi. Trẻ con và cả người lớn đều thích trò chơi nầy. Ít người bắn trúng vì viên đạn là một nút điên điển nhẹ, khi rời nòng súng là đi chệch hướng ngay. Gã còn bán vé số, số đề nữa. Mỗi ngày có đến năm bảy tỉnh mở số, kết quả được gã chép vào một miếng giấy nhỏ, treo trước xe cho người ta tiện dò số. Khoảng bốn, năm giờ chiều, sau khi các đài phát thanh công bố các lô trúng, gã đến huyện đề nhận tiền trúng giao cho người may mắn.

Người gã cao lớn, râu ria mọc chơm chởm trên khuông mặt lầm lì. Khi nói, cả hàm râu quanh miệng gã chuyển động giống mấy con sâu róm khổng lồ cựa quậy. Hai vai rộng, chân tay dài lòng khòng, người hơi gập về phía trước. Đôi mắt vừa u uẩn vừa vô hồn, như không thấy gì ngay cả khi đối đáp với ai. Chỉ với bọn trẻ nít, gã mới trở nên linh động, vui vẻ. Gã rất tử tế với chúng, có khi tặng kẹo cho những đứa không có tiền. Buổi sáng và giờ tan trường, gã bán kẹo trước cổng các trường học. Gã thường móc trong túi áo ra hình chụp một đứa bé khoảng năm, sáu tuổi và hỏi bọn trẻ "Các em có thấy đứa nào giống như thằng nhỏ nầy không?" Bọn trẻ tò mò nhìn hình đứa bé và lắc đầu. Có đứa hỏi "Nó là con của chú hả?" Gã gật đầu "Con chú nhưng bị thất lạc mấy năm nay rồi. Bây giờ chắc nó lớn lắm, cỡ các cháu. Mấy cháu đây, có cháu nào là con nuôi của gia đình nào không?" Bọn trẻ nhìn nhau lắc đầu.

Buổi chiều gã hành nghề trong mấy xóm lao động, có khi vào các chợ, rồi đưa tấm hình thằng nhỏ ra hỏi hết người nầy đến người kia "Có thấy thằng nhỏ nầy không? Nó là con tôi, bị thất lạc...Tôi tìm nó." Lúc đầu ai cũng ái ngại, lắc đầu và an ủi gã "Không thấy! Khi nào gặp nó, tôi sẽ báo cho chú." Không rõ gã quên hay vẫn hi vọng, chỉ vài hôm sau, gã lại hỏi câu đó ngay với người hôm trước. Riết rồi, thấy gã từ xa, người ta đã nói thay gã "Có thấy thằng nhỏ nầy không? Nó là con tôi..."

Gã đi tù cải tạo, mười năm sau mới về. Mấy năm đầu trong tù, không được thư trả lời của vợ, gã biết vợ gã đã bỏ gã. Gã không bận tâm, nhưng thằng con của gã, "Không biết bây giờ ra sao?" Gã viết thư cho người hàng xóm, hỏi thăm tình hình gia đình mình, người ta trả lời rằng, vợ gã đã bán nhà đi đâu không rõ. Người ta không muốn nói sự thật. Khi ra tù, về Sài Gòn, gã ở nhờ nhà một người bạn tù, hành nghề bán kẹo kéo, đi khắp nơi trong thành phố, la cà vào cả những nơi đĩ điếm, xì ke, ma túy, cướp giật, kinh tế mới... tìm con. Gã cũng có vào xóm nhà cũ, hỏi thăm.

- Có phải nhà nầy, trước đây có thằng nhỏ tên Mạnh không? Biết bây giờ nó ở đâu không? Có người nhờ tôi tìm nó giùm.

Người ta không nhận ra gã nên vô tình trả

lời.

- Ôi, thứ đàn bà thối thây. Nó rước thằng ăn cướp về, đuổi thằng nhỏ đi. Sau bán nhà đi mất tiêu, không thấy lai vãng. Cha nó chắc ở tù đã về rồi, nhưng không thấy về đây.

Trước kia gã cao to, đẹp đẽ, bây giờ tiều tụy, thêm râu ria khiến gã thành lạ hoắc. Có lẽ con gã cũng vậy, mười năm rồi, thằng bé đã lớn, chắc gì nhận ra nhau, nhưng gã tin chắc là sẽ tìm được nó. Gã tìm vài cậu trẻ, hỏi tuổi, để nhớ dáng dấp những đứa cùng tuổi con gã, đứa cao lớn nhất và đứa gầy còm nhất. Khi thấy đứa nào khoảng đó, gã đi sau lưng và gọi lớn "Mạnh!" Nếu cậu ta quay lại, tim gã như muốn nhảy ra khỏi lồng ngực, người run lập cập, thở không ra hơi "Có phải cháu tên Mạnh không?", rồi gã hỏi tiếp những câu hỏi về cha mẹ, nơi ở của cậu ta. Khi biết không phải gã rối rít xin lỗi.

Một ý nghĩ khiến gã bủn rủn tay chân "Con ta đã chết rồi?" Thế là gã lang thang vào các nghĩa địa, đi tìm tên Mạnh ở các mộ bia. Gã cầu mong vợ gã còn chút lương tâm, cho con gã một tấm bia có khắc tên nó.

Thời bấy giờ, khoảng giữa thập niên 1980, trong các nghĩa địa, người sống thường ở chung với người chết. Họ từ vùng kinh tế mới bỏ về thành phố. Vài miếng tôn cũ gối trên tấm bia ở các mộ xây xi măng, che quanh bằng những miếng cạt tông, những miếng ni lông... là thành một nơi trú ngụ tạm ổn vì người chết không phàn nàn hay đuổi người sống đi.

Thế rồi ở nghĩa trang Ông Tạ, gã tìm thấy một ngôi mộ đất, có một tấm bia, đúng hơn, một miếng gỗ, cắm trước mộ, chỉ ghi một chữ Mạnh bằng dầu hắc. Gã đi hỏi những người sống quanh đó, và được trả lời.

- Ở đây đã có lệnh dời mộ nên họ chôn lén. Nghe nói đó là thằng nhỏ bụi đời, bịnh hoạn gì không biết, nằm chết trước chùa, người ta khiêng ra, tìm mộ nào đã được đào lên, dời đi, họ bỏ đại xuống, lấp đất rồi bỏ đi. Nghe mấy người chôn nó nói nó tên Mạnh nên ông làm đường lấy dầu hắc viết tên nó vào miếng ván, cắm ở đó, hi vọng thân nhân sẽ tìm ra mà lo dời đi. Cả năm rồi mà chẳng ai hỏi han, săn sóc gì đến.

- Tôi có thằng con bị thất lạc. Nó cũng tên Mạnh. Chắc là nó rồi.

Gã đi mượn một cái cuốc về làm cỏ, đắp đất thêm cho ngôi mộ. Rồi gã đi mua đồ cúng. Một gói thịt quay, mấy ổ bánh mì, một bó hoa, nhang đèn, một xị rượu và mấy cái li, chén nhỏ. Gã dùng cái chén, đổ đất vào, làm chỗ cắm nhang, hai chiếc li lật úp thành chân đèn, cắm hai cây đèn sáp lên. Gã đặt tất cả trước mộ, thắp nhang đèn, quì xuống lầm thầm khấn.

- Ba đang cúng lạy con đây. Con có biết không? Con thương yêu của ba!

Khấn đến đấy, gã nghẹn lời, cố tự kìm chế nhưng nước mắt vẫn ứa ra. Gã cứ quì như thế, trông giống một tượng đá. Những gia đình kinh tế mới sống rải rác trên các ngôi mộ gần đó chẳng quan tâm. Họ đã chai đá với đói khổ, bịnh hoạn, tử biệt sanh li. Gia đình đi kinh tế mới nào mà không có người chết vì bịnh, vì đói khổ. Chính họ cũng muốn chết quách cho rảnh nợ đời.

Đến gần tối, gã rót rượu ra hai chiếc li.

- Con uống với ba cho vui. Không sao đâu! Ba cho phép con uống mừng ngày ba và con gặp nhau. Con say với ba một bữa. Con kể cho ba nghe. Con sống như thế nào khi con chỉ mới sáu bảy tuổi mà không có ba bên cạnh? Tuổi đó con phải được ba đặt trên vai, công kênh đưa đi chơi. Đi ăn quà rong, đi mua đồ chơi, chứ đâu phải để lăn vào đời. Con làm sao để sống? Sống đói, sống khổ, bị người ta đánh đuổi như con chó hoang cho đến khi con kiệt sức và gục ngã...

Gã ngồi lầm bầm một mình, rồi rót rượu uống tiếp. Cho đến khi say khước, gã lấy cái áo đi mưa sau yên xe đạp mặc vào rồi nằm lăn ra ngủ. Người ta phải đem chiếc xe đạp vào "nhà", giữ giùm cho gã.

Từ đó, mỗi chiều gã thường ra mộ với một ít thức ăn và rượu. Gã trải tờ báo ra, để đồ ăn lên, thắp nhang và gọi vong linh thằng con cùng nhậu nhẹt với gã.

Nhưng một buổi chiều, đi bán kẹo về, gã thấy có mấy người lạ hoắc đứng chung quanh mộ con gã bàn tán. Gã băng tới .

- Mấy ông bà biết người nằm dưới nầy sao?

- Vâng. Nó là con tôi. Tôi la nó có mấy câu mà nó bỏ nhà lên Sài Gòn, làm thằng bụi đời. Bây giờ đang tính chuyện bốc mộ nó về quê, nhưng mộ mới quá, không tiện. Cũng không biết khi nào nghĩa trang nầy mới bị cào bằng đây? Vài năm nữa thì hay quá!

- Nó tên gì?

- Tên Mạnh.

- Tôi lại tưởng con tôi. Tôi cũng có thằng con tên Mạnh đi bụi đời, tìm cả năm nay mà không thấy đâu! Nhưng sao anh biết chắc nó là

con anh?

- Thì nhà chùa còn giữ đôi dép của nó. Tôi nhận ra ngay. Người ta tả lại áo quần nó mặc khi nó chết, đúng là nó rồi.

Gã chỉ kịp nói hai tiếng cám ơn rồi đạp xe đi thẳng. Vậy là con gã chưa chết, gã còn hi vọng.

Gã bắt đầu lại chương trình tìm con như trước đây. Một hôm gã tâm sự chuyện tìm con với một ông già sửa giày ở đầu hẽm Cô Bắc trên đường Võ Di Nguy.

- Tôi lạc thằng con, không biết cách nào tìm nó. Tôi đi nát cả Sài Gòn nầy, cả năm trời mà vẫn không gặp.

- Vì sao ông lạc mất con? Mấy năm nay rồi?

- Tôi đi tù lúc nó mới sáu tuổi. Mười năm sau, đi tù về, tìm không ra! Nghe nói nó bị đuổi ra khỏi nhà lúc nó sáu bảy tuổi.

- Mười năm thì nó đã mười mấy tuổi rồi. Có gặp nó, cha con cũng không nhận ra nhau đâu.

- Ông có cách nào chỉ tôi tìm gặp nó không?

Ông già cười.

- Ông vừa đi vừa kêu tên nó, như mấy bà mẹ lạc con trong chợ vậy.

- Tôi hỏi từng đứa nhỏ mà vẫn không thấy!

- Nó tên gì?

- Lê Mạnh.

- Thường ở nhà gọi nó là gì?

- Cu Tí.

- Nó đi bụi đời lúc sáu, bảy tuổi, làm sao nó biết tên nó là Mạnh? Ông có gặp nó, nói tên Mạnh, nó cũng không biết đâu. Ông phải tìm thằng Tí hoặc Cu Tí.

Gã vỡ lẽ, gãi đầu cười.

- Tôi ngu quá! Ông không nói, biết khi nào tôi mới tìm ra nó. Cám ơn ông nhiều lắm. Chào ông.

- Khoan đã! Đi đâu mà vội. Ngồi đó tôi chỉ cách cho. Nhà ông ở vùng nào?

- Vùng nầy. Đa kao, Tân Định...

- Nếu còn sống, chắc chắn thằng nhỏ làm gì cũng lai vãng vùng nầy. Có thể nó tấp vô với xóm kinh tế mới đường Hai Bà Trưng. Ban ngày đi kiếm sống, ban đêm về đó ngủ. Tôi chỉ ông cách nầy. Ông kiếm một miếng bìa nhỏ, ghi lên đó mấy chữ "Tí, ba đi tù cải tạo đã về. Ngày...tháng...lúc 7 giờ sáng con đến đây gặp ba." Ông để ngày lơi ra một chút, khoảng tháng sau, thì nó mới biết được. Ông đưa cái bảng đó cho tôi, mỗi buổi đi làm, tôi treo nó ở đây. Nếu còn sống, làm gì nó cũng tìm đến.

- Tôi sợ nó không biết chữ, làm sao đọc cái bảng đó.

- Trong xóm kinh tế mới ai cũng biết chữ cả. Họ sẽ bảo nó. Mà dù nó có ở ngoài Sài Gòn hay trong Chợ Lớn, người khác cũng sẽ cho nó biết. Ông yên tâm đi. Nó ra đời sớm, gì nó cũng cần phải biết để xoay xở, đối phó mà sống còn. Ông có học, con ông nó không ngu khờ đâu. Biết đâu chỉ mấy hôm là nó đến hỏi tôi về cha nó cũng nên.

Đến ngày hẹn, gã đến hẽm Cô Bắc rất sớm, nhưng dựng xe đạp phía đối diện, ngồi nhìn qua bên kia đường. Lúc đó khoảng hơn năm giờ sáng, đường phố còn vắng, chỉ mấy hàng cà phê vỉa hè đã bày bàn ghế ra cho khách đi làm sớm tấp vô, uống li cà phê, hút điếu thuốc rồi vội vã lên xe. Gã thấy trên hiên nhà đầu hẽm có mấy người nằm ngủ. Dân kinh tế mới dụng đâu ngủ đó nên gã không quan tâm, chỉ chờ đến giờ hẹn, hi vọng con gã sẽ đến.

Trời sáng dần, có một cậu đi xe gắn máy, dừng lại nhìn giáo giác một lúc rồi bỏ đi. Tướng nó cao lớn, mặt vuông, lầm lì. Gã hi vọng thằng nhỏ đó là con gã. Nó đi xe gắn máy ắt không đến nỗi khổ. Nếu gã biết đúng đó là con mình, có thể gã sẽ không nhận nó là con, nếu nó muốn, để cuộc sống yên bình của nó không bị phiền nhiễu.

Gần đến bảy giờ, thằng nhỏ lại đến, dừng xe. Gã định nhổm lên, đến gặp nó thì nó nhìn đồng hồ rồi lại bỏ đi. Mấy người ngủ vỉa hè kia cũng lồm cồm ngồi dậy. Hóa ra đó là những cậu trẻ khoảng mười lăm, mười sáu, có cả đứa độ hai mươi tuổi. Đứa nào cũng dơ dáy, ốm nhom, đen thùi, mặt mũi vừa láu cá vừa gian xảo. Có đứa còn ngủ, bị đứa khác kêu dậy. Rồi thì cả bọn bảy tám đứa ngồi một dãy trên thềm nhà người ta, chúng bắt đầu trò chuyện, cười nói và dòm chừng hai bên đường. Gã vẫn ngồi yên bên nầy đường, chờ thằng bé đi xe gắn máy.

Ông già sửa giày từ trong hẽm đi ra với chiếc xe đạp chở lỉnh kỉnh đồ nghề. Bọn trẻ ùa đến. Chúng vây quanh ông già hỏi gì đấy. Ông già giơ hai tay lên trời và lắc đầu...

Đột nhiên gã hiểu hết mọi chuyện. Những đứa trẻ đó đều tên Tí, đều có cha đi tù cải tạo và mẹ chúng đã để chúng đi bụi đời. Đa số những bé trai Việt Nam đều được cha mẹ gọi là Tí, Cu Tí khi còn bé, dù tên chúng trong giấy khai sinh khác nhau.

Gã đứng dậy, băng qua đường và kêu lên.

- Ba đây Tí ơi! Đứa nào cũng là con ba cả. Ba đây nè, các con về với ba...

Salut, Vietnam

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

(Tiếp theo và hết)

Một niềm vui khác là được gặp lại một bà bạn đồng nghiệp cũ – "bạn" là tiếng thậm xưng, tuy hy vọng được kể là bạn của bà từ nay. Để tôi giải thích thêm. Năm 1974, bà là giáo sư, thành viên của phái đoàn đi dự một hội nghị quốc tế ở Canada. Phái đoàn đến thăm trường đại học tôi đang dạy. Nói chuyện bên lề, bà là người rất cởi mở, vui vẻ. Tôi có ý định mời cả phái đoàn đi ăn cơm cùng tình nguyện hướng dẫn đi thăm thành phố. Nhưng phái đoàn lớn hơn là một tập hợp những thành viên. Không thật sự có lý do nào chắc chắn cả, tôi đột nhiên cảm thấy có một bức tường vô hình chắn ngang và cũng không có lý do nào vững chắc cả, tôi thấy tự nhiên mình đứng ở phía bên kia bức tường. Tôi ngần ngại, không muốn mời vì cảm thấy có thể làm cho mọi người lúng túng. Hơn ba mươi năm sau, về Hà Nội, tôi gọi điện thoại cho bà, tự giới thiệu. Bà nói chuyện qua điện thoại vẫn cùng với một giọng nói niềm nở, óng ả của người Hà Nội, không già thêm một ngày nào. Ngày hôm sau đến thăm bà, vẫn cùng một cách *probing* sắc bén, bà hỏi thăm điều này điều nọ. Mấy giờ đồng hồ qua nhanh như giờ tán gẫu giữa những bạn lâu năm.

*

Tôi định đi chơi Trung Quốc, nhưng nghĩ lại nước mình chưa xem đủ, nên thôi, bèn đi từ Nam ra Bắc bằng máy bay rồi vào Nam lại bằng đường bộ. Đôi lời về kỹ nghệ hàng không. Việt Nam có hai hãng hàng không cạnh tranh nhau ráo riết: công ty nhà nước Vietnam Airlines và công ty cổ phần Pacific Airlines. Gần đây, trong một cuộc phỏng vấn dành cho đài Anh BBC, ông Tổng Giám Đốc công ty nhà nước phản ứng hết sức quái dị trước mấy câu hỏi vô tư, cho người nghe cảm tưởng ông mới về xuôi, gây nên một ấn tượng xấu. Thật ra, các công ty hàng không Việt Nam ngày nay không thua kém ai, việc ăn uống trên máy bay còn có phần hơn hẳn. Và cũng đúng như nhà văn kiêm bác sĩ tâm thần người Pháp Francois Lelord đã tả, các cô chiêu đãi của Vietnam Airlines tha thướt trong những chiếc áo lụa dài đỏ thẫm, cổ viền vàng nhạt, có dáng vẻ của "những nàng công chúa trong truyện cổ tích phương Đông." Các cô cũng không khinh khỉnh, khinh người, mà luôn miệng mỉm cười nói nhẹ nhàng, thân thiện, "Dạ, đây là chỗ ngồi của chú!" Trong sự nồng nhiệt của ông, nhà văn hình như đã quên mất chiếc áo lụa dài cũng là một thứ đồng phục; hơn nữa, ông đã không công bình khi cho xuống cấp những bộ đồng phục cùng các cô chiêu đãi phương Tây. Quả thực, các cô chiêu đãi của Pacific Airlines không mặc áo dài; trong bộ đồng phục phương Tây màu xanh, trông các cô cũng duyên dáng, kiều diễm chẳng thua gì những nàng công chúa bước ra từ truyện cổ tích phương Tây (thế nào là phương Đông và phương Tây? Ta có thể viết nhiều trang để bàn luận, chính danh cách nói ngắn gọn qua mấy từ này. Nó phiến diện và lười biếng quá!) Bay Pacific Airlines, Hà Nội – Sài Gòn rẻ hơn Vietnam Airlines chừng mười đô-la. Máy bay trễ mất mười phút, cô chiêu đãi xin lỗi hai lần, lúc lên và lúc xuống.

Từ Bắc vô Nam nối liền nắm tay
Ta đi từ miền hoang vu vượt hết núi đồi
Vượt thác cheo leo
Tay ta vượt đèo
Từ quê nghèo lên phố lớn
Nắm tay nối liền biển xanh sông gấm...

Chiếc xe chạy êm ả trên đường Xuyên Việt, trên đường vào Nam, những câu hát của Trịnh Công Sơn vang lên trong trí óc tôi; lần về thăm nhà năm 1974, tôi đã nghe không biết bao nhiêu lần bài hát này, mà tôi cho chỉ là mộng tưởng. Đem tôi về thực tại, chú tài nói xa xa kia là cầu Hàm Rồng, Mỹ ném bom mãi mới sụp, nay sửa lại cho tàu hỏa chạy. Xe chạy qua Thanh Hóa, ra bãi biển Sầm Sơn. Đây là lần đầu tiên đi Sầm Sơn nhưng tôi tưởng như rất quen thuộc. Ngày xưa, mỗi vụ hè, bố tôi thường vào đây cắm trại cùng đoàn hướng đạo, ông hay kể về Sầm Sơn cùng những rặng phi lao; cũng có thể vì tôi bị ám ảnh bởi số phận của anh Vọi, Trương Chi tân thời. Ngày nay, không còn thấy những rặng phi lao, thay vào đấy là đủ loại khách sạn, nhà khách lớn nhỏ, mùa này vắng vẻ, thiếu khách. Hòn Trống Mái vẫn còn đó nhưng không có anh Vọi.

Rồi đến Nghệ Tĩnh thanh bình nhưng đã từng

là một xứ sở sôi động, quật cường. Miền Trung của đất nước, ở đâu là nơi người ta hay nói "chó ăn đá, gà ăn muối"? Miền đất này không trù phú nhưng cũng không thể gọi là nghèo nàn, và về phong cảnh hữu tình thì cũng không đặc biệt hơn so sánh với nhiều nơi khác. Đêm ngủ lại ở nhà bà con ở Cầu Giát, tôi nghĩ mãi về lý do tại sao miền này đã cung cấp cho đất nước không biết bao nhiêu những người con văn hóa, cách mạng. Không lẽ đó chỉ là vấn đề phong thủy, ông Tả Ao đã kiếm đúng mạch đất đầy vượng khí quanh quẩn đâu đây, cũng nên! Nằm nghe chó sủa, tôi vẩn vơ nghĩ đến Hà Nội, người Hà Nội, bây giờ chỉ đôi khi mới được nghe tiếng đặc Hà Nội, như "... phải chờ lâu lắm *cơ!*" Chữ "cơ" duyên dáng như chỉ có người sinh đẻ ở Hà Nội, đã sống ở đây trước thời chiến mới có thể đặt câu, phát âm uyển chuyển, tự nhiên như thế. Bởi vì tiếng Hà Nội ngày nay vẫn là tiếng Bắc nhẹ nhàng, thanh lịch nhưng phảng phất pha giọng Nghệ Tĩnh, còn tài xế taxi thì hầu hết nói ngọng *n* ra *l* hay ngược lại. Nghe tôi phát biểu, bà bạn, tác giả của chữ "cơ" ở trên, cười, không phản đối.

Đi dọc theo chiều dài của đất nước không phải là du lịch, mà là một cuộc hành hương. Ngồi ăn với một đám thanh thiếu niên người Úc gốc Việt; mấy người này đã về chơi nhiều lần, vài người đã đi làm, vài người còn là sinh viên. Họ thuộc loại người có đời sống dễ dàng, sung túc, luôn nói luôn cười, vui nhộn, vô tư,

"Chú ơi, chú có con trai không? Con này nó đang đi kiếm chồng đó!"

"Không, tôi chỉ có con gái."

"Ồ, vậy tốt cho thằng này quá! Nó đang kiếm vợ."

"Nhưng học có giỏi không mới được chứ?"

"Dạ, nó vừa bắt đầu hành nghề bác sĩ nội thương!"

Đối thoại vui đùa như vậy qua bữa cơm trưa. Một cô hỏi, "cảm tưởng của chú về Việt Nam thế nào sau bao nhiêu năm sống xa đất nước?" Thú thực, tôi không nhớ đã trả lời cô như thế nào, có lẽ chỉ là một câu nói chung chung, không có gì đặc sắc. Hình như tôi nói rất sung sướng thấy đất nước ngày nay không còn chiến tranh, chết chóc và nhất là không bao giờ tưởng tượng được rằng, trong phần đời mình, tôi có dịp đi chơi từ Nam ra Bắc, từ Bắc vào Nam thoải mái như ngày hôm nay. Không lẽ chỉ có vậy thôi mà cô khóc; tôi để ý nhìn thấy cô nước mắt đầm đìa sau khi bạn đồng hành của cô cười chế diễu: "Bọn bay xem con M. mau nước mắt, lại khóc kia kìa!"

Đứng ở bên này (hay là "bên kia"?) cầu Hiền Lương nhìn sang bên kia bờ sông Bến Hải, nước sông lười biếng chảy, đầu óc tôi trống rỗng. Trong cuộc nội chiến ở Tây Ban Nha, thi sĩ Federico Garcia Lorca đã cảnh cáo: "Ở Tây Ban Nha, người chết sống động hơn người chết ở bất cứ nước nào trên thế giới." Ngày nay, kỷ niệm 70 năm cuộc nội chiến (ngày 18 tháng Bảy), có thể nói Tây Ban Nha đã tìm được cách để chung sống yên ổn và đã chôn được hết các bóng ma của họ. Hiển nhiên, Garcia Lorca nói vậy vì ông không biết cuộc chiến ở Việt Nam; ông bị ám sát bởi những tên phát-xít của Franco năm 1936. Cổ thành Quảng Trị, nay đã được trùng tu, đài kỷ niệm chiến sĩ xây ở giữa đầy khách thăm viếng, khói hương mù mịt. Một bà, mặt tỏ vẻ khó chịu, lẩm bẩm cốt ý cho người khác nghe thấy, "du khách thì đến đây làm gì?" Vậy đó, chỗ này là chỗ rất riêng tư trong gia đình, du khách thì đến đây làm gì? Mà ai là du khách? Không phải tôi, tôi đã từng dạy học ở thị xã này một vụ hè, gia đình tôi đã sống ở đây trong nhiều năm. Năm 1974, tôi về thăm, tìm lại ngôi trường cũ, căn nhà cũ; không dấu vết, toàn là cây dại tràn lan, cổ thành là một khúc tường đổ nát. Mặc cho bao nhiêu hương khói, hằn học hận thù có vẻ vẫn chưa tan, các bóng ma vẫn chưa được siêu thoát.

Đã hơn ba mươi năm từ ngày hết chiến tranh, đất nước còn rất nhiều bóng ma rất cần được siêu thoát. Trên đường vào Nam, bắt đầu từ Vinh đã thấy lác đác những nghĩa trang mới, và rồi từ Quảng Trị trở đi thì đất nước là một cái nghĩa trang khổng lồ. Hầu như mỗi làng, mỗi xóm, mỗi thị trấn đều có nghĩa trang mới được xây cất chu đáo, ở giữa là tượng đài "Tổ Quốc Ghi Ơn". Tổ Quốc Ghi Ơn, Tổ Quốc Ghi Ơn... Mấy nghìn năm lịch sử, Tổ Quốc luôn luôn ghi ơn những đứa con đã bỏ mình cho đất nước. Nhưng ngoài chuyện ta đọc đi đọc lại trong sách vở, không có mấy thứ đập vào mắt, nhắc nhở ta về những đứa con đó. Từ nay, cho đến ngày cuối cùng của lịch sử, dân Việt có những nghĩa trang này làm bằng chứng. Đó là những người đã chết vì chiến đấu. Nhưng còn cả triệu dân thường chết thầm lặng không vì chiến đấu, còn hai triệu người chết đói năm 1945, Tổ Quốc không phải ghi ơn họ nhưng Tổ Quốc có nợ họ một chút gì không?

*

Tôi đọc ở đâu đó kể lại năm 1975 nhà văn Dương Thu Hương theo đoàn quân chiến thắng vào Nam. Khi vào đến Sài Gòn thì bà ngồi xuống

vỉa hè, khóc. Bà khóc vì cảm thấy mình đã bị lường gạt, vì thấy tuổi thanh xuân của mình bị hy sinh một cách uổng phí. Theo bà, "cuộc kháng chiến chống Pháp là cuộc kháng chiến thần thánh, còn cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước là một cuộc chiến ngu xuẩn nhất trong lịch sử, trong đó dân tộc Việt Nam đã bị xẻ đôi để đi làm lính đánh thuê cho ngoại bang." Bà trả lại thẻ đảng và, từ đó, chống đối mãnh liệt các lãnh tụ và nhà nước Cộng Sản. Sự chống đối là tiếng nói lương tâm của bà, tôi xin phép không bình phẩm. Tôi rất thông cảm việc bà chua xót, đau đớn vì cảm thấy đã hy sinh tuổi thanh xuân của mình một cách vô ích, nhưng điều đó có cần thiết không?

Về cuộc kháng chiến chống Pháp, trừ một số người cuồng tín nhất đã cộng tác với Pháp, hầu hết mọi người đều đồng ý với bà tuy có lẽ không dùng hai chữ "thần thánh"; còn về "cuộc chiến ngu xuẩn nhất trong lịch sử", ta nên bình tĩnh nhận định một cách minh mẫn vì đây là vấn đề rất nhức nhối của nhiều thế hệ Việt, liên quan đến cả cuộc kháng chiến chống Pháp và bắt nguồn từ nhiều năm trước cuộc chiến này.

Lịch sử Việt giống như bức tranh *fractal* Mandelbrot, một mẫu hình kỷ hà có tính chất giữ nguyên đường nét chính dù ta cắt nhìn phóng đại chỉ một phần nhỏ. Để tóm tắt lịch sử Việt trong một câu – đường nét chính của bức tranh *fractal* lịch sử – đó là một lịch sử "chống ngoại xâm giành quyền tự chủ." Đời nào cũng thế, thành tích "chống ngoại xâm giành quyền tự chủ" đời nhà Trần là điều mà đời sau kiêu hãnh, ghi nhớ, để sẵn sàng bỏ qua những chi tiết khác không mấy đẹp đẽ như bất nhân, loạn luân. Thời đại từ nhà Nguyễn trở đi, việc phải đánh đuổi người Pháp là điều không cần bàn cãi thêm; đối với người Mỹ, câu chuyện không giản dị nhưng điều đó không tự nhiên làm cuộc chiến trở thành ngu xuẩn nhất cho người Việt.

Nhiều người nói rằng người Mỹ chỉ có mặt ở Việt Nam từ thập niên 1960; điều này không đúng vì, trước sau, người Mỹ chỉ không trực tiếp đánh nhau ở Việt Nam: nước Pháp sau đại chiến kiệt quệ, đánh nhau để tái chiếm Việt Nam với khí giới của Mỹ và với một phần ngân khoản rất lớn đài thọ bởi chính phủ Mỹ (những năm cuối đến 80%.) Cuộc chiến để thống nhất đất nước tiếp diễn sau đó gần như là chuyện tự nhiên, người ta sẽ ngạc nhiên nhiều hơn nếu nó đã không xảy ra. Một vị chức sắc của chính phủ miền Nam cũ mà tôi biết hậm hực nói, "Tự nhiên đem quân giải phóng tôi? Tôi đâu có cần ai giải phóng." Ông nói không sai. Đó là một chọn lựa chữ nghĩa đáng tiếc; không ai "giải phóng" ai hết. Thời đại mới, nhu cầu chữ nghĩa mới. Mấy trăm năm lịch sử chỉ nói Chúa Trịnh đem quân vào đánh phương Nam chứ không nói "xâm lăng" hay "giải phóng," và tất nhiên Chúa Nguyễn sau này cũng chỉ mang quân ra đánh phương Bắc. Đúng hay sai, nên hay không, hậu thế tha hồ bàn cãi. Như đã xảy ra, nó đơn thuần là một cuộc nội chiến; rất giản dị bởi vì miền Nam là nơi tụ hợp đủ mọi thành phần và đảng phái chính trị chống hoặc không muốn sống dưới chế độ cộng sản. Những tin tức như đấu tố, cải cách ruộng đất làm nhiều người hoảng sợ; cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm, tất nhiên có hậu thuẫn của người Mỹ, nhưng ông không là người được cắt từ cùng một cây vải như những Nguyễn Văn Xuân, Nguyễn Văn Tâm, và mặc tất cả những thiếu sót, sai lầm mà ta thường nghe nói về ông, đã là người đã cho cụm từ "chính nghĩa quốc gia" một ý nghĩa.

Việc người Mỹ trực tiếp xua quân vào Việt Nam thay đổi hoàn toàn sắc thái của cuộc chiến. Người ta cho nó nhiều danh xưng hay mỹ tự, nhưng có điều này không thể chối cãi: người Mỹ chiến đấu ở Việt Nam không vì mục đích "tự do và dân chủ" – *freedom and democracy* – của người Việt, và nếu có thì mục đích này cũng ở quá thấp dưới *totem-pole* đến thành vô nghĩa. Thế nhưng, nếu không vì mục đích đó thì vì mục đích gì? Lý luận có thể dừng ở điểm này để nhà văn Dương Thu Hương đánh một dấu hỏi về sự "ngu xuẩn". Bà và các cựu đồng chí của bà hay những người lính miền Nam đi chiến đấu, chắc chắn không nghĩ vì mình là "tiền đồn" của một thế giới nào đó mà vì một chọn lựa. Tiền đồn, danh từ dễ ghét vừa ngớ ngẩn vừa bệ rạc, vào tai một anh mới thoát ra khỏi chế độ thuộc địa, nó gợi hình ảnh một anh lính khố xanh khố đỏ! Những người lãnh đạo chân chính của một nước làm một quyết định trước hết vì (hoặc đúng hay sai, *nghĩ* là vì) quyền lợi của nước họ. Người Mỹ đã thi hành những chính sách của họ ở Việt Nam vì chính phủ Mỹ *nghĩ* đó là vì quyền lợi của nước Mỹ. Chấp nhận phát biểu trên, mấy dòng viết này thực sự hy vọng giải tỏa một số những ấm ức, hậm hực trong tâm hồn Việt chứ không phải để trách cứ người Mỹ (*viz., Khi Đồng Minh Tháo Chạy*, một cuốn sách tôi nghe nói bán chạy như tôm tươi; người Mỹ làm bổn phận đối với nước Mỹ, còn người Việt làm bổn phận đối với ai mà bây giờ ngồi than phiền?)

Ngày nay phải có cả nghìn cuốn sách viết về lịch sử Việt Nam. Tôi tình cờ được đọc bài *Con*

Đường Tự Diệt của Trần Bình Nam, trong đó ông nói đến một cuốn sách của Barbara W. Tuchman có tên *The March of Folly – Những Bước Điên Rồ*. Bà Tuchman là một nhà viết sử tiếng tăm, chân chính, không mang thêm nhãn hiệu thiên tả hay thiên hữu; tôi đã có dịp đọc một số tác phẩm rất đặc sắc của bà mà *The March of Folly* là một. *Những Bước Điên Rồ* là một thứ tự điển về sự theo đuổi những chính sách đi ngược lại quyền lợi của quốc gia – sự điên rồ – của những người cầm quyền suốt theo chiều dài ba mươi thế kỷ của lịch sử nhân loại, từ con ngựa gỗ thành Troy đến trận chiến của người Mỹ ở Việt Nam. Để thuộc thành phần "điên rồ" này, chính sách phải là sản phẩm của một chính phủ (một tập thể, vì nếu kể cá nhân thì nhiều quá,) được phán xét và cảnh giác về sự tai hại của nó bởi người đương thời, và có phương sách giải quyết khác thỏa đáng hơn. Đó là những điều kiện rất khắt khe.

Xuất bản năm 1984, *Những Bước Điên Rồ* là *best-seller* một thời gian khá dài, được phê bình là một kiệt tác về lịch sử cho những người không thường đọc lịch sử. Chương về Việt Nam tựa đề *America Betrays Herself in Vietnam* ABHVN – *Nước Mỹ Phản Bội Chính Mình ở Việt Nam* – dài chừng 140 trang cộng thêm 15 trang phụ chú; gần như mỗi phát biểu, mỗi đoạn đều kèm theo tài liệu gốc xuất xứ ở trang phụ chú. ABHVN tóm tắt gọn gàng những chính sách điên rồ như định nghĩa ở trên, qua năm thời đại tổng thống, trong 30 năm can thiệp của Mỹ ở Việt Nam. Bội phản ở chỗ nào? – Lý tưởng của nước Mỹ. Lúc bắt đầu thì cũng lý tưởng lắm, tổng thống Franklin D. Roosevelt quyết định chấm dứt chế độ thuộc địa trên thế giới, không muốn để người Pháp trở lại Đông Dương, nhưng gặp những tai nạn lịch sử, lý tưởng rơi rụng mất ở dọc đường, kết quả là người Mỹ áp đặt trên dân Việt hết ý đồ chính trị này đến ý đồ chính trị khác, mà họ nghĩ là vì quyền lợi của nước Mỹ. Trong thực tế, chúng là sản phẩm của những định kiến, đổi bại, tham vọng, lợi ích cá nhân, vân vân như cách giải thích của bà Tuchman. Đọc lại ABHVN hơn hai mươi năm sau, với những tài liệu được giải mật mới đây, ta biết thêm nhiều chi tiết mới, nhưng kết luận của cuốn sách không thay đổi và có phần tăng thêm nhiều giá trị.

Tôi nghĩ sự việc xảy ra như đã xảy ra còn vì một lý do rất quan trọng khác nữa, đó là cái tâm lý ngạo mạn liên quan tới sự tương quan (sự bất tương xứng) về sức mạnh và sự giàu có. Cố Thủ Tướng Pierre Trudeau của Canada đã dùng một hình ảnh rất sinh động để mô tả sự tương quan, liên hệ giữa Canada và Mỹ: chú chuột nhắt nằm cùng giường với con voi, phải rất cẩn thận. Nước Mỹ là một nước vô cùng mạnh và giầu so với Việt Nam, cách đây hơn nửa thế kỷ một quyết định nào đó của chính phủ Mỹ liên quan đến Việt Nam không khác gì quyết định của một ông đại điền chủ cho một anh cùng đinh. Với ông chủ, một cái vẫy tay, không có gì quan trọng cả; với anh cùng đinh, ngay cả khi ông chủ có thiện ý cũng đã có thể rất bất lợi, còn nếu không, anh chỉ có cách vái Trời. Việt Nam không phải là nước đầu tiên, Phi Luật Tân là một nước khác cũng đã được Mỹ chiếu cố, đem lại cho "tự do và dân chủ," sau chừng tám mươi năm!

Liên hệ Việt-Mỹ ngày nay tốt đẹp. Liên hệ này có thể thực hiện được từ ngay cuối thập niên 40 hoặc 50 một cách tương đối nhẹ nhàng mà không làm chết hơn năm mươi nghìn binh sĩ Mỹ và mấy triệu người Việt, chưa kể những tệ đoan, suy thoái không thể đo lường được trong cả xã hội Việt và Mỹ. ABHVN nhận định những nước bước sai lầm của chính phủ Mỹ, một độc giả bình thường có thể rút tỉa từ đó bài học lịch sử, một độc giả Việt bình thường nhìn thấy thêm ở đó một bất công tàn bạo cho dân tộc mình cùng cái lưỡng tính của sự việc: nếu có một anh sai tất phải có một anh đúng, trực tiếp hay gián tiếp, bà Tuchman cũng nhìn nhận điều đó trong cuốn sách.

Ông Trần Bình Nam, một nhà bình luận chính trị quen thuộc hiện đang sống ở Nam Cali, là người có nhiều suy nghĩ chính trị có lẽ giống như bà Dương Thu Hương. Tuy dùng *Những Bước Điên Rồ* để nhắc nhở nhà nước Việt Nam cùng tất cả những người chống đối về sự nguy hiểm của những suy nghĩ giáo điều, thiếu mềm dẻo – *con đường tự diệt* – điều đó không sai, nhưng chắc ông cũng không thể không nhìn thấy trong đó cái khía cạnh truyền thống "chống ngoại xâm giành quyền tự chủ" của dân Việt, mặc dù ngoại xâm ở đây không giống như Tây ngoại xâm: nước Mỹ không là một đế quốc đi tìm thuộc địa nhưng nước Mỹ có những nhu cầu khác, của nước Mỹ! Còn nhà văn Dương Thu Hương, bà thực sự đã chỉ xếp đặt thứ tự ưu tiên cho việc phải làm, một chọn lựa như nhiều người Việt khác, theo một tiếng gọi mà người Mỹ gọi là *gut feeling,* một thứ linh tính, bản năng tự nhiên mà dân tộc nào cũng có, không theo một khẩu hiệu hay làm lính đánh thuê cho ngoại bang nào (xin đọc thêm phụ chú về Phi Luật Tân ở cuối).

Đa số người Mỹ nghĩ mấy chục nghìn người của họ đã chết vô ích ở Việt Nam nhưng họ cũng phải cố tìm lý luận minh chứng và đã xây tường

kỷ niệm để cho chiến binh của họ được ngủ yên. Nếu nhà văn Dương Thu Hương cảm thấy đã hy sinh tuổi thanh xuân của mình một cách vô ích thì, quả thật, bà đã không công bằng với chính bản thân mình, vì giá trị sự hy sinh của bà không phụ thuộc vào việc bà là hay không là một đảng viên cộng sản. Đáng tiếc, điều quan trọng hơn là bà cần phải giúp, chôn kỹ những bóng ma, đồng chí cũ của bà trong Tổ Quốc Ghi Ơn ở trên cùng bao nhiêu triệu người Việt khác, cho họ được bình yên, siêu thoát. Những người đã chết, dù họ có mang thẻ đảng hay không, việc làm của họ không ngu xuẩn như sách của bà Tuchman đã chứng minh. Và bởi vì cuộc thi đua cho người chết sống lâu với nhà thi sĩ Tây Ban Nha không mang lại nhiều lợi nhuận.

Năm 1954, ngày đầu tiên hòa bình trở lại, trên đường về quê hương Quang Dũng đã dừng chân bên một nghĩa địa. Ông thấy nấm mộ của một người lính Bắc Phi tên Chabbi và đã viết bài thơ dài, rất cảm động *Chabbi Chabbi*, với những câu như:

Trời mưa thu, mới hôm qua
Ai đã thấy cái buồn nghĩa địa
Khi cỏ nằm trong nước ngập mồ hoang
Cái tiếng ễnh ương
Làm khúc nhạc lữ hành
Nhoi nhóp kêu trên bãi mộ
...
Chabbi Chabbi
Tên như một bài thơ rất đẹp
Bằng thứ tiếng nước nào
Chabbi đã nằm dưới mộ
Còn bao giờ về tới quê hương...
...
Cho đến bây giờ
Mỗi khi qua một vùng nghĩa địa
Quân thù gửi đất chúng ta
Tôi vẫn hình dung
Bóng dáng Chabbi
Lúc buông súng trả mình về cho đất
Mà không là đất quê anh

Chabbi có bao giờ hiểu nữa
Những người bạn thương anh
Dầu chỉ gặp tên người
Khắc trên mộ chí
Nằm trên đất nước của mình

Lời thơ đẹp, cử chỉ của thi sĩ còn đẹp hơn. Chiến tranh, chết chóc bao giờ cũng xấu xí; hung bạo khiến lòng người trở nên chai đá. Tác giả của những điệu nhạc bi hùng như *"Tây Tiến đoàn quân không mọc tóc"* hay *"Sông Mã gầm lên khúc độc hành"* lúc này lòng mềm như bún. Mà không hèn. Có lẽ ông cũng cần tất cả những cử chỉ rộng rãi bao dung, lòng trắc ẩn kia để bù đắp mà sống yên ổn, hòa bình với bản thân ông. Nhưng đó là một cử chỉ cao quý tuyệt vời để giải hòa sau cuộc chiến. Nhân chuyện giải hòa, để cho linh hồn người đã chết được siêu thoát và tâm hồn người đang sống được an lạc, nếu nhà nước Việt Nam cho tu sửa bảo tồn nghĩa trang của những chiến binh miền Nam thì đó cũng là một cử chỉ rất đẹp. Họ hầu hết là những người lương thiện vì rất ít người không lương thiện nằm ở nơi chốn này, chiến đấu vì một chọn lựa, không phải cho ngoại bang. Đẹp hơn nữa, cho treo lá cờ vàng ba sọc đỏ của họ trong nghĩa trang; tôi nghe nói ngay cả cờ ngôi sao Quốc Dân Đảng của Tàu ở nghĩa trang Hoàng Hoa Cương, Quảng Châu cũng hãy còn, không bị Vệ Binh Đỏ phá hoại. Thực chất của ba mươi năm chiến tranh ở nước mình là để giành quyền tự chủ, không may nó bị nhuốm thêm màu sắc ý thức hệ, bình tĩnh nhìn lại quá khứ của Tây Ban Nha có lẽ ta sẽ có được một bài học.

*

Bữa trước, đài phát thanh Pháp RFI, phần Việt ngữ, loan tin UNESCO bày tỏ lo ngại nhà máy xi-măng Cẩm Phả có thể gây ô nhiễm cho môi trường biển, đặc biệt là ảnh hưởng đến vịnh Hạ Long, được công nhận là di sản thế giới năm 1994. Nhà máy được khởi công từ tháng Sáu 2005 và sẽ hoạt động vào năm 2008 với công xuất thiết kế hơn hai triệu tấn xi-măng.

Nỗi lo ngại của UNESCO không phải là không có cơ sở. Vùng Hà Tiên ở miền Nam, một thời nào đó, có lẽ cũng tương tự như vịnh Hạ Long ngày nay, với những đảo núi nhỏ cùng nhiều hang động, nơi ẩn náu của Chúa Nguyễn Ánh trước khi trở thành vua Gia Long. Vùng này phong cảnh hữu tình, đất phù sa hay những thay đổi địa chất qua bao thời đại đã đem vài hòn đảo vào trong đất liền. Thêm vài chục năm nữa mấy hòn đảo / núi đá trong đất liền này sẽ biến đi vì tôi thấy vài băng chuyền che kín vắt cao ngang đường, chuyên chở đá từ núi đến thẳng nhà máy để làm xi-măng hay vật liệu xây cất khác. Tôi không biết những nhà máy này gây ô nhiễm cho môi trường biển ở đây bao nhiêu, nhưng tôi có thể nhìn thấy hậu quả ở ngay một số làng lân cận: nhà cửa, cây cỏ, tất cả đều bị phủ mờ mờ bởi một lớp bột đá trắng, rất mịn, rất hại cho sức khỏe.

Đi dọc theo chiều dài đất nước, nhìn những

công trình xây cất, phát triển khắp mọi nơi, nhà máy xi-măng ở trên là một thí dụ, khiến ta chóng cả mặt. Nhưng ô nhiễm môi trường là quan ngại của những anh nhà giầu. Đây không phải là cùng một đất nước lầm than, tồi tệ, suy thoái mà tôi được đọc trong nhiều bài viết đăng trên một số tạp chí ở hải ngoại. Việt Nam không là một thiên đường vì không có nơi nào là thiên đường trên quả đất này; Canada nơi tôi ở đã trên dưới bốn mươi năm cũng không là thiên đường, vì phải đóng thuế hụt hơi (nói theo khía cạnh tích cực của vấn đề, *được* đóng thuế hụt hơi vì nhiều người dù có muốn đóng thuế cũng không được.)

Tất nhiên Việt Nam vẫn còn nhiều khó khăn. Mới ngày nào, khi tôi còn đi học ở trường tỉnh, Việt Nam có hai mươi lăm triệu dân, một phần vì thực dân bóc lột, dân ta nghèo đói lắm. Ngày nay, Việt Nam có hơn tám mươi triệu dân, lo cho đủ được ngần ấy miệng ăn, nếu ta bớt nghèo đi thì cũng đã là may nhưng chưa thể nào giầu được. Những trẻ em, những người lớn tuổi phải bán vé số ngoài đường kiếm ăn, trông rất tội nghiệp. Đi trên đường, đến một trạm dừng xe trước cầu nào đó, hai bên vệ đường có đến cả chục người gánh bầy bán mấy quả soài hay dứa, ta có thể tưởng tượng đời sống của dân quê khó khăn đến độ nào.

Thế nhưng, nếu bạn còn tò mò và không có thì giờ đi thăm viếng, nhìn tận mắt, bạn có thể nhặt đọc một truyện ngắn nào đó của nhà văn trẻ Nguyễn Ngọc Tư để nhìn thêm về đồng quê đất nước vì cô có cặp mắt rất sắc của ống kính máy ảnh, không bỏ sót chi tiết nào. Tôi đọc một truyện có tên "Mơ Thấy Mùa Đang Tới". Nhà văn tài hoa này, quê miền Cà Mâu, lại không sống ở Sài Gòn, (cho nên) cô không chỏng lỏn, chanh chua nhưng không vì thế mà những gì cô viết thiếu phần nhức nhối; văn cô bình dị, đến tận nơi, đập tận mắt, những câu cô viết như lưỡi dao cùn, cứa vào da thịt, rớm máu. Tự thuở nào, tôi có hình ảnh một miền Nam trù phú, đời sống dễ dàng, ném thóc giống xuống rồi ngồi chờ lúa mọc; đọc truyện này tôi mới biết hóa ra bà mẹ quê miền Nam, má cô, cũng chẳng khác bà mẹ quê miền Bắc bao nhiêu, gót chân "nứt nẻ như đồng khô mùa hạn". Ở ta bây giờ không còn cường hào ác bá, nhưng thay vào đó là đủ thứ loại các ông "ở trển", xấu có tốt có, ăn cắp bạc tỷ như ranh trong khi bà phải "chờ ba tháng lúa sớm thì cũng tám mươi lăm ngày" để bán hai mươi sáu ngàn (chưa đầy hai đô la) một giạ lúa, năm nào trúng mùa bà được năm trăm giạ. Nhưng bà cũng hết sức tin người, tin tưởng mấy ông "ở trển" vì "mấy ổng hứa rồi..." Đọc lại mới thấy bà, quả thực, cực thì có cực mà không khổ, tóm lại, một thứ hạnh phúc...

Đồng bằng sông Cửu Long là một vùng đất trù phú, vựa lúa của cả nước. Thời buổi thái bình. Những ngôi trường mới xây, mái ngói hãy còn đỏ mới trong những làng quê, dọc đường đi từ Cần Thơ đến Hà Tiên qua Rạch Giá; những cô học trò nhỏ mặc áo dài trắng, đạp xe đạp đi học về, tay đôi tay ba, nói cười tíu tít. Không, tôi không nhầm hay nói quá; những chiếc áo dài này ít trông thấy ở ngay cả Hà Nội lẫn Sài Gòn; quê ta quả đã làm nhiều tiến bộ. Tuy vất vả, bà mẹ quê có điện sài, có "máy cày bác Tư Chợ bừa tơi đám ruộng" giúp bà. Bà lại có ngót nghét tương đương với một nghìn đô-la một năm, sức mua sắm lớn, ở nhà quê đồng tiền càng có giá trị, dù sao, bà cũng khá sung túc, nhất là khi so sánh bà với mấy người bán soài, bán dứa.

Một trong những niềm vui lớn của tôi là có thêm bạn mới và được tiếp xúc với một số sinh viên cả Bắc lẫn Nam. Trước khi về Việt Nam, tôi được đọc một bài phóng sự viết từ Việt Nam, tựa đề "Sinh Viên Cần Thơ: "Trầm" Quán Thích Hơn đến Giảng Đường" (Thế Kỷ 21, số 200, December 2005,) phần mở đầu nói đây là khu vực được xếp vào "vùng có trình độ dân trí thấp nhất cả nước," tiếp đó là chuyện các cậu "tân sinh viên" đến từ khắp các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Cần Thơ là thủ đô miền Tây của miền Nam. Đại Học Tổng Hợp Cần Thơ có tiềm năng lớn để trở thành một đại học quan trọng; về mặt cơ sở, nhà trường có khoảng đất một trăm mẫu tây để phát triển, rộng nhất nước, một thư viện rất hiện đại mới xây xong. Vì tôi sửa soạn giảng dạy một vài vấn đề về Vật Lý cho sinh viên cao học tại đại học này, lẽ tự nhiên tôi tò mò muốn "điều tra" thêm về sinh hoạt của sinh viên ở đây. Tôi cho một em sinh viên (khi những dòng này được viết thì em đã ra Hà Nội để sửa soạn học thi tiến sĩ) đọc bài phóng sự. Đọc xong, em giãy nẩy như tự ái bị xâm phạm. Em nói nếu nói về một vài sinh viên "tại chức" thì có thể đúng, "còn những sinh viên bình thường, thày thấy, họ làm gì có nhiều thì giờ. Và cũng làm gì có quán mở cửa 24/24." Đêm về, em đèo xe gắn máy cho tôi đi la cà, uống cà-phê, nghe hát, "lành mạnh"!

Qua vẻ mặt cùng cách nói, tôi nghĩ em thành thật, và thí dụ như có quán mở cửa 24/24 thì cũng có thể em không biết. Mặt khác, tôi không có lý do để nghi ngờ bài phóng sự, một vài tình tiết cũng đã được nghe qua. Nghĩ thêm nữa, qua kinh nghiệm bản thân, tôi thấy sinh hoạt của các cậu

"tân sinh viên" cũng bình thường thôi. Thời tôi còn là sinh viên ở Sài Gòn, cuối thập niên 50, không có "trầm quán", sinh viên ta có nhiều thú vui khác không kém phần sáng tạo, như đánh bạc suốt đêm hay nhảy đầm ở mấy *dancing* trong Chợ Lớn, túng quá làm *party* ở nhà; tất nhiên không phải ai cũng giải trí như thế. Cư xá sinh viên nam ra vào tự do còn cư xá sinh viên nữ "thiết quân luật" lúc nửa đêm nhưng đó không là một trở ngại lớn! Cuối cùng rồi đâu cũng vào đó, nghĩa là cũng có người, "bác sĩ", "nha sĩ", tốt nghiệp "ngang" nhưng đa số có thể gọi là thành đạt, lấy vợ, lấy chồng. Tôi muốn đặt một dấu hỏi lớn về nhận xét "trình độ dân trí thấp." Còn những chuyện động trời khác, thỉnh thoảng cũng thấy các báo nói, thú thực, tôi không có phương tiện cùng thì giờ để kiểm chứng; nghĩ cho cùng, xin điểm, chạy điểm, xách nhiễu tình dục không là chuyện mới lạ, thời nào cũng có, chỉ nhiều hay ít thôi.

Lớp sinh viên của tôi đa phần là giáo viên các trường trung học phổ thông đến từ hầu khắp 11 tỉnh thành đồng bằng sông Cửu Long. Qua thư từ, tôi được biết đời sống của họ tuy không nặng nhọc bằng nhưng có lẽ cũng vất vả không thua bà mẹ quê là bao. Ngoài những giờ dạy học, còn một trăm thứ việc trút lên đầu, ấy vậy mà họ chịu khó về đây nghe tôi nói ba giờ một ngày, một tuần lễ liền. Tình người ấm áp. Thời gian tiếp cận, tuy ngắn ngủi, đã cho tôi những kỷ niệm đẹp, khó quên. Về phần tôi, tôi rất hăng say, có lẽ quá hăng say, không chỉ cắt nghĩa vật lý mà còn cố tả cả *vẻ đẹp* của nó. Vật Lý không nhất thiết chỉ là chứng minh vài công thức hay kiếm một con số với sáu số lẻ, ta có thể học Vật Lý thích thú như đọc một cuốn truyện hay nghe một bản nhạc hay. *"Tụi em đi học chủ yếu trong tình thế "không học sẽ thua thiệt" nên có phần nào hạn chế trong việc tiếp nhận tri thức mới. Mong thầy hiểu và thông cảm cho tụi em"*, một em sinh viên viết cho tôi, giọng như xin lỗi, bởi vì *"khi học xong, tụi em lại quay về với trường phổ thông, tụi em lại phải gác lại các kiến thức "cao học" này và hầu như không dùng tới nữa. Tụi em cũng thấy "tiếc" cho kiến thức mình học lắm, nhưng làm sao được hả thầy."*

Tôi thấy buồn, thông cảm, nhưng hy vọng đã không làm phí thì giờ của các em, trong khoảnh khắc nào đó các em cũng bị thuyết phục, có được một chút niềm vui tiếp nhận những "vẻ đẹp" mà tôi cố diễn tả, hoàn toàn lương thiện và không cường điệu. Chẳng riêng gì các em, cả những đồng nghiệp của tôi, bậc thày dạy các em, trong Nam ngoài Bắc, mà tôi được gặp, tôi thấy cũng khá vất vả, dạy học nhiều không hưởng thụ bao nhiêu. Họ cần được sống tương đối thoải mái hơn, có dư thì giờ để ngồi làm việc trong văn phòng riêng của họ ở đại học, vì sự có mặt của họ ở nhà trường, dù ít ai trông thấy, rất cần thiết cho không khí học hỏi và cho các sinh viên.

*

Tôi trở về Canada sau gần hai tháng ở Việt Nam. Một người bạn, vị này chống cộng kịch liệt, hỏi tôi có tự do không? Tôi trả lời tôi có đủ tự do, dư sài không hết; tất nhiên, tôi không nên ra đứng giữa vườn hoa Ba Đình nói láo về Bác Hồ hay dại dột, năm 1974, nhất định ra đứng giữa bùng binh chợ Bến Thành hô hào đả đảo ông Tổng Thống Thiệu. Ông không bằng lòng, hỏi tiếp có thấy tờ báo nào không bị nhà nước kiểm soát không? Tôi trả lời không biết có tờ báo nào như thế cả, nhưng tôi thấy báo chí cũng có vẻ thoải mái lắm.

Nói vậy mà chơi, đây không phải là câu chuyện người ta có thể dùng lý luận để thuyết phục lẫn nhau bởi vì – như thể Aristotle chưa có mặt một ngày nào trong cái cõi ta bà này – vì lợi riêng hay vì chót lỡ, định kiến người nào hình như cũng được đổ trên nền móng bê-tông vững chắc. Hàng ngày

HOÀNG HUY KHÁNH

LÁ RƠI

Chiều nay lá úa rơi nhiều
Lòng tôi cũng có ít nhiều đổi thay
Mùa là tâm sự gió mây
Tâm tình tôi mở với ngày đầu thu
Không gian mờ mịt âm u
Tôi lang thang giữa mùa thu quê người
Lá rơi từng chiếc lá rơi
Lá rơi như tuổi xa rời ngày xanh
Cái gì sao cũng mỏng manh
Cả trần gian cũng tội tình ai hay!
Tôi về chiếc lá trên tay
Mang theo về cả một ngày buồn tênh.

tôi thường nghe, thường đọc *ad nauseam* về đa nguyên, đa đảng hay tự do, dân chủ, nhân quyền, tội ác chống nhân loại. Những danh từ nghe có vẻ rất cao quý loại này thường được dùng để lừa bịp hay tính điểm trong những cuộc tranh cãi nhiều hơn là vì thiện chí xây dựng. Có nhiều lý do để ta tin rằng Trung Quốc không mấy hứng thú trước một Việt Nam thống nhất và khỏe, và đã khuyến khích Khmer Đỏ làm khó dễ Việt Nam. Và Việt Nam đã đánh đuổi bọn Pol Pot không vì mục đích nhân đạo. Nhưng có điều này không thể chối cãi – và, rất lạ, không ai muốn bàn đến – là Việt Nam đã làm giảm bớt cái họa diệt chủng, cứu sống được đến cả nửa dân số Cao Mên trong khi thế giới (tự do) bàn chuyện "triết học" về sự hung hãn của nhà nước Việt Nam! Lý luận trên không phải để bênh vực hay chỉ trích riêng ai, lại càng không có ý định bào chữa cho Việt Nam (đất nước tôi phải hay trái – *my country right or wrong*) mà chỉ để vạch ra một thực tế về sự đạo đức giả và thiếu công bằng ở mọi phía. Cho nên, vấn đề căn bản vẫn là con người và xã hội...

Việt Nam ngày nay khác xa Việt Nam cách đây ngay cả mười năm. Người lái taxi, Bắc và Nam, giống như người lái taxi nhiều nơi trên thế giới, luôn luôn than phiền về nhà cầm quyền, tham nhũng, hối lộ, chuyện này, chuyện khác. Nhưng khi hỏi về chuyện phản đối của mấy cha cố, của tôn giáo này nọ thì họ giãy nẩy như đỉa phải vôi, nói mấy ông này thuộc loại khuấy động, dù sao ngày nay đất nước thanh bình, dễ thở, làm ăn tuy vất vả nhưng cũng kiếm được miếng ăn. Ở Sài Gòn, một chú taxi còn nói thêm tay nào ho hoe lộn xộn thì chỉ nội trong vòng 24 giờ sẽ bị công an bắt, "mà không phải vì ta nay có nhiều công an hơn đâu, chú ơi, mà vì người dân thường họ sẽ đi báo!" Tôi nghe nói Việt Nam vẫn còn nhiều công an lắm, có khi chú taxi này là công an chìm, tôi không thể biết.

Tất nhiên ở một nơi dù đến cả tháng, ta cũng chỉ có thể biết sơ sơ bề mặt, và bề mặt ở đây là những thành phố như Vinh. Đà Nẵng phát triển với một tốc độ kinh hoàng; Hà Nội, Sài Gòn, nhất là Sài Gòn, năng động đến phát khiếp. Phát khiếp như thế nào? Bạn hãy về đây, đang sang đường ở một phố lớn và bị đèn đỏ thì bạn sẽ hiểu. Một đàn ong bò về nhào tới vây quanh bạn. Đứng yên, đừng sợ! Đó là một đàn xe gắn máy đủ mọi hình dạng, nhưng chúng tương đối hiền lành, như dơi về đêm, trang bị với *radar* cấp cao, tránh bạn như không, ở giây phút cuối cùng. Tôi nghe nói có nhiều tai nạn xe gắn máy nhưng chưa trông thấy tận mắt lần nào. Ở góc phố ta thường thấy biển quảng cáo kem bôi mặt, một phụ nữ trung niên, mặt hoa da phấn, dáng vẻ khỏe mạnh hớn hở của cô gái dậy thì, bên cạnh dòng chữ "sức sống sinh động của tuổi *băm lăm plus*" (chữ nghiêng do tôi thêm, viết cả chữ cho phải phép, biển quảng cáo viết 35+). Hay ở mỗi trạm chờ xe buýt, Mỹ Tâm, hiện thân của tự tin, miệng há to, cười, đẹp, SunSilk.

Điều dễ chịu nhất có lẽ là không khí cởi mở mà tôi có thể cảm thấy được trong những tiếp xúc hàng ngày, với bạn bè, với đồng nghiệp; nói chuyện thoải mái ít gìn giữ, con người thay đổi hay xã hội thay đổi? Có lẽ cả hai. Một người bạn mới, mới gặp nhau vài phút mà đã tưởng như bạn lâu năm, chúng tôi đọ tuổi (tôi được.) Ông là một học giả uyên bác, không giấu giếm việc ông không hồ hởi với lý thuyết cộng sản. Mải chiêm ngưỡng tủ sách đẹp dài của ông dọc cả bức tường, tôi lơ đãng bị cuốn vào một cuộc tranh luận và được nghe ông chỉ mặt, nói "anh lý luận như Việt Cộng". Tôi suýt phì cười, không biết "Việt Cộng" lý luận như thế nào, hình như ông bạn không biết "Việt Cộng", trong một vài môi trường, là hai chữ tương đương với "Mỹ-Ngụy" miền Bắc ta hay dùng. Tôi cười, nói cảm ơn, "cách đây hơn ba mươi năm, đã có người nói lại với tôi mấy chú sinh viên Việt gọi tôi là 'Việt Cộng,' ít lâu sau đó một người khác còn thêm rõ ràng tôi có cả ảnh Cụ Hồ treo trong phòng làm việc! Nhìn lại, tôi không thấy mình 'Việt Cộng' nhiều hơn hay bớt đi chút nào." Tôi quên mất, không kể cho ông hay mấy người "chính nghĩa quốc gia" đầy mình ở Bắc Mỹ này cũng gọi ông là "Việt Cộng"; nghe thấy, không rõ ông sẽ cười hay khóc?

Tôi có một người bạn khác, với những chức vụ quan trọng mà ông đã từng giữ, ông không thể không thuộc đảng cộng sản. Và vì vậy, tôi ngạc nhiên, nghe ông nói chủ nghĩa cộng sản, qua những chuyện như đấu tố, cải cách ruộng đất, đã *tha hóa* con người và sự việc này đã trở thành cố định. Đó là một thay đổi quan trọng. Tôi nghĩ ông quá bi quan; đó chỉ là một hiện tượng nhất thời, vì khả năng phục hồi của con người rất lớn, những chuyện tham nhũng, vun xới cho con em mình mà ta thường nghe là một thí dụ chứng tỏ con người ta không tha hóa chút nào. Những đặc tính chủng loại của các sinh vật, cả xấu lẫn tốt, thường có lý do, cần cả trăm nghìn năm để hun đúc, không dễ một sớm một chiều thay đổi được. Đó cũng là lý do khiến *kiobutz* ở Israel khó thành công trong điều kiện sinh hoạt bình thường. Tôi đã từng sống

và làm việc, hái nho hái táo, trong một *kibbutz* cả tháng. *Kibbutz* là cộng đồng gồm chừng vài trăm thành viên, chung sống làm ăn, làm việc theo khả năng, tiếp thụ theo nhu cầu. Đây là một mô hình cộng sản nguyên thủy thuần túy, dân chủ và bình đẳng, không ai ức hiếp, bắt nạt ai, và nếu có một thiên đường cộng sản hay vô sản thì đây chính là thiên đường đó. *Kibbutz* tương đối thành công vì hai lý do rất quan trọng: nó không lớn quá và thành viên luôn luôn có động cơ thúc đẩy, tinh thần cao (sự sống còn của Israel bị đe dọa nặng từ bên ngoài). Ít biến động (không còn kích thích), *kibbutz* mất thành viên vì đời sống kỷ luật, trách nhiệm, khá mệt. Hàng quán, đường phố ở đại lộ Dizengoff, Tel Aviv nhộn nhịp, vui hơn, nhất là đối với đám trẻ mới lớn, thế hệ sau! Ngoài chuyện kể trên, trực diện nói chuyện, quả thực, tôi chỉ nhìn thấy ông là một nhà văn hóa, biết rộng, sống nhiều. Có một điểm mà tôi chung với ông, ấy là đã đọc cùng một số sách về chiến tranh chống Pháp; hơn thế nữa, ông là một cựu chiến binh trong trận đánh tiêu diệt Nhóm Lưu Động 100 của Pháp ở miền Trung. Tôi đã đọc vài cuốn sách mô tả trận chiến ác liệt này, và cũng đã gặp và nói chuyện với một cựu chiến binh ở phía bên này chiến tuyến, nghe kể lại những diễn biến kinh hoàng của trận đánh, nên thích thú nghe ông kể thêm một vài thiếu sót của tình báo quân đội Pháp. Sau hơn nửa thế kỷ, mọi chuyện nhạt nhòa lịch sử.

Đó là một vài bạn mới tôi rất trân quý, đã giúp tôi hiểu thêm về con người và đất nước. Thoải mái, cởi mở. Rất đẹp và bất ngờ khi ngồi nói chuyện, xem các ông đối đãi nhau vô cùng thân mật và tương kính. Cảnh tượng này khiến tôi đột nhiên nghĩ đến một thời gian, không gian khác, những tháng sôi động trước chiến tranh chống Pháp, khi ấy tôi mới lớn sống ở thị xã Hải Dương. Tôi thực sự không được nhìn tận mắt, nghe tận tai, nhưng bằng cách nào đó thỉnh thoảng tôi vẫn biết có những chuyện thanh toán lẫn nhau trong thị xã. Vì chính kiến hay vì cần thiết; có lẽ cả hai, lính Tây cùng xe tăng, thiết giáp đang lởn vởn ngoài kia. Trong khung cảnh đó, sự tương kính giữa các ông có lẽ vẫn còn, nhưng sự thân mật chắc chỉ có thể ở trong một thế giới khác. Chính những sự tương kính, thân mật giữa người với người này là một trong những lý do khiến tôi lạc quan, tin tưởng ở tương lai. Lại thêm một chuyện cũ nữa nhạt nhòa lịch sử.

Tôi không quên những nghịch cảnh, trái tai, trái mắt, mà tôi thường đọc hàng ngày trên báo chí, trong hay ngoài nước. Nếu tôi nhìn Việt Nam như qua cặp kính màu hồng, ấy là bởi vì, nhìn chung, đời sống, quả thực, có sáng sủa, màu hồng so với những gì tôi biết về Việt Nam trước đây; chuyện này truyền thông ngoại quốc cũng thường đề cập đến, ngay mới đây một tạp chí kinh tế có uy tín xuất bản ở Luân Đôn, The Economist, dẫn chứng về sự phát triển nhanh chóng và nói kinh tế Việt Nam tăng trưởng có nhân bản. Việt Nam với Pháp thì như bồ nhí với nhau đã từ lâu, còn với Mỹ thì gần đây như thể bạn cố tri, thân thiết nhất đời. Đó là những cư xử bình thường, dựa trên lý trí, trong liên hệ giữa các quốc gia. Một vài người Việt đôi khi vì mới được thết cơm đãi rượu – *wine and dine* – bởi vài nhóm người Mỹ, gáy đỏ hơn cổ gà chọi, đã vội hớn hở nghĩ ta đã chuyển *từ thù đến bạn,* không biết hay quên mất rằng, cách đây chưa lâu lắm, người Mỹ đã từng tính toán ném bom nguyên tử ở Việt Nam. Dẫu sao, bạn là bạn, ta cần gìn giữ, dù chữ "bạn" viết trong ngoặc kép, liên hệ bình thường tốt giữa các quốc gia.

Hiện nay, Việt Nam đang có một cơ hội lớn, người ngoại quốc tin tưởng ở nước mình, mang tiền vào đầu tư, giúp kinh tế phồn thịnh. Sự việc tế nhị, nếu ta lợi dụng được thì đôi bên cùng có lợi. Một ông bạn tôi, một người rất tin tưởng ở dân tộc mình, nhưng ông cũng rất lo, nói "chậm trễ quá, mất thời cơ, đến một cái ngưỡng nào đó thì sẽ tuột luôn." Hy vọng sẽ không là như vậy, vì con cháu ta sẽ phải kéo cày trả nợ, hụt hơi. Lịch sử, đất nước, con người và nhiều thứ khác là những thực thể mà ta bắt buộc phải chấp nhận toàn bộ, sung sướng tiếp thụ phần đẹp đẽ, huy hoàng tuy biết đâu đó vẫn còn lùi xùi đầy những hột cơm, trứng cá hay xấu hơn nữa. Về đất nước, một ông bạn khác nhận xét tôi về nhà "cưỡi ngựa xem hoa," tất nhiên ông không sai. Tôi có thể nói rất lương thiện, suy nghĩ của ông và tôi không khác nhau về cơ bản, nhưng do hoàn cảnh, khác nhau trong cách nhìn. Cùng một cốc nước, sống ở trong nước, ông hàng ngày đụng độ nhiều chi tiết, có xu hướng nói, "cốc nước vơi mất một nửa"; còn tôi, sống ở ngoài nước, dễ dàng phơi phới hơn, nói, "cốc nước còn đầy một nửa." Lần sau về nhà, tôi hy vọng được xem thêm nhiều hoa còn đẹp đẽ hơn, một hy vọng cho dân tộc và quê hương. Tôi hứa sẽ mời bạn tôi ra phố Cầu Gỗ ngồi ăn bún chả Hà Nội, xùm xụp húp nước mắm để giải bớt nỗi ưu phiền, nếu có. *Salut, Vietnam.*

*

Thêm: Sau khi viết xong bài này, tôi được đọc

cuốn *Đã hơn 30 năm rồi!* của ông Huỳnh Văn Lang. Ông là một bậc niên trưởng, trước năm 1975, đã từng giữ những chức vụ quan trọng tại Sài Gòn và có nhiều hoạt động văn hóa khác. Sau khi về thăm Việt Nam ba lần, lần đầu gần sáu tháng vào năm 1995, hai lần sau vào năm 2001 và 2006, mỗi lần ba tháng, ông viết và tự xuất bản cuốn sách *Đã hơn 30 năm rồi!* hay *V.N. Du Ký 2006*.

Cách đây ít lâu, tôi được xem cuốn phim *Sương Mù Chiến Tranh* – The Fog of War – người đóng vai chính trong phim bán tài liệu này là Cựu Tổng Trưởng Quốc Phòng Mỹ Robert McNamara. Những gì ông tiết lộ ở trong phim vào thời điểm này, giữa năm 2006, không còn làm ai ngạc nhiên nữa, duy có một câu ông nói làm tôi suy nghĩ rất nhiều. Ông nói, "Lý lẽ có giới hạn của nó" – *Rationality has its limit*. Có lẽ đây là một trong những nguyên nhân của mọi xung đột trên thế giới này, xưa và nay. Thực, giả, trắng, đen, hợp lý, vô lý, đến một lúc nào đó lẫn lộn, người ta hành động, không cần biết và không cần phân biệt nữa.

Ông Huỳnh Văn Lang về Việt Nam nhiều lần và khá lâu, ông cũng tiếp xúc với nhiều người, tất nhiên sách của ông có rất nhiều chi tiết. Ngoài ra, tôi nhận thấy ông và tôi hầu như đọc hay trích dẫn cùng một số tác giả, nhân vật như Nguyễn Ngọc Tư, Trần Chiến, Dương Thu Hương, TS Lê Đăng Doanh. Về sự việc cùng nhiều phê bình – phê bình một số sự việc mà tôi chỉ nói qua hay muốn mà chưa kịp nói – tôi có thể nói hoàn toàn không có gì mâu thuẫn với ông. Tuy vậy, đọc bài viết ở phần trên và sách của ông, ta không khỏi có cảm tưởng hoàn toàn trái ngược, do ở cách nhìn hay điều mình muốn nhấn mạnh; ở ông đó là do quan điểm của một người "quốc gia" công giáo, còn tôi, của một người "quốc gia" thuần túy; hai chữ "quốc gia" ở đây cần được đóng giữa ngoặc kép là vì nó sẽ đưa đến ngộ nhận nếu không được giải thích thêm.

Qua một số trang sách, ta được biết ông là một người ngoan đạo, chạy "giặc Cộng Sản" và, có lẽ vì là người miền Nam, có nhiều cảm tình với Chúa Nguyễn, ông viết vài lần ở đâu đó "giặc Tây Sơn." Nhưng ông là một người quốc gia, yêu nước nhiệt tình, năm 1954 đã từng biểu tình trước Tòa Bạch Ốc phản đối việc chia đôi đất nước, và đâu đó ông viết, "Đánh đuổi được Thực Dân Pháp thật là một vinh quang tuyệt vời, hoàn toàn là công khó của văn hóa dân tộc V.N., là ái quốc tuyệt đối..."; về điểm này tôi rất tâm đắc với ông. Nhưng tôi khác ông ở điểm, có lẽ do thói quen, tôi suy diễn theo phương pháp toán học, chấp nhận một số nhỏ nguyên lý hay định đề rồi từ đó suy diễn. Nếu suy diễn đúng, kết luận bao giờ cũng đúng, ít nhất đúng trong cái giới hạn của nguyên lý hay định đề lúc bắt đầu.

Suy diễn về câu chuyện đất nước, "quốc gia", định đề của tôi, phát biểu hơi thô tục, như sau: "Người ngoại quốc đến nước mình luôn luôn có một mục đích, không nhất thiết xấu cho mình, nhưng mục đích thứ nhất của họ không phải là vì sức khỏe của dân mình." Để cho bớt phức tạp, "sức khỏe" ở đây không bao gồm sức khỏe tâm linh, dù ngay trong phạm vi này định đề trên không nhất thiết sai; để tâm linh ra ngoài, ta không phải động chạm đến mấy người truyền giáo. Định đề trên bắt nguồn từ những ngày còn nhỏ, tháng Ba năm Đói, truyện ngắn *Cỗi Rễ Bậc Hai* (của tác giả, Thế Kỷ 21, Xuân Ất Dậu, số **189&190**, Jan & Feb, 2005) kể mấy đứa nhỏ đi học, bước qua xác người chết đói, phát biểu như phun nọc độc, "Đói quá, mất cả nhân phẩm lẫn mạng sống; phải đánh đuổi cho kỳ hết tất cả những bọn ngoại lai thối tha này, cao hay lùn, mặt nhợt hay mặt vàng..." Đó là một việc làm không thể thỏa hiệp. "Những chuyện khác, tính sau!"

Đã hơn 30 năm rồi! có trích dẫn bà Dương Thu Hương giống như tôi. Ông cũng viết, "Mỹ chỉ giúp miền Nam xây dựng dân chủ, chủ trương hòa giải..." Tôi xin phép không đồng ý. Với những suy diễn từ định đề ở trên, trợ giúp bởi sách vở, *The March of Folly*, những điều ông McNamara tiết lộ, những tài liệu của Mỹ được giải mật những năm gần đây, ta thấy Mỹ hành động theo nhu cầu của nước Mỹ qua nhu cầu những người lãnh đạo của họ. Tôi rất kính trọng xúc động chân thành của bà Dương Thu Hương khi bà ngồi khóc ở Sài Gòn; tuy nhiên, tôi hơi ngạc nhiên nghe bà nói bị lừa, nếu quả đúng như vậy thì hình thức thô bạo "Nam quốc sơn hà Nam đế cư..." của thời đại mới này đã đạt đến một độ cao mới về tinh tế. Những đồng chí cũ của bà hành động như đã hành động vì họ nhìn đó là nhu cầu của Việt Nam, một phản xạ tự nhiên của dân tộc, *"giặc đến nhà đàn bà phải đánh"* (một người bạn Mỹ của tôi phàn nàn, "bọn tao có thể là nhiều thứ nhưng bọn tao không là giặc" – *we can be many things but we are not bandits!*) Chính phủ Mỹ của Tổng Thống Bush (khít như chiếc găng ôm lấy bàn tay với quan niệm *military-industrial complex* cảnh cáo bởi Tổng Thống Eisenhower cách đây hơn 50 năm) không thấm thiết yêu người cộng sản Việt Nam hơn những chính phủ tiền nhiệm, nhưng hiện nay rất thân thiện với Việt Nam vì đó là nhu cầu của Mỹ trong

giai đoạn hiện tại.

Tôi không có ý định nói chuyện chính trị, nhưng vì cần thiết phải duyệt lại một đoạn sử cận đại, chính vì cố gắng muốn tránh né chính trị mà nó hóa thành chính trị. Tôi chỉ muốn kể lại, với tư cách một người sinh đẻ và lớn lên tại Việt Nam trong những giờ phút khó khăn, những gì trông thấy cùng những xúc động của mình, so sánh Việt Nam ngày nay với Việt Nam ngày xưa mà tôi biết cách đây hơn 30 năm, hơn 50 năm. Đất nước không thuộc quyền sở hữu của riêng ai, và luôn luôn ở dưới một chế độ chính trị nào đó: quân chủ, bù nhìn, cộng hòa, cộng sản. Tôi không muốn trộn thêm vào đó một chế độ chính trị, cho dù có đẹp đẽ như thời vua Lê Thánh Tông hay những thứ vua quỷ, vua lợn như Lê Uy Mục, Lê Tương Dực...

Ông Huỳnh Văn Lang là một "người lớn", tư cách lớn. Về thăm nhà, ông mất nhiều công đi thăm mộ hai anh em Tổng Thống Diệm mặc dù hai anh em ông Diệm không tốt mấy với ông (Tổng Thống Diệm cất chức Giám Đốc Viện Hối Đoái của ông Lang cuối năm 1962.) Những điều mắt thấy tai nghe, ông tả rất trung thực, không thêm bớt trước khi thêm vào đó vài lời bình tiêu cực. Những chuyện tham nhũng ta đã nghe thấy nhiều, không có gì để thêm. Tôi hoàn toàn đồng ý về việc ông phê bình sự thương mại hóa những di tích, chùa chiền cùng sự nguy hiểm cho đất nước của tệ nạn buôn lậu; đó là những điều tôi chưa kịp viết. Trước khi vào "Phần thứ ba: Tiếng dân", ông cảnh cáo độc giả ông không thể tránh khỏi chủ quan và, "vì thế để khỏi bất công, người đọc nên cẩn thận..." Ta khó mà có thể lương thiện hơn thế!

*

Chuyến về quê nhà cùng việc thăm viếng mấy trường đại học này hoàn toàn là cố gắng riêng, với sự giúp đỡ của các bạn bè. Tôi muốn cảm ơn GS Nguyễn Quỳnh, Dr. Hoàng Thi Thơ cùng Ông/Bà GS Trần Trọng Giễn đã giới thiệu, mở giùm vài cánh cửa. Các GS TSKH Nguyễn Văn Hùng và Phạm Thúc Tuyền của Trường Đại Học Quốc Gia Hà Nội đã giúp cho những ngày thăm viếng cố đô của tôi thêm ý nghĩa. Sau cùng, nhờ các giáo sư Nguyễn Xuân Tranh và Dương Hiếu Đấu của Trường Đại Học Cần Thơ mà tôi đã có những kỷ niệm không bao giờ quên được ở thủ đô miền Tây, đồng bằng sông Cửu Long.

Phụ chú – Chiến Tranh Mỹ-Tây Ban Nha và Phi Luật Tân: Nước Mỹ có một đoạn lịch sử đặc sắc, đầy mầu sắc, đó là trận chiến giữa Mỹ và Tây Ban Nha. Câu chuyện bắt đầu vào cuối thế kỷ thứ 19, đế quốc Tây Ban Nha tàn tạ, đánh nhau để cố giữ thuộc địa ở Phi Luật Tân và Cuba. Lính Tây Ban Nha dùng nhiều thủ đoạn tàn bạo, dồn dân quê vào một hệ thống xóm làng đặc biệt mà họ gọi là "trại tập trung" để cô lập phiến quân bản xứ. Dư luận Mỹ đặc biệt bất bình về sự dã man của lính Tây Ban Nha ở Cuba; để xoa dịu quần chúng, Tổng Thống William McKinley gửi chiến hạm Maine đến vịnh Havana. Vừa đến vịnh, chiến hạm Maine bị nổ đắm tức thì, gần như chắc chắn vì tai nạn nhưng báo chí và công luận cho đó là bị tấn công. *Hãy Nhớ Chiến Hạm Maine – Remember the Maine* – với khẩu hiệu này, nước Mỹ huy động quần chúng và tuyên chiến.

Lực lượng Mỹ đánh quân Tây Ban Nha thảm bại ở Cuba và Puerto Rico. Ở Phi Luật Tân, quân Tây Ban Nha bị phiến quân đánh cho khốn đốn trong khi hải quân Tây Ban Nha bị đè bẹp trong vịnh Manila bởi hạm đội Mỹ của George Dewey.

Tin tưởng rằng đã được tự do, phiến quân Phi Luật Tân liền tuyên bố độc lập theo mô hình Mỹ. Nhưng Dewey từ chối không dự lễ; thay vào đó, ông ta thu xếp cho quân trú phòng Tây Ban Nha ở Manila đầu hàng lực lượng Mỹ, từ chối không cho phiến quân vai trò nào trong lễ đầu hàng và cấm cả họ không được vào Manila nữa.

Một quốc gia sinh ra từ nổi loạn, chống đế quốc, người Mỹ có truyền thống không chấp nhận ý nghĩ có thuộc địa ở hải ngoại. Nhưng từ cuối thập niên 1880, một nhóm trí thức nhỏ có nhiều ảnh hưởng, trong đó có tổng thống tương lai Theodore Roosevelt bắt đầu lý luận, muốn bành trướng đế quốc thế lực Mỹ, một phần vì quyền lợi kinh tế, một phần vì lý tưởng muốn truyền bá giáo lý Ky-Tô.

Chiến thắng Tây Ban Nha bắt buộc Mỹ phải quyết định nhận hay bỏ chủ nghĩa đế quốc. Cuba được độc lập vì trước cuộc chiến, quốc hội Mỹ đã phê chuẩn việc đó (mặc dù có nhiều người đòi sáp nhập), còn đối với Phi Luật Tân thì không có đường hướng nào. William McKinley khắc khoải trong chọn lựa. Ông nói với các người lãnh đạo nhà thờ trong một buổi họp, "Tôi không biết phải làm gì, nhiều đêm tôi quỳ gối, cầu nguyện Thượng Đế soi sáng, hướng dẫn tôi. Và một đêm tôi có ánh sáng đó. Việc độc nhất còn lại cho chúng ta phải làm là chấp nhận tất cả, giáo dục dân Phi Luật Tân, nâng cao, khai hóa và truyền bá giáo lý Ky-Tô cho họ..."

Tây Ban Nha đô hộ Phi Luật Tân đã mấy trăm năm, đa số dân Phi, quá 80%, theo đạo Thiên Chúa

khi McKinley muốn truyền bá giáo lý Ky-Tô cho họ. Nếu người Mỹ tin rằng dân Phi sẽ đón tiếp nồng nhiệt đoàn quân giải phóng, ấy là vì họ chỉ gặp và nghe loại người Phi giầu có, chủ đất đai muốn sáp nhập vào Mỹ. Sự thật là đa số dân Phi không muốn và đã quay súng bắn. Họ thua nhưng không hàng và bắt đầu chiến tranh du kích.

Lực lượng Mỹ có chừng 25 000 quân, đối đầu với chừng 80 000 quân du kích Phi. Trong cái nỗ lực mà quá nửa thế kỷ sau gọi là *"hearts and minds"*, người Mỹ cho xây dựng trường học, đường xá, cải thiện hệ thống vệ sinh. Họ trích ngừa cho trẻ con, thiết lập tòa án Phi và giám sát bầu cử địa phương. Cả nghìn người Mỹ trẻ tình nguyện dạy ở các trường học. Tất cả đều vô ích. Người Mỹ thất bại và trở nên càng ngày càng hung bạo. Một nhân viên Hồng Thập Tự Mỹ báo cáo về "những xác chết Phi bị cắt xẻo rùng rợn, bụng bị phanh toang, đôi khi mất đầu."

Tháng Giêng 1902, một thiếu tá Mỹ bị đưa ra tòa về tội cho giết 11 tù nhân mà ông ta nghi là phiến quân. Ông này khai là một ông tướng đã ra lệnh cho ông giết chết mọi nghi phạm bắt được, "Tôi không muốn có tù nhân," ông tướng nói, "tôi muốn ông giết hết, đốt hết." Ông thiếu tá còn khai thêm đã giết tất cả những tù nhân từ mười tuổi trở lên. Tòa án binh xử ông thiếu tá trắng án, còn ông tướng bị cho về hưu.

Vụ án làm náo động dư luận Mỹ. Điều trần tại Thượng nghị viện Mỹ cho biết lính Mỹ đốt cả làng, giết thường dân và tra tấn tù nhân. Để làm ngắn câu chuyện, bộ chỉ huy Mỹ dùng lại chiến thuật Tây Ban Nha, "trại tập trung", với tên mới, "vùng bảo vệ" – *zones of protection.* Chừng 300 000 dân Phi bị quây vào những trại này, trai tráng khỏe mạnh nào bị bắt gặp bên ngoài đều bị bắt hay bắn.

Phương pháp này hiệu nghiệm. Dần dà, phiến quân không người chỉ huy tan rã, tuy những cuộc nổi loạn lẻ tẻ tiếp tục đến năm 1912. Trong cuộc dẹp loạn này, người Mỹ bị chết 4 234 và bị thương 2 818 người. Để so sánh, trong trận chiến Mỹ-Tây Ban Nha, 379 lính Mỹ bị chết. Ít nhất 11 000 người Phi chết trong trại tập trung, phần lớn vì bệnh tật và thiếu ăn. Chừng 20 000 phiến quân Phi bị giết vì đánh nhau, và ít nhất 200 000 thường dân bị chết vì đói, bệnh tật hay vì bị hành hạ.

Cuối cùng, năm 1946, Phi Luật Tân được Mỹ cho độc lập sau khi Nhật thua trận; trong thực tế, quyền hành ở Phi Luật Tân bị nắm gọn trong tay vài gia đình giầu có, đồng minh của các công ty Mỹ. Năm 1986, sau khi chế độ độc tài của Ferdinand Marcos sụp đổ, Phi Luật Tân lần đầu tiên có một chính phủ thực sự "tự do và dân chủ" – 88 năm sau cái mà người Mỹ gọi là "trận chiến huy hoàng bé nhỏ" – *the splendid little war.*

Vài tháng sau khi xâm chiếm Iraq, Tổng Thống Mỹ George W. Bush đi thăm Phi Luật Tân, ông tuyên bố trước quốc hội Phi: *"Together our soldiers liberated the Philippines from colonial rule."* Các ông nghị Phi chắc phải sửng sốt. Trong thực tế, phiến quân Phi chiếm độc quyền việc chết chóc và Phi cũng không được độc lập; trong chiến thắng, Dewey mất chín thủy thủ bị thương và một người chết vì say nóng (heatstroke).

Hà Nội 03/2006
Gatineau 07/2006

Bonjour Vietnam
Marc Lavoine
(Xin xem bản dịch của bài hát này ở phần đầu của bài Salut, Viet Nam, Thế Kỷ 21 số 211*)*

Raconte-moi ce nom étrange et difficile à prononcer
Que je porte depuis que je suis née.
Raconte-moi le vieil empire et le trait de mes yeux bridés,
Qui disent mieux que moi ce que tu n'oses dire.
Je ne sais de toi que des images de la guerre,
Un film de Coppola, [et] des hélicoptères en colère...
Un jour, j'irai là-bas, un jour dire bonjour à ton âme.
Un jour, j'irai là-bas [pour] te dire bonjour, Vietnam.
Raconte-moi ma couleur, mes cheveux et mes petits pieds,
Qui me portent depuis que je suis née.
Raconte-moi ta maison, ta rue. Raconte-moi cet inconnu,
Les marchés flottants et les sampans de bois.
Je ne connais de mon pays que des photos de la guerre,
Un film de Coppola, [et] des hélicoptères en colère...
Un jour, j'irai là-bas, un jour dire bonjour à mon âme.
Un jour, j'irai là-bas [pour] te dire bonjour, Vietnam.
Les temples et les Boudhas de pierre pour mes pères,
Les femmes courbées dans les rizières pour mes mères,
Dans la prière, dans la lumière, revoir mes frères,
Toucher mon âme, mes racines, ma terre...
Un jour, j'irai là-bas, un jour dire bonjour à mon âme.
Un jour, j'irai là-bas [pour] - te dire bonjour, Vietnam.
Te dire bonjour, Vietnam.

Trúc Lâm Thiền Viện.com

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Mắt biết thấy là Chân Tâm
Tai biết nghe là Chân Tâm
Thân biết xúc chạm là Chân Tâm

Chân Tâm là ông chủ thường biết rõ ràng trùm khắp sáu căn mà không có tướng mạo. Không có sinh diệt.
Là phát minh mới của Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt. Để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử tu theo Thiền Tông Việt Nam hiện nay.
Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang

Xin vui lòng liên lạc Mãn Tâm An: (714)891-6742
9455 Bolsa Ave. # E, Westminster, CA 92683. USA
hay www. Thientongvietnam.vinamall.com - truclamthienvien.com
Băng mới phát hành của Thiền Sư Thanh Từ: Khám phá được ông chủ - Thầy Nhật Quang: Chữ Tu

DIRECTV.
SATELLITE TELEVISION
Việt Satellite
15567 Brookhurst St, Westminster, CA 92683 Tel: (714) 775-5400 1-800-581-6910 www.VietSatellite.com
Merry Christmas
Happy New Year
Quý khách sẽ được thưởng thức chương trình
Truyền Hình 24/24 gồm có hàng ngàn phim bộ đủ loại
chuyển âm sang Tiếng Việt chỉ có trong hệ thống DIRECTV.
HD Receiver/DVR Rebate $100.00
"Mail-in Rebate"
CALL TODAY & GET
UP TO $100 TO $150
CASH BACK
KHÁCH HÀNG TỪ CABLE CHUYỂN QUA DIRECTV
SẼ ĐƯỢC GIẢM GIÁ TRONG HÓA ĐƠN MỖI THÁNG $10
TỪ 10 ĐẾN 15 THÁNG (TÙY THEO ZIPCODE)
Dịch Vụ VietnameseDirect® III Service
SBTN
3 băng tần chỉ $24.99 mỗi tháng
VietnameseDirect®
SBTN
$14.99 mỗi tháng
Miễn phí lắp ráp Satellite cho 4-phòng với hệ thống DIRECTV®!
VIỆT SATELLITE
An Authorized DIRECTV Dealer 1-800-581-6910
DIRECTV.
PREFERRED DEALER
Mở cửa 7 ngày trong tuần; Chúng tôi có nhân viên lắp ráp trên toàn quốc Hoa Kỳ